

"Vương Quốc Không Hê Rúng Động"

THƠ HÊ BỜ
CHO THỜI HIỆN ĐẠI

Bản Dịch từ
An Unshakeable Kingdom

DAVID GOODING

Thơ Hêbơơ Cho Thời Hiện Đại

DAVID GOODING

Inter – Varsity Press

INTER – VARSITY PRESS

38 De Montfort Street, Leicester LE 1 7GP, England

© The Myrtlefield Trust 1989

Vietnamese

Sept, 2014

Nội Dung

Lời Nói Đầu	5
1. Thơ Hêbơơ.....	7
2. Khẳng Định Thần Tánh Của Đấng Christ (1:1-4).....	28
3. Chứng Minh Thần Tánh Của Đấng Christ (1:5-14)	51
4. Nhân Tánh Và Những Thống Khổ Của Đấng Christ (2)	105
5. Bước Vào Sự Yên Nghỉ Của Đức Chúa Trời (3 – 4).....	137
6. Thấy Tế Lễ Thượng Phẩm Của Chúng Ta Và Giá Phải Trả Của Sự Vâng Lời (5:1-6:3).....	162
7. Tiến Tới Sự Trọn Lành (6:4-20).....	181
8. Chúc Tế Lễ Tốt Hơn (7).....	202
9. Giao Ước Trỗi Hơn (8).....	217
10. Đền Thánh Tốt Hơn (9).....	230
11. Cửa Tế Lễ Tốt Hơn (10).....	253
12. Các Giáo Lý Và Chuyển Hành Hương Của Đức Tin (11:1-16).....	275
13. Thử Nghiệm Và Chiến Trận Của Đức Tin (11:17-12:2)	293

LỜI NÓI ĐẦU

Tôi được khích lệ không ngừng khi thấy ngay từ đầu, ấn bản đầu tiên của sách này đã hữu ích cho ngày càng nhiều độc giả. Ngày nay, tác phẩm được dịch ra khoảng sáu ngôn ngữ, và hiện đang dịch sang nhiều ngôn ngữ khác nữa.

Thời gian dần qua, tôi tự nhiên nghĩ tiếp về sứ điệp thơ Hêbơơ trên bối cảnh những vấn đề đang phát sinh đương thời. Và vì nhiều người không tự thấy ngay tính thích ứng của thơ Hêbơơ cho cuộc sống đương đại, nên tôi sung sướng khi lần xuất bản thứ nhì có bổ sung này đem đến cho tôi cơ hội giải thích tính thích ứng đó với thế hệ độc giả mới.

Những mục tiêu cơ bản của sách vẫn y nguyên. Tôi không có ý biến sách này thành sách giải nghĩa chính quy với phần giải thích chi tiết thật khắc khe và tường tận buộc phải có của sách giải nghĩa. Như tựa đề cho thấy, sách vẫn tiếp tục là loạt bài nghiên cứu mang tính giới thiệu tổng quát.

Nhưng loạt bài nghiên cứu như thế có những thuận lợi riêng. Chúng cho phép tôi tập trung vào chủ đề rộng lớn của thơ tín, đặc biệt vào những vấn đề mà kinh nghiệm chần bầy đã cho nhiều người thấy là khó hoặc thậm chí còn đáng ngại nữa, nhưng sẽ không làm chúng càng khó hơn bởi bàn luận quá tường tận những vấn đề thứ yếu.

Đồng thời, chúng cho phép tôi vượt ra ngoài những giới hạn của chính bức thư để khám phá rộng hơn so với tỷ lệ tương xứng của sách giải nghĩa chính quy, để khám phá những lãnh vực phong phú của lịch sử, lời tiên tri, nghi lễ và thơ ca Cựu Ước mà thơ tín rút ra từ đó nhiều hiểu biết sâu sắc.

Tôi giữ lại lối văn đàm thoại thân tình trong những bài thuyết trình ban đầu của ấn bản thứ nhất. Có lẽ sẽ không được tao nhã lắm; nhưng như tôi nói, đấy là một trong những bí quyết khiến sách được chấp nhận rộng rãi. Bút pháp này

cũng phục vụ một mục tiêu chủ yếu khác nữa của sách, là giúp độc giả hiểu cách trực tiếp và cá nhân hơn so với khi đưa vào thành sách giải nghĩa chính thức, giúp dễ hiểu hơn những hàm ý thực tiễn và cá nhân sâu rộng mà thơ tín này đem đến cho mỗi chúng ta.

Tôi xin tri ân những người góp phần nhiều cách khác nhau vào nội dung hoặc xuất bản sách: Ông Stewart Hamilton, Tiến sĩ John Lennox, Tiến sĩ Roderic Matthews, Ông Michael Middleton và Tiến sĩ Arthur Williamson. Xin đặc biệt tri ân bà Barbara Hamilton về tài năng và hiệu quả đánh máy. Các thành viên trong đội biên tập của Nhà Xuất Bản Inter Varsity Press làm việc thật tỉ mỉ để biến ngôn ngữ của tôi thành Anh ngữ phù hợp cho độc giả. Mong quý độc giả biết điều này để cùng chia sẻ lòng biết ơn của tôi.

Ấn bản đầu tiên được đề tặng tri ân Jack và Ada Hartburn. Thật vui sướng vì họ vẫn ở cùng chúng tôi, và tôi thật vui được đề tặng họ một lần nữa.

David Gooding

Một

THƠ HÊBƠƠ

Bức thư gửi cho người Hêbơơ chói sáng ánh vinh quang của Đức Chúa Jesus Christ chúng ta, vinh quang của thần thánh Ngài, nhân tánh Ngài, tư cách thầy tế lễ và sinh tế của Ngài, cuộc đời đức tin đặc thắng khải hoàn của Ngài, sự sống lại và thăng thiên của Ngài, tính chắc chắn của ngày Ngài tái lâm. Đồng thời, sách có những lời cảnh cáo u buồn và ảm đạm, mà chúng ta thấy dài hơn và nghiêm trọng hơn hết so với mọi bức thư của Tân Ước. Vì những lời cảnh cáo này, nhiều Cơ đốc nhân thấy thơ Hêbơơ khó hiểu – thậm chí có người còn thấy hoảng sợ.

Vậy, chúng ta sẽ tiến hành ra sao? Trong bài nghiên cứu đầu tiên của loạt này, chúng ta khảo sát tổng quát bức thư để khám phá thơ được viết cho ai, vì nguyên nhân nào, và trong những hoàn cảnh nào. Khi hiểu thơ Hêbơơ liên quan thế nào đến hoàn cảnh và đời sống những người đầu tiên nhận thơ này, chúng ta mới đánh giá và thưởng thức đầy đủ hơn, chính xác hơn ảnh hưởng của bức thư trên hoàn cảnh của chính mình.

Độc Giả

Tựa đề chúng ta thấy trong các thủ bản: *‘Gửi cho người Hêbơơ,’* hiển nhiên là tựa đề thích hợp. Thơ này chứa đựng nhiều vấn đề hấp dẫn người Hêbơơ hơn dân ngoại bang như chúng ta. Thơ trung dẫn rất nhiều đến chức thầy tế lễ của Do Thái giáo, đến đền tạm, đến những buổi lễ và những sinh tế trong đền tạm. Thơ này thường nói đến lịch sử của Ysơraên, đến những giá trị quý báu của Cựu Ước. Hiển nhiên, thơ Hêbơơ không viết cho những người ngày trước vốn theo ngoại giáo rồi mới tin Đấng Christ; đúng hơn, thơ này viết cho người Do Thái được trưởng dưỡng trong đức tin Do Thái rồi sau đó xưng mình có

thêm đức tin nơi Chúa Jesus là Đấng Mêsia của người Do Thái.

Họ sống ở đâu? Nhiều người nghĩ đến Giêrusalem. Có người nghĩ Sêsarê hoặc Rôma. Hoặc Antiôt. Chúng ta không biết chắc chắn. Điều hiển nhiên hơn nhiều là họ vẫn hết sức quý trọng đền thờ tại Giêrusalem, chức thầy tế lễ trong đền thờ, các sinh tế và các nghi lễ của đền thờ. Hẳn sẽ hợp lẽ tự nhiên hơn nếu họ sống tại Giêrusalem, luôn luôn đến thăm đền thờ và dự phần thờ phượng trong đền thờ. Nhưng cũng có đủ bằng chứng từ thế giới ngày xưa để thấy ngay cả những người Do Thái sống tại các thành phố và các khu dân cư ở phương xa chưa từng đến thăm đền thờ, hoặc hiếm hoi suốt cả đời mới có được chuyến hành hương, thì họ vẫn cảm thấy hết sức gắn bó với đền thờ và trung thành với thẩm quyền của thầy tế lễ thượng phẩm. Dường như thấy rõ độc giả thơ này có tấm lòng như thế; nếu không đâu có ích gì để nói rất nhiều về đền tạm, chức thầy tế lễ và sinh tế cho những người Do Thái không còn chút quan tâm gắn bó nào với những vấn đề này.

Thời Gian Viết Sách

Về thời điểm viết sách, chúng ta đôi lúc thấy những gợi ý bóng gió trong chính bức thư. Lấy ví dụ, trong 13:7, chúng ta thấy lời khuyên *“Hãy nhớ những người dắt dẫn mình, đã truyền đạo Đức Chúa Trời cho mình; hãy nghĩ xem sự cuối cùng đời họ là thế nào, và học đòi đức tin họ.”* Dường như có một khoảng thời gian dài kể từ thời điểm Tin Lành lần đầu tiên được rao giảng cho người ta trở lại tin Chúa, để cho các nhóm Cơ đốc nhân được hình thành, và để cho những Cơ đốc nhân lão thành – những người lúc đầu đã chịu trách nhiệm trong các nhóm này – qua đời. Mặt khác, ở cuối đoạn 8, chúng ta còn thấy gợi ý rõ ràng rằng bức thư được viết trước năm 70 S.C.: Trước giả nói: *“Gọi ước đó là mới, thì đã xưng ước trước là cũ; và, điều chi đã cũ đã già, thì gần tiêu mất đi.”*

Ông không nói giao ước cũ và mọi điều liên kết với giao

ước cũ đã tiêu mất đi. Ông nói đã có một giao ước mới căn cứ trên những lời hứa tốt hơn giao ước cũ. Giao ước cũ có đền thờ, chức tế lễ cùng các sinh tế. Giao ước mới có một hệ thống thờ phượng khác. Và trước giả nói rằng, chính sự kiện có giao ước mới đã chứng tỏ giao ước thứ nhất đã cũ và “già.” Rồi ông nói thêm: “*Điều chi đã cũ đã già thì gần tiêu mất đi*”; nó vẫn chưa biến mất, nhưng sẽ mau chóng biến mất.

Kết hợp các yếu tố này lại, chúng ta thấy khoảng thời gian phỏng chừng sát sao của thời điểm viết sách: vẫn chưa tới năm 70 S.C., nhưng đang tiến đến rất sát thời điểm mà bạn còn nhớ là quân đội Lamā chiếm thành Giêrusalem, làm ứng nghiệm lời Chúa Jesus hứa không còn hòn đá nào của đền thờ còn chổng trên hòn đá khác (Luca 21:6). Đây chính là thời điểm quan trọng và hết sức ngăn ngừa khi hệ thống cũ đang tiến gần đến kết thúc. Hệ thống mới đã có rồi, nhưng chỉ mới trong những ngày non trẻ. Hệ thống mới này dần dần mạnh lên; và đang tiến nhanh đến thời điểm khủng hoảng cho cả Do Thái giáo lẫn Cơ đốc giáo.

Tình Trạng Thuộc Linh Của Độc Giả

Chúng ta có thể tiếp cận gần hơn với độc giả nếu xem lại 10:32-34. Họ đã tuyên xưng đức tin nơi Chúa Jesus; và chính vì lời tuyên xưng ấy, họ bị bắt bớ tàn khốc. Đôi lúc, họ bị đưa ra lăng mạ và bắt bớ công khai; có lúc họ đứng ngay sát bên cạnh những người bị đối đãi như vậy. Họ cảm thông với những người ở tù và vui mừng chấp nhận bị tịch thu tài sản. Dầu cách xa họ đến thế trong lịch sử, chúng ta vẫn có thể khâm phục lòng can đảm và vững vàng làm chứng cho Chúa Jesus của họ.

Nhưng bức thư cũng bày tỏ những điều giờ đây không còn thuận lợi cho họ như trước nữa. Trong 10:25 tác giả cho thấy một số Cơ đốc nhân đang bỏ nhóm. Nếu bạn đến hỏi vì sao họ không đi nhóm, có lẽ một số người quay mặt đi rồi nói: “Ồ, chúng tôi vẫn có thể tin Đấng Christ tại nhà riêng mình mà.”

Nhưng bạn biết đấy, đó là triệu chứng rất đáng ngờ. Vì sao lúc bấy giờ họ lại không đi nhóm? Điều đó ám chỉ gì về đức tin của họ? Rõ ràng trước giả của thư tín này đã thấy chỉ riêng một triệu chứng này thôi cũng tỏ ra một khả năng hết sức nghiêm trọng. Bức thư của ông đầy đầy những lời khuyên họ phải giữ vững lời tuyên xưng đức tin (chẳng hạn xem 4:14) – không phải chỉ đơn thuần giữ vững niềm ham thích, không chỉ đơn thuần hình thức tin kính của họ, nhưng là giữ vững lời tuyên xưng *đức tin của họ*. Hiển nhiên, trước giả e ngại một số người đứng vững dạn dĩ từ ban đầu này giờ đây đã hoàn toàn từ bỏ lời tuyên xưng đức tin nơi Chúa Jesus là Đấng Mêsia.

Chúng ta suy ra những nỗi e sợ của trước giả được củng cố bởi ký ức về chuyện xảy ra hàng thế kỷ trước cho những tổ phụ của họ trong đồng vắng (xem 3 và 4). Người Ysoraên đã khởi đầu dạn dĩ, rời bỏ Êđípô và băng qua Biển Đỏ ca khúc khải hoàn: *“Đoạn, Môise và dân Ysoraên hát bài ca này cho Đức Giêhôva, rằng: Tôi ca tụng Đức Giêhôva, vì Ngài rất vinh hiển oai nghiêm. Ngài đã liệng xuống biển ngựa và người cỡi ngựa”* (Xuất Êđípô Ký 15:1). Nhưng tiếp sau đó, khi đến biên giới Canaan, đại đa số dân sự từ chối thẳng thừng, không chịu tiến thêm để vào đất hứa. Âm ảnh bởi ký ức này, trước giả của chúng ta cảnh cáo độc giả hết sức nghiêm trọng. Ông nói, ông sợ một số người trong nhóm họ có lẽ đang bắt đầu tỏ ra cùng một kiểu hành vi giống như tổ phụ họ (4:1).

Về sau trong đoạn 6, ông nghĩ nên khôn ngoan nói thêm lời cảnh cáo nữa tương tự như thế. Ông mô tả chi tiết những hậu quả nghiêm trọng của những người đã một lần được soi sáng lại sa ngã. Ông nói không thể nào để đem họ trở lại ăn năn được nữa. Và không ăn năn thì đương nhiên không được tha thứ, cũng không được cứu rỗi.

Sau nữa trong đoạn 10, ông nhắc độc giả nhớ rằng *“Vì nếu chúng ta đã nhận biết lẽ thật rồi, mà lại cố ý phạm tội, thì không còn có tế lễ chuộc tội nữa,”* (10:26). Hiển nhiên, trong

hành vi của những người Do Thái tin Chúa đầu tiên này có nhiều triệu chứng khiến trước giả hết sức lo ngại.

Lịch Sử Của Độc Giả

Trong phần nghiên cứu tiếp theo, chúng ta sẽ cố gắng không những hiểu điều được nói ra cho họ mà còn áp dụng điều ấy cho chính mình, tại bất cứ điểm nào hoặc bất cứ cách nào phù hợp. Do đó, chúng ta phải (và tôi muốn hết sức nhấn mạnh điều này) kiên nhẫn cố gắng tìm hiểu tình huống của họ thật sự liên quan đến những gì. Hãy suy nghĩ lần nữa. Đây là những người đã được nuôi dưỡng trong đức tin truyền thống của Do Thái giáo. Trải bao thế kỷ, trong suy nghĩ của dân tộc này, Đức Chúa Trời được gắn liền với đền thờ tráng lệ tại Giêrusalem, với việc ca hát của người Lêvi và các thầy tế lễ, với sự cử hành lễ thật tuyệt vời và những cảnh tượng ngoạn mục ưa thích của những buổi lễ cổ ấy. Có hương thơm và có âm nhạc; thầy tế lễ thượng phẩm trong bộ áo choàng đẹp đẽ ngoạn mục, các thầy tế lễ khác đang rửa tại biển đồng, những người đến thờ phượng xung ra các tội lỗi của họ, các sinh tế thánh được dâng lên và một bầu không khí đầy kính sợ.

Như vậy, những người Hêbơơ của chúng ta đã được trưởng dưỡng trong một tôn giáo được tôn kính bởi tên tuổi của mọi tổ tiên vĩ đại, những tộc trưởng, các vua và các tiên tri của họ. Môise thờ phượng trong đền tạm được cất lên đúng theo những họa đồ chính Đức Chúa Trời đã trao cho ông. Tương tự, Salômôn đã xây đền thờ lộng lẫy của ông theo những bản thiết kế Đức Chúa Trời đã ban cho Đavít cha vua (ISử Ký 28:19); và đền thờ hiện tại của dân tộc này về cơ bản là bản sao được mở rộng và tô điểm thêm của những đền thánh trước. Giống như hầu hết những người Do Thái, họ tha thiết yêu mến đền thờ. Hai trăm năm trước, tổ phụ họ tại Palestine đã bị bắt bớ tàn khốc khi hoàng đế Hylạp là Antiochus Epiphanes biến đền thờ thời bấy giờ của họ thành đền miếu ngoại giáo bằng cách đặt bức

tượng của thần ngoại bang vào đền thờ. Lệnh hoàng đế cấm thờ phượng một Đức Chúa Trời chân thật, bãi bỏ luật của Đức Chúa Trời vốn làm nền tảng cho sự thờ phượng ấy, những điều ấy đã làm lan tràn những làn sóng chấn động khủng khiếp trên khắp dân Do Thái tản lạc. Nhưng người Do Thái tại Palestine không chịu thua trước những hành động phạm thượng của Antiochus, và rất nhiều người phải trả giá bằng sinh mạng cho đức tin nơi hệ thống thờ phượng được Đức Chúa Trời thiết lập trong Cựu Ước. Cũng dễ hiểu là những từng trải như thế đã ghi khắc lòng tôn kính đền thờ vào sâu trong trái tim dân tộc này.

Nhưng sau đó Đức Chúa Jesus đến và tuyên bố Ngài là Đấng Mêsia của dân Ysraên, Ngài là Con Đức Chúa Trời. Như chúng ta biết, dân tộc này chính thức bác bỏ lời tuyên bố đó rồi đóng đinh Ngài trên thập tự. Nhưng đến ngày Lễ Ngũ Tuần, Đức Thánh Linh giáng lâm, do chính Đức Chúa Jesus Đấng được tôn cao này tuôn đổ xuống (Công vụ 2:33-35) và đó là bằng chứng hùng hồn rằng Đức Chúa Trời đã đảo ngược quyết định của dân tộc này và tôn cao Chúa Jesus vừa là Chúa vừa là Đấng Christ. Cùng với những phép lạ nổi bật, phi thường tiếp theo, được thực hiện trong danh Chúa Jesus, những bằng chứng ấy cáo trách tấm lòng hàng ngàn người Do Thái. Họ đã giết Đấng Mêsia vì cố ngu dốt (Công vụ 3:17); bấy giờ họ sung sướng vì được Ngài cho ăn năn; và cũng trong chính thành phố mà Đấng Mêsia của họ bị đóng đinh trên thập tự giá, họ được chịu báp têm trong danh Chúa Jesus, được tha tội và được nhận lãnh Đức Thánh Linh.

Một Dân Tộc Bị Chia Cắt

Một số những ông bà cao tuổi hơn trong số người nhận bức thư này có lẽ đã đứng trên các đường phố Giêrusalem – với tư cách cư dân hoặc du khách – khi những việc làm quyền năng này được thi hành. Nhưng phần lớn thế hệ đó đã qua đi; đại đa số những người trẻ tuổi hơn, và trước đó được “*những kẻ*

nghe [Chúa Jesus] chứng nghiệm” Tin Lành cho họ (2:3). Hiển nhiên, những lãnh đạo chính thức của dân tộc cùng đại đa số dân tộc này ở khắp mọi nơi – bất luận thuộc vào hệ phái nào của Do Thái giáo – vẫn trung thành với quyết định cho rằng Chúa Jesus không phải là Đấng Mêsia. Mặt khác, ngay từ ban đầu có một đoàn người Do Thái đông đáng kể và không ngừng tăng lên bao gồm rất nhiều thầy tế lễ (Công vụ 6:7) đã khẳng định Chúa Jesus là Đấng Mêsia, Ngài là Con Đức Chúa Trời, Ngài đã bị đóng đinh trên thập tự giá cách sai lầm.

Thông thường thời bấy giờ, những người Do Thái không tin Đấng Christ sẽ nhóm lại trong những nhà hội khác nhau của họ, vì dân Do Thái có rất nhiều nhà hội khác nhau với rất nhiều truyền thống và nhiều quan điểm khác nhau (xem Công vụ 6:9). Những Cơ đốc nhân người Do Thái thường nhóm lại trong nhà riêng (xem Công vụ 2:46) hoặc trong những nhà hội của chính họ (xem Giacô 2:2; bản NIV “*meeting*” (bản Việt ngữ “*nơi hội*”) = Hy văn *synagogos*). Nhưng Cơ đốc nhân cũng như người chưa tin Đấng Christ thỉnh thoảng vẫn lên đền thờ, thờ phượng Đức Chúa Trời tại đó. Bạn còn nhớ trong sách Công vụ Các Sứ đồ có những người như Phierô và Giăng trong những năm đầu của Cơ đốc giáo đã đến nhóm tại đền thờ. Và rất muộn về sau này, chúng ta nghe Phaolô trong chuyến trở về sau hành trình truyền giáo của mình đã đến thăm đền thờ. Đây là trung tâm tự nhiên cho cả người Do Thái ở Palestine lẫn người Do Thái tản lạc.

Đương nhiên, Cơ đốc nhân người Do Thái tiếp tục làm chứng cho Chúa Jesus. Họ trung dẫn Cựu Ước đã nói tiên tri Đấng Mêsia sẽ chịu khổ và sau đó sống lại từ kẻ chết. Do đó, sự chết của Chúa Jesus không hề chứng minh Ngài không phải là Đấng Mêsia, bèn là chứng minh Ngài chính là Đấng Mêsia. Họ tuyên bố Đức Chúa Trời cũng đã lập Đức Chúa Jesus làm Quan Án. Đức Chúa Trời đã ấn định một ngày để chính Đức Chúa Jesus này sẽ đoán xét thế gian bằng sự công chính (Công

vụ 2:36; 10:42; 17:31). Thật vậy, họ đã nhận thấy Ngài phải ở lại trên Thiên đàng cho đến kỳ Đức Chúa Trời khôi phục mọi sự Ngài đã hứa từ lâu qua các tiên tri thánh của Ngài (Công vụ 3:21); nhưng họ không nghĩ thời điểm ấy bắt buộc phải còn xa lắm. Ysraên chỉ cần ăn năn và Đức Chúa Trời sẽ sai đến Đấng Mêsia Ngài đã lập cho họ (Công vụ 3:20); và Đấng Mêsia ấy sẽ khôi phục vương quốc về cho Ysraên, giải phóng họ khỏi người Lamã và mọi hoàng đế ngoại bang khác đang áp bức họ, rồi lập Ysraên làm đầu các dân.

Trên thực tế, khi các sứ đồ gặp Chúa phục sinh lần cuối trước khi Ngài thăng thiên, họ đã hỏi xem ngay lúc ấy Ngài có khôi phục vương quốc cho Ysraên không (Công vụ 1:6). Ngài đáp không phải lúc này. Trước hết, họ phải làm chứng về Ngài trong khắp muôn dân. Nhưng đến lúc viết ra bức thư Hêbơơ, các sứ đồ như Phierơ (không phải là không miễn cưỡng lúc đầu) và Phaolô, cùng hàng đoàn Cơ đốc nhân di cư cùng những người xa xứ, đã vâng lời Chúa ra đi rao truyền Tin Lành khắp nơi giữa dân ngoại bang. Như vậy, không phải vô lý khi những Cơ đốc nhân Do Thái này mong Chúa sớm trở lại. Dùng một cụm từ tiên tri Cựu Ước, họ khích lệ nhau với hy vọng “*Còn ít lâu, thật ít lâu nữa, thì Đấng đến sẽ đến; Ngài không chậm trễ đâu*” (10:37). Vì vậy, họ trông đợi Ngài đến, thiết lập nước Ngài tại Giêrusalem, tại xứ Palestine và trên toàn thế giới. Và đương nhiên điều đó sẽ chứng minh tối hậu cho đồng bào Do Thái của họ biết Chúa Jesus chính là Đấng Mêsia.

Nhưng nhiều năm trôi qua mà Ngài chẳng đến. Những Cơ đốc nhân cao tuổi hơn bắt đầu qua đi. Thế nhưng Ngài vẫn không đến. Khi đạo mới này tăng trưởng và lan tràn ra, thái độ của Do Thái giáo chính thức chẳng những không làm dịu bớt hoặc tỏ dấu hiệu hoán cải hay thậm chí là thỏa hiệp, nhưng lại thực sự ngày càng thù địch khốc liệt hơn. Trên khắp thế giới Lamã, nơi nào thành lập những nhóm Cơ đốc nhân mới, những lãnh tụ cộng đồng Do Thái tại địa phương đó tận dụng

mọi cơ hội xúi nhà cầm quyền chính trị chống “hệ phái” mới này. Các cuộc nổi loạn không phải là hiếm thấy (xem Công vụ 14:4-6, 19; 17:5-8, 13; 18:12-17).

Và còn một vấn đề khác nữa gây rối cho một số Cơ đốc nhân người Do Thái. Do kết quả sự giảng đạo của các sứ đồ như Phierơ và Phaolô, dân ngoại bang trên khắp đế quốc Lamã đang kéo đến tin Chúa Jesus là Đấng Mêsia. Nhưng các sứ đồ chẳng lo buộc họ giữ các nghi lễ và các kỳ lễ của Do Thái giáo. Trên thực tế, các sứ đồ không khuyến khích đối với một số người này, và hoàn toàn cấm đối với một số người khác. Các tín hữu người ngoại bang không buộc phải cắt bì, không tuân giữ các truyền thống của các thầy thông giáo hoặc các quy tắc của các rabi, không nộp thuế về cho đền thờ tại Giêrusalem. Như vậy là sao? Những chuyện gì sắp xảy đến đây?

Chọn Một Trong Hai?

Trước đây khi mọi chuyện tốt đẹp và rất nhiều đồng bào Do Thái quay trở lại tiếp nhận Chúa, những Cơ đốc nhân người Do Thái rất mạnh mẽ và can đảm. Nhưng giờ đây khi những hy vọng của họ mong sự hoán cải của Ysoraên và sự tái lâm của Đấng Christ dường như chậm đến và bị trì hoãn, bất bớ dâng lên cao và chống đối ngày càng gay gắt, thì ta cũng dễ hiểu khi một số người trong họ trở nên nghi ngờ. Chuyện gì xảy ra nếu những hy vọng của họ không thật? Sẽ ra thế nào nếu rốt cuộc họ đã phạm sai lầm khủng khiếp và Jesus không phải là Đấng Mêsia chân chính?

Trên hết mọi sự, họ sắp đối mặt với khủng hoảng không thể tránh khỏi. Khi toàn thể dân tộc nói chung đã cứng lòng trong vô tín, các sứ đồ đang bắt đầu rút những người Do Thái tin Đấng Christ ra khỏi nhà hội Do Thái của họ (xem Công vụ 19:9), giữ bụi dưới chân để nghịch cùng đồng bào mình, và giải thích khi họ thực hiện việc ấy: *“Ấy cần phải truyền đạo Đức Chúa Trời trước nhứt cho các người; nhưng vì các người đã từ*

chối, và tự xét mình không xứng đáng nhận sự sống đời đời, nên đây này, chúng ta mới xây qua người ngoại.” Ngày càng thấy rõ Cơ đốc giáo không còn là một phần của Do Thái giáo nữa. Chẳng mấy chốc, họ phải tách ra hoàn toàn, Do Thái giáo phải đi đường của nó, còn Cơ đốc giáo phải đi một con đường khác.

Chắc chắn chúng ta không hiểu nổi ý nghĩa của tình trạng bị buộc phải lập một quyết định một là cứ giữ lại Do Thái giáo, hai là phải rời bỏ, đối với những người được nuôi dưỡng trong Do Thái giáo – những người còn yêu quý Do Thái giáo còn hơn cả mạng sống họ.

Họ ắt hẳn đã sung sướng có Jesus là Đấng Mêsia nếu có thể vừa có cả đền thờ vừa có cả thầy tế lễ thượng phẩm của họ nữa. Nhưng có phải đây là một chọn lựa “một trong hai” sao?

Hoặc chọn Jesus, hoặc chọn đền thờ?

Trên thực tế, có phải một là chọn của lễ hy sinh của Ngài, hai là chọn các con sinh dâng làm của lễ của Ysraên, chứ không thể cả hai?

Có phải một là nền chính trị Do Thái và một quê hương xứ sở Do Thái, với một kinh đô – là Giêrusalem – trên đất, hoặc hai là hoàn toàn đi ra ngoài cổng thành đó, và bên ngoài trại quân đó (xem 13:11-14) để đến với một Jesus đã bị khước từ và rất có thể cứ bị dân tộc này khước từ?

Có phải đây là một sự chọn lựa “chỉ một trong hai mà thôi”?

Vâng, đúng như vậy.

Những người này sẽ nhanh chóng đối diện với khủng hoảng lớn nhất trong mọi từng trải thuộc linh của họ. Họ đáng nhận sự đồng cảm sâu sắc nhất của chúng ta. Đối diện những nan đề như thế, một số người đang nao núng, một số bỏ nhóm lại với các tín hữu; và tôi nghĩ giờ đây chúng ta có thể thấy những ý nghĩ đang diễn ra trong trí họ. Chúng ta cũng có thể hiểu những gì đang diễn ra trong tâm trí và lòng của nhân vật viết bức thư

này. Ông quan tâm họ, và thấy khủng hoảng trầm trọng trước mặt họ còn rõ ràng hơn họ thấy. Câu hỏi hết sức quan trọng là: họ sẽ đi đường nào?

Đi Lui Lại?

Sẽ kéo theo hậu quả nào nếu họ đi lui trở lại? Thánh Linh Đức Chúa Trời nói rất rõ ràng và rất cẩn thận điều này trong 10:29. Để bắt đầu, chúng ta đọc lời của trước giả và bảo đảm chắc chắn chúng ta lưu ý chính xác những điều ông đang nói.

Đây là một cách dịch theo nghĩa đen của câu Kinh Thánh này: *“Kẻ đã giày đạp Con Đức Chúa Trời dưới chân, xem thường huyết của giao ước để bởi đó mình được nên thánh, đã lăng mạ Thánh Linh của ân điển, kẻ ấy sẽ bị kể là đáng hình phạt nghiêm khắc hơn biết là đường nào.”*

Do đó, sẽ có ba điều liên can nếu bất kỳ người Hêbơơ nào tuyên xưng mình đã tiếp nhận Đức Chúa Jesus là Đấng Mêsia rồi lại cố ý đi lui lại trở về ràn chiên Do Thái giáo và cứ ở nguyên trong đó.

Thứ nhất, họ sẽ giày đạp Con Đức Chúa Trời dưới chân mình. Hãy lưu ý động từ *“giày đạp dưới chân.”* Động từ này mô tả hành động có chủ tâm, và có lẽ cũng là hành động đầy ác ý. Chính Chúa chúng ta đã có lần nói về số người rơi nhằm vào hòn đá nền do đã được Đức Chúa Trời lập (tức là chính Ngài); và sứ đồ Phaolô tuyên bố nhiều người Do Thái đã *“vấp phải hòn đá ngăn trở”* (xem Luca 20:18 và Rôma 9:32). Nhưng *“giày đạp một điều gì đó dưới chân và dẫm lên trên đầu”* lại là một hành động có chủ tâm, hơn hẳn việc chỉ *“vướng chân vào”* hoặc *“vấp vào”* hoặc *“rơi lên trên”* một thứ gì đó. Những người được nói đến trong câu Kinh Thánh của chúng ta không chỉ bị vấp ngã bởi đơn thuần quy mô những lời tuyên bố của Chúa Jesus: họ đã chủ tâm và cương quyết giày đạp Ngài dưới chân. Và hãy lưu ý chính xác xem tác giả nói họ giày đạp Đấng nào dưới chân: không phải Chúa Jesus, dầu đương nhiên đấy chính

là Ngài, nhưng đấy không phải là danh xưng Đức Thánh Linh sử dụng ở đây – cũng không phải là Cứu Chúa, cũng không phải là Đấng Mêsia, nhưng là “*Con của Đức Chúa Trời.*” Kinh Thánh nói họ giày đạp chính Con của Đức Chúa Trời dưới chân, có nghĩa họ cố tâm và cương quyết phủ nhận thần tánh của Đức Chúa Jesus.

Đương nhiên họ đã làm như vậy. Ngay từ khởi đầu, đây chính là vấn đề căn bản đang căng thẳng giữa Do Thái giáo và Cơ đốc giáo: Chúa Jesus là Con Đức Chúa Trời hay không phải Con Đức Chúa Trời? Dân tộc này nói: Không, Ngài không phải là Con Đức Chúa Trời. Nhưng những người Hêbơrơ nhận bức thư của chúng ta đây tuyên bố họ tin Ngài chính là Con Đức Chúa Trời. Tuy nhiên, giờ đây họ đang có nguy cơ quay trở lại với Do Thái giáo. Điều đó có nghĩa gì? Họ không thể quay trở lại, trừ phi chuẩn bị một lần nữa cố tâm nói Chúa Jesus không phải là Con Đức Chúa Trời. Do Thái giáo đòi hỏi họ làm việc đó. Đương nhiên, từ lúc ban đầu, chính vì sự không hiểu biết trước khi hoán cải, họ đã cùng dân tộc này phủ nhận thần tánh của Ngài. Tuy nhiên, kể từ đó trở đi, họ đã được Đức Thánh Linh soi sáng. Họ không thể tuyên bố mình không biết được nữa. Quay trở về với Do Thái giáo giờ đây cũng đồng nghĩa cố tâm và cố ý mở to mắt phủ nhận thần tánh của Đức Chúa Jesus bất chấp toàn bộ sự soi sáng của Đức Thánh Linh.

Bước kế tiếp sẽ đến theo sau đúng trình tự vật lý. Họ sẽ chấp nhận ý kiến cho rằng huyết của Chúa Jesus là không thanh khiết, hoặc theo ý của người Hylạp cho rằng huyết Ngài là một thứ tầm thường. Đương nhiên, họ sẽ chấp nhận ý kiến như thế. Đấy là chuyện hoàn toàn tự động và không thể tránh khỏi. Nếu Chúa Jesus là Con Đức Chúa Trời, huyết Ngài có giá trị vô hạn. Nếu Ngài không phải là Con Đức Chúa Trời, thì huyết Ngài chẳng quý báu gì hơn của bất kỳ ai khác: Đó chỉ là thứ huyết tầm thường. Hơn nữa, xin lưu ý huyết ấy được mô tả

ở đây là huyết của giao ước (mới). Giá trị của giao ước tùy thuộc hoàn toàn vào huyết để làm dấu hiệu và ấn chứng cho giao ước ấy. Nếu huyết là quý báu, thì giao ước ấy mới hiệu lực. Nhưng nếu huyết ấy tầm thường, giao ước chẳng đáng để phí tờ giấy viết ra nó nữa. Như vậy, quay trở lại với Do Thái giáo kéo theo điều thứ nhất, tức là phủ nhận thần tánh của Đức Chúa Jesus; thứ nhì, và theo đúng phép lập luận, người ấy nói huyết Ngài là tầm thường và cho giao ước mới chẳng có giá trị gì cả.

Kinh Thánh cho biết vấn đề thứ ba: quay về với Do Thái giáo là lăng mạ Đức Thánh Linh của ân điển. Một lần nữa xin để ý xem Ngài được mô tả thế nào. Đương nhiên, đây là chính là Đức Thánh Linh, nhưng ở đây, Ngài được nói đến không phải với tư cách Thánh Linh của lẽ thật hay Thánh Linh của sự thánh khiết, nhưng với tư cách Thánh Linh của ân điển. Bạn thấy đấy, dân Do Thái đóng đinh Đức Chúa Jesus bởi sự ngu dốt của họ. Đức Chúa Trời giàu ơn biết dường nào để không diệt sạch họ ngay tức khắc, nhưng sau khi Đấng Christ phục sinh và thăng thiên, Ngài lại gia ơn dồi dào để cho họ cơ hội ăn năn. Đấy là quả thật là ân điển. Nhưng Đức Chúa Trời còn gia thêm ân điển càng dư dật hơn nữa. Thánh Linh Đức Chúa Trời là Đấng từ Thiên đàng đã giáng xuống trong ngày Lễ Ngũ Tuần đã bảo với dân Giêrusalem: *“Này, các người đã giết Con Đức Chúa Trời, nhưng các người làm việc đó trong sự ngu dốt”* (xem Công vụ 3:17). *“Không những Đức Chúa Trời sẵn sàng tha thứ các người, nhưng trong khi trước kia các người cố để tự cứu mình bằng cách giữ theo luật pháp của Đức Chúa Trời, thì giờ đây Đức Chúa Trời còn sẵn sàng để cứu các người một cách hào phóng không đòi hỏi gì cả, bởi ân điển của Ngài chứ không bởi các việc làm của các người.”* Quả là sứ điệp hào hùng phi thường về lòng thương xót và ân điển! Không những có cơ hội để ăn năn, mà còn được nhận sự cứu rỗi hoàn toàn bởi ân điển và hoàn toàn như một món quà tặng không.

Đối với bất kỳ ai, giờ đây quay lại với Do Thái giáo đồng nghĩa xây lưng lại với Đức Chúa Trời và nói: “Này Đức Chúa Trời, tôi không muốn nhận ân điển. Thương xót và tha thứ cho tội đóng đinh Chúa Jesus sao? Nhưng chúng tôi không muốn được tha thứ chuyện đó. Chúng tôi sẽ làm lại việc đó một lần nữa nếu cần! Chúng tôi không tin Jesus ấy là Con của Ngài đâu.” Quay trở lại với Do Thái giáo tức là xây lưng lại với Đức Chúa Trời và nói: “Sự cứu rỗi là món quà sao? Vô nghĩa! Chúng ta đã sẵn sàng để dọn đường và đi đường riêng của mình đến Thiên đàng bằng cách tuân giữ luật pháp, tuân giữ các lễ nghi của luật pháp và dự phần vào các sinh tế và các kỳ lễ của luật pháp.” Và nói như vậy tức là đã lãng mạ kinh khiếp đến Thánh Linh của ân điển.

Những Tín Hữu Chân Chính?

Như chúng ta đã thấy, một số người nhận bức thư này đã có thói quen bỏ các buổi nhóm của Cơ đốc nhân. Nếu điều đó có nghĩa họ đang quay trở lại với Do Thái giáo, và nếu quay lại với Do Thái giáo tức là phủ nhận thần tánh của Chúa Jesus, xem huyết Ngài là tâm thường và lãng mạ Thánh Linh của ân điển, chúng ta sẽ đánh giá họ thế nào? Họ có phải là những tín hữu thật và chân chính trong Đức Chúa Jesus Christ không?

Thoạt nhìn, câu trả lời dường như hiển nhiên: Bạn không thể cố tình cố ý phủ nhận thần tánh của Chúa Jesus, phủ nhận giá trị chuộc tội của huyết Ngài, mà đồng thời vẫn là một Cơ đốc nhân chân chính, một tín hữu thật tin nơi Chúa Jesus được.

Nhưng chúng ta không được phép vội vã đoán xét. Chính vị sứ đồ Phierơ vĩ đại có lần vì quá kinh hoàng đã chối Chúa Jesus và tuôn ra hết mọi lời thề và rửa sả mình biết để thuyết phục những người đứng xem rằng ông không phải môn đồ Đấng Christ. Nhưng đương nhiên ông là Cơ đốc nhân. Bề ngoài ông chối Chúa, nhưng trong lòng ông vẫn là Cơ đốc nhân, như chúng ta đã biết từ những lời tuyên bố của Chúa và những việc xảy ra

tiếp sau đó (xem Luca 22:31-32). Đức tin ông không thất bại, và ông đã trở lại với Chúa. Liệu không có trường hợp một số người Hêbơrơ này dưới áp lực của sự bắt bớ đã tạm thời cư xử không nhất quán như Phierơ sao – bề ngoài quay trở về với Do Thái giáo, dầu vậy trong lòng vẫn là tín hữu của Chúa Jesus?

Mặt khác, nếu Phierơ tiếp tục sống mười hoặc hai mươi năm kế tiếp vẫn chối Chúa, tránh các bạn Cơ đốc nhân, và giữ trọn địa vị của mình trong Do Thái giáo chính thức, làm sao bạn tiếp tục nghĩ ông là tín đồ được? Suy cho cùng, nếu có ai đích thân nói trước sau như một rằng mình không phải là một tín hữu, và chứng tỏ mình không phải là Cơ đốc nhân bằng cách cố tâm phủ nhận toàn bộ những lẽ thật nền tảng của đức tin Cơ đốc, và không bày tỏ dấu hiệu nào của lòng hối hận hay quay trở về với Cứu Chúa, có ích gì để chúng ta cố gắng nói họ vẫn là tín hữu?”

Như vậy nếu một số người Hêbơrơ này đang làm như vậy, hay có nguy cơ sẽ làm như vậy, thì điều đó dẫn đến một thách thức khác nữa. Họ đã bao giờ là *những tín hữu* thật và chân chính ngay từ đầu không?

Nhiều người cảm thấy họ ắt hẳn phải là tín hữu thật, nhưng không hề nhất thiết phải như vậy. Hãy xem xét một trường hợp tương đồng.

Sứ đồ Giăng trong bức thư thứ nhất của mình (2:18-19) nói đến những người mà không những đã có lúc tuyên bố là tín hữu và là thành viên của hội thánh Cơ đốc, mà còn có vẻ giữ vai trò các giáo sư trong hội thánh ấy nữa. Tuy nhiên, rốt cuộc họ chối bỏ các giáo lý nền tảng của các sứ đồ, phủ nhận Đức Chúa Jesus, chối Ngài không phải là Đấng Christ và bỏ ra khỏi hội thánh. Giăng nhận định rằng bất chấp mọi vẻ bề ngoài lúc đầu có ra sao đi nữa, họ chưa hề là tín hữu thật. Ông nói: “*Nếu chúng nó thuộc về chúng ta, thì đã ở cùng chúng ta.*” Theo sứ đồ Giăng, việc rời khỏi hội thánh và rời khỏi hội thông công của

các sứ đồ chứng tỏ không ai trong số họ từng “*thuộc về chúng ta,*” tức là: Không ai trong số họ đã từng là tín hữu chân thật.

Đương nhiên, có người cho rằng những người Hêbơrơ này ắt hẳn phải có lúc là tín hữu, vì trước giả nói rõ ràng (10:29) họ đã được nên thánh bởi huyết của giao ước dầu hiện đang có nguy cơ chối Đấng Christ. Và số người này cho rằng: Anh em không thể được nên thánh nếu không phải là tín hữu chân thật.

Nhưng một lần nữa, giả định này không nhất thiết là đúng. Chính Kinh Thánh cho thấy có nhiều phương diện mà trong đó không cần phải là một tín hữu, bạn vẫn có thể được nên thánh. ICôrinhtô 7:14 nói chồng *không tin Chúa* được nên thánh bởi người vợ. Hãy lưu ý: Quả là không thể đem thay từ ngữ “*nên thánh*” bằng từ ngữ “*được xưng công bình*” trong lời tuyên bố này, vì không ai có thể được xưng công bình nếu không có đức tin. Nhưng hiển nhiên có nhiều phương diện mà trong đó tuy không phải tín hữu chân chính vẫn có thể được nên thánh.

Một lần nữa, chúng ta xem 10:29. Câu này nói những người Hêbơrơ của chúng ta đã được nên thánh bởi huyết của giao ước. Chúng ta có thể hiểu cụm từ này nếu nhớ tổ phụ họ trong đồng vắng đã được nên thánh tương tự bởi huyết của giao ước cũ. Chúng ta được biết Môise dùng huyết của bò con và dê đực, và rưới cả hai thứ huyết trên chính quyển sách (tức là sách chứa những điều khoản của giao ước) và dân sự, nói rằng: “*Đây là huyết giao ước của Đức Giêhôva đã lập cùng các ngươi*” (xem Xuất Êđiptô Ký 24:5-8 và Hêbơrơ 9:18-20). Vì vậy, họ được nên thánh bởi huyết của giao ước. Nhưng bất chấp điều đó, hầu hết họ về sau đã không chịu bước vào đất hứa. Và điều này cho thấy gì? Trước giả của chúng ta – người nhớ lại biến cố ấy hết sức chi tiết – nói điều này chứng tỏ họ không tin vào Tin Lành. Họ chưa hề tin (xem 4:2 và Dân Số Ký 14:11, 22). Tương tự như vậy, những người Hêbơrơ này đã tuyên bố tin nơi Đức Chúa Jesus, chấp nhận giao ước mới, đã đồng đứng chung với

các Cơ đốc nhân và tách mình ra khỏi nhóm những người đã giết Đấng Mêsia (xem Công vụ 2:40). Họ đã được nên thánh bởi huyết của giao ước mới. Nhưng tổ phụ họ thế nào, thì họ cũng vậy, vẫn đề liệu họ đã thật tin vào Tin Lành hay chưa vẫn còn bỏ ngõ. Và chính vì vậy mà hành vi của họ càng trở nên đáng ngờ.

Chúng ta phải thấy trước giả chọn từ ngữ của mình cẩn thận biết đường nào khi nhớ lại kinh nghiệm bước đầu của họ về Cơ đốc giáo. Ở 6:4, ông nói về *“những kẻ đã được soi sáng một lần”* – chứ không phải *“được cứu”* – xin bạn lưu ý, không phải *“được cứu”* – nhưng là *“được soi sáng.”* Một lần ở 10:32, ông nói: *“Hãy nhớ lại những lúc ban đầu đó, anh em đã được soi sáng rồi”* – chứ không phải *“sau khi anh em đã được cứu rồi,”* hoặc *“sau khi anh em đã tin rồi,”* nhưng *“anh em đã được soi sáng rồi.”* Rồi một lần nữa ở 10:26: *“Nếu chúng ta đã nhận biết lẽ thật rồi, mà lại cố ý phạm tội...”* chứ không phải *“sau khi chúng ta đã tin lẽ thật rồi,”* hoặc *“đã tiếp nhận tình yêu của lẽ thật này rồi,”* nhưng chỉ đơn giản là *“đã nhận biết lẽ thật rồi.”* Và điều này cũng hoàn toàn có khả năng họ biết lẽ thật nhưng không tin lẽ thật.

Đồng ý như vậy. Thế nhưng nhiều người vẫn cảm thấy có những cụm từ khác do tác giả sử dụng ở nơi khác mang hàm ý rất rõ ràng độc giả của ông đã là, hoặc đã từng có lúc là, những tín hữu thật. Có thể trước giả không dùng chính xác chữ *“được cứu,”* nhưng ông dùng những từ ngữ khác tương đương để hàm ý cùng một vấn đề.

Ồ, về sau chúng ta sẽ nghiên cứu những từ ngữ này cách chi tiết. Nhưng giờ đây, chúng ta lưu ý chính trước giả nói rõ ràng cách ông đánh giá lịch sử thuộc linh và tình trạng thuộc linh của những người nhận bức thư. Tốt hơn chúng ta nên để ông tự nói ra. Sau khi mô tả số phận đáng buồn của những người sau khi được soi sáng rồi lại quay trở về với Do Thái giáo, ông nhận định: *“Hỡi những kẻ rất yêu dấu, dấu chúng ta nói vậy,*

vẫn còn đương trông đợi những việc tốt hơn từ nơi anh em, là những việc đưa đến sự cứu rỗi” (6:9). Điều đó làm sáng tỏ rõ ràng ý của ông. Ông đang nói *dường như thể* họ vẫn chưa được cứu, dầu trên thực tế từ tận đáy lòng, ông cảm thấy chắc chắn họ được cứu. Thực sự ông nghĩ mình có thể thấy bằng chứng trong đời sống họ chứng tỏ họ đã được cứu; theo cách ông nói, đó là những điều đi kèm theo sự cứu rỗi. Nhưng ông đang nói *dường như thể* không có bằng chứng nào cho thấy họ đã thực sự được cứu. Ông không hề liều lĩnh chút nào. Toàn bộ thể hệ tổ phụ của họ đã tuyên bố tin Môisê và Đức Chúa Trời, nhưng đến cuối cùng lại hóa ra rõ ràng họ chưa hề tin vào Tin Lành này. Vì vậy tác giả nêu từng trải của họ để cảnh cáo độc giả – không phải cảnh cáo sự không tin kính, hay tinh thần bất chước thế gian – Không! Ông cảnh báo điều còn nghiêm trọng hơn thế: lòng vô tín. Bạn thấy đấy, nếu chưa hề tin vào Tin Lành, bạn là người vô tín, cho dù bạn đã có từng trải thuộc linh nào sau đó đi chăng nữa.

Do đó, khi đọc bức thư này, chúng ta sẽ thấy một ý chính hết sức quan trọng được nhấn mạnh đi nhấn mạnh lại đó là tính hoàn toàn quan trọng của đức tin. Đoạn 10:38 tuyên bố: *“Người công bình của ta sẽ cậy đức tin mà sống,”* và đoạn 11 đi tiếp sau với trọn bốn mươi câu Kinh Thánh nói đến điều kiện đòi hỏi hoàn toàn không thể thiếu của đức tin.

Vậy, đây chính là vấn đề bức thư này sẽ đối chất với chúng ta: chúng ta có phải là tín hữu chân chính không? Chúng ta có thực sự tin Chúa Jesus là Con Đức Chúa Trời không? Và chúng ta có đang cư xử trong những công việc hằng ngày và đặc biệt là trong bối cảnh tôn giáo theo cách nhất quán rõ ràng với niềm tin chúng ta đã tuyên xưng không? Kinh Thánh nói: *“Ai tin Đức Chúa Jesus là Đấng Christ thì sanh bởi Đức Chúa Trời”* (IGiăng 5:1). Và hết thảy những ai tin như vậy sẽ thấy được khích lệ lớn lao qua bức thư gửi cho người Hêbơơ này. Bức thư nhắc họ nhớ chính Lời của Đức Chúa Trời và lời thề

của Đức Chúa Trời đem đến cho họ hy vọng giống như chiếc neo giữ cho linh hồn vững chắc và không trôi dạt đi đâu cả. Mỗi một tín hữu đều bình an chắc chắn (6:17-20). Điều này sẽ thôi thúc mỗi tín hữu *“dạn dĩ đến gần ngai ơn phước”* để tìm *“ơn thương xót”* cho những sai lầm và thất bại trong quá khứ, và *“ơn”* cho tương lai (4:16). Giống như Phierơ, dẫu họ không nhất quán và sa ngã, tạm thời chối Chúa là Đấng đã chuộc họ, họ vẫn có thầy tế lễ thượng phẩm đang cầu thay cho mình y như Ngài đã cầu thay cho Phierơ để đức tin họ khỏi bị thất bại (Luca 22:32). Và vì Ngài hằng sống, *“Ngài có thể cứu toàn vẹn những kẻ nhờ Ngài mà đến gần Đức Chúa Trời”* (7:25). Ngài sẽ không đánh mất một tín hữu thật nào. Thực sự, mọi người nào nhờ cậy hoàn toàn vào duy một mình tế lễ hy sinh của Đấng Christ thì được bảo đảm *“bởi chỉ một của tế lễ”* chuộc tội, *“Ngài làm cho những kẻ nên thánh được trọn vẹn đời đời”* (10:14).

Vì vậy, không ai trong chúng ta phải hoang mang, không biết chắc, hay bất an, hay bị suy yếu bởi những nghi ngờ về tính hoàn chỉnh và đầy đủ của sự cứu rỗi chúng ta qua Đấng Christ. Chính bức thư này đầy đầy những lời bảo đảm rằng mỗi tín hữu, cho dù có yếu đuối đến đâu đi nữa, đều sẽ chắc chắn được cứu. Nhưng câu hỏi hùng hồn và kiên trì của thư này ấy là: Bạn có thật sự tin không? Không phải câu hỏi: “Bạn đã tuyên xưng mình là Cơ đốc nhân chưa?”, mà là “Bạn có phải một tín hữu thật không?”

Và như vậy, chúng ta sẽ tiến đến chỗ tự hỏi: Hành vi chúng ta có nhất quán với Tin Lành chúng ta tuyên xưng là mình tin không? Đức tin để chúng ta được cứu là đức tin nơi một mình Đấng Christ, hay tin một phần ở nơi Ngài và một phần nơi những nghi lễ hoặc thánh lễ nào đó? Ngài là Đấng Trung Bảo duy nhất của chúng ta với Đức Chúa Trời, hay chúng ta đang thỏa hiệp đức tin mình nơi Ngài bằng cách cũng còn nương cậy nơi những nhân vật trung bảo khác nữa? Chúng ta có trung thành với Đấng Christ trong lý trí mình không? Hay chúng ta

tuy tuyên bố tin nơi Ngài để được cứu nhưng lại để cho mình đi theo lý thuyết mang hàm ý phủ nhận thẩm quyền thiên thượng của Ngài trong các lãnh vực khác? Chúng ta có đang để bối cảnh và văn hóa đẩy mình vào chỗ tiếp tục những thông lệ không nhất quán với Tin Lành mà chúng ta đang tuyên bố mình tin? Chúng ta có thực sự tin Chúa Jesus là Đấng Mêsia đồng thời là Vua, và Ngài sẽ trở lại để cai trị không? Chúng ta có vác thập tự giá mình và chịu lấy sự sỉ nhục của Ngài, hay đang thỏa hiệp với thế gian đã đóng đinh Ngài? Cách chúng ta đeo đuổi sự thánh khiết có làm sáng tỏ rằng chúng ta là những tín hữu chân chính tin nơi ân điển thật của Đức Chúa Trời không? Hay chúng ta đang cố gắng pha trộn đức tin nơi Đấng Christ với thứ nếp sống bi quan muốn biến ân điển của Đức Chúa Trời thành giấy phép để buông mình vào sự gian dâm?

Nếu chúng ta là những tín hữu chân chính, Đấng Christ sẽ cứu chúng ta trọn vẹn. Nhưng như vậy, nếu chúng ta thật sự tin, người khác sẽ có thể nhìn thấy bằng chứng trong đời sống của chúng ta để chứng tỏ rằng chúng ta là tín hữu, tức “những điều đi kèm theo sự cứu rỗi.”

Câu Hỏi:

1. Chúng ta học được gì từ thơ Hêbơơ về bối cảnh tôn giáo và từng trải thuộc linh cá nhân cùng những hoàn cảnh của những độc giả nguyên thủy của bức thư này?
2. Theo 10:29, sẽ có điều gì kèm theo nếu một người Do Thái đã tuyên xưng đức tin nơi Chúa Jesus rồi sau lại quay trở về với Do Thái giáo? Sẽ có điều nào tương tự như thế kèm theo nếu một người vô thần trước đây đã tuyên bố tiếp nhận Đấng Christ nay lại quay về lại với chủ nghĩa vô thần?
3. Vấn đề hành vi chúng ta phải nhất quán, và phải được người khác thấy là nhất quán, với Tin Lành mà chúng ta tuyên bố mình đang tin, vấn đề ấy quan trọng đến mức nào? Hãy xem 6:9-12; 11:14-16 và 13:12-14.

4. Bạn hiểu cụm từ “những điều đi kèm sự cứu rỗi” (6:9-bản Việt ngữ: “Những việc đưa đến sự cứu rỗi”) có nghĩa gì? Liệt kê một số những gì này.
5. Bạn sẽ chọn những phân đoạn nào từ thơ Hêbơơ để minh họa tính đầy đủ và hoàn chỉnh của sự cứu rỗi chúng ta trong Đấng Christ và tính chắc chắn và an toàn của sự trông cậy Cơ đốc chúng ta?

Hai

KHẲNG ĐỊNH THẦN TÁNH CỦA Đấng CHRIST

Hêbơơ 1:1-4

Trước giả thơ Hêbơơ là một nhà chiến thuật tâm linh rất tuyệt. Ông không phí lời nào vào những vấn đề thứ yếu. Trong đoạn đầu tiên, ông đi thẳng vào vấn đề căn bản giữa Do Thái giáo và Cơ đốc giáo: Chúa Jesus có phải là Con Đức Chúa Trời hay không?

Đối với độc giả của ông, đây không hề là câu hỏi lý thuyết suông. Họ không phải là những nhà thần học uyên bác. Dứt khoát phần lớn họ là những con người tầm thường. Vì vậy chẳng cần phải giàu tưởng tượng mới hình dung được những tình huống khó khăn họ thường gặp khi đối mặt với những lãnh tụ tôn giáo ngày trước của họ. Các rabi sẽ muốn biết vì sao họ bỏ đức tin của tổ phụ, từ bỏ tôn giáo chính Đức Chúa Trời đã ấn định trong Cựu Ước, để chạy sang ý tưởng phi lý và phạm thượng của những Cơ đốc nhân cho rằng người thợ mộc ở Naxarét chính là Đức Chúa Trời nhập thể và bình đẳng với Đức Chúa Trời.

Các Rabi ắt đang nói: “Này, chẳng phải Lời được soi dẫn của Đức Chúa Trời, tức kinh Torah thiêng liêng – đã tuyên bố rõ ràng: *“Hỡi Ysoraên! Hãy nghe: Giêhôva Đức Chúa Trời chúng ta là Giêhôva có một không hai”* (Phục Truyền Luật Lệ Ký 6:4) hay sao? Chẳng phải vinh quang của Ysoraên suốt bao thế kỷ thấy đều làm chứng rằng chỉ có một Đức Chúa Trời chân thần duy nhất và phản kháng về lối bịch phi lý của những dân ngoại tôn loài người lên làm thần và thờ lạy một ngàn lẻ một

tà thần kia sao? Và cứ nghĩ xem người – là những người Do Thái đã được nghe công bố tính độc nhất vô nhị của Đức Chúa Trời cả hàng vạn lần trong nhà riêng, trong nhà hội, trong đền thờ kể từ khi còn là trẻ thơ – cứ nghĩ lại xem sao người bị lôi cuốn vào nhóm cuồng tín đang thờ phượng con người Jesus kia dường như thế hẳn chính là Đức Chúa Trời vậy!

“Và người là ai mà dám nói thầy tế lễ thượng phẩm và Tòa Công Luận của chúng ta đã sai trật khi đóng đinh Jesus? Người biết gì về Kinh Thánh? Chỉ dựa vào chỗ người được nghe những câu chuyện kể về các phép lạ mà người ta cho rằng Jesus đã thực hiện và có ấn tượng mạnh bởi lời tuyên truyền tôn giáo được ưa chuộng của hắn, người lại tưởng hắn vượt trội hơn con người. Nhưng thầy tế lễ thượng phẩm chúng ta và các rabi biết họ đang làm gì. Họ đã nhìn xuyên qua những sự lừa dối của hắn và đã có can đảm để làm những gì Kinh Thánh truyền phải xử sự với những kẻ lừa đảo như thế – đem xử tử hắn.

“Vậy hãy khôn ngoan lên. Thôi đừng tưởng mình biết giỏi hơn các rabi của chúng ta. Hãy tỏ ra tôn kính mà biết ơn cha mẹ người đã nuôi dưỡng người. Hãy trở về với đức tin của tổ phụ người, đừng phá hoại đời sống người và làm tan vỡ lòng cha mẹ người, đừng làm nhục gia đình người vì có bỏ đi mọi điều mà người đã được nuôi dưỡng để phải tin bằng cách bỏ chạy theo nhóm cuồng tín này.”

Những loạt công kích dồn dập như thế khiến chẳng lấy gì làm lạ nếu những Cơ đốc nhân người Do Thái bắt đầu nghi ngờ. Vì có thể nào họ đúng còn những rabi thông thái và toàn bộ phần còn lại của dân tộc là sai không? Suy cho cùng, Cựu Ước nói rất rõ: Chỉ có một Đức Chúa Trời duy nhất. Và không thể phủ nhận rằng đa số những sứ đồ của Đấng Christ chẳng qua chỉ là những ngư phủ, người thu thuế và những con người giống như thế. Làm sao họ biết giỏi hơn các rabi được?

Jesus, Con của Đức Chúa Trời?

Do đó, vì quan tâm đến những cơn bão tâm linh và xúc cảm mà các bạn mình đang đối diện, trước giả Cơ đốc vô danh của chúng ta đang ngồi xuống viết thư cho họ. Họ đã bỏ qua các buổi nhóm của hội thánh, nhưng ông sẽ không đề cập vấn đề đó cho đến gần cuối bức thư. Ông sẽ không mở đầu bằng cách quở trách họ; tấm lòng ông quá bác ái, tinh thần ông quá cảm thông đối với vấn đề ấy. Những người này đang gặp rắc rối lớn và nguy hiểm trầm trọng. Đức tin họ đang nao núng. Vấn đề đang ám ảnh họ không phải là loại nghịch cảnh hời hợt bề ngoài thường quấy rối chúng ta đâu. Nó liên quan đến vấn đề căn bản nhất. Chúa Jesus là Con Đức Chúa Trời hay không phải? Mọi điều khác đều tùy thuộc vào vấn đề này. Đúng như sứ đồ Giăng đã nhận xét với các tân tín hữu ngoại bang của ông: *“Vì lẽ sự gì sanh bởi Đức Chúa Trời, thì thắng hơn thế gian; và sự thắng hơn thế gian, ấy là đức tin của chúng ta. Ai là người thắng hơn thế gian, há chẳng phải kẻ tin Đức Chúa Jêsus là Con Đức Chúa Trời hay sao?”* (IGiăng 5:4-5).

Chúng ta nên lưu ý điều đó. Bí quyết để đắc thắng thế gian chính là đức tin sống động và mạnh mẽ để tin Chúa Jesus thực sự là Con Đức Chúa Trời. Thật tốt khi tin tội lỗi chúng ta đã được tha thứ; thật tốt để tin rằng chúng ta có sự sống đời đời. Nhưng nếu Chúa Jesus không phải là Con Đức Chúa Trời, thì Tin Lành Cơ đốc của chúng ta là ảo tưởng; tội chúng ta trên thực tế vẫn không được tha thứ; chúng ta không có sự sống đời đời; và nếu như thực sự có Đức Chúa Trời đi nữa, chúng ta vừa phạm tội thờ hình tượng vừa phạm thượng vì cố đã quy những vinh dự thiên thượng cho một con người thuần túy, tên là Jesus kia. Như vậy một lần nữa, nếu Chúa Jesus không phải là Con Đức Chúa Trời, chúng ta ắt sẽ là những kẻ ngu dại đã hy sinh mọi thứ vì cơ Jesus ấy. Hy sinh vì cơ một nhân vật quan trọng thì đã là đắt giá rồi; nhưng hy sinh vì cơ một kẻ mạo danh sẽ

có nghĩa phải thiệt thòi trong đời này, và chịu mất mát kinh khiếp, không thể thu hồi lại được trong đời sau. Mặt khác, nếu Chúa Jesus là Con Đức Chúa Trời, không hy sinh vì cố Ngài ắt là cực kỳ ngu xuẩn. Chúng ta phải quyết định. Vì vậy, rõ ràng chiếc neo giữ cho chúng ta khỏi do dự hay bị trôi giạt thẳm hại khi bị thế gian chống đối chính là đức tin không lay chuyển vào thân tánh của Chúa Jesus.

Do đó, với hiểu biết tuyệt vời, trước giả tiếp tục giải luận lập tức đến câu hỏi căn bản này. Phương pháp tiếp cận của ông gồm hai mặt. Thứ nhất (1:1-4), ông bình tĩnh và vững vàng khẳng định thân tánh của Đức Chúa Jesus; và sau đó (1:5-14) ông chứng minh điều ấy.

Những chiến thuật của ông thật khôn ngoan. Thật rất dễ lạc mất tầm nhìn trong những lập luận bất tận binh vực những sự kiện cơ bản của trường hợp này. Vì vậy trước giả đã phát biểu lại những sự kiện ấy. Và trong số mọi sự kiện thích ứng, sự kiện quan trọng nhất và căn bản nhất chính là: Chúa Jesus sau khi bị đóng đinh và được chôn, Ngài đã sống lại từ kẻ chết và về trời. Đây chính là điều khiến Ngài nổi bật lên trong tư cách Con Đức Chúa Trời: Phaolô nói: *“Ngài bởi sự sống lại của Ngài từ trong kẻ chết, được tỏ ra là Con Đức Chúa Trời có quyền phép”* (Rôma 1:4). Thân tánh của Đấng Christ không phải là một ý tưởng được suy diễn ra bởi sự phỏng đoán gay go, rắc rối của thần học hay của triết học. Đây là một sự thật đã được công bố bởi biến cố phục sinh và thăng thiên lịch sử. Hãy để ý cách trước giả xây dựng biến cố trọng đại này thành đỉnh điểm trong lời công bố mở đầu của ông:

Đức Chúa Trời đã phán bởi Con Ngài,

1. Là Con mà Ngài đã lập lên kế tự muôn vật,
2. Bởi Con ấy và Ngài đã dựng nên vũ trụ,
3. Chính Con là sự chói sáng của sự vinh hiển Đức Chúa Trời,

4. Là sự trình bày chính xác (BVN – “hình bóng”) về bản thể Ngài,
5. Lấy lời quyền phép Ngài nâng đỡ muôn vật,
6. Sau khi Ngài đã làm xong sự tẩy sạch tội lỗi

-sáu mệnh đề phụ thuộc trong Hy văn, hết thấy đều là những câu tuyên bố hùng hồn, nhưng dẫn đến một đỉnh điểm khái hoàn:

Ngài *“bèn ngồi bên hữu Đấng tôn nghiêm ở trong nơi rất cao.”*

Như vậy, đây chính là nền tảng của đức tin Cơ đốc. Mặc cho cơn lốc xoáy của tranh luận tôn giáo dâng lên hay cuốn xuống tùy ý; Cơ đốc nhân vẫn đứng vững trên sự kiện không thể thay đổi về sự phục sinh và thăng thiên của Đấng Christ, được quan sát bởi vô số nhân chứng trung thực và đáng tin, và được xác chứng bởi sự giáng lâm của Đức Thánh Linh trong Danh Ngài.

Nhưng nếu đỉnh điểm tuyệt vời này xác chứng những lời tuyên bố trong sáu câu phụ thuộc ở trên, thì bản thân sáu lời tuyên bố ấy có công dụng rất mạnh mẽ. Chúng giới thiệu Cứu Chúa. Chúng mô tả chi tiết Đấng đã sống lại khái hoàn từ kẻ chết rồi thăng thiên ngồi bên hữu ngài Đức Chúa Trời này là ai. Chúng giải thích ý nghĩa sự chết, sự sống lại và sự thăng thiên của Ngài; nói cách khác, chúng công bố thân vị và công tác của Đấng Christ. Những lời tuyên bố này thực sự là những chiến thuật khôn ngoan, và hết thấy những giáo sư và truyền đạo Cơ đốc nên bắt chước theo đó.

Như vậy, chúng ta phải luôn luôn nhớ Đức Chúa Trời là bằng chứng của chính Ngài. Nói như vậy có nghĩa: Vì Ngài là Đấng Tạo Hóa, Ngài là nguồn tối hậu của mọi sự. Không một hữu thể nào trong vũ trụ này hoàn toàn độc lập khỏi Đức Chúa Trời để bởi đó có thể cung cấp cho chúng ta sự đánh giá độc lập về những lời Đức Chúa Trời tuyên bố Ngài là Đức Chúa Trời! Cũng không ai có thể cung cấp cho chúng ta bằng chứng

mà bằng chứng ấy không xuất phát tối hậu từ chính Đức Chúa Trời. Đức Chúa Trời tự hiển nhiên không cần phải có chứng cứ; và đức tin thật của chúng ta chính là đáp ứng của chúng ta trước sự tự bày tỏ của Đức Chúa Trời.

Và với Con của Đức Chúa Trời cũng vậy. Ngài là bằng chứng của chính Ngài. Nếu bạn muốn có đức tin nơi Ngài, hãy rao giảng ra chính Ngài. Hãy giảng về thân vị Ngài; lập lại những lời và bài giảng của Ngài; thuật lại những việc làm và các phép lạ của Ngài; hãy rao ra sự giáng sinh bởi nữ đồng trinh của Ngài, thập tự giá, sự chết và sự sống lại của Ngài; hãy truyền lại lời giải thích mà chính Ngài đã rao ra về những biến cố trọng đại này. Đó chính là điều tạo ra và khuyến khích đức tin của người ta. Đương nhiên, mỗi người chúng ta có thể làm việc mà Giảng Báp-tít đã làm và nói lên lời làm chứng của cá nhân mình về Đấng Christ và về những việc Ngài đã làm cho chúng ta. Điều ấy chắc chắn có hiệu lực và hữu ích; và Chúa sẽ dùng lời chứng ấy đưa người khác đến với Ngài và đến với sự cứu rỗi. Nhưng ở bình diện tối cao, như chính Chúa chúng ta đã nói rõ (Giăng 5:33-34); Ngài không “nhận lấy lời chứng của con người,” có nghĩa không nhận lời chứng của con người như thể nguồn độc lập để xác chứng những lời tuyên bố của Ngài. Không hề có và không thể có bằng chứng độc lập nào như thế. Chính những thân vị thiên thượng phải là – và là – nguồn mọi bằng chứng để đòi hỏi đức tin của chúng ta nơi Đức Chúa Cha, Đức Chúa Con và Đức Thánh Linh. Người Samari đã nói thật khôn ngoan – có lẽ còn khôn ngoan hơn họ biết – khi họ nói với người đàn bà đồng hương của mình: *“Họ nói với người đàn bà rằng: Ấy không còn phải vì điều người đã nói với chúng ta mà chúng ta tin đâu; vì chính chúng ta đã nghe Ngài, và biết rằng chính Ngài thật là Cứu Chúa của thế gian”* (Giăng 4:42).

Nhưng sau đó những chiến thuật của trước giả còn có phần thứ hai. Phải có phần này. Bạn thấy đấy, người Do Thái sẽ không chấp nhận cách các Cơ đốc nhân xem trước giả được soi

dẫn bởi Đức Thánh Linh, nên bởi đó những lời nói của ông có thẩm quyền. Họ sẽ tranh luận rằng những Cơ đốc nhân đầu tiên hoàn toàn bịa đặt ra ý tưởng về thần tánh của Chúa Jesus, và ý tưởng đó mâu thuẫn thẳng thừng với giáo lý cơ bản của Cựu Ước, tức giáo lý Đức Chúa Trời có một không hai. Do đó, trước giả phải cho thấy người Do Thái đã hoàn toàn nhầm. Vì vậy ông tranh luận (1:5-14) chính Cựu Ước đã công bố Đấng Mêsia khi đến sẽ chứng minh Ngài là một thân vị thiên thượng. Do đó, nếu tin nơi chính Kinh Thánh của họ, người Do Thái phải tin nơi thần tánh của Đấng Mêsia. Một khi đã xác lập được điều đó bằng những câu trích từ Cựu Ước, ông chỉ cần chứng minh Chúa Jesus chính là Đấng Mêsia đó, là Đấng Cựu Ước đã báo trước sự hiện đến của Ngài.

Vì vậy, giờ đây đến lượt lời tuyên bố về các sự kiện này; và rồi trong chương kế tiếp, chúng ta sẽ khảo sát những lời tuyên bố và những lời hứa của Cựu Ước.

Vẫn Là Một Đức Chúa Trời Duy Nhất

“Đời xưa, Đức Chúa Trời đã dùng các đấng tiên tri phán dạy tổ phụ chúng ta nhiều lần nhiều cách, rồi đến những ngày sau rốt này, Ngài phán dạy chúng ta bởi Con Ngài,” (1:1-2a).

Như vậy, chúng ta bắt đầu từ Đức Chúa Trời; từ Đức Chúa Trời của Adam, của Ysác và của Giacóp; từ Đức Chúa Trời là Đấng đã phán với các tổ phụ, với Môise, với Giôsuê, với các thầy tế lễ, các tiên tri và các vua của Cựu Ước. Tại đây thì Do Thái giáo và Cơ đốc nhân đứng chung với nhau, và rất đáng để nhấn mạnh sự kiện này. Không phải bất kể thần nào thì Cơ đốc nhân cũng tin đâu, nhưng họ chỉ tin nơi Đức Chúa Trời của người Do Thái. Và hơn thế nữa, họ tin Cựu Ước chính là Lời được soi dẫn và có thẩm quyền của Ngài.

Nhưng nếu trước giả bắt đầu bằng cách khẳng định chính Đức Chúa Trời là Đấng đã phán trong quá khứ với các tổ phụ,

há không phải giờ đây ông sẽ lấy tư cách Cơ đốc nhân tuyên bố: đối với Cơ đốc nhân, Chúa Jesus cũng chính là Đấng đã và đang phán với chúng ta sao?

Không! Nhưng nếu ông tuyên bố như vậy thì cũng vẫn đúng. Nhưng đó không phải là ý ông muốn nói ở đây. Điều ông muốn nhấn mạnh chính là: chính Đức Chúa Trời Đấng phán trong quá khứ với các tổ phụ chúng ta qua các tiên tri cũng chính là Đấng đã phán với chúng ta trong Chúa Jesus. Với tư cách một Cơ đốc nhân tin Đấng Christ thay mặt cho toàn bộ những người Do Thái khác tin nhận nơi Đấng Christ, ông đang nói lên ý: Dầu họ đi theo Chúa Jesus, họ vẫn tin nơi chính Đức Chúa Trời này như ngày trước đã tin! Họ không chạy đi thờ phượng một vị thần hay nhiều vị thần khác nào đó. Họ hết lòng khẳng định lời tuyên xưng đức tin lâu đời: *“Hỡi Ysoraên! Hãy nghe: Giêhôva Đức Chúa Trời chúng ta là Giêhôva có một không hai”* (Phục Truyền Luật Lệ Ký 6:4), và *“Trước mặt ta người chớ có các thần khác”* (Xuất Êđíphtô Ký 20:3).

Tiện thể, chúng ta cũng đừng nên bỏ qua ảnh hưởng của Chúa Jesus và những lời dạy dỗ của Ngài trên dân ngoại bang. Ngài đã đưa dắt hàng triệu người ngoại bang ngày trước vốn thờ đủ mọi loại tà thần đến chỗ bỏ thờ lạy hình tượng của họ và đặt đức tin nơi một Đức Chúa Trời chân thần duy nhất, là Đức Chúa Trời của Ysoraên. Về điều này, chưa từng có người Do Thái nào khác giống như Ngài.

Nhưng tuy Đức Chúa Trời đã phán với chúng ta cũng chính là Đấng đã phán với Ysoraên thời xưa, vẫn còn ba sự khác biệt lớn lao trong sự phán dạy của Ngài.

Thứ nhất, khác biệt về *thời điểm* Ngài phán: *“Đời xưa, Đức Chúa Trời đã... phán... rồi đến những ngày sau rốt này...”*

Thứ nhì, trong *cách thức* Ngài phán: *“Đức Chúa Trời đã... phán dạy... nhiều lần nhiều cách... Ngài phán dạy chúng ta bởi Con Ngài.”*

Thứ ba, khác biệt nơi *thân phận* của những phát ngôn nhân: “Đức Chúa Trời đã dùng các đấng tiên tri phán dạy... Ngài phán dạy chúng ta bởi Con Ngài.”

Đấng Christ là ai?

Hãy xét điểm khác biệt thứ nhất. Cụm từ trong bản NIV (cũng như trong bản Việt ngữ) “*đến những ngày sau rốt này*” nguyên văn là “*đến cuối những ngày này.*” Điều này dường như kỳ lạ với chúng ta, nhưng cụm từ này xuất phát trực tiếp từ Bản Bảy Mươi, là bản dịch Hy văn cổ của Cựu Ước, và Bản Bảy Mươi này lại căn cứ trên nguyên bản Hybálai. Người Do Thái thời cổ chia lịch sử con người thành hai thời kỳ chính: Lịch sử thế giới cho đến kỳ xuất hiện Đấng Mêsia (“*những ngày này*”) và rồi thời đại hầu đến, là thời đại của Đấng Mêsia. Thời kỳ chuyển tiếp giữa hai thời kỳ này sẽ là “*kỳ cuối cùng của những ngày này.*”¹

Đây chính là thuật ngữ trước giả đang sử dụng, và ông dùng thuật ngữ này để đưa ra một lời tuyên bố trọng đại. Ông đang đứng tại bước ngoặt của các thời đại. Ông nói rằng suốt những thế kỷ trước, Ysraên vẫn đang trông chờ sự hiện đến của Đấng Mêsia và chờ buổi bình minh thời đại của Đấng Mêsia. Giờ đây, cuối cùng Đấng Mêsia đã đến. Chúng ta đang đứng trong “*kỳ cuối cùng của những ngày này,*” hay như cách nói của sứ đồ Giăng: “*Hỡi các con cái ta, giờ cuối cùng là đây rồi*” (IGiăng 2:18).

Đương nhiên, Đức Chúa Trời không chờ đến khi Đấng Mêsia xuất hiện thì Ngài mới phán với con người, Ngài cũng không chờ đến giờ cuối cùng sẽ sai Đấng Mêsia đến như một sự kinh ngạc không báo trước. Kể từ thời Ngài phán với Êva về sự đắc thắng của dòng dõi người nữ (Sáng Thế Ký 3:15) cho đến lúc Ngài phán qua Malachi về mặt trời công nghĩa mọc lên, trong cánh cửa nó có sự chữa lành (Malachi 4:2), liên tiếp hết lời hứa này tiếp đến lời hứa khác, hết lời tiên tri này đến lời tiên tri

khác, thầy đều lập lại lời Đức Chúa Trời bảo đảm rằng một ngày kia Đấng Mêsia và Cứu Chúa của thế gian sẽ đến.

Và giờ đây Ngài đã đến! Anhrê nói với Simôn anh mình: *“Chúng ta đã gặp Đấng Mêsia.”* Philip nói với Nathanaên *“Chúng ta đã gặp Đấng mà Môise có chép trong luật pháp, và các đấng tiên tri cũng có nói đến;”* (Giăng 1:41, 45). Trước giả nói với người Hêbơrơ rằng bao thế kỷ dài đằng đặc chờ đợi nay đã hết. Kỳ cuối cùng của những ngày này đã tới rồi. Đấng Mêsia đã đến và tất cả những lời Đức Chúa Trời đã từng hứa nay đã được, hoặc đang được, hoặc sắp được, ứng nghiệm trong Ngài.

Dầu giờ đây cách rất xa thời điểm ấy, chúng ta vẫn cảm nhận được nổi hào hứng trong giọng nói của những Cơ đốc nhân đầu tiên này. Tin Lành của họ tuyệt vời biết dường nào! Họ đã tìm được bí quyết cho ý nghĩa và mục đích của đời sống, của lịch sử, của vũ trụ! Những lời hứa, những lời tiên tri và những sự hiện thấy của Cựu Ước đã biến thành sự thật! Đời xưa, sự phán dạy của Đức Chúa Trời mang hình thức lời hứa; nhưng giờ đây, trong kỳ cuối cùng của những ngày này, Ngài đã phán dạy ở một bình diện hoàn toàn cao hơn: bằng sự ứng nghiệm, bằng thực tại, trong thân vị của Đấng Mêsia, Đấng đã được hứa ban trước kia, nhưng giờ đây Ngài đã thực sự đến.

Rồi đến điểm khác biệt thứ nhì, là khác biệt về phương thức Chúa phán dạy. *“Đời xưa, Đức Chúa Trời đã... phán dạy tổ phụ chúng ta.”* Cơ đốc nhân cương quyết khẳng định điều này không kém gì những người Do Thái giáo chính thống nhất; và trên thẩm quyền của chính Chúa Jesus, họ tin rằng Cựu Ước chính là bản ký thuật soi dẫn về sự phán dạy ấy của Đức Chúa Trời. Nhưng khi xem kỹ, bạn sẽ thấy như trước giả đã nêu ra, trong quá khứ chưa hề có lần nào Đức Chúa Trời phán hết mọi sự Ngài cần nói, cũng chưa hề có người nào được Ngài truyền đạt hết cho người ấy và qua người ấy mọi điều Ngài dự định cho chúng ta biết về chính Ngài.

Những sự khải thị Ngài truyền đạt cho tổ phụ và người sáng lập dòng dõi Hêbơơ thật trọng đại biết dường nào! Nguyên tắc căn bản về mối quan hệ của con người với Đức Chúa Trời, tức sự xưng công bình bởi đức tin, cũng hiệu lực cho chúng ta ngày nay y như đã có hiệu lực khi Đức Chúa Trời lần đầu tiên dạy cho Ápraham (Sáng Thế Ký 15:6). Nhưng vẫn còn lượng thông tin rất lớn Đức Chúa Trời *đã không* nói cho Ápraham, mà Ngài chỉ bày tỏ qua Môise nhiều thế kỷ sau đó. Đức Chúa Trời cũng không nói cho Môise biết hết mọi sự; vì vẫn còn có rất nhiều tiên tri sau Môise thực hiện công việc không chỉ là đơn thuần lặp lại hay giải nghĩa những gì Môise đã nói rồi. Thực ra, như trước giả của chúng ta cuối cùng nêu ra (chẳng hạn như 7:11-16; 8;7-13; 9:10), Đức Chúa Trời đã bày tỏ qua những tiên tri về sau này rằng một số những quy định Ngài đã lập ra qua Môise trên thực tế vẫn chưa hề nhằm vào ý nào khác hơn là chúng chỉ có hiệu lực tạm thời. Có một số tiên tri được Chúa phán dạy rất nhiều, có người được phán dạy rất ít. Có đến sáu mươi sáu đoạn trong Êsai, nhưng chỉ có một đoạn trong Ápđia!

Như vậy, sự bày tỏ của Chúa về chính Ngài chỉ có từng phần một và tiệm tiến. Nhưng trong Đấng Christ, sự khải thị ấy là toàn vẹn và chung cuộc. Lấy ví dụ, trong Ápraham, Đức Chúa Trời đã bày tỏ cách Ngài sẵn sàng xưng công bình bất cứ ai “tin Đức Chúa Trời.” Nhưng làm sao để Đức Chúa Trời có thể vừa công bình chính trực lại vừa tuyên bố những tội nhân như Ápraham -và như chúng ta – là công bình với Đức Chúa Trời và được Ngài chấp nhận, thì điều đó vẫn còn là một bí mật. Trong Đấng Christ và trong sự chết của Ngài với tư cách của lễ chuộc tội, bí mật được giấu kín từ lâu ấy giờ đây mới được bày tỏ trọn vẹn (Rôma 3:25-26). Để trích dẫn thêm một ví dụ nữa, hãy xem qua luật pháp của Môise, Đức Chúa Trời tỏ ra tiêu chuẩn của hành vi mà Ngài đòi hỏi nơi con người. Nhưng Môise không hề cho thấy những con người sa ngã và tội lỗi như chúng ta làm cách nào để có khả năng tuân giữ được luật

pháp đó và đáp ứng được đòi hỏi của luật pháp. Đấng Christ thì có bày tỏ ra (Rôma 8:2-4). Đức Chúa Trời phán dạy mọi điều Ngài muốn nói ở trong Đấng Christ. Đấng Christ chính là lời cuối cùng của Đức Chúa Trời cho con người. Ngoài Đấng Christ, Đức Chúa Trời không nói thêm gì cả. Không cần phải nói thêm điều gì nữa.

Như vậy, trong quá khứ, sự khải thị của Đức Chúa Trời không những chỉ là một phần: nó còn đến dưới nhiều hình thức khác nhau. Đức Chúa Trời bày tỏ cho chúng ta thấy đôi điều về tấm lòng cảm thông của Ngài qua việc lập các thầy tế lễ trong dân Ysraên; và bày tỏ đôi điều khác nữa về chính Ngài và mục đích của Ngài bằng cách thiết lập vua. Ngài dấy các quan xét lên để làm người giải phóng và làm những vị cứu tinh cho dân sự (Các Quanxét 2:18). Ngài phán dạy qua các cửa tế lễ, các nghi lễ và các kỳ lễ. Nhưng giỏi lắm thì các thầy tế lễ cũng chỉ là những con người yếu đuối và thất bại. Các vị vua thường bất tuân Lời Chúa và chuyên chế bạo ngược với dân sự. Những vị cứu tinh và những người giải phóng tự họ chưa bao giờ hoàn toàn thoát được khỏi ách nô lệ cho tội lỗi; và những cửa tế lễ, các nghi lễ và các kỳ lễ chỉ là những biểu tượng: chúng không thể cung cấp sự tẩy sạch tâm linh bề trong mà chúng làm biểu tượng ở bề ngoài.

Nhưng tất cả các phương thức khải thị khác nhau này đều chỉ về Đấng Christ, và hết thảy chúng hiệp nhất trong Ngài. Những gì mà các phương thức khải thị này chỉ mới nói một phần và mơ hồ, thì Ngài đã diễn tả thật hoàn hảo trọn vẹn. Ngài là thầy tế lễ toàn hảo và vua lý tưởng – vì Ngài đã là một thần dân không ngừng vâng phục và Cứu Chúa vô tội và là cửa tế lễ đầy đủ, hữu hiệu.

Nếu chúng ta thắc mắc là làm sao toàn bộ điều này có thể đúng được cho Đức Chúa Jesus, câu trả lời sẽ được tìm thấy trong điểm khác biệt thứ ba, là khác biệt về thân phận giữa những phát ngôn nhân của Đức Chúa Trời trong quá khứ so với

vị phát ngôn nhân cuối cùng của Ngài. Trước giả nói, đời xưa Đức Chúa Trời đã phán qua các tiên tri: Đến kỳ cuối cùng của những ngày này, Ngài đã phán thông qua Con Ngài. Sẽ thấy ngay chúng ta được yêu cầu phải xem xét đến hai thể loại phát ngôn nhân khác nhau: một bên là các tiên tri, và bên kia là Con của Đức Chúa Trời. Trước giả không nói: “Đức Chúa Trời đã phán qua tiên tri,” nhưng nói “qua các *đấng* tiên tri này” (có mạo từ xác định). Các *đấng* tiên tri *này* là một nhóm hay một thể loại người nổi tiếng trong Ysraên. Họ thực sự giữ một chức vụ cao cả. Họ “*bởi Thánh Linh cảm động mà... nói bởi Đức Chúa Trời*” (IIPhierô 1:21). Có tiên tri được tôn cao, có người ít được tôn cao. Có người được nhiều kết quả và nổi tiếng hơn những người khác. Nhưng bất luận mức độ cao trọng của họ, hoàn toàn có thể gộp họ cách phải lẽ vào chung một nhóm: “Các *đấng* tiên tri này.”

Chúa Jesus không xếp vào trong nhóm đó; Ngài thuộc một thể loại riêng của Ngài. “Các *đấng* tiên tri” là những con người được soi dẫn, những người khổng lồ thuộc linh, nhưng dẫu có cao cả đến đâu thì cũng chỉ là người. Chúa Jesus còn trỗi cao hơn cả con người. Mối quan hệ của Ngài với Đức Chúa Trời là độc nhất vô nhị. Thành ngữ Hylạp cho phép trước giả diễn tả điều này hết sức ngắn gọn mà Anh ngữ không thể bì kịp. Trước giả nói: đời xưa Đức Chúa Trời đã phán dạy trong – hay qua – các tiên tri; nhưng đến kỳ cuối cùng của những ngày này, Ngài đã phán trong – hay qua – Con. Trong Anh ngữ, có vẻ thật kỳ quặc khi dùng chữ “Con” như thế mà không kèm theo mạo từ xác định (through *the* Son) hoặc mạo từ bất định (through *a* Son) hay một tính từ sở hữu (through *his* Son). Nhưng bạn không thể dịch từ Hy văn này là “qua một người Con” (“through *a* Son”), vì trước giả không có ý nói rằng Chúa Jesus là một trong rất nhiều con. Không, điều ông đang nói qua cách dùng thành ngữ Hy văn này ấy là: Đức Chúa Trời đã phán dạy chúng ta qua một *Đấng* về cơ bản chính là Con Đức Chúa Trời, *Đấng* liên hệ

với Đức Chúa Cha trong tư cách Con với Cha, là Đức Chúa Con có đồng một bản tánh như Đức Chúa Cha. Ngài không chỉ là một phát ngôn nhân cho Đức Chúa Trời; trong bản chất thiết yếu của Ngài, Ngài là Đức Chúa Trời. Khi bạn gặp Ngài, khi bạn nghe Ngài, bạn đã gặp Đức Chúa Trời và bạn nghe tiếng Đức Chúa Trời.

Là con người, chúng ta có thể dùng từ ngữ truyền đạt ý của mình, để truyền đạt những gì chúng ta có và những gì chúng ta cảm nhận trong con người bề trong của chúng ta – nếu chúng ta muốn. Nhưng thường lời lẽ của chúng ta không đủ, và chúng ta phải phàn nàn: “Tôi không diễn tả nổi những gì mình thực sự cảm nhận.” Lời nói chúng ta không đủ để diễn tả chính chúng ta, chính xác là vì lời nói của chúng ta không phải là chúng ta. Chúng ta là những thân vị, nhưng những lời nói của chúng ta kém xa những thân vị. Tuy nhiên, khi Đức Chúa Trời diễn tả chính Ngài, sự diễn tả của Ngài, lời nói của Ngài, chính là một thân vị, là Đấng diễn đạt hoàn hảo những gì Đức Chúa Trời có, vì Ngài chính là Đức Chúa Trời. Giảng nói: “*Ban đầu có Ngôi Lời, Ngôi Lời ở cùng Đức Chúa Trời, và Ngôi Lời là Đức Chúa Trời*” (Giăng 1:1).

Nói như vậy không phải phủ nhận lời Cựu Ước công bố tính độc nhất vô nhị của Đức Chúa Trời. Tân Ước khẳng định không chút dè dặt y như Cựu Ước rằng “*chỉ có một Đức Chúa Trời*” (ITimôthê 2:5). Nhưng khi Đức Chúa Trời tiếp tục phán trải qua các thế kỷ, dần bày tỏ nhiều hơn về chính Ngài, thì ngày càng thấy rõ ràng sự độc nhất của Đức Chúa Trời không mang tính nguyên một khối. Con người chúng ta đều là những tạo vật tâm thường và hèn kém, nhưng cũng vẫn không phải là những cục đá nguyên khối. Cứ lắng nghe chúng ta nói về chính mình, bạn sẽ thấy lẽ tự nhiên chúng ta nghĩ mình là một thể đa nguyên bên trong một thể thống nhất. Lấy ví dụ, chúng ta thấy một người Hêbơrơ tin kính trong thời Cựu Ước khi đối diện trước sự chết thể xác này đã nói với Chúa: “Tôi

phó thác thần linh tôi vào tay Chúa” (Thi Thiên 31:5). Chúng ta biết chính xác ông muốn nói gì. Nhưng hiển nhiên, chính việc ông phân biệt giữa thân xác và thần linh của mình không hàm ý ông tin mình là hai con người, hoặc hàm ý ở thái cực ngược lại là xem thân thể ông không phải là một phần của ông. Khi Cơ đốc nhân nói đến một Đức Chúa Trời chân thần duy nhất là phúc tạp vô hạn hơn chúng ta -là những tạo vật tầm thường của Ngài- và Đức Chúa Trời gồm Đức Chúa Cha, Đức Chúa Con và Đức Thánh Linh, thì họ cũng không ám chỉ có ba Đức Chúa Trời. Thực ra, chính Cựu Ước gợi ý nhiều về tính số nhiều bên trong sự hiệp nhất của bản thể Đức Chúa Trời này. Ngay trong chính đoạn đầu của Cựu Ước, Đức Chúa Trời phán: “*Chúng ta* hãy làm nên loài người như *hình chúng ta* và theo *tượng chúng ta*, đặng quản trị loài cá biển, loài chim trời, loài súc vật, loài côn trùng bò trên mặt đất, và khắp cả đất” (Sáng Thế Ký 1:26) – và hiển nhiên Đức Chúa Trời không đang nói với các thiên sứ; không phải con người được dựng nên hình ảnh của Đức Chúa Trời cộng với các thiên sứ!

Thân Vị Của Đức Chúa Con

Vậy từ ngữ “Con Đức Chúa Trời” có ý nghĩa gì? Trước giả tiếp tục nói cho chúng ta biết. Ông không dự tính cho chúng ta một định nghĩa, hoặc về thần học hoặc mang tính siêu hình. Thật khôn ngoan biết bao! Dẫu có đưa ra được định nghĩa theo ngôn ngữ đơn thuần của con người và sử dụng những hình thức tư tưởng hữu hạn, định nghĩa ra từ đó cũng hoàn toàn vượt quá hiểu biết của đại đa số các tín hữu. (So với bản thể Đức Chúa Trời, nguyên tử là một vật đơn giản, thấp kém. Vậy mà đã có ai hiểu hết và hình dung chính xác được cấu trúc của nguyên tử chưa?) Trước giả chọn mô tả cho chúng ta về thân vị của Con Đức Chúa Trời và về vai trò của Ngài trước hết trong sự sáng thế và thứ nhì trong sự cứu rỗi.

a. Đức Chúa Con Trong Mối Liên Hệ Với Sự Tạo Dựng Vũ Trụ

Chính vì Đức Chúa Con mà vũ trụ này được dựng nên. Trước giả nói Ngài đã được lập làm người *“kế tự muôn vật.”*

Vũ trụ này không tự hiện hữu. Vũ trụ đã được dựng nên. Vì thế không thể tránh khỏi thắc mắc: “Vũ trụ này được dựng nên để làm gì?” Theo bản năng, chúng ta bác bỏ ý kiến nào cho rằng không hề có mục đích hay mục tiêu nào ẩn tàng sau sự hiện hữu của vũ trụ này. Nghiên cứu mục đích và chức năng của mỗi một bộ phận riêng lẻ và chức năng bên trong cơ thể chúng ta, hay bên trong vũ trụ nói chung, chính là một trong những sự luyện tập trí tuệ hào hứng và thỏa mãn nhất mà chúng ta có thể làm. Lý trí chúng ta không chịu thỏa mãn với ý nghĩ cho rằng trong khi mỗi một bộ phận của vũ trụ đều có một mục đích và chức năng đối với toàn thể, bản thân toàn thể lại không hề có mục đích hay chức năng nào.

Chính chúng ta cũng không tự hiện hữu nữa, và đương nhiên chúng ta không tự dựng nên chúng ta. Sớm muộn gì mỗi người chúng ta cũng bắt đầu thắc mắc: “Vì sao tôi hiện hữu ở đây? Mục đích của đời sống là gì?” Hầu hết chúng ta đều thấy mình quá nhỏ bé đến độ không thể làm một mục tiêu và một mục đích thỏa đáng cho chính cuộc sống của mình. Chúng ta phải tìm kiếm mục tiêu lớn hơn và thỏa đáng hơn. Nhưng là mục tiêu nào? Gia đình? Xã hội? Dân tộc? Chủng tộc? Như lịch sử cho thấy, hành vi của các dân tộc và của nhân loại cho đến nay dường như chứng tỏ nhân loại không phải là một mục tiêu thỏa đáng cho cuộc sống.

Bạn có thể bảo: “A, nhưng nhân loại đã tiến bộ lớn lao, và sẽ tiếp tục tiến bộ cao hơn, và tôi thỏa mãn nếu cuộc sống cá nhân mình phục vụ mục đích cao quý là sự tiến bộ của nhân loại.”

Nói như vậy rất hay; nhưng nếu nhân loại đang tiến bộ – và nhất định nhân loại đang tiến bộ theo một chiều hướng nào

đó – thì một lần nữa vẫn dẫn đến cùng một câu hỏi: tiến bộ đến mục tiêu nào? Và nếu không trả lời được câu hỏi đó, thì “phục vụ tiến bộ của nhân loại” rốt cuộc là hoàn toàn vô nghĩa. Làm một cái răng trong nhông chuyên bộ máy của xe buýt để phục vụ mục đích làm cho xe buýt chuyển động liệu có ích gì, nếu chính chiếc xe buýt không biết nó đang đi đâu, và trên thực tế chẳng có nơi nào để đi và cũng chẳng có nguyên nhân nào để đi đâu nữa?

Vậy, chúng ta sẽ tìm nơi đâu có một mục đích và mục tiêu thỏa đáng cho sự hiện hữu của mình? Câu trả lời chính là: Trong Con của Đức Chúa Trời. Chính vì Ngài và vì đẹp ý Ngài mà cõi vũ trụ này – cùng với chúng ta trong đó – đã được dựng nên. Con Đức Chúa Trời chính là Đấng được lập làm kẻ kế tự muôn vật, cả vũ trụ vật chất này, cả mọi tạo vật trong cõi vũ trụ ấy, cả lịch sử cùng sự tiến triển của vũ trụ đó. Con Đức Chúa Trời toàn năng và đời đời, duy một mình Ngài mới đủ cao cả và xứng đáng làm mục tiêu cuối cùng cho đời sống của mỗi một cá nhân và của nhân loại cùng vũ trụ.

Hơn thế nữa, Ngài không những là mục tiêu cho vũ trụ này mà thôi; Ngài còn là Đấng Tạo Dựng vũ trụ ấy nữa. Chính bởi Ngài mà Đức Chúa Trời đã dựng nên vũ trụ này. Khi trước giả sách Châmngôn trong Cựu Ước nói về sự khôn ngoan mà Đức Chúa Trời đã dùng để dựng nên thế gian, ông nói về sự khôn ngoan hầu như bằng những đại từ nhân xưng (Châmngôn 8:22 trở đi). Bản năng của ông đã đúng; có lẽ đúng hơn cả mức ông nhận ra, vì ông được Đức Chúa Trời soi dẫn. Sự khôn ngoan đó thực sự là một thân vị, là Con của Đức Chúa Trời. Đây là phúc âm tuyệt vời biết dường nào! Con người chúng ta không phải là những sản phẩm suông của những lực phi thân vị, vô mục đích đang tác động thông qua cơ may ngẫu nhiên trên vật chất mù quáng, vô cảm. Chúng ta là những tạo vật của một Đấng Tạo Hóa có thân vị, Đấng đã nhập thể qua thân vị Đức Chúa

Jesus Chúa chúng ta để chúng ta được biết Ngài cách cá nhân và phục vụ Ngài cách có trí khôn và đầy triu mến.

b. Thân Vị Của Con Đức Chúa Trời

Chúng ta đã nghĩ về Con Đức Chúa Trời trong mối liên hệ đến sự tạo dựng. Nhưng bản thân Ngài có gì? Ngài là sự chói sáng của vinh hiển Đức Chúa Trời và là sự trình bày chính xác về bản thể [căn bản] của Đức Chúa Trời (1:3). Hãy lưu ý đến thì hiện tại. Đây là những điều Đấng Christ luôn luôn có, hiện có và sẽ luôn luôn tiếp tục có. Ngài là sự chói sáng của vinh hiển Đức Chúa Trời. Không ai trong chúng ta từng thấy Đức Chúa Cha. Ngay cả Môise cũng không. Khi Môise đứng trong bóng đá và Đức Chúa Trời cho toàn bộ vinh hiển của Ngài đi ngang qua, Môise không thấy Đấng mà chúng ta biết là Đức Chúa Cha (Xuất Êđíphtô Ký 33:17 trở đi). Ông đã thấy Đấng mà về sau đã trở thành Jesus ở Naxarét, nhưng là Đấng đã luôn luôn là, và qua suốt cõi đời đời vẫn là, sự chói sáng của vinh hiển Đức Chúa Trời. Ngài đã bày tỏ sự vinh hiển của Đức Chúa Trời bởi việc tạo dựng cõi vũ trụ – bày tỏ cho thấy Đức Chúa Trời là một Đức Chúa Trời của màu sắc, âm nhạc và vẻ đẹp cùng vẻ hùng tráng và oai quyền. Qua Môise và luật pháp Ngài, Ngài bày tỏ Đức Chúa Trời là một Đức Chúa Trời của trật tự đạo đức và thanh sạch, của sự công bình và thánh khiết. Nhưng trong chính sự nhập thể của Ngài, trong sự chết, sự sống lại và thăng thiên của Ngài, Ngài đã bày tỏ vinh hiển của Đức Chúa Cha theo cách mà chỉ một mình Con mới làm được. *“Ngôi Lời đã trở nên xác thịt, ở giữa chúng ta, đầy ơn và lẽ thật; chúng ta đã ngắm xem sự vinh hiển của Ngài, thật như vinh hiển của Con một đến từ nơi Cha”* (Giăng 1:14).

Ngài là sự chói sáng của vinh hiển Đức Chúa Trời không những trong hành động, mà còn trong cả chính bản ngã Ngài nữa. Êsai đã có lần nhìn thấy Thiên đàng và thấy Chúa cao sang được tôn cao, vạt áo Ngài đầy đầy đèn thờ. Các chêrubin

vừa che đầu và che chân vừa kêu lên: *“Thánh thay, thánh thay, thánh thay là Đức Giêhôva vạn quân!”* Êsai đã thấy, nên kể cho chúng ta về *“Vua, tức là Giêhôva vạn quân”* (Êsai 6:1-5). Giảng, trước giả sách Tin Lành được soi dẫn, bổ sung thêm thông tin cho biết Đấng Êsai nhìn thấy kia cũng chính là Đấng chúng ta gọi Ngài là Jesus (Giăng 12:41). Ngài là ngôi vị đó trong Ba Ngôi, là Đấng bày tỏ vinh hiển của bản thể Đức Chúa Trời. Ngài không chỉ phản ảnh vinh hiển ấy kiểu như tấm gương soi có thể phản chiếu các tia sáng mặt trời nhưng bản thân chiếc gương không có ánh sáng. Trái lại, giống như tia sáng mặt trời cho thấy mặt trời ra thế nào vì cơ chúng có đồng một bản chất như mặt trời, thì cũng vậy, Đấng Christ bày tỏ Đức Chúa Trời vì trong chính bản thể của Ngài, Ngài là Đức Chúa Trời.

Kinh Thánh nói Ngài là sự trình bày chính xác (hình bóng) về bản thể cơ bản của Đức Chúa Trời cũng giống như bạn thấy cái khuôn dập lên miếng kim loại và từ những dấu hằn lại trên tấm kim loại, bạn có thể mô tả cái khuôn kia ra sao, thì cũng vậy, nhìn xem Đấng Christ, bạn sẽ thấy được Đức Chúa Trời như thế nào. Nhưng minh họa của chúng ta vẫn chưa đạt, vì miếng kim loại nhận dấu ấn của chiếc khuôn không nhất thiết phải đồng một thứ kim loại với cái khuôn. Nhưng như chúng ta thấy, Đấng Christ không những trình bày chính xác bản thể thiết yếu của Đức Chúa Trời; mà Ngài còn trình bày chính xác bởi vì Ngài có đồng một bản thể ấy.

c. Con Đức Chúa Trời Và Sự Bảo Tồn Vũ Trụ

Còn một việc khác nữa mà Đấng Christ đã luôn và sẽ luôn luôn làm. Ngài nâng đỡ mọi vật bởi lời có quyền phép của Ngài. Ngài nâng đỡ vũ trụ chính Ngài đã dựng nên. Ngài không những nâng đỡ vũ trụ dường như thế đó là một khối nặng bất động nào đó cần Ngài phải nâng lên. Ngài nâng đỡ theo nghĩa Ngài đang đem đi theo, đem đến mục tiêu và số mệnh cuối cùng của nó.

Các nhà khoa học nói về khả năng của sự phân hạch hay

liên kết hạt nhân, về khả năng con người làm nổ tung thế giới mà chúng ta đang sống trên đó. Bạn không cần phải lo lắng, vì có chính Đấng Christ, Đấng có lời quyền phép, đang bảo tồn và canh giữ sự hiện hữu của thế giới này. Chúng ta được nghe rằng vũ trụ đang bành trướng ra, các ngôi sao cách xa hàng triệu năm ánh sáng không ngừng đi xa ra khỏi trái đất với tốc độ rất lớn. Đi về đâu vậy? Sẽ chấm dứt tại đâu? Sự thực ấy là Con Đức Chúa Trời đang nâng đỡ cả cõi vũ trụ và đưa nó đến định mệnh của nó.

d. Con Đức Chúa Trời Và Sự Cứu Chuộc Vũ Trụ

Vẫn còn nữa. Kinh Thánh nói: *“Ngài đã làm xong sự chuộc tội.”* Bản Authorized (King James) Version ghi là: *“Khi Ngài đã đích thân tẩy sạch tội lỗi chúng ta...”*; nhưng ý tưởng ở đây còn lớn hơn thế nữa. Đây không phải vấn đề về những tội đã phạm của chúng ta không mà thôi – cho dù chúng tội tệ lớn lao đến đâu đi nữa – nhưng là vấn đề về toàn bộ cõi vũ trụ đã bị ô uế và rã rời này. Ngài đã dựng nên toàn bộ vũ trụ này, Ngài nâng đỡ toàn bộ vũ trụ này; và khi tội lỗi phá hỏng mọi sự, chính Ngài đã đến để sửa lại. Ngài không phải chỉ là một tạo vật, mà mờ mờ với một cõi vũ trụ không do Ngài đích thân dựng nên. Là Đấng Tạo Hóa của cõi vũ trụ này, Ngài cũng đã trở nên Đấng Cứu Chuộc nó. Ngài đã thực hiện xong công tác để có thể hòa giải mọi vật về với Đức Chúa Trời “và bởi huyết Ngài trên thập tự giá, thì đã làm nên hòa bình, khiến muôn vật dưới đất trên trời đều nhờ Ngài mà hòa thuận cùng chính mình Đức Chúa Trời” (Cô-lô-se 1:20)

e. Sự Tôn Vinh Hiển Con Đức Chúa Trời

“Con làm xong sự sạch tội, bèn ngồi bên hữu Đấng tôn nghiêm ở trong nơi rất cao” (1:3).

Ở đây ám chỉ đến Thi Thiên 110:1. Trong câu Kinh Thánh này, Đức Chúa Trời qua Đấng tiên tri Đavít đã rao ra lời Ngài

mời gọi Chúa của Đavít: “Đức Giêhôva phán cùng Chúa tôi rằng: Hãy ngồi bên hữu ta, cho đến chừng ta đặt kẻ thù nghịch ngươi làm bệ chân cho ngươi.” Câu Kinh Thánh này được các Cơ đốc nhân đầu tiên rất mến chuộng, vì Chúa Jesus đã nhắc họ lưu ý đến câu này và áp dụng cho chính Ngài (xem Luca 20:41-44; 22:69-70). Chúng ta sẽ gặp câu ấy trong thơ Hêbơrơ rất nhiều lần. Nhưng giờ đây chúng ta xét đến hàm ý của câu ấy. Khi phiên tòa của thầy tế lễ thượng phẩm nghe Chúa Jesus tuyên bố: “*Nhưng từ nay về sau, Con người sẽ ngồi bên hữu quyền phép Đức Chúa Trời.*” Họ thấy đều thốt lên: “*Vậy, ngươi là Con Đức Chúa Trời sao?*”

Ngài đáp: “Đúng vậy.”

Suy luận của họ hoàn toàn chính xác.

f. Con Đức Chúa Trời Và Các Thiên Sứ

Cuối cùng, trước giả nói thêm: “*Vậy được hưởng danh cao hơn danh thiên sứ bao nhiêu, thì trở nên cao trọng hơn thiên sứ bấy nhiêu*” (1:4). Lẽ tự nhiên, chắc chắn ông phải nhắc những Cơ đốc nhân thuộc đồng bào Do Thái của ông rằng Đức Chúa Jesus – vị thống soái cho sự cứu rỗi của họ – là trỗi hơn mọi điều họ đã biết trong Do Thái giáo; và ông viết tiếp bức thư, bắt đầu vào chủ đề của mình. Đấng Christ trỗi hơn các thiên sứ (1:4 trở đi); Ngài trỗi hơn các của tế lễ (10:3-10), và giao ước của Ngài là trỗi hơn giao ước cũ (8:6). Đi theo Đấng Christ, họ không thiệt thòi gì cả.

Nhưng còn một nguyên nhân đặc biệt khiến ông nhắc nhở độc giả rằng Chúa Jesus trỗi hơn các thiên sứ. Luật pháp Do Thái được đem đến bởi các thiên sứ (xem Công vụ 7:53; Galati 3:19); vì vậy họ tôn kính luật pháp đó. Há chẳng phải họ là dân tộc được hưởng đặc ân sao? Còn dân nào khác dám tuyên bố Đức Chúa Trời đã phán với mình và giao luật pháp của Ngài cho lãnh tụ của họ – là Môise – thông qua các thiên sứ? Và quang cảnh ban luật pháp trên núi Sinai thật ngoạn mục biết

dường nào (Xuất Êđiptô Ký 24:16-17)! Trái lại, theo cách đánh giá của họ, Chúa Jesus chẳng ra gì cả. Người Pharisi có lần nói: “Chúng ta biết Đức Chúa Trời đã phán cùng Môise, nhưng người này, thì chúng ta chẳng biết bởi đâu đến” (Giăng 9:29). Vì vậy, họ không ngừng nhạo báng những người Do Thái tin Đấng Christ vì cố bỏ luật pháp được ban qua trung gian của các thiên sứ đáng tôn để rồi đi theo những lời dạy dỗ của một người thợ mộc vô danh tiểu tốt. Trước giả của chúng ta tuyên bố: Không phải vậy đâu! Chúa Jesus cao trọng gấp bội các thiên sứ. Là Con Đức Chúa Trời, theo quyền thừa kế thiên thượng, Ngài đã luôn luôn mang danh cao trọng hơn danh của các thiên sứ. Giờ đây khi nhập thể làm Jesus, Ngài đang ngồi trên ngôi được tôn cao trởi hơn hết thảy các thiên sứ.

Câu Hỏi

1. Bạn thấy có những điểm tương tự nào trong các chi tiết giữa Hêbơơ 1:1-4 nói về Chúa chúng ta với những điều các trước Tân Ước khác nói về Ngài (ví dụ như Côlôse 1:15-17; Giăng 1:1-4)?
2. Bạn sẽ đối đáp ra sao cho người kết tội bạn đã tin ba Đức Chúa Trời?
3. Trên phương diện nào, Đấng Christ “kế tự muôn vật”?
4. Cụm từ “sự chói sáng của sự vinh hiển Đức Chúa Trời” và “hình bóng của bốn thể Ngài” có ý nghĩa gì?
5. Vũ trụ do Đấng Christ dựng nên làm thế nào lại cần sự tẩy sạch? Côlôse 1:20 dạy gì về điều này không?
6. “Ngôi bên hữu” (1:3) là câu ám chỉ đến Thi Thiên 110:1. Hãy khảo sát những bài học rút ra từ câu Kinh Thánh này (a) Trong phần còn lại của bức thư; (b) trong phần còn lại của Tân Ước. Hãy sử dụng một quyển Thánh Kinh Phù Dẫn tốt để tìm những địa chỉ có trích dẫn câu này.
7. Hêbơơ 1:1-4 là tin tức tốt lành cho con người thời đại này

qua những chi tiết cụ thể nào?

Chú thích Chương 2

¹ Chẳng hạn xem Đaniên 10:14 để biết các chi tiết, cùng với phần giải luận rất bổ ích, F. F. Bruce, *The Epistle to the Hebrews* (Marshall, Morgan and Scott, 1965), trang 3.

CHỨNG MINH THẦN TÁNH CỦA Đấng CHRIST

Hêbơơ 1:5-14

(Đây là một đoạn dài và khó nhưng cực kỳ quan trọng. Nếu thích, giờ đây bạn có thể đọc Phần Một, rồi về sau sẽ quay lại đọc tiếp Phần Hai, Ba, và Bốn.)

Phần Một

Trong Hêbơơ 1:1-4, trước giả khẳng định thần tánh của Đấng Christ. Trong 1:5-14, ông bắt đầu chứng minh điều ấy. Đương nhiên không phải chứng minh cho những người bất khả tri hay những người vô thần và tín đồ của các đạo khác vốn không chấp nhận Cựu Ước là Lời Đức Chúa Trời – hay ít nhất thì cũng không phải là để chứng minh cho họ trước hết, dầu những lời của ông có lẽ rất cuộc vẫn cung cấp cho họ bằng chứng hùng hồn rằng Chúa Jesus là Con Đức Chúa Trời. Nhưng ngay từ đầu, ông đang viết cho những Cơ đốc nhân người Do Thái để củng cố đức tin họ, và giúp họ đối đáp với những lời chỉ trích của những đồng bào Do Thái phủ nhận thần tánh của Đức Chúa Jesus và đang xem việc thờ lạy Chúa Jesus như thờ lạy Đức Chúa Trời là một sự thờ lạy hình tượng đầy phạm thượng. Hẳn không ích gì để mong những người Do Thái không tiếp nhận Đấng Christ phải chấp nhận thần tánh của Chúa Jesus dựa vào thẩm quyền của các sứ đồ Đấng Christ. Họ đâu chịu chấp nhận thẩm quyền đó. Nhưng cả những người Do Thái đã tiếp nhận lẫn chưa tiếp nhận Đấng Christ đều chấp nhận Cựu Ước là Lời được soi dẫn thiên thượng và có thẩm quyền của Đức Chúa Trời; và trước giả thơ Hêbơơ đã viện dẫn chính Cựu

Ước để chứng minh lập luận của mình.

Chúng ta thấy ngay vấn đề chính không phải là chiến thắng trong cuộc tranh luận thần học dài dòng và hoàn toàn phi thực tiễn. Vấn đề chính là trọng tâm và tính đáng tin của chương trình cứu rỗi thế gian đã được công bố trong Cựu Ước. Cựu Ước còn nhiều điều để đem đến cho thế gian ngoài giáo lý về chủ nghĩa độc thân, dầu giáo lý ấy thật vinh diệu và có tính giải phóng, đem lại sự sống. Ngoài bộ luật đạo đức lành mạnh, có ý thức do Chúa ban cho -cho dầu bộ luật ấy thật cần thiết cho sức khỏe đạo đức -Cựu Ước vẫn còn cung cấp nhiều điều khác nữa. Cựu Ước trình bày chương trình cứu rỗi thế gian, chương trình triệt hạ điều ác, để thiết lập nước Đức Chúa Trời trên đất. Thế gian chắc chắn cần điều này.

Theo Cựu Ước, chìa khóa và trụ cột trong chương trình này ấy là sự hiện đến của Đấng Mêsia. Hãy xét hai lời tiên tri điển hình cho rất nhiều lời đó. *“Có một chồi sẽ nứt lên từ gốc Ysai, một nhánh từ rễ nó sẽ ra trái. Thần của Đức Giêhôva sẽ ngự trên Ngài.... Ngài sẽ dùng sự công bình xét đoán kẻ nghèo, và xử lý ngay thẳng cho kẻ nhu mì trên đất. Ngài sẽ đánh thế gian bằng cái gậy của miệng mình, và lấy hơi thở nơi môi mà giết kẻ ác..... Bấy giờ muông sói sẽ ở với chiên con... bò con, sư tử con với bò nuôi mập cùng chung một chỗ, một đứa con trẻ sẽ dắt chúng nó đi.... vì thế gian sẽ đầy dẫy sự hiểu biết Đức Giêhôva, như các dòng nước che lấp biển. Xảy ra trong ngày đó, rễ Ysai đứng lên làm cờ cho muôn dân, các nước đều tìm đến Ngài, nơi an nghỉ của Ngài sẽ được vinh hiển”* (Êsai 11:1-10). Êsai nói ở chỗ khác (2:1-4): *“... Ngài sẽ làm sự phán xét trong các nước, đoán định về nhiều dân. Bấy giờ họ sẽ lấy gươm rèn lưỡi cày, lấy giáo rèn lưỡi liềm. Nước này chẳng còn giá gươm lên nghịch cùng nước khác, người ta chẳng còn tập sự chiến tranh.”*

Niềm hy vọng một tương lai như thế đã ám ảnh nhân loại. Tận đáy lòng, chúng ta biết đấy là cách sống tinh tảo duy nhất. Nhưng bao thế kỷ hy vọng vẫn chưa thành cùng với sự gian ác

không ngừng và chiến tranh liên miên vẫn tiếp diễn liên tục khiến dân chúng hoài nghi. Có rất nhiều lời hứa về thế giới không tương, căn cứ trên những lý thuyết chính trị hoặc trên đức tin tôn giáo, và rồi đã tỏ ra là ảo tưởng và đôi khi chúng còn góp phần lớn lao vào sự khốn khổ và hoạn nạn của thế giới. Hy vọng nhạt dần đi. Lẽ tự nhiên, dân chúng thắc mắc không biết chương trình Cựu Ước đáng tin ở điểm nào. Những sự hiện thấy và những lời hứa của Cựu Ước có hơn gì những mơ tưởng hay những lâu đài tôn giáo trên chốn không trung đâu? Ai là “*chồi sẽ nứt lên từ gốc Ysai*” này, ai là “*nhánh từ rễ nó,*” là người sẽ tập trung các dân về với chính người và đem lại hòa bình toàn cầu căn cứ trên nền công chính hoàn hảo.

Lời mô tả về người như một nhánh ra từ rễ của Ysai (Ysai là cha của vua Đavít) cho thấy người ấy phải là một vua ra từ dòng vua Đavít. Vậy thì người có gì hơn thế nữa đâu? Nếu vậy, điều đó sẽ đem lại niềm tin quyết nào trong lòng chúng ta rằng đây chính là chìa khóa cho sự cứu rỗi của thế gian? Chính Đavít đã đoạt được nhiều chiến thắng quân sự, ông được dân mình rất mến mộ (dẫu đã có lúc sự mến mộ đó suy sụp nghiêm trọng); và thi ca tôn giáo của ông vẫn an ủi và đem lại cảm hứng cho hàng triệu người trên thế giới (bằng chứng là Thi Thiên 23). Nhưng ông là vua của chỉ một quốc gia nhỏ cỡ chiếc khăn tay bỏ túi. Những dân lớn người ngoại bang đâu có tập trung lại dưới trướng của Đavít. Ông cũng đã phạm tội hành động như kẻ bạo chúa Đông phương, phạm tội ngoại tình và sát nhân. Quan tổng binh của Đavít, là Giôáp, là một kẻ âm mưu tàn nhẫn, đói khát quyền lực, vô nguyên tắc, là người mà Đavít chưa bao giờ kiểm soát được cách thỏa đáng. Những người kế vị Đavít chưa có ai vĩ đại hơn hay tốt hơn ông; đa số còn tệ hơn nhiều. Làm sao chúng ta có thể xem trọng Cựu Ước nếu chương trình đã hứa của Cựu Ước cho sự cứu rỗi thế gian lại tùy thuộc vào một vị vua kiêm Đấng Mêsia kiêm Cứu Chúa, một người cũng chẳng hơn gì một hậu tự bằng xương bằng thịt của Đavít, cho

dù có thông minh lỗi lạc đến đâu đi nữa – hoặc hậu tự của một lãnh tụ nổi tiếng nào khác, chẳng hạn như Alexander, Caesar, Napoleon, hay bất cứ ai bạn muốn?

Nhưng điều mà Cựu Ước đã hứa làm một vị Vua kiêm Cứu Chúa kiêm Đấng Mêsia, Đấng vượt trội hơn thế nhiều. Đương nhiên Ngài sẽ là con của Đavít; do đó rất nhiều tiên tri trong Cựu Ước đã xem những kinh nghiệm của vua Đavít, và của những người kế vị vua, như một thể loại hình bóng báo trước hay một hình ảnh báo trước về Đấng Mêsia. Nhưng chính Cựu Ước nói rất rõ rằng Đấng Mêsia không chỉ là con của Đavít, Ngài cũng sẽ là Chúa của Đavít nữa (xem Thi Thiên 110:1 và lời Đấng Christ bình luận về câu Kinh Thánh này trong Luca 20:41-44). Đương nhiên Ngài cũng là con người như Đavít, nhưng Ngài còn trội hơn con người. Ngài hoàn toàn là Đức Chúa Trời, Đức Chúa Trời nhập thể (xem Êsai 9:6-7). Dầu thật kỳ diệu, nhưng chính phần này trong chương trình Cựu Ước (nếu quả đúng là vậy) đã khiến cho chương trình có hy vọng thực tiễn để được ứng nghiệm.

Trước giả thư Hêbơơ cũng không gặp khó khăn nào để chứng tỏ đây chính là điều Cựu Ước mô tả về Đấng Mêsia. Ở đây trước giả trích dẫn ba câu từ Cựu Ước. Ông trích Thi Thiên 2:7, trong đó Đức Chúa Trời phán với Đấng Mêsia: *“Người là con ta, ngày nay ta đã sanh người.”* Ông trích Thi Thiên 45:6-7, là câu Đức Chúa Trời phán với Đấng Mêsia (thông qua vị tiên tri kiêm thi sĩ được Đức Chúa Trời soi dẫn): *“Hỡi Đức Chúa Trời, ngôi Chúa còn mãi đời nọ qua đời kia... Đức Chúa Trời, là Đức Chúa Trời của Chúa, đã xúc dầu cho Chúa... trội hơn đồng loại Chúa.”* Và ông trích dẫn Thi Thiên 110:1, trong câu đó Đức Chúa Trời mời Chúa của Đavít, tức là Đấng Mêsia, ngồi bên hữu Ngài cho đến khi Đức Chúa Trời khiến những kẻ thù Ngài làm bệ chơn cho Ngài. Đây là lối nói được tôn cao đến nỗi vượt xa hơn cả Đavít hay bất kỳ một người kế vị bình thường nào trong hoàng tộc của ông. Những nhà sáng tác được

soi dẫn của các Thi Thiên này còn trội hơn cả những thi sĩ: họ là những vị tiên tri. Khi dùng vua Đavít hay một trong những người kế vị của vua là những khuôn mẫu để giúp dân sự nắm được khái niệm về vị vua kiêm Cứu Chúa đã được Đức Chúa Trời hứa ban, thì họ đã nói đến vị vua ấy bằng lối nói vượt ra khỏi mọi điều mà người ta có thể nói về Đavít, mà không hề cường điệu. Trong ý nghĩa đầy đủ và tự nhiên của lối nói đó, chỉ có thể nhằm áp dụng cho Đấng Mêsia mà thôi.

Ý Nghĩa Của Từ Ngữ “Con Đức Chúa Trời”

Để bắt đầu, chúng ta xem bố cục then chốt của những câu trước giả trích dẫn Cựu Ước. Đây chính là cách sắp xếp của ông:

“Đức Chúa Trời há có bao giờ phán cùng thiên sứ nào rằng,”

1. Thi Thiên 2:7; ‘

2. IISamuên 7:14;

3. Thi Thiên 97:7?

“Nói về thiên sứ thì Ngài phán rằng: Đức Chúa Trời làm cho thiên sứ Ngài như gió, và tôi tớ Ngài như ngọn lửa [Thi Thiên 104:4]. Nhưng nói về Con thì lại phán rằng

4. Thi Thiên 45:6-7;

5. Thi Thiên 102:25-27.

“Đức Chúa Trời há có bao giờ phán cùng thiên sứ nào rằng,”

6. Thi Thiên 110:1?

“Các thiên sứ há chẳng phải đều là thân hầu việc Đức Chúa Trời, đã được sai xuống để giúp việc?...”

Chúng ta thấy ngay điều đầu tiên tác giả muốn bày tỏ chính là: Đấng Mêsia – Con Đức Chúa Trời – là trội hơn thiên sứ cách vô hạn. Bạn thấy đấy, trong Cựu Ước có những chỗ nói thiên sứ như là “các con trai của Đức Chúa Trời” (chẳng hạn như xem Gióp 1:6, chú thích cuối trang trong bản NIV). Do đó, có người muốn nói rằng khi Cựu Ước nói đến Đấng Mêsia là Con Đức

Chúa Trời, điều đó cũng chẳng khác gì khi Kinh Thánh gọi các thiên sứ là các con trai của Đức Chúa Trời. Nhưng lập luận như thế là sai, như trước giả đã chứng tỏ ra. Hãy để ý cách ông lập luận. Bằng chứng về thân tánh của Đấng Mêsia được đưa ra không lệ thuộc vào khả năng đọc giả hiểu những nét khác biệt tinh tế trong ý nghĩa khả dĩ của từ ngữ Hybálai chỉ về chữ “con.” Tác giả sử dụng lộ trình trực tiếp hơn nhiều. Đồng ý rằng các thiên sứ là một nhóm người đôi khi được gọi “các con trai của Đức Chúa Trời”; thế nhưng ông hỏi trong Kinh Thánh có bao giờ Đức Chúa Trời nói với một cá nhân thiên sứ nào: “*Ngươi là Con ta*” (Thi Thiên 2:7)? Và Đức Chúa Trời đã bao giờ nói với thiên sứ nào: “*Hãy ngồi bên hữu ta, cho đến chừng nào ta để kẻ thù nghịch làm bệ dưới chân ngươi*” (Thi Thiên 110:1)?

Ba câu hỏi này đã tự trả lời rồi. Với tư cách Con Đức Chúa Trời, Đấng Mêsia là độc nhất vô nhị và trội hơn vô hạn so với các thiên sứ. Đức Chúa Trời đã nói nhiều điều trong Cựu Ước, vừa nói về Đấng Mêsia vừa nói với Đấng Mêsia, mà chưa hề – và không bao giờ có thể – đem nói về bất kỳ thiên sứ nào; và nếu không hề nói với bất kỳ thiên sứ nào, thì lại càng không thể nói cho bất kỳ vị vua hay chết nào giống như Đavít hay những người kế vị thông thường của Đavít.

Khảo Cứu Những Câu Kinh Thánh Trích Dẫn.

Giờ đây, chúng ta hãy khảo cứu những câu trích dẫn này. Chúng thấy đều phát biểu hoặc hàm ý thân tánh của Đấng Mêsia. Nhưng chúng ta thấy những câu này có hai điều quan trọng. Thứ nhất, chúng không phải chỉ là những khúc Kinh Thánh làm bằng chứng đã bị cắt ra khỏi văn mạch để buộc chúng nói lên một điều hoàn toàn xa lạ với ý định ban đầu. Hoàn toàn trái lại. Nhờ nghiên cứu văn mạch của chúng, chúng ta sẽ thấy chúng hậu thuẫn hùng hồn cho lập luận của trước giả. Đương nhiên, nghiên cứu văn mạch của chúng sẽ khiến chúng ta làm việc vất vả. Nhưng đáng để làm như vậy.

Thứ nhì, những câu trích liên tiếp không chỉ lập lại thần tánh của Đấng Mêsia. Khi đọc kèm trong văn mạch, chúng tạo thành bước tiệm tiến hợp lý, và phác họa cho chúng ta những giai đoạn khác nhau trong chương trình Đức Chúa Trời thiết lập vương quốc của Đấng Mêsia trên đất; và chúng cũng cho thấy làm sao thần tánh của Đấng Mêsia lại là yếu tố then chốt trong mỗi giai đoạn này.

Sau đây là cách nhìn bao quát về những câu trích:

Nhóm Thứ Nhất: Mỗi quan hệ của Vua Mêsia với Đức Chúa Trời

1. Thi Thiên 2:7 *Tuyên bố về mối quan hệ bằng cách lập Đấng Mêsia trên núi thánh Siôn của Đức Chúa Trời: được ứng nghiệm tại sự phục sinh và thăng thiên của Đấng Christ.*
2. II Samuên 7:14 *Sự kéo dài bất diệt của mối quan hệ, không bị dứt suốt mọi thời đại tiếp sau đó.*
3. Thi Thiên 97:7 *Sự công nhận phổ thông về mối quan hệ, tại lúc Chúa hiện đến đoán xét thế gian và lập vương quốc Ngài.¹*

Nhóm Thứ Nhì: Sự vĩnh viễn của triều đại Đấng Mêsia: phẩm chất quyền cai trị của Ngài: tính vĩnh viễn của chính Đấng Mêsia và của thân dân Ngài

4. Thi Thiên 45:6-7 *Tính vĩnh viễn và phẩm chất thời trị vì của Đấng Mêsia, được căn cứ cả trên thần tánh lẫn trên công chính hoàn hảo của quyền cai trị. Bản thân sự công chính ấy căn cứ trên sự yêu mến đức công chính và ghét sự gian ác đã được chứng minh trước đó của Đấng Mêsia; và rồi đến lượt sự công chính ấy làm nguyên nhân khiến Đức Chúa Trời đã tôn cao Ngài, đã ban cho Ngài danh trên hết mọi*

đanh, thế nhưng sẽ buộc mọi người phải công nhận Ngài là Đức Chúa Trời tại lễ cưới hầu đến của Vua này.

5. Thi Thiên 102:25-27 *Sự vĩnh viễn của chính Đấng Mêsia và các thân dân Ngài.* Tính chắc chắn của vương quốc hầu đến trên đất của Đức Chúa Trời có ích gì cho chúng ta nếu bản thân chúng ta không bao giờ còn sống để thấy hoặc hưởng được nước ấy? Sẽ ích lợi gì cho chúng ta hay cho bất kỳ mọi tạo vật khác của Đức Chúa Trời, nếu rốt cuộc mọi tạo vật của Đức Chúa Trời – kể cả chúng ta – đều bị định phải hư mất cùng với trời đất và phần còn lại của cả vũ trụ thọ tạo này? Nhưng trong Đấng Mêsia, Đấng Tạo Hóa đã trở thành người. Là Đấng Tạo Hóa đời đời, Ngài sẽ tồn tại lâu hơn tạo vật của Ngài. Nhưng Ngài sẽ tồn tại như thế với tư cách con người. Trong mối quan hệ với Ngài, mọi tội tở thật của Ngài đã được hưởng sự sống đời đời, và tương tự, sẽ còn lại đến đời đời.

Câu trích cuối cùng: Địa vị hiện tại của Đấng Mêsia trong khi Ngài chờ sự vững lập của vương quốc

6. Thi Thiên 110:1 *Địa vị và thân phận hiện tại của Đấng Mêsia* được chỉ rõ bởi lời mời của Đức Chúa Trời: “*Đức Giêhôva phán cùng Chúa tôi [Chúa của Davít] rằng: Hãy ngồi bên hữu ta.*” Câu này không thể nói cho bất kỳ thiên sứ nào. Câu này nói đến sự thăng thiên của Đấng Mêsia và địa vị của Ngài tại nơi tôn trọng trên ngai Đức Chúa Trời. Những từ ngữ kế tiếp: “*Cho đến chừng ta đặt kẻ thù*

ngịch người làm bệ chân cho người,” cho thấy chương trình của Ngài chưa hề quyết định rằng sau sự thắng thiên là lập tức đến sự khuất phục mọi điều ác. Kế hoạch của Ngài là: sẽ có một khoảng thời gian chờ đợi. Nhưng lời mời này nhắm đến triều đại hầu đến của Đấng Christ khi kẻ ác sẽ bị triệt hạ và kẻ thù cuối cùng sẽ bị tiêu diệt.

Như vậy, dấu phần khảo cứu này chỉ vắn tắt, nhưng vẫn cho chúng ta thấy: trước hết, mỗi một câu trích dẫn Cựu Ước đều công bố thần tánh của Đấng Mêsia bằng cách này hoặc cách khác; và thứ nhì, những câu trích được nghiên cứu trong văn mạch nguyên thủy của chúng đưa chúng ta từ sự phục sinh và thắng thiên của Con Đức Chúa Trời vượt qua khỏi đời này để đến với sự tái lâm của Ngài, tiệc cưới của vua, và sự thiết lập triều đại của Ngài trên đất; bản chất và phẩm chất của triều đại đó, và sự vững bền đời đời này không chỉ của Đấng Mêsia, mà còn của cả mọi dây tó thật của Ngài.

Chúng ta sẽ đi vào chi tiết trong Phần Hai, Ba, và Bốn. (Xem câu hỏi cho Phần Một ở trang 101*.)

Phần Hai

Đến nay, chúng ta tự nhắc mình hai điều được trước giả bày tỏ qua những câu trích dẫn. Thứ nhất, Đấng Mêsia là Con Đức Chúa Trời. Ông thực hiện việc này dễ dàng. Nếu trong Thi Thiên 2:7, Đức Chúa Trời tuyên bố rõ ràng Đấng Mêsia là Con Ngài, và nếu trong Thi Thiên 45:6-7, Đức Chúa Trời qua các tiên tri kiêm thi sĩ để tuyên bố Đấng Mêsia là Đức Chúa Trời – thì điều đó là đủ rồi. Lập luận đã được chứng minh xong. Thần tánh của Đấng Mêsia được vững lập; và mọi điều được nói ở nơi khác trong Cựu Ước về Đấng Mêsia phải được đọc và hiểu trong ánh sáng của điều này.

Thứ nhì, ông phải cho thấy Chúa Jesus là Đấng Mêsia đã

được nói đến trong Cựu Ước. Ở đây, ông bắt đầu từ sự kiện lịch sử là sự phục sinh của Chúa Jesus. Sự phục sinh ấy không những công bố Chúa Jesus là Con Đức Chúa Trời, mà còn cho chúng ta thấy trọn vẹn nghĩa và ý định của Đức Chúa Trời khi Ngài đưa ra những câu tuyên bố, những lời hứa và dự ngôn hiện sắp được trung dẫn.

Nhóm Câu Trích Thứ Nhất

1. Công Bố Mỗi Quan Hệ (Thi Thiên 2:7)

Nhân sao các ngoại bang nào loạn?
Và những dân tộc toan mưu chước hư không?
Các vua thế gian nổi dậy,
Các quan trưởng bàn nghị cùng nhau
Nghịch Đức Giêhôva, và nghịch Đấng chịu xúc dầu
của Ngài mà rằng:
Chúng ta hãy bỏ lời tối của hai Người,
Và quăng xa ta xiềng xích của họ.
Đấng ngự trên trời sẽ cười,
Chúa sẽ nhạo báng chúng nó.
Bấy giờ Ngài sẽ nổi thịnh nộ phán cùng chúng nó,
Dùng cơn giận dữ mình khuấy khỏa chúng nó, mà rằng:
Dầu vậy, ta đã lập Vua ta
Trên Siôn là núi thánh ta.
Ta sẽ giáng ra mạng lịnh:
Đức Giêhôva phán cùng ta rằng: Người là Con ta;
Ngày nay ta đã sanh Người.
Hãy cầu ta, ta sẽ ban cho Con các ngoại bang làm cơ
nghiệp,
Và các đầu cùng đất làm của cải.
Con sẽ dùng cây gậy sắt mà đập bể chúng nó;
Con sẽ làm vỡ nát chúng nó khác nào bình gốm.
Vì vậy, hỡi các vua, hãy khôn ngoan;

Hỡi các quan xét thế gian, hãy chịu sự dạy dỗ.
Khá hầu việc Đức Giêhôva cách kính sợ,
Và mừng rỡ cách run rẩy.
Hãy hôn Con, e Người nổi giận,
Và các ngươi hư mất trong đường chẳng;
Vì cơn thịnh nộ Người hồng nổi lên.
Phàm kẻ nào nung nấu mình nơi Người có phước thay!
*(Thi Thiên 2:1-12).

Chúng ta đã đặt câu trích trong văn mạch. Như chúng ta thấy, văn mạch này liên quan đến lời rao báo, hay công bố, về ý chỉ của Chúa. Chữ “ta” trong câu “ta sẽ giáng ra mạng lệnh” đương nhiên không phải là tác giả của Thi Thiên này. Đây chính là Đấng Mêsia, Đấng được tác giả Thi Thiên dùng bút pháp thực sự là kịch và tiên tri để giới thiệu như Ngài đang nói bằng chính giọng của mình (tức chính giọng của Đấng Mêsia). Do đó, điều chúng ta quan tâm ở đây không phải câu hỏi: “Đức Chúa Trời đã phán với Đấng Mêsia: *‘Người là Con ta ngày nay ta đã sanh người’* vào lúc nào?” mà là câu hỏi: “Mạng lệnh của Chúa do Đấng Mêsia rao báo và được chứng tỏ cho thế giới nói chung vào lúc nào và bằng cách nào?”

Văn mạch trước đó trong Thi Thiên này cung cấp câu trả lời. Văn mạch miêu tả trước hết trận đánh quốc tế của các vua và những người cai trị để chống lại Đức Chúa Trời và Đấng Chụ Xức Dầu của Ngài. Sau đó văn mạch mô tả đáp ứng của Đức Chúa Trời: *“Bấy giờ Ngài sẽ nổi thịnh nộ phán cùng chúng nó... mà rằng: Dầu vậy, ta đã lập Vua ta trên Siôn là núi thánh ta.”*

Vì vậy, giờ đây câu hỏi giờ đây trở thành: Biến cố nào trong toàn bộ lịch sử khớp với tình huống được mô tả ở đây và đem lại cho biến cố này sự ứng nghiệm đầy đủ nhất có thể có để nó trở thành sự ứng nghiệm thuyết phục nhất? Cơ đốc nhân trả lời không chút lưỡng lự: Sự đóng đinh, sự chịu chết, chôn, sống lại và thăng thiên của Chúa Jesus.

Cơ đốc nhân đầu tiên chẳng cần mất nhiều thì giờ để thấy tình huống được mô tả trong Thi Thiên 2 được ứng nghiệm sinh động biết dường nào tại Giêrusalem vào thời của họ. Họ đã cầu nguyện khi bị các quan trưởng chống đối: *“Mọi người nghe đoạn, thì một lòng cất tiếng lên cầu Đức Chúa Trời rằng: Lạy Chúa, là Đấng dựng nên trời, đất, biển, cùng muôn vật trong đó, và đã dùng Đức Thánh Linh, phán bởi miệng tổ phụ chúng tôi, tức là đầy tớ Ngài, là vua Đavít, rằng:*

“Vì sao các dân nổi giận, lại vì sao các nước lập mưu vô ích? Các vua trên mặt đất dấy lên, các quan hiệp lại, mà nghịch cùng Chúa và Đấng chịu xúc dầu của Ngài...”

Vả, Hêrốt và Bôn-xơ Philát, với các dân ngoại, cùng dân Ysoraên thật đã nhóm họp tại thành nầy dựng nghịch cùng Đầy tớ thánh Ngài là Đức Chúa Jê-sus mà Ngài đã xúc dầu cho, để làm mọi việc tay Ngài và ý Ngài đã định trước. Nầy, xin Chúa xem xét sự họ ngấm dọ, và ban cho các đầy tớ Ngài rao giảng đạo Ngài một cách dạn dĩ, giơ tay Ngài ra, để nhờ danh đầy tớ thánh của Ngài là Đức Chúa Jê-sus, mà làm những phép chữa lành bệnh, phép lạ và dấu kỳ” (Công vụ 4:24-30)

Về sau, Phaolô đã nêu ra cùng ý này về mặt thần học. Ông nói Tin Lành *“Xưa kia Đức Chúa Trời đã dùng các đấng tiên tri Ngài mà [Đức Chúa Trời] hứa trong Kinh thánh, về Con Ngài, theo xác thịt thì bởi dòng dõi vua Đavít sanh ra, theo thần linh của thánh đức, thì bởi sự sống lại của Ngài từ trong kẻ chết, được tỏ ra là Con Đức Chúa Trời có quyền phép” (Rôma 1:2-4).*

Đương nhiên, hoàn toàn không hề do ngẫu nhiên mà câu trích dẫn thứ nhất từ Cựu Ước lại chỉ về sự đóng đinh, sự chết, sống lại và thăng thiên của Con Đức Chúa Trời. Bất kỳ chương trình thực tiễn nào nhằm triệt hạ điều ác trong thế gian và mở ra một kỷ nguyên bình an đều phải căn cứ trên sự chẩn đoán thấu đáo và vạch trần kỹ lưỡng chính nơi có rắc rối. Còn điều nào cung cấp được lời chẩn đoán tốt hơn chính sự đóng đinh trên

thập tự giá (bởi tay những quan trưởng hữu trách) của nhân vật có lời tự tuyên bố là con Đức Chúa Trời được minh chứng tiếp đó bởi sự sống lại? Có thể nói Bôn-xơ Philát và Hê-rốt không phải là những kẻ hung ác phi thường như Hitler. Họ là những người cai trị về quân sự hoặc chính trị thuộc tầm cỡ tương đối trung bình trở xuống, chuyên quyền, độc ác, yếu đuối, tham vọng chẳng hơn được một nhà chính trị hay người cai trị hạng trung bình ngày nay, quan tâm đến lợi ích của những người dưới quyền cai trị của họ cũng thật lòng chẳng kém ai. Thầy tế lễ thượng phẩm của người Do Thái cùng các đồng nghiệp của ông cũng chẳng phải là tà ma hiện hình, cũng chẳng phải hạng người đáng khinh cứ tự cho mình có tài. Họ là những lãnh tụ tôn giáo hữu trách, bị vướng vào – và có lẽ đôi khi đã thỏa hiệp – những cảnh khó giải quyết các vấn đề phức tạp, rắc rối của tôn giáo, chính trị và xã hội, nhưng so với một lãnh tụ tôn giáo trung bình thời nay, họ thành tâm chẳng kém, say mê sự nghiệp hay mù quáng quyền lực cũng chẳng thua đâu.

Thế nhưng sự đồng lòng chống đối Chúa Jesus, việc họ đóng đinh Con Đức Chúa Trời, đã vạch trần đâu là nan đề thật của họ và đâu vẫn là nan đề thật cho mọi người nam nữ ngày nay. Đây không chỉ đơn thuần là thái độ bất cần công lý, cũng không chỉ là hơi ích kỷ chăm lợi riêng cho mình đến độ làm ngơ quyền lợi của người khác; nan đề đó cũng không phải là thiếu quyết tâm để giữ luật đạo đức, hay thiếu quyết tâm để cầu nguyện đều đặn hay sống cuộc đời thanh sạch. Không, nan đề chính là trong lòng mỗi người đều có sự chống nghịch căn bản với Đức Chúa Trời, đến nỗi chúng ta khước từ không chịu thuận phục chính Con Đức Chúa Trời và lời Ngài tuyên bố là Chúa và Vua hợp pháp của chúng ta. Thường thì sự chống nghịch căn bản này vẫn còn y nguyên chưa bị phát hiện, ẩn bên dưới bề mặt quan tâm chân chính đến người khác về mặt chính trị và nỗ lực mộ đạo thật tâm. Dầu vậy, sự chống nghịch vẫn có ở đó. Chính sự đụng độ trực tiếp với những lời tuyên bố

của Con Đức Chúa Trời nhập thể mới lột bỏ được những lớp vỏ ngoài bề mặt của vẻ đáng kính trọng về chính trị và tôn giáo, và vạch trần sự chống nghịch cơ bản cố hữu của chúng ta đối với Chúa. Kinh Thánh nói *“Vì sự chăm về xác thịt nghịch với Đức Chúa Trời, bởi nó không phục dưới luật pháp Đức Chúa Trời, lại cũng không thể phục được”* (Rôma 8:7).

Do vậy, bước đầu tiên trong sự cứu rỗi của một cá nhân hay một xã hội ấy là phơi bày được nan đề thật. Đây chính là công việc của thập tự giá Đấng Christ. Bước thứ nhì là cung cấp động cơ hữu hiệu để ăn năn. Đây chính là điều được cung cấp qua sự sống lại của Chúa Jesus và sự minh chứng Ngài là Con Đức Chúa Trời. Hãy nghe điều này được phát biểu trong ngôn ngữ của chính Thi Thiên 2:9-12: *“Con [Con Đức Chúa Trời Đấng đã sống lại và thăng thiên] sẽ dùng cây gậy sắt mà đập bể chúng nó; Con sẽ làm vỡ nát chúng nó khác nào bình gốm. Vì vậy, hỡi các vua, hãy khôn ngoan; Hỡi các quan xét thế gian, hãy chịu sự dạy dỗ. Khá hầu việc Đức Giêhôva cách kính sợ, và mừng rỡ cách run rẩy. Hãy hôn Con, e Người nổi giận,*

Và các người hư mất trong đường chẳng.” Nếu bạn thích, hãy nghe điều này được phát biểu trong ngôn ngữ của Tân Ước: *“Đức Chúa Trời... nay biểu hết thấy các người trong mọi nơi đều phải ăn năn, vì Ngài đã chỉ định một ngày, khi Ngài sẽ lấy sự công bình đoán xét thế gian, bởi Người Ngài đã lập, và Đức Chúa Trời đã khiến Người từ kẻ chết sống lại, để làm chứng chắc về điều đó cho thiên hạ”* (Công vụ 17:30-31). Nhưng cũng hãy nghe lời yên ủi do Thi Thiên này đem đến cho mọi người ăn năn và tin: *“Phàm kẻ nào nương náu mình nơi Người có phước thay”* (Thi Thiên 2:12).

2. Tính Bất Diệt Của Mới Quan Hệ (IISamuên 7:14)

Rốt lại, Đức Giêhôva phán hứa [với vua Đavít] rằng Ngài sẽ dựng cho người một cái nhà. Khi các ngày người đã mãn... thì ta sẽ lập dòng giống người kế vị người, là dòng giống do

ngươi sanh ra, và ta sẽ khiến cho nước nó bền vững. Nó sẽ xây một đền thờ cho danh ta, và ta sẽ khiến cho ngôi cùng nước nó vững bền đời đời. Ta sẽ làm cha nó, nó sẽ làm con ta. Nếu nó phạm tội ác, tất ta sẽ sửa phạt nó bằng roi và thương vút loài người; Nhưng ta sẽ không rút ân điển ta khỏi nó như ta rút khỏi Saulơ, là kẻ ta đã trừ diệt khỏi trước mặt ngươi. Như vậy, nhà ngươi và nước ngươi được vững bền trước mặt ngươi đời đời; ngôi ngươi sẽ được vững lập đến mãi mãi (IISamuên 7:11b-16).

Như chúng ta thấy, câu trích thứ nhì ra từ một lời hứa dài và chi tiết do Chúa lập với Đavít về tính vĩnh viễn của ngai và hoàng tộc Đavít. Rõ ràng lời hứa này trước hết nói đến người kế vị đầu tiên của Đavít, là Salômôn. Ông chính là người xây đền thờ cho danh Đức Chúa Trời. Nếu Đức Chúa Trời cất quyền làm vua khỏi ông, như Ngài đã cất khỏi Saulơ, rồi trao hoàn toàn cho một gia đình khác, hoàng triều của Đavít ắt hẳn đã bị dập tắt từ trong trứng nước. Do đó, chúng ta đừng xem nhẹ ý nghĩa chính yếu của phân đoạn này: Mối quan hệ đặc biệt của cha với con và kỷ luật đi kèm theo đó mà Đức Chúa Trời đã công bố giữa Ngài với Salômôn. Nhưng cũng hiển nhiên không kém rằng lời hứa chi tiết này không thể chỉ nhằm áp dụng riêng cho một mình Salômôn mà thôi. Nếu chỉ riêng cho Salômôn, và Đức Chúa Trời với sự thành tín của người cha đã duy trì ngai Salômôn, nhưng rồi về sau đã để cho ngai bị cất khỏi những người kế vị ông, vậy thì phần còn lại trong lời Chúa hứa với Đavít: *“Như vậy, nhà ngươi và nước ngươi được vững bền trước mặt ngươi đời đời; ngôi ngươi sẽ được vững lập đến mãi mãi”* thì sao? Do đó, ắt hẳn lời hứa này được dự định áp dụng cho những người kế vị Đavít hơn là chỉ riêng một mình Salômôn. Nhưng một lần nữa, nếu lời hứa của Chúa nhằm áp dụng chỉ cho những con người kế vị Đavít bằng xương bằng thịt, chúng ta lại gặp một nan đề khác. Lần này là nan đề rất lớn. Những con loài người kế vị Đavít đã đánh mất vương quốc của họ từ lâu rồi! Ngai trên trần gian của Đavít đã không giữ

vững được! Đối với Do Thái giáo thời cổ, đây là một nan đề rất trầm trọng. Rất lâu trước khi tác giả thơ Hêborơ viết bức thư này, trước giả Do Thái trước thời Đấng Christ của Thi Thiên 89 đã vật lộn với nan đề do sự hủy phá ngai và triều đại của Đavít gây ra cho đức tin của ông.

Tác giả này trích rất nhiều phần của lời hứa, lời thề và giao ước mà Đức Chúa Trời lập với Đavít cùng dòng dõi ông để bảo đảm cho Đavít có một ngai đời đời (câu 19-37). Nhưng rồi ông thành thật thú nhận rằng vào lúc đang viết Thi Thiên này, Đức Chúa Trời đã *“lại từ bỏ, khinh bỉ người, nổi giận cùng đấng chịu xúc dầu của Chúa. Chúa đã góm ghê giao ước kẻ tôi tớ Chúa, và quăng mả triều người xuống bụi đất mà làm nó ra phàm”* (câu 38-39). Khi suy gẫm đến điều đó, nỗi đau buồn, khốn khổ và lúng túng khiến ông buộc phải hỏi: *“Hỡi Chúa, sự nhân từ xưa mà Chúa trong sự thành tín mình đã thề cùng Đavít, bây giờ ở đâu?”* (câu 49).

Đây là nan đề nghiêm trọng không những đối với người Do Thái nào tin IISamuên 7 cùng lời hứa trong đó là lời được soi dẫn và bất diệt của Đức Chúa Trời. Đây còn là nan đề cho Cơ đốc nhân nữa. Cơ đốc nhân chúng ta cũng tin Cựu Ước là Lời Đức Chúa Trời. Chính Tin Lành của chúng ta được xây dựng trên, làm chứng cho, và được làm chứng bởi Cựu Ước (xem Rôma 1:2; 3:21). Làm sao chúng ta ngẩng cao đầu trước những bạo chúa vô đạo, những nhà nhân bản, những người vô thần, những người bất khả tri và những người vô tín nói chung trên thế gian này, nếu buộc lòng phải thừa nhận lời tuyên bố của Cựu Ước về mục đích và kế hoạch thiên thượng dành cho thế gian sẽ được hoàn tất qua hoàng tộc Đavít của Giuđa thấy đều đã tàn lụi dần và chẳng đi đến đâu cả?

Đương nhiên, điều ấy không bị tàn lụi. Câu trả lời cho nan đề được tìm thấy trong Chúa Jesus. Trong chừng mực lời hứa giao ước của Đức Chúa Trời cho Đavít nói đến những người chỉ

là loài người kế vị Đavít, thì lời hứa ấy bị gác sang một bên vì có những hành động bội đạo trắng trợn của họ đã vi phạm đến giao ước. Nhưng lời hứa giao ước theo ý nghĩa trọn vẹn nhất của nó vẫn được giữ gìn cách vinh diệu, và hơn thế nữa, đã được ứng nghiệm trong Đức Chúa Jesus. Ngài được sinh ra làm một hậu tự theo thể huyết khí của nhà Đavít. Điều này đã làm thỏa mãn một phần của lời hứa. Rồi sự sống lại của Ngài chứng tỏ Ngài là Con Đức Chúa Trời theo ý nghĩa cao cả nhất có thể có được của từ này. Điều đó làm thỏa mãn phần còn lại của lời hứa. Nói cách khác, giải pháp cho nan đề không phải là bảo rằng lời hứa lúc đầu: *“Ta sẽ làm cha nó, nó sẽ làm con ta”* chỉ là một chút mơ tưởng và cường điệu đầy thành kính của tiên tri Nathan, chỉ được ứng nghiệm (nếu như có ứng nghiệm) ở một bình diện rất thấp và tạm thời mà thôi. Giải pháp ấy là: lời hứa ấy đã thực sự là Lời Đức Chúa Trời. Ý nghĩa của nó đúng như đã nói ra. Nhưng lời hứa cũng muốn nói vượt trội hơn những gì dường như đang nói, như chúng ta có thể thấy qua sự phục sinh của Chúa Jesus. Đức Chúa Trời luôn luôn định làm thành lời hứa Ngài không những ở bình diện sơ cấp đối với Salômôn, mà còn ở một mức độ cao hơn vô hạn. Ấn đàng sau mối quan hệ thấp kém hơn của cha với con, Đức Chúa Trời luôn luôn nhắm đến mối quan hệ cao trọng hơn của Đức Chúa Cha và Đức Chúa Con. Đức Chúa Trời là như thế đấy! Để nhận ra sự ứng nghiệm những lời hứa của Ngài, bạn không được căn cứ những kỳ vọng của mình trên cách giải nghĩa tối thiểu những điều khoản của lời hứa ấy, nhưng phải căn cứ trên lối giải thích tối đa.

Đương nhiên sự sống lại của Chúa Jesus đã mở mắt cho những Cơ đốc nhân đầu tiên thấy ý nghĩa trọn vẹn của Lời Chúa hứa với Đavít ở IISamuên 7. Hãy nghe Phierơ nói trong ngày Lễ Ngũ Tuần: *“Hỡi anh em, ta thật có thể nói cách vững vàng với anh em về tổ Đavít rằng người đã chết và chôn rồi... Nhưng, vì người là đáng tiên tri, và biết Đức Chúa Trời đã thề*

hứa với người sẽ cho một hậu tự người ngồi trên ngai mình, thì người đã thấy trước và nói trước về sự sống lại của Đấng Christ ... [sau khi] Ngài đã được đem lên bên hữu Đức Chúa Trời... Đức Chúa Trời đã tôn Jêsus này... làm Chúa và Đấng Christ” (Công vụ 2:29-36).

Nhưng còn một chứng cứ rất quan trọng khác nữa cho thắc mắc về sự ứng nghiệm của lời hứa: *“Ta sẽ làm cha nó, nó sẽ là con ta.”* Với sự ra đời của Chúa Jesus Christ trong hoàng tộc Davít, đã có một người bước vào trong thế giới chúng ta với ý thức vô song về Đức Chúa Trời là Cha Ngài và ý thức về chính Ngài là Con Đức Chúa Trời. Khi còn là cậu bé mười hai tuổi, Ngài đã khiến những người nghe Ngài phải sửng sốt khi gọi đền thờ là: *“Nhà Cha ta”* (Luca 2:49). Trong hai mươi một đoạn của sách Tin Lành Giảng ghi lại đời sống và sự dạy dỗ của Ngài, Ngài đã nói Đức Chúa Trời là Cha Ngài hơn một trăm lần.

Chúng ta quen nghĩ về Đức Chúa Trời là Đức Chúa Cha đến nỗi nếu không cẩn thận, chúng ta sẽ không thấy Đức Chúa Jesus là độc nhất vô nhị biết dường nào trong phương diện này. Thứ nhất, không một tiên tri, thầy tế lễ, thi sĩ hay vua nào trong Cựu Ước đã từng nói Đức Chúa Trời là Cha của chính cá nhân người ấy theo như phương cách và mức độ mà Chúa Jesus đã nói. Bạn hãy tự xác minh lời tuyên bố này. Thứ nhì, dầu Chúa Jesus dạy các môn đồ rằng Đức Chúa Trời là Cha của họ, Ngài vẫn trước sau như một nói rằng Đức Chúa Trời là Cha Ngài và Ngài là Con Đức Chúa Trời theo một ý nghĩa độc nhất vô nhị. Ngài dạy các môn đồ: *“Vậy các ngươi hãy cầu nguyện như vậy: ‘Lạy Cha chúng tôi...’* (Mathiơ 6:9); nhưng Ngài không bao giờ cùng họ cầu nguyện rằng: *“Lạy Cha chúng tôi.”* Trái lại, Ngài đích thân bày tỏ, chẳng hạn như với Mari trong vườn: *“Ta lên cùng Cha ta và cha các ngươi”* (Giăng 20:17). Hoặc như trong Mathiơ 11:27: *“Mọi việc Cha ta đã giao cho ta; ngoài Cha không có ai biết Con; ngoài Con và người nào mà Con muốn tỏ ra cùng, thì cũng không ai biết Cha.”* Cũng chính cách nói như

thế đã làm sững sốt nhiều người đương thời với Ngài, rồi sau đó khiến họ nổi giận: “*Lại vì Ngài gọi Đức Chúa Trời là Thân Phụ mình, làm ra mình bằng Đức Chúa Trời*” (Giăng 5:18).

Sự phục sinh đã minh chứng lời Ngài dạy về chính Ngài, và hiển nhiên Lời Đức Chúa Trời hứa với Đavít cách vinh quang. Đấng Mêsia không phải chỉ là một con người mà thôi, hay thậm chí chỉ là một thiên sứ mà thôi, cả hai đều có thể mất ơn thiên thượng. Ngài là Con đời đời của Cha đời đời. Mối quan hệ này là không thể phá vỡ; và tương lai đang nằm trong tay Ngài.

3. Sự Công Nhận Phổ Thông Cho Mối Quan Hệ (Thi Thiên 97:7)

Hãy nói giữa các nước rằng: Đức Giêhôva cai trị...
Ngài sẽ lấy sự ngay thẳng mà xét đoán các dân.
Nguyện đồng ruộng và mọi vật ở trong đó đều hớn hở;
Bấy giờ những cây cối trong rừng đều sẽ hát mừng rõ
Trước mặt Đức Giêhôva; vì Ngài đến,
Ngài đến để đoán xét thế gian;
Ngài sẽ lấy sự công bình đoán xét thế gian,
Dùng sự ngay thẳng mà đoán xét muôn dân.
(*Thi Thiên 96:10, 12-13*).

Đức Giêhôva cai trị: đất hãy mừng rỡ;
Các cù lao vô số khá vui vẻ...
Sự công bình và sự ngay thẳng làm nền của ngôi Ngài,
Lửa bay đi trước mặt Ngài,
Thieu đốt hết cừ địch bốn bên...
Các tầng trời truyền ra sự công bình Ngài,
Muôn dân đã thấy sự vinh hiển Ngài.
Nguyện hết thảy kẻ hầu việc tượng chạm,
Và khoe mình về các hình tượng, đều bị hổ thẹn...
(*Thi Thiên 97:1-3, 6, 7a*)

Hỡi hết thảy các thiên sứ của Đức Chúa Trời, hãy thờ lạy
Ngài.

(câu 7c, bản dịch của tôi)

Đức Giêhôva đã tỏ cho biết sự cứu rỗi Ngài,
Và lộ ra sự công bình Ngài trước mặt các nước.
Ngài đã nhớ lại sự nhân từ và sự thành tín của Ngài đối
cùng nhà Ysraên;
Các đầu đất đã thấy sự cứu rỗi của Đức Chúa Trời chúng
tôi....

Hãy lấy còi và tiếng kèn

Mà reo mừng trước mặt Vua, tức là Đức Giêhôva!...

Vì Ngài đến đặng đoán xét thế gian:

Ngài sẽ lấy sự công bình mà đoán xét thế gian,

Dùng sự ngay thẳng mà đoán xét muôn dân.

(Thi Thiên 98:2-3, 6, 9)

Đức Giêhôva cai trị: ... Tại Siôn Đức Giêhôva lớn thay,
Ngài cao hơn hết thảy các dân.

(Thi Thiên 99:1-2)

Câu trích thứ nhất, là Thi Thiên 2:7, nhắm vào việc công bố
mối quan hệ của Con với Cha tại sự phục sinh và thăng thiên.
Câu trích thứ nhì, là IISamuên 7:14, đề cập đến sự bất diệt
của mối quan hệ đó trải suốt mọi thời đại. Giờ đây, câu trích
thứ ba chuyển sang sự công nhận phổ thông cho mối quan hệ
đó tại sự tái lâm của Chúa.

Nhưng trước hết có vài từ ngữ chuyên môn thứ yếu ở đây.
Lời trích dẫn thứ ba: “Mọi thiên sứ của Đức Chúa Trời phải
thờ lạy con” được căn cứ trên cụm từ trong Thi Thiên 97:7, mà
trong tiếng Hybálai ghi như thế này: “Hỡi các thần, khá thờ
lạy Đức Giêhôva!” (xem bản NIV). Đi theo truyền thống đã
vững lập lâu đời trong Bản Bảy Mươi (tức là bản dịch Cựu Ước

của người Do Thái trước thời Đấng Christ sang tiếng Hylạp), trước giả thơ Hêborơ hiểu từ ngữ “các thần” nói đến các thiên sứ. Như vậy là rất hợp lý; Đức Chúa Trời không đòi hỏi sự thờ lạy của các tà thần. Tác giả cũng mượn cách dùng chữ của một câu dịch từ câu Kinh Thánh này ở một phân đoạn khác trong Bản Bảy Mươi.²

Tuy nhiên, thắc mắc chủ yếu lại nảy sinh từ cách tác giả giải thích mạng lệnh: “Mọi thiên sứ của Đức Chúa Trời phải thờ lạy con.” Ông dùng chữ “Con” để chỉ về Đấng Mêsia; và ông lập luận rằng Đấng Mêsia phải là Con Đức Chúa Trời, vì câu Kinh Thánh này truyền mọi thiên sứ phải thờ lạy Ngài. Nếu Ngài không phải là Con Đức Chúa Trời, ắt hẳn thờ lạy Ngài tức là thờ hình tượng và lộng ngôn. Thờ phượng kiểu đó ắt sẽ trở nên giống như sự ngu dại của những người bị chính câu Kinh Thánh này, tức 97:7, lên án về tội thờ lạy hình tượng.

Nhưng rất nhiều người muốn thách thức cách giải thích của tác giả. Họ lập luận rằng trong văn mạch nguyên thủy của câu ấy, chữ “Ngài” của mạng lệnh “mọi thiên sứ của Đức Chúa Trời phải thờ lạy Ngài” (bản Anh ngữ) chỉ về Đức Chúa Trời chứ không chỉ về Đấng Mêsia, và họ cho rằng trước giả đã không công bằng đối với nghĩa nguyên thủy của phân đoạn này. Chúng ta phải xem trọng lời phản đối này. Câu trả lời hời hợt sẽ trở nên vô giá trị. Vì vậy, chúng ta hãy khảo sát kỹ lưỡng văn mạch, trước hết là văn mạch rộng hơn và sau đó là văn mạch gần hơn. Thi Thiên 97 thuộc trong một nhóm các Thi Thiên liên kết chặt chẽ với nhau đề cập nổi bật đến nan đề điều ác: Nếu có một Đức Chúa Trời quan tâm đến công lý, vì sao Ngài để cho những kẻ ác tiếp tục nói dối, lừa gạt, hà hiếp, giết người mà dường như họ chẳng bị hình phạt? Thi Thiên 94:2 – 3 diễn tả sinh động nan đề này. Tác giả Thi Thiên van nài: *“Hỡi quan xét thế gian, hãy chỗi dậy, Báo trả xứng đáng cho kẻ kiêu ngạo. Hỡi Đức Giêhôva, kẻ ác sẽ được thắng cho đến chừng nào?”* Hàng triệu người tin nơi Đức Chúa Trời trong

mỗi thế kỷ đều vật lộn với nan đề này.

Trái với Thi Thiên 94, Thi Thiên 96 và 98 hầu như vui mừng trong hân hoan ngây ngất. Nguyên nhân là thế này: Họ đã có câu giải đáp cho nan đề: Đức Chúa Trời sắp đến đoán xét trái đất. Họ hân hoan lập lại rất nhiều lần câu trả lời. Thi Thiên 96:11, 13 nói: *“Nguyện các tầng trời vui vẻ và đất mừng rỡ... [họ] đều sẽ hát mừng rỡ. Trước mặt Đức Giêhôva; vì Ngài đến, Ngài đến để đoán xét thế gian; Ngài sẽ lấy sự công bình đoán xét thế gian, Dùng sự ngay thẳng mà đoán xét muôn dân.”* Nói một lần vẫn chưa thỏa thích, Thi Thiên 98:9 nói tiếp một lần nữa: *“Nguyện các sông vỗ tay, Núi non cùng nhau hát vui mừng trước mặt Đức Giêhôva! Vì Ngài đến đặng đoán xét thế gian; Ngài sẽ lấy sự công bình mà đoán xét thế gian, Dùng sự ngay thẳng mà đoán xét muôn dân.”*

Không còn lời nào rõ ràng hơn thế nữa. Giải pháp cho nan đề được nêu lên ở đây không phải là sự quản trị thế gian đầy ơn thần hựu hiện nay của Đức Chúa Trời. Đương nhiên các Thi Thiên tin điều đó. Nhưng sự quản trị thế gian đầy ơn thần hựu trong hiện nay của Chúa là một phần của nan đề này. (Điều ấy vẫn là nan đề đối với chúng ta, và những người sống trong những thời hiện nay sau sự phục sinh và thăng thiên của Đấng Christ. Sự thăng thiên của Ngài vẫn chưa quyết định nan đề này.) Vì sao chính Đức Chúa Trời, Đấng hiện đang tể trị bởi ơn thần hựu trên cả thế gian, lại để cho điều ác thoát khỏi bị phạt và để cho kẻ bị hà hiếp phải chịu bất công không ngừng? Không, câu trả lời chính là sự hiện đến của Chúa. Chúa sẽ không cứ ở mãi trên Thiên đàng rồi chỉ ở yên đó quản trị bằng ơn thần hựu của Ngài. Chúa sắp *đến* để đoán xét thế gian.

Đến đây, hãy lưu ý điều hiển nhiên. Việc Chúa đến này mà các Thi Thiên mô tả là dành cho họ nay vẫn còn trong tương lai. (Cũng vẫn còn trong tương lai đối với chúng ta nữa.) Phải thừa nhận rằng họ hoàn toàn tin tưởng rằng Chúa sẽ đến, thiết lập triều đại của Ngài trên đất, đem công chính đến cho

thế gian, đến nỗi theo phong cách của các tiên tri Hêborơ, họ nói về điều đó dường như thể điều đó vừa mới xảy ra và giờ đây đã phải công bố ra. Thi Thiên 96:10 nói: *“Hãy nói giữa các nước rằng: Đức Giêhôva cai trị.”* Thi Thiên 97:1 lập lại: *“Đức Giêhôva cai trị.”* Thi Thiên 99:1 lập lại lần nữa: *“Đức Giêhôva cai trị.”* Nhưng họ cho biết rất rõ rằng họ đang nói về tương lai: *“Vì Ngài đến đặng đoán xét thế gian: Ngài sẽ lấy sự công bình mà đoán xét thế gian...”*³

Vậy những Thi Thiên này hình dung điều gì đang diễn ra khi Chúa đến? Hiển nhiên không phải là sự tận thế. Thi Thiên 96:10-13 dùng thì hiện tại của thể tiên tri nói rằng: *“Hãy nói giữa các nước rằng: Đức Giêhôva cai trị: Thế gian cũng được lập vững bền, không thể rung động; (tôi muốn in nghiêng) Ngài sẽ lấy sự ngay thẳng mà xét đoán các dân. Nguyện các tầng trời vui vẻ và đất mừng rỡ, ...đều sẽ hát mừng rỡ. Trước mặt Đức Giêhôva; vì Ngài đến, Ngài đến để đoán xét thế gian; Ngài sẽ lấy sự công bình đoán xét thế gian, dùng sự ngay thẳng mà đoán xét muôn dân.”* Nói cách khác, khi Chúa đến, Ngài sẽ thiết lập nước Đức Chúa Trời trên đất. Ý muốn Đức Chúa Trời sẽ được thực hiện trên đất y như hiện đang được thực hiện trên Thiên đàng. Thi Thiên 98:2-4, 6-7, 9 tương tự cũng dùng thì hiện tại của tiên tri, bổ sung phần mô tả những điều liên quan với sự hiện đến của Chúa. *“Đức Giêhôva đã tỏ cho biết sự cứu rỗi Ngài, và lộ ra sự công bình Ngài trước mặt các nước. Ngài đã nhớ lại sự nhân từ và sự thành tín của Ngài đối cùng nhà Ysoraên; Các đầu đất đã thấy sự cứu rỗi của Đức Chúa Trời chúng tôi. Hỡi cả trái đất, hãy cất tiếng reo mừng cho Đức Giêhôva, nức tiếng vui vẻ và hát ngợi khen! ... Hãy lấy còi và tiếng kèn Mà reo mừng trước mặt Vua, tức là Đức Giêhôva! Nguyện biển và muôn vật ở trong biển, thế gian cùng những người ở trong thế gian đều nổi tiếng ồn ào lên!... Vì Ngài đến đặng đoán xét thế gian: Ngài sẽ lấy sự công bình mà đoán xét thế gian, dùng sự ngay thẳng mà đoán xét muôn dân.”*

Như vậy theo các Thi Thiên này, câu trả lời cho nan đề về điều ác chính là sự hiện đến của Chúa. Nhưng điều đó làm nảy sinh một thắc mắc khác: Chúa sẽ đến như thế nào và trong hình thức nào? Theo Thi Thiên 97:5-7, khi Ngài đến trị vì, *“Các núi tan chảy như sáp trước mặt Đức Giêhôva, ... Muôn dân đã thấy sự vinh hiển Ngài.”* Và Đức Chúa Trời chân thân được bày tỏ ra như thế: *“Nguyện hết thảy kẻ hầu việc tượng chạm, và khoe mình về các hình tượng, đều bị hổ thẹn.”* Nhưng vẫn có nan đề. Đức Chúa Trời là Đấng vô hình. Vậy (chúng ta lặp lại) Chúa vô hình, Đấng chưa hề có ai nhìn thấy, hoặc thực sự là không ai có thể nhìn thấy, sẽ đến và tỏ sự hiện diện của Ngài ra cho để người ta bằng cách nào và dưới hình thức nào để cho mọi dân có thể nhìn thấy Ngài và biết chắc chắn những sự đoán xét ấy là sự đoán xét của Ngài, không còn chút tranh cãi vào đâu được?

Câu trả lời cho thắc mắc này là: Ngài sẽ đến trong thân vị của Đấng Mêsia. “Vua, tức là Đức Giêhôva” – là Đấng các dân sẽ reo vui trước mặt Ngài khi Ngài đến (Thi Thiên 98:6) – không ai khác hơn là Đấng Đấng Mêsia, là Đấng mà Đức Chúa Trời đã nói về Ngài rồi trong Thi Thiên 2: *“Người là Con ta,”* và Ngài cũng đã nói về Đấng ấy: *“Ta đã lập vua ta trên Siôn là núi thánh ta.”* Trong khi Êsai nói tiên tri: *“Hãy mở đường trong đồng vắng cho Đức Giêhôva... này, Chúa Giêhôva sẽ lấy quyền năng mà đến”* (Êsai 40:3, 10), thì Giăng Báp-tít tuyên bố rằng: *“Sự hiện đến của Chúa”* ấy chỉ về sự hiện đến lần thứ nhất của Đấng Mêsia (Luca 3:4-18). Tương tự, khi những Thi Thiên của chúng ta nói về việc Chúa đến đoán xét thế gian và thiết lập vương quốc Ngài trên đất, họ nói đến sự tái lâm của Ngài.

Chúa Jesus cũng giải nghĩa những Thi Thiên này y như vậy. Trong ẩn dụ của Ngài về góa phụ và vị quan án bất công (Luca 18:1-8), Ngài cũng giải quyết nan đề điều ác giống như y cách của Thi Thiên 94. Ngài công nhận rằng việc Đức Chúa Trời có vẻ không hành động để đối phó với điều ác chính là để

thử nghiệm đức tin của dân sự Ngài. Tuy nhiên, Ngài bảo đảm với họ Đức Chúa Trời sẽ nhanh chóng can thiệp giải quyết để dân sự Ngài nhận được công lý. Ngài khuyên từ giờ cho đến kỳ đó, họ phải tiếp tục lấy đức tin cầu nguyện. Nhưng Ngài nói thêm: *“Song khi Con người đến, há sẽ thấy đức tin trên mặt đất chăng?”* Chúng ta thắc mắc: Vì sao “khi Con Người đến”? Vì sự tái lâm của Ngài sẽ là lúc Đức Chúa Trời “đến đoán xét thế gian” và binh vực đức tin của dân sự Ngài, là những người vẫn tiếp tục tin nơi Đức Chúa Trời và cầu nguyện suốt bao thế kỷ dài chờ đợi.

Cuối cùng, chúng ta trở lại với trước giả thư Hêbơrơ và cách ông giải thích Thi Thiên 97:7. Bạn còn nhớ đấy, ông nói rằng chữ “Ngài” trong mạng lệnh “mọi thiên sứ của Đức Chúa Trời đều phải thờ lạy Ngài” chỉ về Đấng Mêsia. Ông chứng tỏ mình đúng biết dường nào! Nhưng ông lấy ý này từ đâu ra? Ông đọc và lý giải toàn bộ văn mạch. Ông không hề làm người kiểm chứng bản văn! Ông đã thấy văn mạch này muốn nói về sự hiện đến của Chúa để thiết lập triều đại của Ngài trên đất. Ông đã thấy Đấng *đến* cách hữu hình này buộc phải là Con Đức Chúa Trời, tức là Đấng Mêsia, và sự hiện đến được nhắc tới chắc chắn phải là sự tái lâm. Đó chính là nguyên nhân khiến ông trích dẫn Thi Thiên 97:7 bằng những từ ngữ: “Còn khi Ngài đưa Con đầu lòng mình vào thế gian, thì phán rằng: Mọi thiên sứ của Đức Chúa Trời phải thờ lạy Con.”⁴

Không cần nói cũng biết các trước giả khác của Tân Ước cũng đồng ý. Phaolô dùng chính những lời của Thi Thiên 96:13 và 98:9 để nói về sự hiện ra lần thứ hai của Đấng Christ: Đức Chúa Trời *“Vì Ngài đã chỉ định một ngày, khi Ngài sẽ lấy sự công bình đoán xét thế gian, bởi Người Ngài đã lập, và Đức Chúa Trời đã khiến Người từ kẻ chết sống lại, để làm chứng chắc về điều đó cho thiên hạ”* (Công vụ 17:31). Đương nhiên khi Chúa Jesus tái lâm, mọi thiên sứ của Đức Chúa Trời sẽ nhận lệnh phải thờ phượng Ngài. *“Đức Chúa Trời đã... ban cho Ngài*

đanh trên hết mọi đanh, hầu cho nghe đến đanh Đức Chúa Jê-sus, mọi dầu gối trên trời, dưới đất, bên dưới đất, thầy đều quì xuống, và mọi lưỡi thầy đều xưng Jê-sus Christ là Chúa, mà tôn vinh Đức Chúa Trời, là Đức Chúa Cha” (Philíp 2:9-11).

Phần Ba

Nhóm Câu Trích Dẫn Thứ Nhì

Khi Đấng Mêsia đến cai trị, triều đại của Ngài sẽ ra sao? Và với tư cách người cai trị, Ngài sẽ như thế nào? Chúng ta làm sao để chuẩn bị đón tiếp sự hiện đến của Ngài? Những điều này làm nảy sinh một câu hỏi khác. Những tín hữu của các thế kỷ trước đã qua đời rồi thì sao? Phần chúng ta là những người có thể chết trước khi Chúa đến thì sao? Phải chăng chúng ta và họ sẽ không bao giờ nhìn thấy vương quốc hầu đến này? Có phải vương quốc đó hoàn toàn không thích ứng cho chúng ta? Những câu trích dẫn trong nhóm thứ nhì này trả lời các câu hỏi trên.

4. Tính vĩnh viễn và phẩm chất của triều đại Đấng Mêsia (Thi Thiên 45:5-6)

“Nhưng nói về [tốt hơn nên dùng chữ ‘với’ giống như bản AV/ KJV] Con thì (Đức Chúa Trời) lại phán rằng” (Hêbơơ 1:8):

Vì cơ sự chân thật, sự hiền từ, và sự công bình,
Hãy lấy sự oai nghi Ngài cỡi xe lướt tới cách thẳng trận;
Tay hữu Ngài sẽ dạy cho Ngài những việc đáng kinh.
Các mũi tên Ngài bén nhọn,
Bắn thấu tim kẻ thù nghịch vua;
Các dân đều ngã dưới Ngài.

Hỡi Đức Chúa Trời, ngôi Chúa còn mãi đời nọ qua đời
kia;

Bính quyền [vương trượng]
nước Chúa là một bính quyền ngay thẳng.

Chúa ưa sự công bình, và ghét điều gian ác;

Cho nên Đức Chúa Trời, là Đức Chúa Trời của Chúa,
đã xúc dầu cho Chúa
Bằng dầu vui vẻ trội hơn đồng loại Chúa.

...Hoàng hậu đứng bên hữu Ngài, trang sức vàng ôphia.
Hỡi con gái, hãy nghe, hãy suy nghĩ, hãy lắng tai;
...Thì vua sẽ mộ nhan sắc con;
Vì Ngài là chúa con; hãy tôn kính Ngài.
...Công chúa trong đền được rất vinh hiển;
...Nàng sẽ mặc áo gấm ra mắt vua;
Các nữ đồng trinh là bạn đi theo nàng sẽ được đưa đến
Ngài.

Họ sẽ được dẫn đến có sự vui vẻ và khoái lạc,
Mà vào đền vua”
(Thi Thiên 45:4-7, 9-11, 13-15)

Thi Thiên 45, là phần chứa câu trích thứ tư này, được làm theo thể thức những bài ca để hát trong lễ cưới của các vua thời xưa. Phải chăng chính xác những lời Thi Thiên này đã từng được hát tại lễ cưới của một vị vua nào đó tại Giuda? Nếu vậy, chúng ta có thể biết chắc chắn những điều cực kỳ cường điệu này được hát ra không theo kiểu tâng bốc của phương Đông, nhưng trong niềm tin rằng vị vua – cho dù vua này là ai đi nữa – là bậc tiền thân tạm thời cho vị Vua lý tưởng của Ysraên, tức Đấng Mêsia. Xét theo giá trị ngoài bề mặt của chúng, những lời lẽ của Thi Thiên này chỉ có thể áp dụng cho Đấng Mêsia và triều đại Mêsia của Ngài.

“Thế gian hầu đến mà chúng ta nói đó” (Hêbơơ 2:5) sẽ được đem đến bởi “sự lướt tới cách thắng trận” của Đấng Mêsia khi Ngài tái lâm (đối chiếu với phần mô tả trong Khải Huyền 19:11-21), và việc tiêu diệt những tập đoàn và các liên minh gian ác vĩ đại vốn lên cao đến đỉnh điểm vào cuối đời này (xem IITêsalônica 1:5-2:12). Những mũi tên của Ngài sẽ “bắn thấu tim

kẻ thù nghịch của vua.” Vương quốc Ngài khai mạc lúc bấy giờ sẽ lâu bền vĩnh viễn; triều đại Ngài sẽ là triều đại công chính trọn vẹn. Bấy giờ cũng sẽ chứng kiến sự hoàn tất công tác cứu chuộc: vua Mêsia sẽ cưới “Hoàng hậu” của Ngài, tức đoàn người đã được chuộc đầy vinh hiển. Tiệc cưới Chiên Con, như cách Tân Ước gọi (Khải Huyền 19:6-10, và để ý phần kết quả tiếp theo trong 19:11 trở đi), sẽ đến. Sẽ có sự vui sướng hoàn toàn và không thể hình dung nổi; đây là niềm vui của sự chung kết mà tất cả mọi thời đại trong lịch sử, tất cả mọi năm của cuộc đời thấy đều chuẩn bị cho sự chung kết ấy.

Nhưng làm sao chúng ta biết chắc bức tranh về thời cai trị vĩnh viễn của công chính trọn vẹn và niềm vui vô hạn này là đáng tin chứ không phải chỉ là chuyện thần tiên, sản phẩm của sự hoang tưởng tôn giáo? Tính đáng tin của bức tranh này tùy thuộc vào hai điều. Thứ nhất, Đấng Mêsia đã làm con người, và thứ nhì, Ngài còn trội hơn con người. Thi Thiên 45 giải thích, chính vì trong bản thể, Ngài là Đức Chúa Trời nên sự cai quản của Ngài sẽ còn đến đời đời: *“Hỡi Đức Chúa Trời, ngôi Chúa còn mãi đời nọ qua đời kia.”* Và như chúng ta thấy cho tới nay đã biết bao nhiêu lần, sự phục sinh của Chúa Jesus, tức Đấng Mêsia, chứng tỏ rằng Ngài là Con Đức Chúa Trời. Như vậy, sự thực đã được chứng minh ấy đem lại tính chắc chắn và đáng tin cho bức tranh tiên tri của Thi Thiên này.

Tuy nhiên, lời hứa một ngày kia sẽ có thời trị vì công bình và trọn vẹn được Thi Thiên này căn cứ trên sự đích thân yêu mến công bình và ghét sự gian ác của Đấng Mêsia. Trên thực tế, câu 6 nói đây chính là nguyên nhân Đức Chúa Trời tôn cao Đấng Mêsia. Như vậy, việc Ngài ngự lên ngôi không chỉ căn cứ trên quyền năng tuyệt đối của thần tánh Ngài – để nhờ đó Ngài làm được mọi điều Ngài muốn – mà còn trên cả đạo đức trọn vẹn và sự công bình thực tiễn của Ngài: “Chúa ưa sự công bình, và ghét điều gian ác; Cho nên Đức Chúa Trời, là Đức Chúa Trời của Chúa, đã xức dầu cho Chúa bằng dầu vui vẻ trở

hơn đồng loại Chúa.”

Dân chúng nói chung thường ám ảnh bởi quyền lực hơn là bởi sự trung thực về đạo đức và chân lý. Khi Chúa Jesus nói với Philát: “Thật như lời, ta là vua. Nay, vì sao ta đã sanh và vì sao ta đã giáng thế: Ấy là để làm chứng cho lẽ thật. Hễ ai thuộc về lẽ thật thì nghe lấy tiếng ta. Philát hỏi rằng: Lẽ thật là cái gì?” rồi cố hạ cuộc đối thoại này xuống ngang tầm mức ông cho là một bình diện thực tế hơn. Philát nói: “Người há chẳng biết rằng ta có *quyền* buông tha người và *quyền* đóng đinh người sao?” (Giăng 18:37-38; 19:10). Hết thấy chúng ta đều có thể nhớ đến những tấm gương – và cũng không phải chỉ từ thời quá khứ xa xôi thoi đầu – của những bậc lãnh tụ thế giới tôn thờ quyền lực và tìm cách xây dựng đế quốc trần gian này của họ trên quyền lực thế gian. Và chúng ta rùng mình khi thấy cuộc chạy đua vào không gian hiện nay đang thiên về quyền lực hơn là về chân lý.

Chúa Jesus thì khác. Mọi quan tâm tha thiết đến sự thật, yêu mến sự công bình, ghét sự gian ác – đây là những vấn đề thực tế lịch sử, chứ không phải là sự hoang tưởng của lòng sùng đạo. Những bản ký thuật về đời sống Ngài vẫn có sẵn cho người ta nghiên cứu tỉ mỉ suốt bao thế kỷ, và vẫn đưa ra lời thách thức: “*Trong các người có ai bắt ta thú tội được chăng?*” (Giăng 8:46). Nếu hết lòng, hết trí, hết linh hồn và hết sức yêu mến Đức Chúa Trời là điều răn thứ nhất và lớn nhất trong luật pháp của Đức Chúa Trời, và yêu người lân cận như mình là điều răn lớn thứ nhì, thì Chúa Jesus đã làm trọn cả hai, chính trong sự sống của Ngài và càng làm trọn dư dật trong sự chết của Ngài. Những bản ký thuật cho thấy khi Ngài sống trên đất, Ngài có quyền năng siêu nhiên, và đã nhiều dịp sử dụng đến. Nhưng những bản ký thuật này cũng bày tỏ Ngài đã thấy rõ hơn bất kỳ ai rằng không thể biến thế gian này thành Thiên đàng của công lý và bình an bằng cách thực thi quyền lực, cho dẫu bằng quyền năng thiên thượng đi nữa. Phải

đối diện và giải quyết nan đề tội lỗi và sự phạm tội của con người. Có thể đạt được tương lai công lý và bình an kiểu nào nếu cứ hành động dường như thể tội lỗi trong quá khứ và hiện tại của thế gian là không quan trọng gì cả để giày đạp nó dưới tấm thảm? Chắc chắn Đấng Christ sẽ không tính làm chuyện ấy. Ngài yêu mến công bình. Công lý thiên thượng phải được giữ vững. Nhưng sử dụng quyền năng thiên thượng để khẳng khái bảo vệ công lý thiên thượng – như cách Đấng Christ sẽ làm khi Ngài tái lâm – có nghĩa là phải hành hình những tội nhân. Trong trường hợp đó, sẽ có bao nhiêu người còn sống sót để bước vào chốn Thiên đàng của sự bình an? Và Đấng Christ yêu mến tội nhân, Ngài đã đến cứu họ, đưa họ đến sự ăn năn và khiến họ trở nên những thần dân phù hợp với chốn Thiên đàng – giống như tên cướp hấp hối vậy.

Như vậy đã xuất hiện nan đề. Ngài hết lòng ghét tội lỗi và sự gian ác. Phải vạch trần thực trạng của tội lỗi và phải gánh chịu cơn thịnh nộ của Đức Chúa Trời, không thể viện cớ nào được. Nhưng Ngài yêu mến những tội nhân như chúng ta. Phải tìm ra phương cách nào đó để tha thứ. Nhưng Ngài lại yêu mến sự công bình. Nếu Đức Chúa Trời xưng công bình tội nhân, vậy phương pháp tha thứ đó phải làm sao để Đức Chúa Trời vẫn cứ công bình trọn vẹn đang khi Ngài xưng công bình những người đặt đức tin nơi Chúa Jesus (xem Rôma 3:26). Câu trả lời cho nan đề này chính là Ngài tình nguyện chấp nhận thập tự giá, là nơi *“Đức Chúa Trời đã làm cho Đấng vốn chẳng biết tội lỗi trở nên của lễ chuộc tội chúng ta [chú thích bên lề của bản NIV], hầu cho chúng ta nhờ Đấng đó mà được trở nên sự công bình của Đức Chúa Trời”* (II Côrinthô 5:21).

Như vậy, sau khi cung cấp xong phương cách để giải hòa, tha tội và cứu rỗi cho mọi ai sẽ nhận được, thì khi thời điểm đến, Ngài đủ tư cách thi hành những án đoán phạt của Đức Chúa Trời để *“thâu mọi gương xấu và những kẻ làm ác khỏi nước Ngài”* (Mathiơ 13:41). Chiên Con đã chết trong tư cách

Đấng Cứu Chuộc sẽ được kể xứng đáng làm Quan Án để “*mở cuốn sách có đóng bảy cái ấn,*” để tẩy sạch tội lỗi và những kẻ phạm tội khỏi thế gian (Khải Huyền 5 – 7). Đây không hề là mơ mộng rồi hơi: Nước Đức Chúa Trời sẽ đến; ý muốn của Đức Chúa Trời sẽ được thực hiện trên đất y như đang được thực hiện trên Thiên đàng.

Sau đó sẽ đến Tiệc Cưới của Đấng Mêsia, tức Tiệc Cưới của Chiên Con. Tân Nương của Ngài sẽ chuẩn bị để sẵn sàng dự phần sự sống và ngai của Ngài bằng cách nào? Tân nương sẽ cư xử thế nào, trang sức thế nào để vua sẽ ái mộ nhan sắc của nàng (theo như bản AV/ KJV của Thi Thiên 45:1 đã nói). “*Vì Ngài là Chúa con; hãy tôn kính Ngài*” chính là lời khuyên của Thi Thiên này (45:11). Ngài yêu sự công bình và ghét gian ác. Vợ Ngài, được mua bởi sự chết hy sinh và cứu chuộc của Ngài, cũng phải làm giống như Ngài. Thi Thiên ngày xưa này nói về hoàng hậu được trang sức cách vinh quang trong bộ áo dệt bằng vàng (45:13-14). Khải Huyền thêm vào tỉ dụ này: “*Vợ Ngài đã sửa soạn, đã cho người được mặc áo sáng láng tinh sạch bằng vải gai mịn (vải gai mịn tức là công việc công bình của các thánh đồ)*” (19:7-8).

Thời trị vì của Đấng Christ và hôn lễ của Chiên Con – đấy không phải những huyền thoại. Chúng ngày càng đến gần hơn. Thời gian chuẩn bị còn rất ngắn. Hết thấy mọi người tin hãy lo sao cho bảo đảm chắc chắn họ có rất nhiều việc làm công bình để làm vua say đắm vẻ đẹp của họ trong Ngài hôn lễ.

5. Tính Vĩnh Viễn Của Chính Đấng Mêsia Và Của Các Thần Dân Ngài

Nói về [với Con] thì lại phán (*Hêborơ 1:8*),
Thuở xưa Chúa lập nền trái đất,
Các tầng trời là công việc của tay Chúa.
Trời đất sẽ bị hư hoại, song Chúa hằng còn;
Trời đất sẽ cũ mòn hết như áo xông;

Chúa sẽ đổi trời đất như cái áo, và nó bị biến thay;
Song Chúa không hề biến cải,
Các năm Chúa không hề cùng.
(*Thi Thiên 102:25-27*)

Không còn nghi ngờ gì nữa về lập luận của trước giả: Ông tuyên bố rõ ràng rằng những lời lẽ này trong Thi Thiên 102 – cũng giống như những lời lẽ ông đã trích trước đó từ Thi Thiên 45 – không phải do tác giả Thi Thiên nói với Đức Chúa Trời, nhưng do Đức Chúa Trời nói với Đấng Mêsia.

Đương nhiên giờ đây, sự thật chính là trước giả dùng những câu trích dẫn trước đây của mình để chứng minh xong Đấng Mêsia là Con Đức Chúa Trời. Do đó, ông đã chứng minh lời tuyên bố trước đây của mình rằng chính bởi Đấng Mêsia này mà Đức Chúa Trời đã dựng nên vũ trụ (1:2). Không còn phải thắc mắc gì về điều đó nữa. Do đó, không ai có thể phản đối nếu trước giả của chúng ta giờ đây chỉ việc đem những lời tác giả Thi Thiên nói với Đức Chúa Trời trong tư cách Đấng Tạo Hóa rồi áp dụng chúng cho Con Đức Chúa Trời với tư cách Đấng Tạo Hóa. Nhưng trước giả không làm như vậy. Ông tuyên bố trong các câu Kinh Thánh 25-27 của Thi Thiên 102, không phải chính tác giả Thi Thiên dùng lời nói của mình thưa chuyện với Đức Chúa Trời trong tư cách Đấng Tạo Hóa, mà là chính Đức Chúa Trời đang nói với Đấng Mêsia và nhắc nhở rằng chính Đấng Mêsia là Đấng Tạo Hóa. Tác giả dựa vào cơ sở nào để giải thích như vậy? Chỉ có nghiên cứu chi tiết và cẩn thận về dòng tư tưởng của toàn Thi Thiên này mới giúp chúng ta tìm được câu trả lời thỏa đáng.

Thi Thiên 102, phần một: tựa đề và câu 1 – 11

(Tác giả Thi Thiên kêu cầu Đức Chúa Trời nhanh chóng giúp đỡ mình; vì những ngày của mình đang nhanh chóng yếu dần, và nếu Chúa không giúp, tác giả sẽ chết trước khi nhìn thấy sự tái thiết đã hứa cho Siôn.)

Bài cầu nguyện của kẻ gian khổ, khi bị cực lòng, bèn bày
nỗi buồn thảm mình ra trước mặt Đức Giêhôva

Hỡi Đức Giêhôva, xin nghe lời cầu nguyện tôi,
Nguyện tiếng tôi thấu đến Ngài.

Trong ngày gian truân, xin chớ giấu mặt Ngài cùng tôi;
Xin hãy nghiêng tai qua nghe tôi;
Trong ngày tôi kêu cầu, xin mau mau đáp lại tôi.

Vì các ngày tôi tan như khói,
Xương cốt tôi cháy đốt như than lửa.
Lòng tôi bị đánh đập, khô héo như cỏ,
Vì tôi quên ăn.

Vì có tiếng than siết của tôi,
Xương cốt tôi sát vào thịt tôi.
Tôi trở giống như con chàng bè nơi rừng vắng,
Khác nào chim mèo ở chốn bỏ hoang.

Tôi thao thức, tôi giống như
Chim sẻ hiu quạnh trên mái nhà.
Hằng ngày kẻ thù nghịch sỉ nhục tôi;
Kẻ nổi giận hoảng tôi rửa sỉ tôi.

Nhân vì sự nóng nả và cơn thịnh nộ của Chúa,
Tôi đã ăn bụi tro khác nào ăn bánh,
Và lấy giọt lệ pha lộn đồ uống tôi;
Vì Chúa có nâng tôi lên cao, rồi quăng tôi xuống thấp.
Các ngày tôi như bóng ngả dài ra,
Tôi khô héo khác nào cỏ.

Có thể nói phần đầu của Thi Thiên này như là cảnh ngày
ngắn ngủi của cuộc đời đang lao nhanh đến kết thúc. Những
ngày của tác giả Thi Thiên tan đi như khói, các xương cốt ông
bị cơn sốt thiêu đốt, lòng ông tan nát, ông đã mất cả sự thềm
ăn, và sự than vãn vô ý thức của ông vất kiệt chút sức lực còn

lại. Đau khổ lại càng đau khổ thêm không những chỉ bởi những lời chế nhạo của kẻ thù, mà còn bởi cả cảm giác phạm tội trong chính tấm lòng, cho rằng ông đang chịu cơn thịnh nộ của Đức Chúa Trời, là Đấng đã đưa ông lên rồi ném ông xuống (câu 10). Ông chịu khổ không đơn thuần trong tư cách của một cá nhân chịu khổ vì tội lỗi của chính mình. Như phần thứ nhì của Thi Thiên sẽ nói rõ, thành Giêrusalem cũng bị tàn phá bởi sự sửa trị của Đức Chúa Trời, và tác giả Thi Thiên cảm thấy mình có liên can đến tội lỗi và hoạn nạn của dân sự mình. Chính vì thế còn có cả sức mạnh tàn phá từ những lời chế nhạo của kẻ thù, là kẻ luôn luôn nhạo báng lời người Do Thái tuyên bố là tuyển dân đặc biệt của Đức Chúa Trời, và giờ đây họ cho rằng những hoạn nạn của tác giả Thi Thiên và của Giêrusalem chứng tỏ những lời tuyên bố của những người Do Thái này chỉ là giả tạo.

Tác giả Thi Thiên vẫn không đánh mất đức tin trước mọi hoạn nạn ấy; trong phần thứ nhì của Thi Thiên, ông sẽ bày tỏ lòng tin quyết rằng Siôn sẽ được tái thiết. Đức Chúa Trời đã hứa điều đó và đã chỉ định thời điểm (câu 13). Thời điểm sẽ đến. Đức Chúa Trời tiếp tục hiện hữu qua suốt mọi thế hệ; không một bệnh tật hay yếu đuối nào có thể đem Ngài đi. Khi thời điểm đến, Ngài sẽ dấy lên và thương xót Siôn, làm trọn lời đã hứa.

Điều đó là ổn thỏa cho Đức Chúa Trời và cho những người sẽ sống tại thời điểm ứng nghiệm lời hứa ấy. Đức Chúa Trời có thể chờ đợi hàng thế kỷ để chứng kiến những mục đích của Ngài được thành. Nhưng đây là sự thất vọng cay đắng và ngã lòng từ cương vị của tác giả Thi Thiên. Đời sống ngắn ngủi của ông sắp qua hết rồi, nếu Đức Chúa Trời không giúp ông thật nhanh, cơn bệnh sẽ khiến ông chết. Như vậy ông sẽ không bao giờ thấy những điều mình hằng tin vào, cầu thay cho, và chờ đợi suốt cả đời – tức việc tái thiết Siôn. Ông cầu nguyện khẩn thiết xin Chúa lập tức cứu giúp (câu 2). Không lẽ ông phải chịu đựng đau đớn, hoạn nạn và sự sửa trị vì cơ Chúa không hài lòng,

chịu những lời nhạo báng của kẻ thù, để rồi chẳng bao giờ được nhìn thấy, dự phần và được hưởng sự khôi phục đã hứa kia sao?

Biết bao người Do Thái trải suốt các thế kỷ ắt hẳn cũng cảm nhận đồng một cách ấy và đã dâng lên Chúa cùng một lời cầu nguyện ấy!⁵

Thi Thiên 102, phần hai: câu 12-22

(Phần tiên liệu trước quang cảnh sẽ ra sao khi thời điểm ấn định đã đến và Chúa đến tái thiết Siôn, và mọi dân nhóm lại tại Giêrusalem để thờ phượng Đức Giêhôva.)

Nhưng, Đức Giêhôva ơi, Ngài hằng có mãi mãi,
Kỷ niệm Ngài lưu từ đời này sang đời kia.
Chúa sẽ chỗi dậy lấy lòng thương xót Siôn;
Đây là kỳ làm ơn cho Siôn,
Vì thì giờ định đã đến rồi.
Các tôi tớ Chúa yêu chuộng đá Siôn,
Và có lòng thương xót bụi đất nó.
Bấy giờ muôn dân sẽ sợ danh Đức Giêhôva,
Và hết thảy vua thế gian sẽ sợ sự vinh hiển Ngài.
Khi Đức Giêhôva lập lại Siôn,
Thì Ngài sẽ hiện ra trong sự vinh hiển Ngài.
Ngài sẽ nghe lời cầu nguyện của kẻ khốn cùng,
Chẳng khinh để lời nài xin của họ.
Điều đó sẽ ghi để cho đời tương lai,
Một dân sự được dựng nên về sau sẽ ngợi khen Đức
Giêhôva;
Vì từ nơi thánh cao Ngài đã ngó xuống,
Từ trên trời Ngài xem xét thế gian,
Đặng nghe tiếng rên siết của kẻ bị tù,
Và giải phóng cho người bị định phải chết;
Hầu cho người ta truyền ra danh Đức Giêhôva trong
Siôn,

Và ngợi khen Ngài tại Giêrusalem,
Trong lúc muôn dân nhóm lại
Với các nước, dâng hầu việc Đức Giêhôva.

Chúng ta nên quan sát các chiều hướng trong khái tượng của tác giả Thi Thiên này. Không phải ông đang nghĩ đến một vài sự tu sửa thành Giêrusalem mà những người tin kính có thể quy về ơn chăm sóc thần hựu của Đức Chúa Trời. Ông hình dung một sự khôi phục Siôn vinh quang đến nỗi mọi dân đều buộc phải thừa nhận rằng đấy chính là công việc của Đức Giêhôva. Và họ sẽ sợ danh Đức Giêhôva, vì một nguyên nhân hết sức hợp lý ấy là *“Đức Giêhôva sẽ hiện ra trong sự vinh hiển Ngài”* để tái thiết Giêrusalem; và kết quả là các dân và các nước sẽ nhóm lại để thờ phượng Đức Giêhôva (câu 22).

Như vậy, qua thuật ngữ được sử dụng, rõ ràng Thi Thiên 102 cũng đang nói giống như Thi Thiên 96, 97 và 98, không nói gì khác hơn là sự hiện đến hữu hình của Đức Giêhôva, là điều Tân Ước gọi là *“sự hiện ra của sự vinh hiển Đức Chúa Trời lớn và Cứu Chúa chúng ta, là Đức Chúa Jesus Christ”* (Tít 2:13). Đức Chúa Trời sẽ tái thiết Siôn tại thời điểm và bởi sự tái lâm của Con Đức Chúa Trời, mà vai trò của Ngài đã luôn luôn là, hiện là, và sẽ là bày tỏ ra vinh hiển của Đức Chúa Trời.⁶

Nhưng giờ đây tác giả Thi Thiên cho chúng ta biết một điều kỳ diệu: lúc Đức Giêhôva hiện ra và tái thiết Siôn cũng chính là lúc nhậm lời cầu nguyện của dân sự thiếu thốn cơ cực của Ngài (câu 17). Trên thực tế, ông đang nói (câu 18-22) *“Bây giờ hãy viết ngay ra đây vì cơ ích lợi của thế hệ tương lai (là thế hệ đang sống khi Đức Giêhôva đến) để cho những con người hiện giờ vẫn chưa được dựng nên (đến lúc đó) có thể ngợi khen Chúa.”* Vì từ những điều đã viết ra họ sẽ học biết sự hiện đến của Chúa không phải là sự can thiệp độc đoán, bất ngờ và không báo trước của Đức Chúa Trời. Các thế hệ dân sự bị hoạn

nạn và bắt bớ của Đức Chúa Trời đã tin đây là điều được hứa trong Kinh Thánh, và họ đã khao khát chờ đợi và cầu nguyện xin điều ấy.

Như vậy, đây chính là điều tác giả Thi Thiên muốn ghi lại. Để đáp lại những lời khẩn cầu của dân tộc ông: *“Vì từ nơi thánh ca Ngài đã ngó xuống, Từ trên trời Ngài xem xét thế gian, lắng nghe tiếng rên siết của kẻ bị tù, và giải phóng cho người bị định phải chết”* (câu 19-20).

Những lời diễn tả này thật sinh động và cảm động biết dường nào! Không phải ông đang nghĩ đến khoảng cách xa xôi giữa trời và đất theo phương diện không gian, làm như có thể đo được bằng những năm ánh sáng vậy. Ông đang nghĩ đến Đức Chúa Trời siêu việt vô hạn trên những công việc của trần gian này biết dường nào; nỗi bất hạnh khốn khổ của những ngục tù trần gian nơi con người đang rên siết khi chờ hành hình là ở bên dưới vô hạn biết dường nào so với vinh quang không hề bị khuấy động của Chúa. Thế nhưng Đức Chúa Trời siêu việt này “đã ngó xuống,” xem thấy nỗi khốn khổ của trần gian, nghe những tiếng rên siết của những tù nhân, và để đáp lại, một ngày kia Ngài sẽ hiện ra và tái thiết Siôn. Không phải – và hiển nhiên là không phải – chỉ bốn năm phút trước khi tái lâm Đức Chúa Trời mới đột ngột chú ý đến trái đất, lúc đó mới biết những tiếng rên siết của các tù nhân, rồi mới quyết định hành động. Đức Chúa Trời đã luôn ngó xuống, luôn luôn nghe lời cầu nguyện của dân sự sâu thẳm của Ngài trải mọi thế kỷ. Những lời cầu nguyện của họ không bị mất đi (xem Khải Huyền 6:9-11; 8:3-5). Nhưng Đức Chúa Trời sẽ “nghe lời cầu nguyện của kẻ khốn cùng, chẳng khinh để lời nài xin của họ” (Thi Thiên 102:17). Huyết của những người tuận đạo, tiếng than thở của những tù nhân vô tội, lời cầu khẩn của tác giả Thi Thiên 102 và hàng triệu tín hữu như ông, những lời cầu thay dường như chưa được nhậm của Đaniên (xem đoạn 9 trong lời tiên tri của ông), những tiếng kêu la từ Auschwitz và Dachau bị dập tắt

bởi những phòng hơi ngạt – tất cả điều ấy hợp thành một lẽ chắc chắn về mặt đạo đức rằng Chúa một ngày kia sẽ hiện ra và tái thiết Siôn.

Nhưng trong số toàn bộ những lời cầu nguyện và cầu thay mà Đức Chúa Trời từng nghe, chắc chắn những lời hữu hiệu nhất chính là lời ra từ môi miệng và tấm lòng của Con Nhập Thể của Đức Chúa Trời. Câu chuyện phi thường là thế này: Đức Chúa Trời không những *ngó* xuống từ đền thánh của Ngài trên cao, nhưng trong thân vị của Con Ngài, Ngài còn *đi* xuống! Đáng một ngày kia sẽ hiện ra trong vinh quang và tái thiết Siôn cũng chính là Đấng đã từng được tỏ ra trong xác thịt, đã từng bước đi trên các đường phố Giêrusalem. Ngài không những từ trên cao nhìn xem những nỗi đau, những bất công và những sự tàn bạo trên trần gian, mà Ngài còn đích thân đến và kinh nghiệm những điều ấy. Ngài không những nghe lời cầu nguyện của kẻ khốn cùng, mà còn cùng gia nhập với họ. Ngài không những lắng nghe lời rên siết của những tù nhân bị đoán phạt bằng sự chết, nhưng cũng đích thân trở thành một tù nhân; và dầu vô tội, Ngài vẫn bị kể vào hàng những kẻ vi phạm. Bị dứt khỏi đất của kẻ sống đang khi còn tuổi thanh xuân, vừa mới hơn ba mươi ba tuổi, gánh lấy tội lỗi của nhiều người và cầu thay cho những kẻ phạm tội (xem Êsai 53:8, 12). Dầu là Đấng Mêsia nhập thể, Con Đức Chúa Trời -và trước giả thơ Hêbơơ từ lâu đã chứng tỏ rằng – “khi [Đấng Christ] còn trong xác thịt, thì đã kêu lớn tiếng khóc lóc mà dâng những lời cầu nguyện nài xin cho Đấng có quyền cứu mình khỏi chết, và vì lòng nhân đức Ngài, nên được nhậm lời” (Hêbơơ 5:7). Một ngày kia, không những để nhậm lời cầu nguyện của những kẻ trung tín suốt mọi thời đại, mà còn để nhậm lời tối hậu cho những lời cầu nguyện và lời cầu thay của Đấng Mêsia, Đức Chúa Trời sẽ khiến Đức Chúa Jesus Christ Chúa chúng ta hiện ra (ITimôthê 6:14-16).

Sự bình vực đặc tánh của Đức Chúa Trời sẽ tuyệt vời biết dường nào! Sự công bố danh Ngài, sự bày tỏ vinh quang về

sự thành tín và thương xót của Ngài tuyệt vời biết dường nào (Thi Thiên 102:13-16, 21)! Trước mặt những kẻ vô thần và kẻ bất khả tri của thế gian này, sự minh chứng và bênh vực khái thị của Đức Chúa Trời trong Lời Ngài đã được Ysoraên và Giêrusalem lịch sử làm chứng cho sẽ tuyệt vời biết dường nào! Lời cầu nguyện cũng sẽ được bình vực chống lại mọi kẻ không tin và mọi kẻ phê bình, là những người thường xuyên nói rằng lời cầu nguyện là vô ích vì hoặc Đức Chúa Trời không nghe thấy (có lẽ vì Ngài đâu có hiện hữu) hoặc nếu Ngài có nghe đi nữa thì Ngài cũng không quan tâm. Sự hiện ra của Đức Chúa Trời lớn và Cứu Chúa chúng ta, là Đức Chúa Jesus Christ, sẽ chứng tỏ dư dật rằng Đức Chúa Trời vừa nghe, vừa quan tâm. Danh và đặc tánh của Đức Chúa Trời sẽ được công bố tại Siôn và lời ngợi khen Ngài sẽ vang lên tại Giêrusalem. Các dân và các nước của thế gian sẽ nhóm lại để thờ phượng Đức Giêhôva (Thi Thiên 102:21; đối chiếu Xachari 14:16).

Như vậy, không lấy gì làm ngạc nhiên, tâm trạng phần thứ nhì này của Thi Thiên 102 bình tĩnh hơn và tràn đầy hy vọng hơn phần đầu. Tác giả Thi Thiên nhớ rằng những lời cầu nguyện của ông cũng có vai trò quan trọng của riêng nó để cuối cùng dẫn đến sự hiện ra của Đức Giêhôva và sự tái thiết Siôn. Và đó không phải là chuyện tầm thường!

Nhưng như vậy vẫn chưa trả lời được nan đề về tính ngắn ngủi của đời người so với bao thế kỷ đã trôi qua để Đức Chúa Trời thực hiện các mục đích của Ngài và làm thành những lời hứa Ngài. Thi Thiên 102:19-20 nói rằng “*Đức Giêhôva ngó xuống... Đặng nghe tiếng rên siết của kẻ bị tù, và giải phóng cho người bị định phải chết.*” Họ là ai vậy? Rõ ràng, những người bị cầm tù ngay trước khi Đức Giêhôva hiện ra trong sự vinh hiển Ngài sẽ được giải thoát. Nhưng còn hàng triệu người trung tín trả bao thế kỷ đã bị bắt bớ và cầm tù, kêu cầu Đức Chúa Trời giải cứu, nhưng không hề được ra khỏi chốn đó mà phải chết trong ngục thì sao? Hoàn toàn có quyền để nói rằng, để nhậm lời

cầu nguyện của họ, một ngày kia Đức Chúa Trời sẽ khiến Đức Giêhôva hiện ra, và giải phóng những người bị cầm tù lúc đó. Nhưng điều đó cũng an ủi mấy cho những người trải bao thời đại quá khứ đã cầu xin được giải cứu nhưng không được. (Điều này cũng không an ủi bao nhiêu cho những người đã chết trước khi Chúa tái lâm.) Có phải họ thấy điều hư mất sao? Họ sẽ không bao giờ thấy vương quốc mà họ đã cầu nguyện xin cho nước ấy mau đến? Và nếu không bao giờ thấy vương quốc ấy, làm sao niềm hy vọng của Cựu Ước tốt hơn chủ nghĩa Marxism, là chủ nghĩa khích lệ người ta tin vào, phục vụ và nếu cần sẵn sàng chết để có một thời đại hầu đến đầy bình an, công lý và thịnh vượng mà theo định nghĩa mà họ sẽ không bao giờ nhìn thấy (vì trong chủ nghĩa Marxism, không hề có sự sống lại)? Đây là một câu hỏi tự nó rất quan trọng; nhưng khi bước vào phần thứ ba của Thi Thiên này, chúng ta sẽ thấy những câu hỏi còn quan trọng hơn thế bám sát theo.

Thi Thiên 102 Phần Ba: Câu 23-28

(Tạo vật sẽ hư mất, nhưng Đấng Tạo Hóa vẫn y nguyên. Do đó, những tội tớ Ngài sẽ sống đời đời.)

Ngài đã làm sức lực tôi ra yếu giữa đường,
Khiến các ngày tôi ra vắng.

Tôi than rằng: Đức Chúa Trời tôi ôi! Các năm Chúa còn
đến muôn đời,

Xin chớ cất lấy tôi giữa chừng số các ngày tôi.

Thuở xưa Chúa lập nền trái đất,

Các tầng trời là công việc của tay Chúa.

Trời đất sẽ bị hư hoại, song Chúa hằng còn;

Trời đất sẽ cũ mòn hết như áo xống;

Chúa sẽ đổi trời đất như cái áo, và nó bị biến thay;

Song Chúa không hề biến cải,

Các năm Chúa không hề cùng.

Con cháu tôi tớ Chúa sẽ còn có,

Dòng dõi họ sẽ được lập vững trước mặt Chúa.

Và thách mắc đầu tiên là thế này. Đồng ý sẽ có một thời đại bình an và công lý do Đức Chúa Trời thiết lập trên trái đất của chúng ta. Thế nhưng trái đất của chúng ta chỉ là tạm thời. Một ngày kia, nó sẽ hư mất. Chính Kinh Thánh cho chúng ta biết điều này. Nhân tiện nói thêm, những nhà khoa học cũng nói như vậy. Giờ đây, người vô thần có thể tin rằng khi trái đất này cuối cùng bị phá hủy, và mọi con người sống trên đó cũng bị phá hủy, bấy giờ sẽ chính là những lực lượng vô nhân tính của chính vũ trụ sẽ hoàn toàn chịu trách nhiệm phá hủy vũ trụ. Nhưng mọi hạng người hữu thần không thể tin điều đó. Họ phải tin rằng cũng chính Đức Chúa Trời có thân vị, Đấng đã dựng nên trời và đất và toàn bộ mọi vật ở trong chúng và trên chúng, chính Đấng ấy sẽ phá hủy chúng. Đúng như tác giả Thi Thiên này đã nói (102:26): *“Chúa sẽ đổi trời đất như cái áo, và nó bị biến thay.”*

Và thách mắc tiếp theo là thế này: Làm sao người ở bất kỳ thời đại nào, dù thời đại đó là xấu, tốt hay hoàn hảo cách thanh bình, lại có được mối quan hệ thỏa đáng với Đấng Tạo Hóa có thân vị của mình, nếu người ấy tin một ngày kia Đấng Tạo Hóa có thân vị ấy sẽ đích thân loại bỏ mình; (như tác giả Thi Thiên nói trong câu 10) sẽ nhắc mình lên rồi ném sang một bên, hoặc hiện bây giờ hoặc trong kỳ tận thế? Và nếu chúng ta là những tạo vật của Đức Chúa Trời, cũng giống như trời và đất là tạo vật của Ngài, làm sao chúng ta biết chắc Ngài không đối đãi với chúng ta y như cách Ngài sẽ đối đãi với phần tạo vật còn lại?

Như vậy, hai câu hỏi căng thẳng này đang tìm câu trả lời khi chúng ta khảo sát phần thứ ba của Thi Thiên và cố gắng để hiểu Thi Thiên này nguyên thủy muốn nói gì.

Thoạt nhìn, dường như rất có lý để cho rằng trong phần thứ ba của Thi Thiên, chính tác giả tiếp tục đích thân nói.⁷ Nhưng nếu hiểu như vậy, khi nghiên cứu kỹ hơn, bạn sẽ thấy điều đó

dẫn đến ý nghĩa rất tầm thường và hết sức gượng gạo. Chúng ta hãy thử xem.

Trước hết (câu 23-24a), tác giả Thi Thiên nài nỉ Đức Chúa Trời đừng “cắt lấy tôi giữa chừng số các ngày tôi.” Rất dễ hiểu: thật là cay đắng khi bị chết yểu giữa chừng. Sau đó (câu 24b-27) ông nhắc Đức Chúa Trời rằng với tư cách Đấng Tạo Hóa, những năm của Ngài (của Đức Chúa Trời) không hề cùng. Vì sao phải nhắc nhở điều này? Có phải tác giả Thi Thiên chỉ đơn giản thôi thúc Chúa đừng keo kiệt; nên nhớ rằng chính Ngài đã được hưởng sự sống đời đời, do đó đừng ghen tị với một sinh vật chỉ một vài ngày của người thôi, nhưng chừng đó cũng đã là cả một nửa cuộc đời hay chết? (Là một Đức Chúa Trời nào đó, nếu như tạo vật của Đức Chúa Trời ấy cần phải nài nỉ kiểu đó với Đấng ấy!) Nhưng nếu tác giả Thi Thiên nài nỉ như thế, dấu cho Đức Chúa Trời có chấp nhận ban cho đi nữa thì lời nài nỉ này có đem lại được điều an ủi và thỏa lòng lâu dài nào không? Vì tác giả Thi Thiên tiếp tục nhận định một ngày kia, toàn cõi tạo vật sẽ cũ mòn và hư mất đi, còn chính Đấng Tạo Hóa sẽ vút bỏ tạo vật đó. Chúng ta công nhận là Đấng Tạo Hóa sẽ tồn tại lâu hơn tạo vật của Ngài và vẫn cứ y nguyên (câu 27). Nhưng điều đó có an ủi chút nào cho tác giả Thi Thiên, nếu ông là một tạo vật cùng với phần thể giới thọ tạo còn lại kia chung số phận bị vút bỏ? Và nếu vậy, làm sao tác giả Thi Thiên rút ra được lời tuyên bố đầy tin quyết cuối cùng của mình (câu 28): “Con cháu tôi tớ Chúa sẽ còn có, dòng dõi họ sẽ được lập vững trước mặt Chúa.” Hơn thế nữa, cho dù có sống bao lâu đi nữa, nếu đã bị định là tạo vật để chịu hư mất cùng với phần còn lại của loài thọ tạo, thì điều đó đem lại cho họ niềm an ủi và hy vọng nào kia chứ?

Như vậy, hiểu theo cách này, phần thứ ba của Thi Thiên hầu như không đưa ra được một ý nghĩa thỏa đáng. Có cách hiểu nào tốt hơn và thỏa đáng hơn không? Có, chắc chắn là có. Ở câu 23, tác giả Thi Thiên không còn đích thân nói hoặc với

Đức Chúa Trời (như trong câu 1-14) hoặc với độc giả của mình (như trong câu 15-22) nữa. Thay vào đó, với tư cách một thi sĩ được soi dẫn và nói theo thể kịch, ông thực hiện trong câu 23 điều mà các tác giả Thi Thiên người Do Thái thường làm (lấy ví dụ: xem chú thích chót cuối trang): không hề báo trước, ông giới thiệu những nhân vật khác vào trong vở kịch của mình và những nhân vật mới này đích thân nói ở lối nói trực tiếp (tức không phải lối nói tường thuật).

Trước hết, trong câu 23-24a, chính Đấng Mêsia được đưa vào, đích thân nói trực tiếp với Đức Chúa Trời khi Ngài nài nỉ Đức Chúa Trời cứu mình khỏi chết.

Sau đó, trong câu 24b-28, Đức Chúa Trời được giới thiệu vào một lần nữa, đích thân nói trực tiếp với Đấng Mêsia để trả lời nài nỉ của Đấng Mêsia. Trước giả thơ Hêborơ đã hiểu những câu 25-27 theo cách này, (ông không trích dẫn câu 23-24 hay câu 28): Đức Chúa Trời đang phán với Đấng Mêsia và nhắc nhở rằng Ngài (Đấng Mêsia) chính là Đấng Tạo Hóa. (Xem Phụ Chú 2, ở cuối chương này, phần luận cách giải nghĩa của Bản Bảy Mươi về câu 23-24a, và về mức độ mà trước giả thơ Hêborơ có lẽ đã đi theo lối giải nghĩa này). Như vậy, điều này hiển nhiên chứng tỏ lập luận của ông một lần nữa rằng trong Cựu Ước, Đấng Mêsia đã được Đức Chúa Trời tuyên bố là Con của Đức Chúa Trời. Nhưng lối giải nghĩa này đem lại ý nghĩa nào cho những câu Kinh Thánh này, trước hết với tư cách lời tiên tri về tương lai và sau đó với tư cách câu giải đáp cho hai thắc mắc mà toàn thể Thi Thiên này đã nêu lên?

Cách giải nghĩa này đem lại một ý nghĩa hết sức tuyệt vời. Trước hết, những câu Kinh Thánh này giờ đây trở thành lời tiên tri được soi dẫn về những cuộc đối thoại thiêng liêng mà rốt cuộc đã trở thành sự thật giữa Đức Chúa Cha và Đức Chúa Con khi Đức Chúa Con tại thế. Những lời lẽ tiên tri của Thi Thiên này (*“Ngài đã làm sức lực tôi ra yếu giữa đường, khiến các ngày tôi ra vắn. Tôi tâm rằng: Đức Chúa Trời tôi ôi! Các*

năm Chúa còn đến muôn đời, xin chớ cất lấy tôi giữa chừng số các ngày tôi.”) đã ứng nghiệm khi Con Đức Chúa Trời đứng trên các đường phố Giêrusalem và phán: *“Quả thật, quả thật, ta nói cùng các ngươi, nếu hạt giống lúa mì kia, chẳng chết sau khi gieo xuống đất, thì cứ ở một mình... Hiện nay tâm thần ta bối rối; ta sẽ nói gì? Lạy Cha, xin cứu Con khỏi giờ này! Nhưng ấy cũng vì sự đó mà Con đến giờ này! Cha ơi, xin làm sáng danh Cha!”* (Giăng 12:24-28).

Chúng càng được ứng nghiệm nhiều hơn nữa khi trong vườn Ghếtsemanê, với những tiếng kêu lớn và nước mắt, Ngài cầu nguyện với Đấng có thể cứu Ngài khỏi chết, và dầu Ngài chết, lời cầu nguyện của Ngài vẫn được nhậm bởi sự phục sinh.

Nhưng trong những cuộc đối thoại thiêng liêng này giữa Đức Chúa Con và Đức Chúa Cha, còn bằng chứng nào cho thấy Đức Chúa Cha đã phán với Ngài những lời lẽ như lời của Thi Thiên 102:24b– 28 không? Có phải Đức Chúa Cha an ủi Đức Chúa Con bằng cách làm cho Đức Chúa Con ý thức rằng chính Đức Chúa Con là Đấng Tạo Hóa và đã tạo lập nền của thế gian? Có phải Ngài nhắc Đức Chúa Con nhớ rằng Đức Chúa Con sẽ tồn tại lâu hơn tạo vật của Ngài, và không những như vậy mà còn nhắc những ai tin nơi Đức Chúa Con “Con cháu tôi tớ [Chúa] sẽ còn có, dòng dõi họ sẽ được lập vững trước mặt [Chúa],” như câu 28 Thi Thiên 102 đã khẳng định cách tin quyết?

Chúng ta không thể đi ra ngoài những gì chúng ta được Kinh Thánh cho biết. Nhưng chúng ta có biết rằng khi Đức Chúa Con cầu nguyện: *“Hiện nay tâm thần ta bối rối; ta sẽ nói gì?... Cha ơi xin làm sáng danh Cha!”*, thì có tiếng từ trời đáp lại, bảo đảm với Ngài rằng sự chết của Ngài sẽ thực sự làm vinh hiển danh Đức Chúa Trời, và tiếp sau đó Ngài sẽ sống lại (xem Giăng 12:27-33).

Và khi chúng ta lắng nghe Đức Chúa Con cầu nguyện với Cha về chính mình Ngài ngay trước khi vào Ghếtsemanê, chúng

ta có nghe Ngài nói: “Cha ôi! Bây giờ xin lấy sự vinh hiển Con vốn có nơi *Cha trước khi chưa có thể gian* mà làm vinh hiển Con nơi chính mình Cha.” Hãy nghe lời Ngài cầu thay cho những môn đồ và những người thuộc các thế hệ tương lai sẽ đến tin nhận Ngài: “Cha ôi, Con muốn Con ở đâu thì những kẻ Cha đã giao cho Con cũng ở đó với Con, để họ ngắm xem sự vinh hiển của Con, là vinh hiển Cha đã ban cho Con, vì *Cha đã yêu Con trước khi sáng thế*” (Giăng 17:5, 24).

Thứ nhì, lối giải thích này về câu 25-27 đem lại một ý nghĩa tuyệt vời cho những câu Kinh Thánh này với tư cách câu trả lời cho hai câu hỏi mà toàn thể Thi Thiên này nêu lên. Giờ đây, chúng hướng tới câu trả lời rõ ràng cho những thắc mắc này, mà cuối cùng đã được nêu ra bởi sự nhập thể của Đấng Tạo Hóa đời đời trong con người Chúa Jesus, tức Đấng Mêsia, và bởi sự phục sinh cùng sự thăng thiên vào nơi vinh hiển của Ngài, vẫn với tư cách một con người, mà Ngài đã có với tư cách Đấng Tạo Hóa đời đời cùng với Đức Chúa Cha trước khi sáng thế. Đấng Tạo Hóa này là đời đời, nhưng trời và đất tạo tạo chỉ tạm thời mà thôi, mà một ngày kia sẽ hư mất và bị bỏ đi. Con người chúng ta là những tạo vật. Chúng ta có được lời bảo đảm nào rằng Đấng Tạo Hóa sẽ không hề bỏ bất kỳ một con người nào đã cậy đức tin bước vào trong mối quan hệ cá nhân với Đức Chúa Trời? Hãy xem lời bảo đảm rõ ràng và tuyệt đối ở đây! Chính Đấng Tạo Hóa đã trở nên con người, đã bước vào thế giới không gian và thời gian tạm thời của chúng ta, có thẩm quyền để ban cho chúng ta sự sống đời đời; đã cầu nguyện để được cứu khỏi sự chết, được tôn vinh trước mặt Đức Chúa Cha với sự vinh hiển Ngài đã có với Đức Chúa Cha trước khi sáng thế (Giăng 17:1-5). Và lời cầu nguyện của Ngài đã được nhậm! Đức Chúa Trời đã khiến Ngài từ kẻ chết sống lại; và Ngài đã đem nhân tánh của Ngài đến chính trong lòng của bản thể Đức Chúa Trời. Đấng Tạo Hóa đời đời, là Đấng hiện hữu đời đời y nguyên (Thi Thiên 102:27), đã đời đời trở thành Chúa Jesus, là

con người, Đấng “*hôm qua, ngày nay cho đến đời đời không hề thay đổi*” (Hêbơr 13:8). Và Đức Chúa Cha đã bảo đảm với Ngài bằng những lời lẽ của Thi Thiên 102:28: “Con cháu tôi tớ Chúa sẽ còn có, dòng dõi họ sẽ được lập vững trước mặt Chúa.” Hoặc nói theo lời lẽ của Tân Ước: “*và Ngài làm cho chúng ta đồng sống lại và đồng ngồi trong các nơi trên trời trong Đức Chúa Jêsus Christ, hầu cho về đời sau tỏ ra sự giàu có vô hạn của ân điển Ngài, mà Ngài bởi lòng nhân từ đã dùng ra cho chúng ta trong Đức Chúa Jêsus Christ*” (Êphêsô 2:6-7). Đây chính là ý định của Đức Chúa Trời khi Ngài chọn chúng ta trong Đấng Christ trước khi dựng nên thế gian tạm thời này (Êphêsô 1:4).

Và hơn thế nữa: không một ai trong số những người tin nơi Ngài, đã sống và làm việc vì vương quốc hầu đến của Ngài, sẽ trật mất phần vương quốc ấy, bất luận họ đã sống và qua đời ở thế kỷ xa xưa bao nhiêu đi nữa. Đối với những người thuộc về Đấng Christ, họ sẽ được khiến sống lại khi Ngài đến (ICôrinhtô 15:22-23); và khi Chúa hiện ra trong sự vinh hiển Ngài, thiết lập vương quốc Ngài, Đức Chúa Trời cũng sẽ đem họ theo với Ngài (ITêsalônica 4:13-18).

Phần Bốn

Câu Trích Dẫn Cuối Cùng

Địa Vị Hiện Tại Của Đấng Mêsia (Thi Thiên 110:1)

Đức Giêhôva [Yahweh] phán cùng Chúa tôi
[Chúa của Davít] rằng:

*Hãy ngồi bên hữu ta, cho đến chừng ta đặt kẻ thù nghịch
ngươi làm bệ chân cho ngươi.”*

Tác giả đang tiến đến phần kết thúc lập luận của mình. Tập thể các thiên sứ được Kinh Thánh gọi là con trai của Đức Chúa Trời; nhưng ông nêu rõ, Đức Chúa Trời không hề nói với

bất kỳ một thiên sứ nào những lời trong Thi Thiên 110:1 mà Ngài đã phán với Chúa của Đavít, là Đấng Mêsia. Chưa hề có thiên sứ nào từng được, hay sẽ được, mời *ngồi* trong sự hiện diện của Đức Chúa Trời, và đương nhiên là không hề ở địa vị tôn vinh bên hữu Ngài Đức Chúa Trời. Đức Chúa Trời cũng sẽ không đặt kẻ thù họ làm bệ chân cho họ. Họ chẳng qua chỉ là những đầy tớ. Họ *đứng* trước mặt Đức Chúa Trời để chờ đợi nhận lệnh; hoặc họ bay đi để thi hành bổn phận “giúp việc những người sẽ hưởng cơ nghiệp cứu rỗi,” – tức là những con người như Ápraham, là những người đã tin nơi Đức Chúa Trời.

Nhưng Đức Chúa Trời nói những lời này với Đấng Mêsia, và chúng có hàm ý rất sâu rộng.

Trước hết, nếu Đavít nói Đấng Mêsia là Chúa của mình, thì hiển nhiên Đấng Mêsia trong sự đánh giá mang tính tiên tri của Đavít sẽ không chỉ đơn giản là con của Đavít. Không một vị vua Đông phương nào, hoặc thậm chí không một người cha nào ở vùng Đông phương, từng gọi một trong những con cháu của mình là “*Chúa tôi*.” Đây là ý mà chính Chúa Jesus đã nêu ra (Luca 20:41-44).

Thứ nhì, chính sự kiện Đức Chúa Trời đã đưa ra lời mời: “*Hãy ngồi bên hữu ta*,” giả định trước rằng đã có lúc Con Đức Chúa Trời chưa ngồi ở đó. Nói cách khác, những lời này thừa nhận sự nhập thể, đời sống trên đất, sự chết, sự chôn và cuối cùng là sự thắng thiên của Đấng Christ.

Tác giả đã đi đến phần kết thúc lập luận. Ông đã chứng minh trọn vẹn ý của mình. Đấng Mêsia là Con Đức Chúa Trời, và Chúa Jesus là Đấng Mêsia. Nhưng câu trích cuối cùng của ông còn trả lời một câu hỏi khác nữa. Hãy thử chứng minh cho một số người rằng Chúa Jesus là Đấng Mêsia và sống lại từ kẻ chết, rồi họ hỏi: “Vậy vì sao Ngài chẳng làm gì cả suốt hai ngàn năm qua để triệt hạ điều ác? Ngài ở đâu khi Hitler đang tiêu diệt sáu triệu người Do Thái? Làm sao Ngài có thể là Đấng

Mêsia của dân sự Ngài, nếu không khuất phục kẻ thù của họ suốt bao thế kỷ dài đằng dặc này?”

Tuy nhiên, sự thực ấy là thời gian biểu được lập ra trong Thi Thiên 110:1 chỉ ra một cách rất rõ ràng rằng sự thắng thiên của Đấng Mêsia sẽ không lập tức dẫn đến sự khuất phục những kẻ thù Ngài hay dân sự Ngài. Phải có một thời kỳ chờ đợi: “Hãy ngồi bên hữu ta cho đến chừng nào...” Điều có vẻ như hiện đang bất động của Con Đức Chúa Trời chính xác là những gì Cựu Ước muốn chúng ta chờ đợi.

Nhưng một ngày kia sự chờ đợi này sẽ chấm dứt. Con Đức Chúa Trời sẽ đến, và rốt cuộc mọi kẻ thù, kẻ thù sau cùng, bao gồm cả chính sự chết, sẽ bị tiêu diệt.

Phụ Chú 1

Mệnh đề trong Hêbơơ 1:6: “Mọi thiên sứ của Đức Chúa Trời phải thờ lạy con” gắn với cách dùng từ ngữ chính xác của câu này cho cụm từ trong Bản Bảy Mươi của Phục Truyền Luật Lệ Ký 32:43 hơn là cách dùng cho mệnh đề trong Thi Thiên 97:7 của Bản Bảy Mươi. Do đó, nhiều người cho rằng trước giả của chúng ta không trích câu này từ Thi Thiên, nhưng từ sách Phục Truyền Luật Lệ Ký. Nhưng F.M Cross (*the Ancient Library of Qumran*, Duckworth, 1958, trang 135-136) nói rằng cụm từ trong Bản Bảy Mươi ở sách Phục Truyền Luật Lệ Ký là phần thêm vào ngoài những gì chúng ta tìm thấy trong bản Kinh Thánh Hybálai Masoretic. Nó được căn cứ trên một bản văn Hybálai khác. Nhưng bản văn Hybálai đó đã lấy cụm từ bổ sung này từ Thi Thiên 97:7 để thêm vào Phục Truyền Luật Lệ Ký 32, có lẽ vì những câu cuối trong Phục Truyền Luật Lệ Ký 32 mô tả cùng một dịp như Thi Thiên 96 và 97, tức sự hiện đến của Đức Giêhôva để báo thù cho dân sự Ngài. Vì vậy, phân đoạn Kinh Thánh nguyên thủy mà cụm từ trong Hêbơơ 1:6 của trước giả căn cứ vào chính là Thi Thiên 97:7, dấu rằng cách dùng chữ chính xác của trước giả được căn cứ trên bản dịch Bảy Mươi

của câu Kinh Thánh này đúng theo hình thức được thêm vào một số thủ bản Hybálai của Phục Truyền Luật Lệ Ký 32:43.

Phụ Chú 2

Thật thú vị và cũng hết sức quan trọng để thấy những Cơ đốc nhân đầu tiên không phải là người đầu tiên xem Thi Thiên 102:24a-28 là lời Đức Chúa Trời phán cùng Đấng Mêsia. Bản dịch Bảy Mươi của Thi Thiên có trước Cơ đốc giáo vào khoảng năm 100-200 năm. Cách dịch của bản này về phần thứ ba của Thi Thiên 102 đã để Đức Chúa Trời là người nói suốt từ câu 23 cho đến cuối. Bản dịch này như sau:

²³ Ngài [Đức Chúa Trời] đáp lời Đấng ấy giữa chừng sức mạnh của Đấng ấy:

“Hãy rao cho ta sự giận giữ của những ngày ta;

²⁴ Đừng làm ta dừng lại giữa những ngày của ta.

Những năm của người tiếp tục trải dài qua mọi thế hệ.

²⁵ Nay Chúa, từ lúc ban đầu, người đã lập nên trái đất..”
(và tiếp tục cho đến cuối Thi Thiên này).

Bản Bảy Mươi dịch những câu 23-24a căn cứ trên cùng những phụ âm như trong bản văn Masoretis; nhưng các dịch giả đã cung cấp thêm những nguyên âm khác cho những phụ âm này. Họ hiểu Đức Chúa Trời đang yêu cầu Đấng Mêsia trong câu 23-24a hãy nhận ra rằng thời điểm ấn định của Đức Chúa Trời để khôi phục Giêrusalem (xem câu 13) chẳng qua chỉ còn là một thời gian ngắn mà thôi, và đừng đòi hỏi Đức Chúa Trời hành động sớm trước kỳ đang khi thời gian chờ đợi mới chỉ giữa chừng. Sau đó, Đức Chúa Trời tiếp tục nhắc nhở Đấng Mêsia rằng Ngài (Đấng Mêsia) là Đấng Tạo Hóa và các năm của Ngài là đời đời. Ngài vẫn có thể chờ. Cuối cùng, Đức Chúa Trời bảo đảm với Đấng Mêsia rằng con cháu các tôi tớ Ngài sẽ tiếp tục sống trước mặt Ngài.

Giờ đây, rõ ràng trước giả thơ Hêbơơ đi theo cách dịch câu

25-27 của Bản Bảy Mươi, vì trong câu 25, khi ông bắt đầu câu trích, ông để Đức Chúa Trời đang nói với Đấng Mêsia là “Hỡi Chúa,” giống y như cách của Bản Bảy Mươi, trong khi lối xưng hô “Hỡi Chúa,” không có trong bản văn Hybálai Masoretic. Phải chăng trước giả thơ Hêborơ cũng chấp nhận cách giải thích của Bản Bảy Mươi về câu 23-24a để gán những lời lẽ trong các câu này cho Đức Chúa Trời, thay vì theo cách giải nghĩa của chúng ta, để lý giải những từ ngữ của các câu này là lời cầu nguyện của Đấng Mêsia thưa với Đức Chúa Cha, với lời đáp của Đức Chúa Cha bắt đầu ở câu 24b? Nếu có thể chứng tỏ chắc chắn ông theo lối diễn tả như trên, chúng ta chắc chắn sẽ đi theo ông trong cách ông theo Bản Bảy Mươi và bỏ qua cách giải thích của chính chúng ta. Nhưng chúng ta không thể nói chắc chắn, vì trước giả thơ Hêborơ bắt đầu câu trích của mình chỉ từ câu 25, nên do đó không thể nói ông nghĩ gì về lối giải nghĩa các câu Kinh Thánh trước đó của Bản Bảy Mươi. Chúng ta biết trước giả thơ Hêborơ tin nơi Đấng Mêsia chịu khổ nạn, Đấng cần cầu nguyện để được cứu khỏi sự chết, và là Đấng đã thực sự chịu chết. (Những) dịch giả của các Thi Thiên của Bản Bảy Mươi có tin như vậy không? Điều chúng ta có thể biết chắc chắn ấy là: những Cơ đốc nhân ban đầu không sáng chế ra ý kiến cho rằng câu 24b – 27 do Đức Chúa Trời phán với Đấng Mêsia. Ý kiến này đã lưu hành giữa vòng người Do Thái rồi, ở Alexandria và có lẽ ở tại Palestine, từ một thế kỷ – có lẽ hai thế kỷ hoặc hơn nữa – trước khi Cơ đốc giáo ra đời.

Có thể nghiên cứu thêm F.F Bruce *The Epistle to the Hebrews*: (Marshall, Morgan and Scott, 1965), trang 22-23, và S. Lewis Johnson, Jr., *The Old Testament in the New* (Zondervan, 1980), trang 81-90.

Câu Hỏi

Phần Một

1. Bạn nghĩ Cựu Ước nêu ra chương trình nào cho sự cứu rỗi thế gian?
2. Giả sử bạn đang trò chuyện với người Do Thái cho rằng ý xem Đấng Mêsia là Đức Chúa Trời nhập thể là (a) lộng ngôn và (b) sự bịa đặt của những Cơ đốc nhân đầu tiên như Phaolô chẳng hạn. Bạn sẽ trưng dẫn những phân đoạn Cựu Ước nào để chứng tỏ cho người này thấy thần tánh của Đấng Mêsia đã được dạy trong Cựu Ước?
3. Vấn đề Chúa Jesus sinh ra bởi dòng dõi Đavít hoặc bởi dòng dõi của người khác quan trọng như thế nào? Đọc IITimôthê 2:8 và Rôma 1:2-3 rồi bình luận những câu nói đến Đavít trong các câu Kinh Thánh này.
4. Đối với chúng ta là Cơ đốc nhân, vì sao điều quan trọng là
(a) Phải biết Cựu Ước;
(b) Phải tin rằng Cựu Ước cũng là Lời Đức Chúa Trời ngang hàng như Tân Ước?
5. Vì sao trước giả không ngừng đối chiếu Chúa chúng ta với các thiên sứ trong đoạn thứ nhất của mình?
6. Bạn có thể trích dẫn thuộc lòng bao nhiêu phân đoạn trong số những phân đoạn Cựu Ước được trích dẫn ở Hêbơơ 1 để chứng minh thần tánh của Đấng Mêsia?

Phần Hai, Ba, Bốn

1. Bạn có đồng ý rằng, muốn hiểu trọn ý nghĩa của rất nhiều lời Đức Chúa Trời hứa trong Cựu Ước, bạn phải đọc chúng trong ánh sáng sự kiện phục sinh của Chúa Jesus? Trích dẫn các ví dụ.
2. Nếu sự phục sinh của Chúa Jesus minh chứng lời Ngài tuyên

bố Ngài là Con Đức Chúa Trời, bạn sẽ trích dẫn bằng chứng nào cho chính sự phục sinh này?

3. Nói rằng thập tự giá của Đấng Christ phơi bày sự phản loạn của *mỗi một* tấm lòng con người chống lại Đức Chúa Trời, thì nói vậy có công bằng không?
4. Trên phương diện nào và trong chừng mực nào, lời dạy của Đấng Christ về mối quan hệ của Ngài với Đức Chúa Cha là độc nhất vô nhị, khi so với sự dạy dỗ của (a) các tiên tri Cựu Ước, (b) bất kỳ giáo chủ và lãnh tụ tôn giáo nào trên thế gian mà bạn biết đến?
5. (a) “Nan đề điều ác” muốn nói lên điều gì?
(b) Vì sao sự hiện hữu liên tục của điều ác trong thế gian lại là nan đề cho những người tin Đức Chúa Trời hơn là cho những người vô thần?
(c) Bạn nói gì cho người thắc mắc rằng: “Nếu có một Đức Chúa Trời và Jesus là Con của Đức Chúa Trời, vì sao hai Đấng ấy không chấm dứt mọi điều ác trên thế gian?”
(d) Giảng một bài ngắn về Mathiơ 13:24-30, 36-43.
6. Bạn hiểu gì về “Tiệc Cưới Chiên Con”? Làm sao để chuẩn bị sẵn sàng chờ đón tiệc ấy?
7. Cả Kinh Thánh và những nhà khoa học đều nói thế giới chúng ta chỉ là một hiện tượng tạm thời. Điều đó tác động thế nào đến thắc mắc về mục đích và ý nghĩa của đời sống con người?
8. Nếu Đức Chúa Jesus Christ không phải là Đấng Tạo Hóa nhập thể, điều đó có tác động quan trọng nào đến bạn?
9. “Sự sống đời đời” là gì? Chúng ta nhận được sự sống ấy bằng cách nào và trên những phương diện nào?
10. Bạn nghĩ các thiên sứ hầu việc những người sẽ hưởng cơ nghiệp cứu rỗi bằng những cách nào?

Chú thích Chương 3

- ¹ Xem Phụ Chú 1 ở cuối chương này để biết bằng chứng cho thấy câu trích dẫn thứ ba này được căn cứ trên Thi Thiên 97:7.
- ² Xem Phụ Chú 1 ở cuối chương này để biết bằng chứng câu trích dẫn thứ ba này được căn cứ trên Thi Thiên 97:7, dấu cách dùng chữ chính xác của tác giả được trích từ bản Bảy Mươi của câu Phục Truyền Luật Lệ Ký 32:43.
- ³ Tân Ước dùng ngôn ngữ tiên tri tương tự như thế khi nhìn hướng đến sự thiết lập vương quốc Đức Chúa Trời trên đất. Tân Ước nói như thể chuyện đó vừa mới diễn ra trước đó, dấu trên thực tế là đang báo trước những biến cố trong tương lai. “mà rằng: Hỡi Chúa là Đức Chúa Trời Toàn năng... vì Ngài đã cầm quyền rất cao trong tay và đã trị vì [Bản NIV – “đã bắt đầu trị vì” (“have begun to reign”)]. Các dân tộc vốn giận dữ, nhưng cơn thịnh nộ của Ngài đã đến: Giờ đã tới, là giờ phán xét kẻ chết, thưởng cho tôi tớ Chúa là các đấng tiên tri, thưởng cho các thánh... và hủy phá những kẻ đã hủy phá thế gian” (Khải Huyền 11:17-18).
- ⁴ Để ý cách dịch của tôi. Có thể dịch những từ ngữ Hy văn “và một lần nữa, khi Ngài đưa...,” dường như chữ “một lần nữa” chỉ có nghĩa “và bây giờ là một câu trích khác nữa.” Nhiều học giả và nhiều bản dịch Kinh Thánh, gồm cả bản NIV, chuộng cách giải nghĩa này. Nhưng văn mạch của Thi Thiên 97:7 cho thấy bản dịch lý giải chữ “một lần nữa” là chỉ đến việc Đức Chúa Trời đưa Đấng Mêsia vào thế gian một lần nữa, tức là tại sự hiện đến *lần thứ hai* của Ngài, chính là cách dịch đúng. Bản RV cũng đồng ý như vậy.
- ⁵ Đây là một nan đề không tránh được, gắn liền với niềm tin cho rằng Đức Chúa Trời cuối cùng sẽ thiết lập triều đại công chính và bình an của Ngài trên đất trong cõi thời gian. Nếu toàn bộ những điều Kinh Thánh đã hứa là một cõi Thiên đàng đời đời ở bên ngoài lịch sử của trần gian, để các tín hữu của mỗi thời đại đều liên tiếp vào Thiên đàng ấy khi qua đời, hay cuối cùng trong kỳ tận thế, thì ắt hẳn không có nan đề này.
- ⁶ Nhân tiện, đây là chính là bối cảnh cho lời tiên tri của Chúa chúng ta trong Luca 21:24-28: “Họ sẽ bị ngã dưới lưới gươm, sẽ bị đem đi làm phu tù giữa các dân ngoại, thành Giêrusalem sẽ bị dân ngoại giày đạp, cho đến chừng nào các kỳ dân ngoại được trọn. Sẽ có các điềm lạ trong mặt trời, mặt trăng, cùng các ngôi sao... Người ta nhân trong khi đợi việc hung dữ xảy ra cho thế gian, thì thất kinh mất vía, vì các thế lực trên trời sẽ rung động. Bấy giờ thiên hạ sẽ thấy Con người dùng đại quyền đại vinh mà ngự đến trên đám mây. Chừng nào các

việc đó khởi xảy đến, hãy đứng thẳng lên, ngược đầu lên, vì sự giải cứu của các người gần tới.”

- ⁷ Đương nhiên, không phải các tác giả Thi Thiên luôn luôn làm điều đó. Đôi khi, sau khi tự mình nói rất nhiều câu ở một phần, tác giả giới thiệu đột ngột và không báo trước (theo cách của một kịch sĩ) một hoặc nhiều diễn giả khác, và nói theo lối trực tiếp chứ không phải là lối tường thuật lại. Lấy ví dụ một Thi Thiên gần đó là Thi Thiên 95. Trong câu 1-7a, chính tác giả Thi Thiên, đương nhiên được Thánh Linh soi dẫn, đã đích thân nói ra. Nhưng từ câu 7 trở đi, đã thay đổi người nói, và bây giờ không phải là thi sĩ nữa, nhưng chính Đức Chúa Trời nói trực tiếp với dân sự Ngài.

NHÂN TÁNH VÀ NHỮNG THỐNG KHỔ CỦA Đấng CHRIST

Hêbơơ 2

Đoạn 1 của thơ Hêbơơ khiến chúng ta suy gẫm đến vinh quang của thần tánh Đấng Christ. Chương 2 cũng nói y như vậy về những vinh hiển của nhân tánh Ngài và những khổ nạn của Ngài. Nhưng trước khi nói đến điều đó, trước giả đưa ra lời cảnh cáo đầu tiên trong những lời cảnh cáo nghiêm trọng của ông: Có thể mất sự cứu rỗi và bị hư mất đời đời!

Bạn nói “Làm sao được? Chắc chắn phải phạm một tội hết sức tàn ác nào đó thì mới bị hư mất đời đời chứ?”

Đúng vậy. Nhưng chúng ta phải biết rõ tội đó là gì. Tội đó chính là nghe Đức Chúa Trời phán dạy, rồi không thực hiện gì về lời phán ấy, xao lãng hoặc phớt lờ sự dạy dỗ đó.

Khi Đức Chúa Trời phán với dân Ysơrơaen và ban luật pháp cho họ, Ngài thực hiện qua tác nhân là các thiên sứ (xem Công vụ 7:53; Galati 3:19). Như chúng ta biết, luật pháp có điều răn truyền giữ ngày Sabát. Ít lâu sau khi luật pháp được ban bố, người ta bắt gặp một người đi lượm củi trong ngày Sabát. Người này đã biết luật ngày Sabát, nên không thể tuyên bố mình không biết hay ngu dốt. Người ta bắt giam người này và cầu hỏi Đức Chúa Trời xem phải làm gì. Đức Chúa Trời truyền phải đem người này ra khỏi trại quân và ném đá cho chết (Dân Số Ký 15:32-36).

Tôi thắc mắc không biết chúng ta phản ứng thế nào trước việc đó. Phải chăng chúng ta thấy mình lên tiếng: “Khất khe quá đáng. Suy cho cùng, đó chỉ là hành động đơn sơ, chỉ là đi

gom củi, bản thân việc đó là vô tội. Việc đó có hại gì chứ?”

Nói như vậy là đã hoàn toàn không hiểu được ý chính. Đức Chúa Trời toàn năng đã phán. Đừng bận tâm vấn đề Ngài phán thông qua tác nhân là các thiên sứ và qua Môïse với tư cách người trung gian. Chính Đức Chúa Trời là Đấng đã phán. Một tạo vật thẳng thừng quay lưng bỏ qua hoặc phớt lờ điều Đức Chúa Trời đã phán, cho dù vấn đề liên quan có nhỏ đến đâu đi nữa, đó vẫn là sự cố ý lảng mạ trực tiếp đến Đức Chúa Trời toàn năng. Nếu người ta vẫn nghĩ thái độ như thế chỉ là một lỗi nhỏ nhặt, họ không còn nắm vững được thực tế nữa.

Người ta rất dễ làm chuyện như thế. Trong thế giới hiện đại của chúng ta, nơi quan niệm của mỗi người trong tôn giáo đều được đặt ngang hàng như nhau, thật nguy hiểm vì rất dễ xem Đức Chúa Trời và lời Ngài chỉ như là một thẩm quyền giữa vòng vô số thẩm quyền, nếu thấy thích thì tham khảo nhưng không bắt buộc phải tuân giữ theo. Và cũng thật nguy hiểm vì rất dễ cảm thấy Đức Chúa Trời thật phi lý nếu tức giận vì có thỉnh thoảng người ta thích theo ý riêng, hay theo một thẩm quyền nào khác, thay vì đi theo lời Ngài. Nhưng nếu Đức Chúa Trời là Đức Chúa Trời, thì lòng vô tín hay xem thường hay bỏ bê lời Ngài chính là tội cơ bản trong các tội phạm. Do đó, khi Đức Chúa Trời phán với Ysơraên qua tác nhân các thiên sứ, Ngài đã truyền dạy dân sự không thể xem thường lời Ngài mà thoát khỏi hình phạt: “Lời thiên sứ rao truyền đã vững chắc và sự trái phép nghịch mạng đã được báo ứng xứng đáng rồi” (2:2).

Giờ đây Đức Chúa Trời lại phán một lần nữa, và lần này không phán gián tiếp qua các tác nhân thiên sứ, nhưng trực tiếp trong thân vị của chính Con Ngài. Lần này Ngài đã phán, không phải chỉ phát biểu lại luật pháp Ngài, nhưng là rao giảng Tin Lành của Ngài. Không phải để cảnh cáo những người vô tội đừng vi phạm luật của Ngài; nhưng để ban cứu rỗi, một Tin Lành đến sống sót trong những chiều hướng thương xót và ân

điển của Tin Lành ấy, cho những người đã phỉ báng Lời Ngài, vi phạm nhiều lần không kể hết được. Đức Chúa Trời không những ban sứ điệp: sứ giả chính là Đức Chúa Trời, và Đức Chúa Trời là sứ điệp, kể một câu chuyện hầu như không thể tin nổi rằng Đức Chúa Trời “Đấng Tạo Dựng Đã Nhập Thể đã chết thay cho con người, cho tội lỗi của tạo vật của Ngài.” Sứ điệp này không những đem đến sự giải hòa và tha thứ, mà còn đem sự sống đời đời qua sự liên hiệp thuộc linh với Con Đức Chúa Trời, và được dự phần vào những niềm vui và vinh hiển trong nước đời đời của Ngài. Trước giả hỏi: “Nếu ta còn trễ nải sự cứu rỗi lớn dường ấy thì làm sao tránh cho khỏi được?” (2:3). Tình trạng tội lỗi nguyên thủy của chúng ta cũng đã là quá xấu xa rồi. Kết hợp thêm với thái độ xem thường sự cứu rỗi Ngài đã ban, chắc chắn đó là công thức dẫn đến thảm họa.

Trễ Nải Sự Cứu Rỗi

Đương nhiên, có rất nhiều người chưa hề nghe sự cứu rỗi này. Lúc này, tác giả chưa nói đến họ, nhưng quan tâm đến những người đã nghe rồi. Hiểm họa của họ còn lớn lao hơn. Và hiểm họa ấy là: không phải khi vừa nghe họ đã khước từ ngay lập tức; mà chính là vì sau khi đã nghe và đã hiểu rồi, mà lại không làm theo. Nghe Tin Lành thì vẫn chưa đủ. Chúng ta phải thực hiện một điều gì đó về Tin Lành. Chúng ta phải tin, và cá nhân chúng ta phải đích thân đứng trên lời ấy và hành động theo Lời Đức Chúa Trời.

Có thể một cô gái nghe bạn trai mình lập đi lập lại rằng cậu yêu cô biết dường nào, và cậu sẵn lòng làm những điều gì cho cô nếu cô chịu làm vợ của cậu. Nhưng nghe cậu nói đi nói lại hoài vẫn chưa đủ. Nếu chịu làm vợ cậu, cô phải tin cậu, và phải đáp ứng với cậu, nói “Vâng” trước lời cầu hôn của cậu, và chấp nhận cậu là người chồng và là người chồng duy nhất của mình mà thôi, và quyết tâm nói: “Em chịu làm vợ anh” rồi thực sự muốn nói đúng như lời, chấp nhận không chút nghi ngờ câu

“Anh sẽ cưới em làm vợ” chấp nhận lời cậu thề hứa và hành động đúng theo đó.

Điều đó cũng đúng cho chúng ta và Cứu Chúa. Chúng ta phải hết sức xem trọng Đức Chúa Trời khi Ngài phán chúng ta cần sự cứu rỗi và không thể tự cứu mình được, rằng chỉ một mình Đấng Christ mới cứu chúng ta được. Chúng ta phải bỏ lòng tin nơi mọi điều khác để đặt đức tin mình nơi một mình Đấng Christ mà thôi. Khi Ngài đích thân phán với chúng ta: “Người có tin đến Con Người chăng?” (Giăng 9:35), chúng ta phải đáp lại bằng cách tiếp nhận lời hứa của Ngài: “Kẻ nào đến cùng ta, ta sẽ không hề quay lưng lại với người ấy” (Giăng 6:37, nguyên văn). Và chúng ta phải tiếp tục sống và hành động theo lời Ngài, dường như thể lời ấy là đúng – bởi vì lời ấy là đúng, vì Ngài là đúng.

Lúc đầu, Tin Lành được công bố bởi Chúa Jesus và được xác chứng cho chúng ta bởi những người đã nghe Ngài (2:3-4). Tự điều này là sự bảo chứng đủ về sự thật và tính đáng tin cậy của lời ấy. Nhưng chưa hài lòng với chỉ chừng đó, Đức Chúa Trời còn làm chứng cho Tin Lành ấy bằng cách dấu kỳ phép lạ và nhiều phép lạ cùng các ân tứ khác nhau của Đức Thánh Linh phân phát theo ý Ngài muốn (2:3-4). Như vậy, đây không hề là sự phong thần võ đoán của một quyển sách thánh nào đó được viết ra bởi một giáo chủ tự phong và chuyên chế nào đó. Cả Ba Ngôi của Đức Chúa Trời Ba Ngôi đều dự phần công bố và xác chứng Tin Lành. Làm sao chúng ta tránh thoát được nếu chúng ta xao lãng trước Tin Lành đó?

Tôi xin nhắc lại, nguy hiểm không phải là khước từ Tin Lành ấy ngay lập tức – dầu nhiều người đã khước từ như thế. Còn một hiểm họa ngấm ngầm hơn nhiều: đã nghe rồi mà không cẩn thận chú ý những điều đã nghe, nên kết quả rất cuộc chúng ta trôi dạt đi. Từ ngữ Hy văn cho “trôi lạc” mang tỉ dụ gợi ý. Trong thời tiết yên tĩnh, con thuyền có thể đứng yên bên bến tàu trong cảng suốt hàng giờ mà không cần phải cột kỹ. Nhưng

khi thời tiết xấu, con thuyền này có thể trôi dạt đi và bị mất, tất cả chỉ vì cơ nó chưa hề thực sự được neo lại.

Những độc giả đầu tiên của thư Hêbơơ chắc chắn đã nghe Tin Lành và đã giữ chỗ của họ trong Tin Lành đó. Nhưng rồi thời tiết xấu nổi lên, cơn bão kéo dài ập tới. Chuyện gì đang xảy ra hiện giờ? Phải chăng, bị dôi lên đập xuống bởi cơn bất bớ mới đây, dây thừng neo họ đã căng đến hết mức, nhưng vẫn không gặp nguy cơ mất sợi dây neo này (xem 6:19)? Hay họ đang bị trôi dạt khỏi Tin Lành vì cơ chưa hề được cột đúng cách ngay từ đầu; bởi vì giống như những tổ phụ – là những người sẽ được lưu ý trong đoạn 3 và 4 – họ nghe Tin Lành nhưng chưa hề lấy đức tin kết hợp với Tin Lành ấy (4:2); bởi cơ họ nghe về Tin Lành nhưng vẫn bê trễ; nếu vậy, làm sao họ tránh thoát được? Lời cảnh cáo hết sức cấp bách. Hãy lưu ý đến những điều bạn đã nghe! Hãy nắm chặt lấy sự sống đời đời! Phải bảo đảm bạn đã được neo chắc vào cột kỹ! Đừng trôi dạt!

Sự Cứu Rỗi Lớn Đường Ấy

Nhưng trước giả còn dành nhiều điều nữa cho độc giả chứ không chỉ những lời cảnh cáo và những lời khuyên bảo nghiêm khắc không mà thôi. Ông đủ tinh tế để biết điều gì gây ra khuynh hướng trôi dạt của họ. Trước hết là sự hổ thẹn vì có liên hệ đến con người Jesus ở Naxarét, xấu hổ về những khởi đầu tâm thường của Ngài tại Naxarét, sự xấu hổ hơn hết là việc Ngài bị đóng đinh trên thập tự. Thời bấy giờ, thập tự giá không phải là biểu tượng được tôn trọng khắp hoàn cầu như đã có ngày nay. Đóng đinh trên thập tự giá là sự sỉ nhục nhất cho một con người. Thực ra, giữa vòng người Do Thái, bất kỳ ai bị treo trên cây thì đều gánh lấy sự rửa sả của Đức Chúa Trời (Phục Truyền Luật Lệ Ký 21:23).

Thứ nhì, có sự cảm nhận theo bản năng, mà nhiều người ngày nay hiện vẫn có, rằng sự cứu rỗi “nhờ được cứu” có phần nói lên những ý kiến rất tầm thường, nhỏ bé. Đương nhiên,

bản thân tôn giáo không phải lúc nào cũng là không chỗ trách được. Mặt khác, kỷ luật tôn giáo chân chính cũng đáng được tôn trọng rộng rãi giống như mối quan tâm về đạo đức và nỗ lực trong triết học. Nhưng “sự cứu rỗi” và “được cứu” là những ý kiến thường gây lúng túng cho ngay cả những con người mộ đạo thành tâm nhất. Trong trí họ, những ý kiến này khiến liên tưởng đến những tôn giáo thần bí thế giới cổ hoặc với các tà giáo rất phong phú trong thời hiện đại. Có lẽ chúng hấp dẫn đối với những tính khí nhẹ dạ cả tin nào đó, nhưng người bình thường xem đó là những ý kiến rườm rà, còn những người mỉa mai xem chúng là những mục tiêu ngon lành.

Trước giả sẽ giải quyết cả hai nan đề này. Ông sẽ chứng tỏ cho họ thấy không hề có gì đáng hổ thẹn trong sự cứu rỗi hoặc trong Cứu Chúa là Đấng khiến sự cứu rỗi ấy thành hiện thực. Như ông mô tả, sự cứu rỗi đương nhiên liên quan đến những cá nhân ở bình diện cá nhân. Nhưng sự cứu rỗi không hề là vấn đề cá nhân riêng tư tầm thường. Khi ông nói đến “sự cứu rỗi lớn dường ấy,” ông đang nghĩ đến chương trình của Đức Chúa Trời dành cho “thế gian hầu đến” (2:5), là chương trình một ngày kia sẽ giải phóng chính cõi tạo vật khỏi ách nô lệ cho sự hư hoại, rồi đặt tạo vật ấy dưới quyền kiểm soát hoàn hảo của những người nam người nữ được chuộc, là những người đã đích thân được giải hòa với Đấng Tạo Hóa của họ, đã trở thành con cái của Đức Chúa Trời bởi đức tin nơi Đức Chúa Jesus Christ, và đã được huấn luyện và trưởng thành để trở nên giống Con Đức Chúa Trời về mặt đạo đức và thuộc linh (đối chiếu Rôma 8:18-30). Ông đang nói đến việc giải thoát những người nam nữ khỏi sự cảm nhận mình vô ý nghĩa và vô giá trị vốn ám ảnh rất nhiều người; khỏi những cảm giác sợ hãi và hư không đã tác hại đến họ và khiến đời sống trở nên như ách nô lệ; khỏi sự hung bạo, sự báng bổ và bệnh tật làm biến thoái và sỉ nhục thân thể họ. Ông đang nói đến việc khôi phục cho những người này tầm nhìn và niềm hy vọng và, một ngày kia, thực

trạng được đạt đến mục tiêu cao quý mà bởi đó Đức Chúa Trời đã dựng nên nhân loại từ lúc ban đầu.

Nói về con người, bảo rằng đa số họ không có niềm hy vọng thực tế nào, thì đó không phải là điều tệ hại nhất mà có lẽ là điều buồn nhất. Và không có hy vọng, đời sống trở thành một kết cuộc chết ngất. Người ta thường nói: “Chuyện đó chẳng có tương lai.” Họ đã đánh mất chủ nghĩa lý tưởng tươi trẻ cùng tinh thần tốt đẹp của họ. Họ không tin Đức Chúa Trời; họ không hề biết đến mục tiêu hay mục đích thỏa đáng nào cho đời sống mình hay cho thế gian nhắm vào đó, cũng không biết đến bất kỳ nhân vật Mêsia có uy tín nào, là Đấng có thể đem họ hoặc đem thế gian này đạt đến mục tiêu. Như cách Tân Ước nói, họ “không có Đấng Christ... ở thế gian không có sự trông cậy và không có Đức Chúa Trời” (Êphêsô 2:12). Dù có ý thức hoặc vô thức, họ đều tự rút mình vào ý kiến cho rằng đời sống là một kết cuộc phi lý; và họ ráng đối diện với cuộc sống ấy càng can đảm hết sức càng tốt.

Nhưng nếu nhiều người đã đánh mất hy vọng của họ, thì Đức Chúa Trời vẫn không từ bỏ hy vọng dành cho nhân loại! Trong thế gian hầu đến mà trước giả thư Hêbơrơ bây giờ nói tới (2:5), mục đích nguyên thủy của Đức Chúa Trời sẽ đạt được cách trọn vẹn. Trên thực tế, trong chính nhân vật Jesus, mục đích đó đã ứng nghiệm rồi.

Loài Người Là Gì?

Vậy loài người là gì? Đây là câu hỏi thường được nêu ra; nhưng chưa bao giờ nhận được câu trả lời nào cao quý hơn câu trả lời trong Cựu Ước của người Hêbơrơ:

Loài người là gì, mà Chúa nhớ đến?

Con người là ai, mà Chúa săn sóc đến?

Chúa đã đặt Người ở dưới thiên sứ một chút;

Cho Người đội mão triều vinh hiển tôn trọng;

Và đặt mọi vật dưới chân Người.

(Thi Thiên 8:4-6, được trích trong Hêborơ 2:6-8).

Đương nhiên, tác giả Thi Thiên đang tái khẳng định mục đích do chính Đấng Tạo Hóa tuyên bố trong Sáng Thế Ký 1:26-30. Con người không phải chỉ là những thần linh như các thiên sứ; họ một phần có linh và một phần là thuộc động vật. Do đó, như đã được tạo dựng nguyên thủy, họ thấp kém hơn thiên sứ. Nhưng không phải như cách nhiều thần thoại và tôn giáo thời cổ đã dạy, con người được dựng nên không phải để làm những nô lệ sai vật, hay làm những trò chơi, trong tay những vị thần tính khí thất thường mà các thần đó cũng chỉ là những sản phẩm của các khối vật chất và lực mâu thuẫn đối lập nhau của cảnh hỗn độn thuở ban sơ. Con người cũng không phải là một mảnh nhỏ vật chất có lý trí nhưng hoàn toàn vô cảm tính đã hợp thành nên vũ trụ này, như rất nhiều lý thuyết thời hiện đại đã dạy. Tình yêu, lý luận và cảm nhận mỹ thuật của con người chúng ta, năng lực để chúng ta nhìn hướng tới phía trước, để hy vọng và lên kế hoạch, không phải là những ảo tưởng đã được định sẵn cho bị tan tác bởi vật chất vô tri và những thế lực vô cảm tính mà một ngày kia (cho dù có còn xa bao lâu chăng nữa) rốt cuộc sẽ tiêu hủy mọi sự sống của con người cùng với trái đất, và – điều mỉa mai hơn hết – là thậm chí còn không biết mình đã làm việc đó nữa!

Không, những người nam và nữ được dựng nên theo hình ảnh của Đức Chúa Trời, được dựng nên để làm những vị phó vương của Đức Chúa Trời, để bắt phục đất và ngày càng kiểm soát đất trong mối thông công với Đấng Tạo Hóa, để cai trị đất cùng mọi bình diện sự sống khác nhau của đất, và để khiến đất trở nên vinh hiển cho Đức Chúa Trời và cho chính họ. Để lớn lên từ chỗ con trẻ đạo đức nguyên thủy của họ, để học tập “suy nghĩ theo tư tưởng của Đức Chúa Trời” (như cách nói của Kepler), và dự phần cộng tác với Đức Chúa Trời như con với Cha, để làm những người chủ chứ không phải làm những tù

nhân, của vật chất và các lực trong cõi vũ trụ này.

Tác giả Thi Thiên nói Đức Chúa Trời đã đội cho con người mũ miện vinh hiển và tôn trọng, đặt mọi vật dưới chân Ngài. Và trước giả thơ Hêbơrơ lập lại rồi nhấn mạnh sự kiện này. Ông nhận định câu “đặt mọi vật dưới chân Người” nói lên chính xác ý nghĩa của lời đó. “Đức Chúa Trời đã khiến mọi vật phục Đức Chúa Jêsus như vậy; thì chẳng để cho một vật nào chẳng phục Ngài” (2:8).

Ít nhất đó cũng là kế hoạch nguyên thủy của Đức Chúa Trời. Nhưng chúng ta không cần phải nghe nói mới biết kế hoạch này dường như đã sai trật ở chỗ nào đó. Ngày nay, chúng ta không thấy mọi điều đặt dưới chân con người. Chúng ta thấy mình sống trong một thế giới thật gian khó và tàn nhẫn, bất chấp tiến bộ khoa học vĩ đại của chúng ta, thế giới ấy vẫn quá gian khó và tàn nhẫn đối với chúng ta. Con người là nô lệ cho đất, bị buộc phải liên tục làm quần quật đổ mồ hôi trán để cố dọn sạch cỏ lùng và gai góc; nhưng không bao giờ thành công trọn vẹn, luôn luôn phải đấu tranh không ngừng với cùng một chiến trận mòn mỏi này, và thường bị thiệt thòi bởi bệnh tật. Sự vinh hiển Đức Chúa Trời đã từng ban cho chúng ta giờ còn lại thật nhỏ nhoi biết dường nào! Đời thật ngắn ngủi, bệnh tật trở nên phổ biến và sự chết là chuyện không thể tránh khỏi. Trước giả nói: “Song hiện nay chúng ta chưa thấy mọi vật phục Ngài” (2:8). Đương nhiên chúng ta không thấy. Và hơn thế nữa, hàng triệu con người đã từng bị loại bỏ xét riêng trong nội thế kỷ này – và hiện vẫn đang bị tàn sát – để cho phù hợp với ý thức hệ hay tôn giáo này hoặc nọ, để thỏa mãn tham muốn quyền lực của con người, thấy đều là bằng chứng hùng hồn cho sự thật từng được Kinh Thánh khẳng định rằng con người đã rơi vào quyền lực của các thế lực ma quỷ và đã bị hư hoại.

Con Người Jesus Nay

Như vậy, hiện nay chúng ta không thấy mọi sự phục dưới

con người. Nhưng điều này không có nghĩa Đức Chúa Trời đã bỏ mục đích nguyên thủy của Ngài. Tội lỗi đã phá hỏng mọi sự, và con người bởi cố ngu xuẩn và bất tuân của mình đã vứt bỏ phần lớn quyền quản trị của mình. Nhưng Đức Chúa Trời vẫn không thất bại. Không hề.

Trong kế hoạch nguyên thủy của Ngài, con người đã được Ngài chủ tâm định cho thấp kém hơn thiên sứ một chút. Có lẽ vì sự tạo dựng con người chính là câu trả lời mang tính chiến thuật của Đức Chúa Trời cho sự phản loạn đã bùng nổ ra trong thế giới thần linh mà các thiên sứ lẽ tự nhiên thuộc vào thế giới ấy. Ai biết được? Nhưng khi Satan từ rất sớm đã phá hoại thành công vị phó vương của Đức Chúa Trời, là con người, và đẩy con người vào tiến trình bất trung và chống nghịch chính Đức Chúa Trời, là Đấng mà con người được dựng nên theo hình ảnh của Ngài, thì rốt cuộc đã thấy hiển nhiên sự khôn ngoan trong chiến lược của Đức Chúa Trời để dựng nên con người kém hơn thiên sứ một chút. Trong chính địa vị thiên sứ, họ không cưới gả hay sanh con cháu. Con người có thể làm được cả hai việc ấy. Và điều đó khiến có thể thực hiện được biện pháp chiến lược đã hoạch định lâu dài của Đức Chúa Trời, qua đó chính Đức Chúa Trời sanh ra làm người trong thế giới của chúng ta, để với tư cách con người Ngài có thể đánh bại kẻ thù và làm ứng nghiệm khải hoàn mục đích nguyên thủy của Đức Chúa Trời dành cho nhân loại.

Và trước giả nói, chúng ta đã thấy giai đoạn thứ nhất của mục đích đó được ứng nghiệm rồi. “Chúng ta thấy Jesus” (2:9). Hãy để ý đến danh xưng của Ngài: đây chính là danh xưng loài người của Ngài, một tên của người Hêbơơ, được cha mẹ phần xác của Ngài đặt cho theo lời hướng dẫn của thiên sứ.

“Nhưng Đức Chúa Jêsu này, mà đã ở dưới các thiên sứ một chút, chúng ta thấy Ngài...,” cũng giống y như con người đầu tiên là Adam vậy. Ngài đã mang lấy thịt và huyết và đã trở

thành điều mà các thiên sứ chưa từng và cũng sẽ không bao giờ trở thành được... là con người. Như vậy, hãy nhìn xem Ngài, nằm đó như một em bé trong máng cỏ thô sơ tại một làng hẻo lánh gọi là Bétlêhem, rõ ràng không tự giúp mình được. Nhưng đừng cho rằng đó là điều mà mình đáng hổ thẹn! Đây là một bước nhảy lớn lao tiến tới phía trước cho nhân loại. Đây là bước đầu tiên trên con đường cứu chuộc và làm vinh hiển cách khải hoàn cho con người!

Chịu Thương Khó, Con Đường Dẫn Tới Vinh Hiển

Và như vậy giai đoạn đầu trong chương trình đã hoàn tất rồi: con người này, tức Đức Chúa Jesus Christ, đã được sinh ra. Nhưng rồi đến giai đoạn thứ nhì. Hãy nhìn xem Ngài hiện nay: Ngài hiện được đội mũ triều vinh hiển tôn trọng rồi.

Tôi nghĩ mình nghe những Cơ đốc nhân người Do Thái này thở dài. “Phải rồi, đúng như vậy. Ngài đã chịu thương khó trên cây thập tự giá, bị khước từ và bị đối xử cách nhục nhã. Nhưng thôi mặc kệ hết đi, ừ, đúng là vậy – Ngài hiện được đội bằng mũ triều vinh hiển và tôn giáo.”

Trước giả nói: “Ồ, nhưng vui lên chứ, không phải theo kiểu đó đâu. Ngài hiện được đội mũ triều vinh hiển và tôn trọng vì cơ Ngài đã chịu chết, chứ không phải bất kể Ngài đã chịu chết. Anh em không thấy rằng vì cơ con người vứt bỏ quyền quản trị của mình, đánh mất vinh hiển của mình bởi cơ tội lỗi, nên cách duy nhất để cho con người có thể đạt được vinh hiển ấy một lần nữa chính là bởi sự chịu thương khó sao? Thay vì thập tự giá là một sai lầm, thay vì những hoạn nạn đó là một tai nạn bi thảm, trong tay của Đức Chúa Trời chúng trở thành phương cách để đem Đấng Mêsia đến chỗ được đội bằng mũ triều vinh hiển và tôn trọng: *chính bởi cơ* chịu chết, Ngài được đội mũ triều vinh hiển và tôn trọng. Hãy vui mừng lên! Những hoạn nạn thương khó của Ngài chính là điều đáng để khoe mình. Những điều đó chính là bằng chứng về chiến lược

của Đức Chúa Trời.”

Không những hiện nay chính Ngài được đội mão miện vinh hiển và tôn trọng bởi đã chịu chết; nhưng bởi ân điển tuyệt vời của Đức Chúa Trời, điều này còn trở thành phương tiện đem lại sự giải hòa cho mọi vật. Khi Ngài đến với sự chết và ném mùi cay đắng của sự chết, Ngài đã ném sự chết thay cho mọi vật. Và chính vì cơ đó, cuối cùng sẽ đến một ngày (mà Phaolô nói đến trong bức thư gửi cho người (Côlôse 1:20-21), khi mọi sự, cả vật dưới đất lẫn vật trên trời, đều sẽ được giải hòa với Đức Chúa Trời. Trời và đất sẽ được trình diện không một tội lỗi nào trước mặt Đức Chúa Trời, được tẩy sạch và giải hòa trọn vẹn, là một sự tôn trọng cho Đức Chúa Trời và niềm vui thú cho con người mãi mãi. Điều này được thực hiện bởi chính phương tiện chịu thương khó của Đấng Christ, bởi cơ con người Jesus này đã ném sự chết thay cho mọi người.

Vì Sao Đấng Christ Đã Chịu Thương Khó?

Trước giả nói: “Hãy nhìn xem một lần nữa. Tôi biết anh em đang cảm nhận áp lực từ sự chịu thương khó với Đấng Christ. Tôi biết anh em cảm thấy xấu hổ về một Đấng Mêsia bị đóng đinh trên thập tự giá. Nhưng Đức Chúa Trời còn làm cách nào khác hơn được? Còn cách nào khác thích hợp hơn để Đức Chúa Trời đưa nhiều con đến sự vinh hiển?”

Có người nói: “Vì sao Đức Chúa Trời không dùng quyền năng của Ngài? Đức Chúa Trời không thể gạt bỏ thập tự giá sao? Đức Chúa Trời không thể sai hai binh đoàn thiên sứ đến dùng sức mạnh giải cứu Con Ngài và Phierơ cùng mọi kẻ theo Ngài, rồi đem họ đến sự vinh hiển mà không cần phải chịu thương khó sao?”

Ồ, đương nhiên Đức Chúa Trời có quyền năng để làm việc đó; nhưng đó có phải là việc thích hợp cho Đức Chúa Trời làm không? Không! Đem nhiều con đến sự vinh hiển là công tác Đức Chúa Trời phải thực hiện, và nếu Ngài thực hiện việc đó,

Ngài phải thực hiện cách nào cho phù hợp với đức thánh khiết, phẩm cách và tình yêu thương của Ngài.

Chỉ việc đưa một tội nhân vào trong vinh hiển thiên thượng bằng một hành động đột ngột của quyền năng thiên thượng thì sẽ chẳng thay đổi được tấm lòng chống nghịch và ích kỷ của người ấy để biến họ thành thánh đồ đâu. Làm vậy chẳng khác gì đột ngột đưa một con sư tử vào trong nhà bạn thì liền biến nó thành một vị khách văn minh, duyên dáng và lịch thiệp vậy. Tội nhân trước hết phải được đưa đến sự ăn năn và tha thứ; kẻ chống nghịch phải được hòa giải với Đức Chúa Trời; con người thọ tạo phải được sanh lại và trở thành con cái của Đức Chúa Trời. Và nếu con người này được cho vào nước đời đời *cách dư dật* (xem IIPhierơ 1:11, bản AV/ KJV), và tại đó được mang lấy “sự vinh hiển cao trọng đời đời, vô lượng vô biên” (xem IICôrintô 4:17, bản AV/ KJV), thì tuyệt đối không thể thiếu một tiến trình – hoặc dài hoặc ngắn – để chuẩn bị, huấn luyện và tinh luyện; và sự chịu thương khó sẽ là một phần không thể tránh khỏi được trong tiến trình đó.

Như vậy, để đem nhiều con đến sự vinh hiển, Đức Chúa Trời trước hết phải cung cấp cho họ một nguồn và một lãnh đạo, một người tiên phong và Đấng mở đường, cho sự cứu rỗi của họ. Và rồi Đức Chúa Trời phải để Đấng ấy đủ tư cách làm người dẫn đường cho họ bằng cách trước hết chính Đấng ấy phải chịu thương khó. Với tư cách Con tiền nhập thể của Đức Chúa Trời, Ngài hưởng quyền năng đời đời y như Cha Ngài, nhưng lúc bấy giờ, Ngài từ kinh nghiệm cá nhân của Ngài, Ngài biết được bao nhiêu về sự chịu thương khó? Và nếu không đích thân kinh nghiệm sự chịu khổ, làm sao Ngài có thể hiểu và cảm thông với dân sự Ngài trong sự chịu khổ của họ?

Đương nhiên, khi nói điều này, trước giả không đưa ra điều kiện để đòi hỏi Đức Chúa Trời phải làm cho trọn. Được Thánh Linh soi dẫn, ông đang truyền lại cho chúng ta cách chính Đức

Chúa Trời đã cảm nhận về mọi điều đó. Và điều này đem đến cho chúng ta những hiểu biết vinh diệu biết dường nào về đặc tánh của Đức Chúa Trời! Vì có quyền năng vô hạn, Ngài với tư cách Đấng Tạo Hóa có quyền dãi chúng ta bất kỳ cách nào Ngài muốn. Nhưng khi đã quyết định đem chúng ta đến sự vinh hiển qua con người chịu thương khó, sự cảm thông vô hạn quả quyết việc đó phải thực hiện, không phải thực hiện cách nào cũng được, mà phải làm sao cho phù hợp, cho dầu điều đó có nghĩa là chính sự chịu thương khó của Con Ngài.

Đấng Christ Không Hở Thẹn Về Chúng Ta

Do đó, trong những hoạn nạn thương khó của Chúa Jesus, không có một điều nào – hoặc vì Đức Chúa Trời đã cho phép những thương khó ấy xảy ra, hoặc vì Đấng Christ phải chịu đựng chúng – khiến cho Cơ đốc nhân, cả người Do Thái lẫn người ngoại bang, phải cảm thấy hổ thẹn. Chúng ta không nên che giấu sự kiện Ngài đã chịu khổ, nhưng hãy quảng bá ra trên toàn thế giới.

Nhưng trước giả còn muốn nói thêm một điều khác nữa về sự hạ cố phi thường của Chúa chúng ta. Điều đó rất kỳ diệu, cho dầu chúng ta chỉ đọc đến mới ở bề ngoài thôi; rất diệu kỳ ở chỗ nếu không cẩn thận, chúng ta có thể không thấy trước giả đang nói một điều còn kỳ diệu hơn cả điều mới thoạt nhìn chúng ta tưởng ông muốn nói:

Ông nêu rõ: “Đấng Làm Nên Thánh và kẻ được nên thánh, hết thảy cùng thuộc về một người (all of one); và vì nguyên nhân đó Ngài không hở thẹn mà gọi họ là anh em (của Ngài)” (2:11, bản dịch của tôi).

Điều kỳ diệu thứ nhất là: Ngài không hở thẹn về chúng ta. (Ngài sẽ hở thẹn về một số người; xem Luca 9:26. Chúng ta hãy cẩn thận sao cho mình đừng thuộc trong số những người ấy.) Nhưng vì sao Ngài không hở thẹn? Bất kỳ ai trong chúng ta

cũng tự biết thực trạng của chính mình, nên chắc chắn có thể nghĩ ra một ngàn lẻ một nguyên nhân khiến mình nghĩ Ngài phải hổ thẹn về chúng ta. Tuy vậy, nếu Ngài không hổ thẹn gọi chúng ta là anh em của Ngài, chắc chắn điều đó phải khiến chúng ta tự hỏi: “Tại sao Ngài không hổ thẹn?”

Chà, bạn nói: “Ngài không kiêu hãnh kiêu như chúng ta; và đó lý do Ngài không hổ thẹn về chúng ta.”

Có lý! Đương nhiên Ngài không kiêu hãnh, vì kiêu ngạo là tội lỗi, nhưng Chúa Jesus là Đấng vô tội. Nhưng khi nói như vậy, bạn chỉ nói ra chuyện hiển nhiên. Cơ đốc nhân nào không chấp nhận đó là chuyện đương nhiên? Ngoài ra, dầu đúng như vậy thật, thì điều đó vẫn không phải nguyên nhân trước giả nêu ra vấn đề Đấng Christ không hổ thẹn để gọi chúng ta là anh em của Ngài. Nguyên nhân là thế này: “Đấng Làm Nên Thánh (tức là Chúa Jesus) và kẻ được nên thánh (tức là chúng ta, những người tin cậy Ngài), hết thảy cùng thuộc về một người (all of one); và vì nguyên nhân đó Ngài không hổ thẹn mà gọi họ là anh em (của Ngài)”

Nhưng nếu nguyên nhân là như thế, vậy điều đó có nghĩa gì? Vấn đề nan giải nằm ở cụm từ “hết thảy cùng thuộc về một người.”¹ Hầu hết, chứ không phải tất cả, các dịch giả và những nhà giải kinh thời hiện đại cảm thấy từ ngữ “một người” (one) chỉ về Đức Chúa Trời, và ý trước giả đang nói là thế này: Chúa Jesus là Con Đức Chúa Trời, mà chúng ta tức những người đã tiếp nhận Ngài thì đã trở nên con của Đức Chúa Trời (xem Galati 3:26). Do đó, Ngài và chúng ta có cùng một Cha, và ở trong cùng một gia đình. Và đó là nguyên nhân Chúa Jesus không hổ thẹn để gọi chúng ta là anh em của Ngài.

Ồ, bản thân điều này là một sự kiện thật và kỳ diệu. Chúa Jesus là Con Đức Chúa Trời; chúng ta – những người tin Ngài – là con của Đức Chúa Trời; và đối với chúng ta, đó là nguồn của sự thờ phượng và vui mừng đời đời. Nhưng sự kiện đặc thù

này hầu như không phải là điều trước giả muốn chúng ta chú ý ở đây, vì nếu như vậy, hãy xem điều đó sẽ gây ra điều gì cho lập luận của ông. Ất sẽ dẫn đến một điều tương tự thế này: Đã có thời chúng ta chỉ là những tạo vật của Đức Chúa Trời mà thôi. Nhưng giờ đây với tư cách con cái Đức Chúa Trời, chúng ta được tôn cao đến nỗi ngay cả Ngôi Hai trong Ba Ngôi Đức Chúa Trời, tức chính Con Đức Chúa Trời, cũng không hổ thẹn để gọi chúng ta là anh em của Ngài. Nói cách khác, nguyên nhân Ngài không hổ thẹn về chúng ta sẽ không phải là vấn đề giờ đây Ngài hạ cố xuống ngang bình diện của chúng ta, tức sự gắn bó của Ngài với chúng ta là những con người, nhưng nguyên nhân chính là do chúng ta được tôn cao lên ngang tầm cỡ của Ngài. Và điều này sẽ không hề phù hợp với văn mạch. Toàn bộ phần Kinh Thánh 2:5-18 không phải đang nói về thần tánh của Con Đức Chúa Trời (như được nói trong đoạn 1), nhưng nói về tư cách con người của Chúa Jesus; không nói việc nâng chúng ta lên ngang hàng với Ngài, nhưng nói về việc Ngài hạ cố xuống ngang hàng với chúng ta.² Câu 10 này giờ không nói về tư cách làm Con đời đời của Ngài, nhưng nói về những sự chịu khổ của Ngài; và câu 14 và 17 sắp nói lên phương cách để trở nên giống chính xác với chúng ta (ngoại trừ phạm tội lỗi), Ngài đã dự phần vào “thịt và huyết” của chúng ta như thế nào, tức là Ngài đã thực sự trở thành con người và dự phần vào nhân tánh của chúng ta.

Như vậy, vì sao chính Đấng đã là Con đời đời tiền hiện hữu của Đức Chúa Trời, Ngôi Thứ Hai trong Ba Ngôi Đức Chúa Trời, lại là Đấng không hổ thẹn để gọi chúng ta là anh em của Ngài? Bởi vì khi Ngài gọi như vậy, từ ngữ “anh em” không phải là một biện pháp tu từ sáo rỗng của tôn giáo, hay lối cường điệu đa cảm mộ đạo: từ ngữ này tuyệt đối chân thật, và có ý nghĩa đúng chính xác như lời đã nói lên. Không hề có sự giả vờ nào trong đó. Ngài đã trở thành con người thực sự như chúng ta (dẫu không có tội lỗi: tội không hề là một phần tất yếu của nhân

tánh). Ngài đã kinh nghiệm những niềm vui của con người và những nỗi sầu khổ của con người. Vì đã chịu đựng điều đó, Ngài biết đói (Mathiơ 4:2), mệt (Giăng 4:6), khát (Giăng 19:28), buồn rầu trước cái chết của người bạn yêu dấu (Giăng 11:35), và tan vỡ tấm lòng khi đối diện sự khước từ mù quáng và vô lý (Luca 13:32-35). Ngài biết cảm dỗ là gì, và Ngài biết rõ sự chết hơn cả cách biết của chúng ta -là những kẻ tin cậy nơi Ngài.

Do đó, khi Ngài gọi chúng ta là anh em của Ngài, đó không phải là lối nói trống sáo rỗng. Ngài không sợ bất kỳ ai so sánh những hoàn cảnh và kinh nghiệm của Ngài với hoàn cảnh và kinh nghiệm của chúng ta để rồi kết tội Ngài giả hình khi dám gọi chúng ta là anh em của Ngài. Từ ngữ này đại diện một thực tế. Ngài không hổ thẹn để gọi chúng ta là anh em vì Ngài và chúng ta đích thực là “hết thấy cùng thuộc về một người.”

Đương nhiên, chúng ta phải cẩn thận lưu ý chính xác trước giả đang nói những ai là “hết thấy đều cùng thuộc về một người.” Không phải trước giả đang nói rằng vì Chúa chúng ta đã thực sự trở nên con người, nên Ngài gọi mọi người đều là anh em của Ngài. Ngày nay, người ta thường trích lời của Chúa chúng ta *“hết các người đã làm việc đó cho một người trong những người rất hèn mọn này của anh em ta, ấy là đã làm cho chính mình ta vậy”* (Mathiơ 25:40, AV/ KJV), dường như thể những lời này nói rằng mọi người, bất luận nam nữ, trai gái trên mặt đất này, hết thấy những người chưa được tái sinh, hết thấy những người cố tình theo vô thần, những kẻ giả hình trong tôn giáo, những tên tội phạm, những kẻ lạm dụng tình dục trẻ em, những kẻ lường gạt, những người nói dối và sát nhân, hết thấy đều là một và hết thấy đều là anh em của Đức Chúa Jesus. Đương nhiên không đúng như vậy rồi. Chính Chúa chúng ta rất cẩn thận để chỉ ra chính xác anh em của Ngài là ai: *“Mẹ ta và anh em ta là kẻ nghe đạo Đức Chúa Trời và làm theo đạo ấy”* (Luca 8:21). Và tương tự, trước giả đích thân dùng từ rất cẩn thận: ông nói “Đấng Làm Nên Thánh và kẻ được nên thánh,

hết thầy cùng thuộc về một người.” Ông đang nói đến sự đồng nhất hóa và gắn bó của Đấng Christ với dân sự được chuộc của Ngài. Ngài đã chết để khiến họ nên thánh; Ngài sống để kiện toàn sự nên thánh của họ.

Thi Thiên Tiên Tri

Rồi trước giả tiếp tục cho thấy sự gắn bó của Đấng Mêsia với dân sự được chuộc của Ngài trên thực tế đã vừa được nói tiên tri vừa được hình dung trước trong Cựu Ước. Trước giả trích Thi Thiên 22:22, là câu nói rằng:

Tôi sẽ rao truyền danh Chúa cho anh em tôi,
Và ngợi khen Chúa giữa hội chúng.

Thi Thiên này gồm hai phần: đêm tối tăm của sự chịu khổ, của sự từ bỏ và của lời cầu nguyện vang lên nhưng không được nhậm (22:1-21), và buổi sáng mai, đầy ánh sáng với lời cầu nguyện được nhậm, với lời ca ngợi giữa hội chúng và tuyên rao sự công bình của Đức Chúa Trời cho các thế hệ mai sau (22:22-31). Vua Đavít đã viết Thi Thiên này; nhưng lời mô tả cả ban đêm lẫn buổi mai này vượt ra ngoài mọi kinh nghiệm của chính ông. Ông viết với tư cách tiên tri; Thi Thiên này nói về Đấng Mêsia, và đến đúng kỳ, Đức Chúa Jesus đã lập lại những lời này tại đồi Gôgôtha.

“Đức Chúa Trời tôi ôi! Đức Chúa Trời tôi ôi! Sao Ngài lìa bỏ tôi?” (Thi Thiên 22:1; Mathiơ 27:46). Đời sống của Đấng Christ hoàn toàn trọn vẹn và vô tội, trong khi đời sống của Ysraên bị hư hỏng và đầy tội lỗi. Bất chấp điều đó, khi họ kêu cầu cùng Đức Chúa Trời, họ vẫn được Ngài nghe và nhậm lời; nhưng khi Đấng Christ kêu cầu, Ngài đã không được nghe đến – hay ít nhất cũng không đang được nghe đến, Ngài không được nhậm lời.

Tận trong lòng, Ngài biết vì sao Ngài bị từ bỏ. Chính vì Ngài kiên quyết giữ lấy địa vị ở giữa vòng anh em mình; chính

vì Ngài không chịu phân rẽ khỏi họ mặc dầu họ đầy tội lỗi, yếu đuối, bạc nhược và chống nghịch Đức Chúa Trời. Ngài đã mang lấy tội lỗi của họ trong thân thể Ngài trên cây gỗ, và vì cơ họ, Ngài bị Đức Chúa Trời từ bỏ. Sứ đồ Giăng đã nói: *“Ngài đã yêu kẻ thuộc về mình trong thế gian, Ngài cứ yêu họ cho đến cuối cùng”* (13:1, bản AV / KJV).

Lịch sử thế giới chưa từng chứng kiến đêm nào tối tăm cho toàn nhân loại hơn đêm con người Jesus, là đại diện của nhân loại, gánh chịu cơn thịnh nộ của Đức Chúa Trời nghịch cùng tội lỗi con người, và Ngài bị từ bỏ. *“Ngài đã bị phó vào sự chết vì tội lỗi chúng ta”* (Rôma 4:25).

Nhưng Ngài *“sống lại vì sự xưng công bình của chúng ta”* (Rôma 4:25). Đêm tối tăm của sự từ bỏ đã nhường bước cho buổi bình minh của sự sống lại và huy hoàng chánh ngọ của sự thắng thiên. Đất giờ đây được đổi thành Thiên đàng, hoạn nạn tủi nhục đổi thành vinh hiển, thập tự giá đổi thành ngai và mào triều thiên. Con người Jesus sắp được mời ngồi bên hữu Đấng Tôn Nghiêm Chí Cao ở nơi cao. Chẳng phải điều đó nối lỏng đôi chút những mối ràng buộc giữa Ngài với các môn đồ sao? Chẳng phải điều đó khiến Con Người được vinh hiển giờ đây cảm thấy có phần hổ thẹn trước mặt các thiên sứ oai nghiêm của Đức Chúa Trời khi phải công nhận những môn đồ hèn kém của Ngài trên trần gian là anh em của Ngài sao?

Không bao giờ! Ngay chính tại ngưỡng cửa sự thắng thiên, Ngài phán cùng Mari: *“... Hãy đi đến cùng anh em ta, nói rằng ta lên cùng Cha ta và Cha các ngươi, cùng Đức Chúa Trời ta và Đức Chúa Trời các ngươi”* (Giăng 20:17); và trong buổi sáng tươi đẹp của nửa phần sau Thi Thiên 22, chúng ta nghe lời công bố của Đấng Mêsia vinh hiển: *“Tôi sẽ rao truyền danh Chúa cho anh em tôi, và ngợi khen Chúa giữa hội chúng”* (22:22). Và hiện nay dân sự Ngài nhóm hiệp bất kỳ tại đâu, Ngài vẫn hiện diện giữa họ, vẫn bày tỏ danh Cha cho họ (Giăng 17:26, bản

AV / KJV), và hướng dẫn đáp ứng sự ca ngợi của họ.

Như vậy, tại đây dấy lên sự hy vọng không cưỡng được và không cạn kiệt được của chúng ta cho nhân loại. Đúng như hai câu cuối cùng của Thi Thiên 22 đã nói: “Một dòng dõi sẽ hầu việc Ngài; Người ta sẽ nói về Chúa cho các thế hệ tương lai (BVN – “Người ta sẽ kể các dòng dõi ấy là dòng dõi của Chúa”) . Dòng dõi ấy sẽ đến rao truyền sự công bình của Ngài, thuật cho dân tộc sẽ sanh ra rằng Đức Giêhôva đã làm việc ấy.

Điềm Báo Trước Lời Tiên Tri

Nhưng còn một nguyên nhân khác nữa cho việc Đấng Christ đồng nhất với dân sự Ngài, và do đó còn có một cơ sở khác nữa cho niềm hy vọng. Trước giả thơ Hêborơ giải thích điều này bằng cách trích lời tiên tri Êsai. Chúng ta hãy đọc những lời này trong trọn văn mạch của chúng để có thể hiểu tình huống đã khiến Êsai nói ra những lời ấy, rồi sau đó hiểu được cách chúng áp dụng thế nào cho Đức Chúa Jesus.

Vì Đức Giêhôva dùng tay mạnh phán cùng ta...

Đức Giêhôva vạn quân ... sẽ là nơi thánh;

nhưng cũng là hòn đá vấp ngã,

vàng đá vương mắc cho cả hai nhà Ysraên,

và là bẫy cùng lưới cho dân cư thành Giêrusalem vậy.

Nhiều người trong bọn họ sẽ vấp chân; sẽ té và giập nát;

sẽ sa vào lưới và bị bắt.

Người hãy gói lời chứng này,

niềm phong luật pháp này trong môn đồ ta!

Tôi trông đợi Đức Giêhôva,

là Đấng ẩn mặt Ngài khỏi nhà Giacóp,

Tôi vẫn ngóng trông Ngài!

(Bản Anh Ngữ – “*Tôi sẽ tin cậy Ngài*”)

Này, tôi đây, với con cái mà Đức Giêhôva đã ban cho tôi, là dấu và điềm trong Ysraên, bởi Đức Giêhôva vạn quân ngự

trên núi Siôn. (Êsai 8:11-18).

Êsai đã được Đức Chúa Trời lập làm tiên tri trong năm vua Ôxia băng (xem Êsai 6). Công vụ của đất nước, cả về mặt thuộc linh lẫn mặt chính trị, đã xuống thấp hết mức. Suốt ba thế hệ, không một vị vua nào của Giuda hưởng trọn tuổi già: lần lượt người này đến người kia đều bị ám sát. Và khi Ôxia qua đời, ông chết trong căn nhà của người phung, trong nhục nhã vì có tội xác xược với Đức Chúa Trời (IISứ Ký 26:16-21). Các liên minh mà mười chi phái Ysraên lập với các dân khác để chống lại Giuda đã đẩy vua cùng dân Giuda vào tình trạng báo động liên tục (Êsai 7:1-9); và thấp thoáng nơi chân trời là mối đe dọa ngày càng lớn của đế quốc Asyri.

Êsai đã hoài công như danh Đức Chúa Trời bảo đảm với dân tộc Giuda rằng giá như họ chịu ăn năn và tin Đức Chúa Trời, Ngài sẽ làm trọn lời hứa của Ngài với Đavít, duy trì dòng dõi nhà vua của Đavít, và cuối cùng sẽ sai Đấng Mêsia đến (Êsai 7:1-17). Ông hoài công bảo đảm với họ rằng một ngày kia Đấng Mêsia sẽ ngồi trên ngai Đavít, dân tộc sẽ được khôi phục và được tái đoàn tụ, sự chết sẽ bị bỏ đi, các dân khác sẽ đến tụ tập dưới trướng của Đấng Mêsia và được tiếp đãi trong bàn tiệc vui thỏa trong nước Mêsia của Ngài (Êsai 25:1-9). Đối với vua và dân Giuda, hết thấy điều này nghe có vẻ hoàn toàn mơ mộng và phi thực tế. Họ thích cậy nơi tài ngoại giao và các liên minh quốc tế của mình hơn. Các kết quả thật tai hại. Chính nước Asyri mà họ đã tìm cách kết liên minh cuối cùng đã bắt mười chi phái Ysraên đi lưu đày. Hơn một thế kỷ tiếp sau đó cứ miệt mài tương tự trong tội lỗi và vô tín, Giuda rốt cuộc bị người Babylôn bắt đi lưu đày, và kinh đô của họ là Giêrusalem bị phá hủy.

Sự thực chính là vào thời Êsai, tội lỗi và sự chống nghịch của dân tộc này đối với Đức Chúa Trời đã trở thành mãn tính (Êsai 1:2-9). Họ không còn ăn năn nữa; đức tin của họ nơi vai

trò Chúa giao trong lịch sử – tức là làm một dân để qua họ Cứu Chúa của thế gian sẽ đến – hầu như không còn tồn tại nữa. Chính Đức Chúa Trời của họ, Đấng làm nơi ẩn náu cho họ, đang trở thành “đá khiến cho người ta vấp ngã, một tảng đá khiến cho họ ngã nhào.” Không tin nơi Ngài, thì họ ắt chối bỏ lời Ngài rồi tự chuốc lấy cho mình những hậu quả thảm hại.

Êsai không những là vị tiên tri báo trước sự hiện đến của Đấng Mêsia, ông và những hoàn cảnh của ông còn làm diễm hình dung trước về hình ảnh thời kỳ của Đấng Mêsia sẽ ra thế nào. Chúa Jesus đã chứng tỏ *xuất sắc trội hơn* “hòn đá vấp ngã, vầng đá vương mắc” (xem Luca 20:18; Rôma 9:33; IPhiêrô 2:8). Những lãnh tụ của Ysraên khước từ lời Ngài kêu gọi ăn năn, gạt bỏ lời Ngài tuyên bố Ngài là Đấng Mêsia. Quần chúng lúc đầu chịu ấn tượng bởi sự dạy dỗ và phép lạ của Ngài, nhưng rồi đã xa lánh Ngài khi nhận thấy ra Ngài không chuẩn bị hướng dẫn họ chiến đấu giải phóng và chống những tên đế quốc Lamã, và thấy sự giải phóng Ngài đang đem đến cho họ là sự cứu rỗi tâm linh. Vì vậy, Chúa Jesus đã bị hành hình như một tên lừa đảo và kẻ mạo danh, và dân tộc này đã đi theo con đường chính trị theo lối khôn ngoan của đời mà họ ưa thích. Trong chưa đầy bốn mươi năm, họ đã nằm dưới sự điều khiển của những chiến sĩ dành tự do cánh hữu, bị buộc phải gia nhập cuộc nổi loạn chống Lamã, và đã bị đập tắt. Đền thờ của họ bị phá hủy, Giêrusalem bị dân ngoài giày đạp. Vào năm 135 S.C., sau cuộc nổi loạn tương tự, Giêrusalem được tái thiết thành một thành phố ngoại bang, và vẫn giữ nguyên như vậy mãi đến gần đây.

Nhưng Êsai là diễm hình dung trước về Đấng Christ, không những từ trong những hoàn cảnh ảm đạm của mình, mà còn ở sự kiện Đức Chúa Trời thấp lên trong ông và những môn đồ ông ngọn hải đăng của hy vọng không gì dập tắt được cho dân tộc này và cuối cùng cho toàn thế gian. Khi đứng đó giữa sự bội đạo của toàn dân nhưng chung quanh chỉ có những môn đồ tin Chúa của mình (như ông gọi họ là “con cái” của mình), đức

tin của Êsai nơi Đức Chúa Trời và lời hứa của Đức Chúa Trời đã dâng cao. Ông tuyên bố: “Tôi vẫn ngóng trông Ngài! Này, tôi đây, với con cái mà Đức Giêhôva đã ban cho tôi, là dấu và điềm trong Ysoraên, bởi Đức Giêhôva vạn quân ngự trên núi Siôn” (xem Êsai 8:17-18). Chính Đức Chúa Trời là Đấng đã ban cho ông “những con cái” này, là Đấng đã mở mắt họ để nhìn thấy tính chân thật trong những lời tiên tri mà Đức Chúa Trời đã ban cho ông. Và nếu Đức Chúa Trời khiến họ tin những lời tiên tri ấy, thì đó chính là dấu hiệu và lời tuyên hứa chắc chắn rằng Đức Chúa Trời một ngày kia sẽ làm ứng nghiệm chúng.

Chúng ta hãy tể tách khỏi đề tài này trong chốc lát. Và suy nghĩ xem nếu Êsai có thể, ông sẽ nói gì cho chúng ta hiện nay về phương cách binh vực và xác chứng cho đức tin cùng sự trông cậy của ông! Ông đã nói tiên tri rằng khi Đấng Mêsia, Ngài trước hết sẽ bị dân sự Ngài chối bỏ và hành hình; tuy nhiên Đức Chúa Trời sẽ khiến sự sống của Đấng Mêsia trở thành một tế lễ thay thế để chuộc tội; rồi sau khi Ngài chết, Ngài sẽ sống lại và nhìn thấy dòng dõi thuộc linh của Ngài. Bởi sự chết Ngài, nhiều người sẽ được chữa lành nỗi khó chịu sâu kín nhất trong đời sống: mặc cảm phạm tội và sự xa lánh khỏi Đức Chúa Trời. Họ sẽ thấy được Đấng Mêsia bị đâm vì những tội họ đã phạm, bị giày đập vì những tội ác của họ; và dầu họ đi lạc giống như chiên bị mất; nhưng Đức Giêhôva đã chất tội ác của hết thảy họ trên Đấng Mêsia. Bởi sự hình phạt Ngài, họ sẽ tìm được bình an và được giải hòa với Đức Chúa Trời (xem Êsai 53).

Sự thực rõ ràng của lịch sử cho thấy sự giáng sinh, sự chết và phục sinh của Chúa Jesus đem đến cho chúng ta một con người trên thế giới này phù hợp chính xác không chút sai trật với những lời dự ngôn của Êsai. Nhưng còn hơn thế nữa, qua sự chết và sự sống lại Chúa Jesus, vô số triệu người đã thực sự tìm được sự chữa lành mà Êsai nói đến: chữa lành những vết thương sâu kín nhất của tấm lòng, cất bỏ nỗi khốn khổ của sự

phạm tội, chấm dứt sự xa cách khỏi Đấng Tạo Hóa của họ, chấm dứt cảm giác thù địch và chống nghịch với Đức Chúa Trời; tìm được sự hòa giải, bình an và vui hưởng tình yêu của Đức Chúa Trời, có hy vọng tươi sáng cho tương lai. Đây là khởi đầu của “đời hầu đến” mới đã được hứa ban ấy! Đây là chính buổi bình minh của Thiên đàng. Chữa lành lòng người là khúc dạo đầu tất yếu cho sự chữa lành cõi vũ trụ.

Nhưng hãy quay lại với Êsai. Lòng tin quyết của Êsai dựa trên sự kiện Đức Chúa Trời đã ban cho ông những môn đồ. Chính Đức Chúa Trời là Đấng đã mở mắt và đưa họ đến với đức tin. “Này, tôi đây, với con cái mà Đức Giêhôva đã ban cho tôi.” Đây chính xác là cách Chúa Jesus sẽ nói với các môn đồ Ngài nhiều thế kỷ sau đó. Đây chính là điều đã thôi thúc trong Ngài cảm tình và sự đồng gắn bó như thế đối với họ; và tạo nên trong Ngài lòng tin quyết không lay chuyển rằng mọi lời Đức Chúa Trời đã hứa ban sự làm vinh hiển cuối cùng của họ đều sẽ được ứng nghiệm. Ngài đã nói trong lời cầu nguyện với Cha Ngài: “Con đã tỏ danh Cha ra cho những người Cha giao cho Con từ giữa thế gian; họ vốn thuộc về Cha, Cha giao họ cho Con, và họ đã giữ lời Cha” (Giăng 17:6; xem phần chú thích bên lề).

Theo cách nói của con người, các môn đồ của Đấng Christ chẳng khôn ngoan cũng chẳng có học thức, và đương nhiên cũng không có quyền lực. Theo chính lời thừa nhận của Đấng Christ, họ chỉ là những con trẻ. Thế nhưng trong họ, phép lạ thiên thượng đã xảy ra: Đức Chúa Trời đã đẹp lòng bày tỏ Ngài cho họ qua Đức Chúa Jesus. Ngài nói: “Lạy Cha, là Chúa trời đất, tôi ngợi khen Cha, vì Cha đã giấu những sự này với kẻ khôn ngoan, người sáng dạ, mà tỏ ra cho trẻ nhỏ hay!” (Luca 10:21).

Đương nhiên, chính điều này phải diễn ra lần nữa, cả hàng triệu triệu lần, như Êsai đã hứa, nếu trái đất muốn được đầy dẫy sự hiểu biết Đức Giêhôva như các dòng nước che lấp biển (Êsai 11:9). Đức Chúa Trời không phải chỉ là một đề tài, giống

như toán học, hay vật lý học, để người ta có thể “chứng minh xong” cho bất kỳ ai đủ trí khôn theo dõi phép lý luận hợp lý. Đức Chúa Trời là một thân vị. Người ta chỉ có thể biết Ngài khi Ngài cho phép họ biết Ngài và khi Ngài tự bày tỏ Ngài trực tiếp cho con người. Nhưng chính sự kiện Đức Chúa Trời tự bày tỏ Ngài cho các môn đồ Đấng Christ không những khiến Đấng Christ đầy dẫy vui mừng (Luca 10:21), mà còn tạo mối ràng buộc không thể phá vỡ của sự hiệp một, tình yêu và sự sống giữa Ngài với họ. Điều đó khiến Ngài biết chắc Đức Chúa Trời sẽ tiếp tục bày tỏ Ngài cho hàng muôn triệu người nữa, và Ngài cầu thay cho muôn triệu người trải suốt mọi thế kỷ sẽ tin nơi Ngài qua lời chứng của một số ít các môn đồ ban đầu này (Giăng 17:20-23).

Thế nhưng vẫn còn một cách khác nữa để qua đó Êsai và các môn đồ của ông làm điếm hình dung trước về Đấng Mêsia. Giữa mọi cảnh bội đạo và cảnh đen tối hầu đến, Êsai và những môn đồ tin Chúa của ông đã là một “vật làm tin” được Đức Chúa Trời ban để chứng tỏ một ngày kia Ngài dùng sự thành tín khôi phục toàn dân tộc. Nói theo phép tỉ dụ của Êsai, họ là cái gốc của cây Ysraên đã bị đốn ngã, gốc đó sẽ tiếp tục sống và cuối cùng sẽ mọc lên trở lại (Êsai 6:13). Êsai nói: “Này, tôi đây, với con cái mà Đức Giêhôva đã ban cho tôi, là dấu và điếm trong Ysraên, bởi Đức Giêhôva vạn quân ngự trên núi Siôn.” Ở bình diện sơ khai, vật làm tin này, tức những dấu và những điếm này, đã được ứng nghiệm trong việc Ysraên hồi hương từ chốn lưu đày tại Babylon. Ở bình diện cao nhất, chúng vẫn còn chờ được ứng nghiệm.

Nhưng hãy lắng nghe Phaolô lập luận theo cùng một cách ấy về Chúa Jesus và những môn đồ người Do Thái của Ngài. Đối diện với lòng vô tín cứng cỏi của Ysraên, sự bội đạo ngày càng tăng, và cảnh trạng đen tối hầu đến mà chúng ta biết là bắt đầu giáng xuống vào năm bảy mươi S.C., Phaolô hỏi: “*Đức Chúa Trời có bỏ dân Ngài chăng? Chẳng hề như vậy; vì chính*

tôi là dân Ysraên, dòng dõi Ápraham... Đức Chúa Trời chẳng từng bỏ dân Ngài đã biết trước” (Rôma 11:1– 2). Lập luận của Phaolô cũng giống y như của Êsai. Số lượng những người Do Thái, giống như Phaolô, đã được Đức Chúa Trời mở mắt để nhìn thấy Chúa Jesus là Đấng Mêsia vẫn còn tương đối ít. Họ chẳng qua chỉ là nhóm dân sót của dân tộc này. Nhưng chính sự kiện bởi ân điển của Đức Chúa Trời, sự tồn tại của một nhóm dân sót như thế chính là vật làm tin cho thấy một ngày kia toàn dân tộc này sẽ được cứu, được giải hòa về với Đấng Mêsia và với Đức Chúa Trời. Bấy giờ, những quanh cảnh vui mừng chưa từng có sẽ xảy ra: sự phục sinh thực sự của những người chết sẽ đến (Rôma 11:15-16).

Chinh Phục Sự Chết

Nhưng nếu “con cái,” tức là các môn đồ của Đấng Christ, sẽ có thể nhìn hướng tới thời đại hầu đến với lòng tin quyết và nếm trước đầy sót sáng, thì họ phải được giải thoát khỏi nỗi sợ sự chết.

Sự chết hiện vẫn là một kẻ thù. Nếu được nói những gì mình muốn, chúng ta sẽ rùng mình rút lui khỏi sự chết, khỏi nỗi đau đớn buồn rầu, bệnh tật và sự chán ghét, là điều rất thường xuyên đi kèm với sự chết. Nhưng nỗi kinh khiếp nhất không phải là quá trình chết đi, mà là điều xảy ra sau đó; vì trong đôi sự chết có cái nọc thực sự của nó. Kể từ khi ma quỷ dụ dỗ con người không vâng lời Đức Chúa Trời, và bởi sự không vâng phục của một người mà tội lỗi đã vào trong thế gian, và sự chết vào thế gian thông qua tội lỗi, thì “nọc” của sự chết – như Kinh Thánh mô tả – xưa nay vẫn là tội lỗi (ICôrintô 15:56). Sau sự chết sẽ đến sự đoán xét. Kinh Thánh khẳng định điều này và lương tâm bề trong tự biết và kính sợ điều đó, cho dù bề ngoài người ta có nói gì đi nữa. Khi qua đời trong cách thức mình đã sống – tức sống không tin, không ăn năn, không được tha thứ, chưa được tái sanh – có giả vờ cho rằng rốt cuộc tội lỗi

chẳng quan trọng gì, và hết thấy mọi sự đều sẽ ổn cả với chính mình, thì cũng không có công dụng gì. Kinh Thánh nói thêm: “*Sức mạnh của tội lỗi là luật pháp.*” Luật pháp Đức Chúa Trời sẽ không bao giờ nói tội lỗi không hề quan trọng, cho dù trong đời này hoặc trong đời hầu đến. Làm sao nói như vậy được? Sự chết không phải là đũa thần của bà tiên để dùng phép mầu biến đổi một tội nhân không chịu ăn năn trở thành thánh đồ vinh hiển. Khi chết trong tư cách một tội nhân chưa được tha thứ, bạn sẽ vẫn cứ đời đời là tội nhân chưa được tha thứ (Khải Huyền 22:10-11).

Chính nỗi sợ này đã khiến biết bao nhiêu người – từ con người sơ khai nhất đến người tinh tế, sành đời nhất – phải phát minh và thực hành đủ mọi loại nghi thức và các môn kỹ luật rèn luyện thật khắc khe, nhằm giảm bớt hình phạt và sự chịu khổ mà họ e rằng đang chờ đợi họ ở phía bên kia sự chết. Và hết thấy những thứ ấy đều vô hiệu, ngoại trừ càng gia tăng thêm một ách nô lệ khác nữa vào ách ban đầu của nỗi sợ sự chết.

Chính nỗi sợ này đã khiến hàng đoàn người khác, như thi sĩ Lamã cổ là Lucretius, cố chứng minh rằng không hề có điều gì chờ đợi con người đằng sau sự chết. Chết là chấm hết. Nếu đúng như vậy, đây quả là sự an ủi nhạt nhẽo cho những người đang gánh chịu bất công tàn bạo và không chút hy vọng nhận được quyền lợi công bằng của mình trong đời này; vì trong trường hợp này, họ phải tin mình sẽ không bao giờ nhận được công lý. Và cũng là sự an ủi nhạt nhẽo cho những người sinh ra trong thân thể tật nguyên nặng nề. Họ có thể nhìn thấy cuộc đời ra sao nếu không có những kẻ tật nguyên. Họ phải hiện hữu trong đau đớn mà không có chút viễn cảnh nào được khuây khỏa hay được vui hưởng trong đời này; và giờ đây nếu thuyết này là đúng, họ phải sống không chút triển vọng mong nhận được điều gì tốt hơn, phải sống không có chút viễn ảnh nào về bất kỳ kỳ điều gì sau cái chết cả.

Do đó, nhiều người khác lại có nỗi lo sợ ngược lại: không

phải sợ rằng sau cái chết còn có điều gì đó, nhưng sợ rằng *không* có. Họ sợ rằng đời này là tất cả; và sự chết chấm dứt mọi sự thưởng thức, vì sự chết chấm dứt tất cả. Do đó, vì chỉ muốn giữ cho thân thể này sống, họ đã chuẩn bị buông trôi mọi thứ nào nâng đời sống con người vượt lên trên sự hiện hữu thuần túy của loài vật: danh dự, lòng trung thành, chân lý, lòng chính trực đạo đức, và đức tin. Nỗi sợ chết đã và vẫn đang là cái ách cho vô số người.

Trong tình huống này, cách duy nhất Đấng Christ có thể cứu chúng ta ấy là trước hết trở thành con người giống như chúng ta để Ngài có chịu chết; rồi sau đó bằng cách không dùng phép lạ để xuống khỏi thập tự giá và tránh sự chết, nhưng quyết ý cứ ở trên thập tự giá và chịu chết. Vì bởi sự chết, Ngài chịu hình phạt thay cho tội lỗi của chúng ta để buông tha lương tâm chúng ta khỏi mặc cảm phạm tội và bởi đó khỏi nỗi sợ đối mặt với cơn thịnh nộ của Đức Chúa Trời sau sự chết. Và bởi chịu chết và sống lại, Ngài cho chúng ta thấy sự hy sinh của Ngài thay cho chúng ta đã được chấp nhận, và chúng ta – là những người tin Ngài – được chấp nhận trong Ngài; cho chúng ta thấy quyền cai trị của tội lỗi và sự chết đã bị phá vỡ, và ma quỷ đã bị tước mất quyền lực. Tín hữu này có thể biết cách tuyệt đối chắc chắn rằng chết tức là qua đời để đi ở với Đấng Christ, là điều tốt hơn nhiều (Philíp 1:23); biết rằng thoát khỏi thân thể này là lập tức đi ở với Chúa (ICôrinhtô 5:6-8); biết rằng khi sống lại, mình sẽ có một thân thể mới và vinh hiển, giống như thân thể của Cứu Chúa phục sinh (Philíp 3:20-21); và biết rằng một ngày kia chính sự chết sẽ bị phá diệt đời đời (ICôrinhtô 15:26).

Việc Đấng Christ Đã Buộc Phải Làm

Giờ đây chúng ta tiến đến lời tuyên bố sừng sốt nhất trong toàn bộ đoạn thứ hai này: Con vô hạn của Đức Chúa Trời, Ngôi thứ hai trong Ba Ngôi Đức Chúa Trời, Đấng Tạo Hóa và Đấng kế tự muôn vật, thực sự bị buộc phải trở nên giống chúng ta

là anh em của Ngài trong mọi cách. Ngài phải chịu làm giống như vậy (2:17).

Mới nhìn, nói như vậy dường như là một điều gây sốc lớn. Chắc chắn Con Đức Chúa Trời luôn luôn tự do và không hề có bổn phận phải làm bất cứ điều gì sao? Đương nhiên Ngài không có bổn phận phải cứu chúng ta. Không ai có thể buộc Ngài làm điều đó. Nếu Ngài bỏ mặc chúng ta chết mất trong sự chống nghịch Đức Chúa Trời cách đầy tội lỗi của chúng ta, chúng ta cũng không hề có cơ sở gì để than phiền Ngài không chịu giữ những bổn phận của Ngài đối với chúng ta. Khi Ngài cúi xuống nắm lấy tay chúng ta để cứu giúp chúng ta (2:16), Ngài đã cúi xuống cách hết sức tự nguyện (xem Giăng 10:18).

Đúng vậy, nhưng (trước giả của chúng ta giải thích) một khi Ngài đã bắt đầu giúp chúng ta, có những điều mà chính công tác ấy buộc Ngài phải làm, nếu Ngài muốn làm cách trọn vẹn. Một khi Ngài đã bắt đầu, không thể nào nghĩ rằng Ngài sẽ làm việc đó thiếu hoàn hảo. Vì vậy, “Ngài *phải chịu làm* giống như anh em mình trong mọi sự” (2:17). Không thể có chuyện ngừng giữa chừng; Ngài phải đi trọn con đường.

Chúng ta không phải là những hữu thể thiên sứ thần linh ưu việt, thậm chí cũng không phải là những thiên sứ oai nghiêm nhưng bị sa ngã nữa. Trước giả nói, chúng ta là dòng dõi của Ápraham – và có lẽ ông nói thêm, chúng ta còn yếu đuối và tội lỗi nữa, bị cám dỗ liên tục. Nhu cầu nổi trội hơn hết của chúng ta chính là lẽ tất yếu trước tiên phải được *sửa cho* đúng trở lại, và thứ nhì là được *giữ cho* đúng, với Đức Chúa Trời.

Vì vậy, Ngài ắt phải trở thành thầy tế lễ thượng phẩm của chúng ta để làm tế lễ vãn hồi (bản NIV: “của lễ chuộc tội”) cho tội lỗi chúng ta, để đặt chúng ta vào và duy trì trong ơn của Đức Chúa Trời. Đương nhiên, Ngài ắt trung tín với Đức Chúa Trời. Không được phép hạ thấp các tiêu chuẩn của Đức Chúa Trời, không biện hộ cho tội lỗi chúng ta, không hề né tránh thực tế chúng ta đã phạm tội, không phản đối quyền phải lẽ

của con thanh nộ thánh của Đức Chúa Trời. Đồng thời, Ngài sẽ phải nhơn từ đối với chúng ta. Chính Ngài phải chết thay cho chúng ta, phải dâng chính Ngài làm tế lễ vãn hồi cho tội lỗi chúng ta, và sống lại, phải hành động trong tư cách người cầu thay liên tục của chúng ta trước mặt Đức Chúa Trời. Ngài sẽ phải thương xót đối với chúng ta, có thể cảm thông sự chịu khổ trong khi bị cám dỗ, bằng cách đích thân kinh nghiệm điều đó. Thế nhưng Ngài sẽ phải trung tín với chúng ta: che phủ những thất bại của chúng ta bằng sự hy sinh của Ngài; nhưng không để cho chúng ta xem thường việc đầu hàng cám dỗ. Trái lại, Ngài sẽ làm vững mạnh ý chí chúng ta và thêm sức cho chúng ta chống cự cám dỗ. Vì hết thấy những nguyên nhân ấy, nếu muốn thực sự giúp chúng ta cách thực tiễn, Ngài sẽ phải trở nên giống như chúng ta trong mọi đường (đương nhiên ngoài trừ phạm tội) và trở thành con người.

Như vậy, tuy biết Ngài sẽ buộc phải làm gì một khi bắt đầu làm, nhưng Ngài vẫn nắm lấy tay chúng ta để giúp chúng ta và đã phải chịu làm mọi điều giống như anh em của Ngài. Ngài đã đến và sống trong nghèo khổ, làm quần quật trên các con đường hôi hám của các thành phố đông phương thời xưa. Các môn đồ Ngài thường còn được thoải mái hơn cả Ngài; họ có nhà riêng: Ngài không có chỗ để gói đầu. Hết thấy chúng ta, không trừ ngoại lệ nào, đều khấm khá hơn Đấng Christ ngày xưa. Tôi cho rằng chúng ta thấy đều có chiếc giường để ngủ tối hôm nay. Ngài thường phải thiếu ngủ và sống khó khăn, vì vậy Ngài sẽ có khả năng cảm thông với hết thấy dân sự Ngài và có thể đến với kẻ tầm thường nhất, hèn mọn nhất trong số họ. Và cuối cùng Ngài đã chết thay cho chúng ta.

Làm sao chúng ta không thờ phượng một Cứu Chúa như thế được? Hở thẹn về tư cách con người của Ngài ư? Hở thẹn về những sự thương khó của Ngài sao? Mất kiên nhẫn vì sự chịu khổ của chính chúng ta vì cơ Ngài sao? Làm sao chúng ta dám có tinh thần đó? Chính sự chịu khổ của Ngài là sự vinh

hiển của Ngài – và cũng là của chúng ta nữa; vì đây chính là con đường của vua để bởi đó Ngài đưa nhân loại được chuộc đến với định mệnh của họ là được dự phần cùng với con người toàn hảo của Đức Chúa Trời để cai trị vũ trụ này.

Câu Hỏi

1. “Lời thiên sứ rao truyền” (2:2) là gì? Điều nào khiến Tin Lành còn quan trọng hơn cả sứ điệp ấy của thiên sứ? Vì sao một số người trôi giạt khỏi Tin Lành ấy?
2. Bạn hiểu cụm từ “thế gian hầu đến” trong 2:5 là gì? Bạn có thích dịch là “đời hầu đến” hơn không?
3. Từ đoạn này, bạn học được điều gì về mục đích nguyên thủy của Đức Chúa Trời dành cho con người?
4. Mục đích đó đã đạt được trong Adam và dòng dõi ông đến mức độ nào? Và đạt được đến mức độ nào trong Đấng Christ? Có phải mọi sự đã được đặt dưới chân của Đấng Christ rồi hay không? (Tham khảo 10:13.) Nếu chưa, khi nào mới đến lúc đó?
5. Đấng Christ phải được “nên trọn lành” thông qua những sự thương khó theo ý nghĩa nào? Và để làm gì (2:10)?
6. Vì sao Đấng Christ không hổ thẹn để gọi những người tin cậy Ngài là anh em của Ngài?
7. *Bạn* nghĩ ý chính và tính thích ứng của những câu trích trong 2:13 là gì?
8. Satan cầm quyền sự chết theo ý nghĩa nào? Và Satan đã bị diệt theo ý nghĩa nào? (2:14).
9. Vì sao Đấng Christ đã phải chịu làm giống như anh em mình trong mọi sự? (2:17).
10. Khi chúng ta bị cám dỗ, Đấng Christ giúp chúng ta bằng cách nào?

Chú Thích Chương 4

- ¹ Bản NIV, “thuộc về cùng một gia đình”; NASB: “thấy đều thuộc cùng một Cha”; NEB, “thấy đều cùng thuộc cùng một dòng dõi”; RSV: “thấy đều có cùng một nguồn gốc.”
- ² Dầu chúng ta là con của Đức Chúa Trời bởi đức tin nơi Đấng Christ, nhưng nếu bảo rằng chúng ta được cất nhắc lên đến ngang bình diện tư cách làm con của Ngài thì không đúng. Với tư cách ngôi thứ hai trong Ba Ngôi Đức Chúa Trời, tư cách làm con của Ngài sẽ đời đời khác với tư cách làm con của chúng ta. Khi nói về Cha chung của chúng ta, Ngài không hề nói: “Ta sẽ quay về cùng Cha chúng ta,” nhưng Ngài giữ nguyên sự phân biệt giữa mối quan hệ của Ngài với Đức Chúa Trời và mối quan hệ của chúng ta với Đức Chúa Trời: “cùng Cha ta và Cha các ngươi” (Giăng 12:17).

BƯỚC VÀO SỰ YÊN NGHỈ CỦA ĐỨC CHÚA TRỜI

Hêbơơ 3 – 4

Lời Cảnh Cáo Và Văn Mạch

Đoạn 3 và 4 của thơ gửi người Hêbơơ đi chung với nhau, vì chúng chứa một trong những lời cảnh cáo nghiêm trọng khiến bức thư này nổi tiếng. Trên thực tế, hai đoạn này chứa đựng lời cảnh cáo dài nhất. Nó quan trọng hơn, nên chúng ta yên lặng và chuyên tâm tìm hiểu từ ngữ Đức Thánh Linh đã dùng, kéo chúng ta hoặc không áp dụng được khúc Kinh Thánh này cách mạnh mẽ như đáng phải có, hoặc lại áp dụng sai.

Trước hết, hãy để ý khung cảnh của lời cảnh cáo này. Ngay trước khi bắt đầu, Đức Thánh Linh phán với chúng ta về chức tể lễ của Đức Chúa Jesus Christ (2:17; 13:1). Sau đó khi vừa xong lời cảnh cáo, ông một lần nữa nhắc chúng ta về thầy tế lễ thượng phẩm vĩ đại của chúng ta là Đấng có thể cảm thông với những yếu đuối của chúng ta (4:14-16). Như vậy, khi xem xét lời cảnh cáo này, chúng ta phải nhớ đến thầy tế lễ thượng phẩm giàu lòng thương xót và trung tín của chúng ta. Hãy để Ngài dẫn dắt chúng ta. Chúng ta hãy đứng bên cạnh Ngài lắng nghe lời từ môi Ngài. Ngài sẽ bảo chúng ta phải làm gì và tránh những gì. Sau khi đã nghe lời cảnh cáo này, hãy để lời ấy đưa chúng ta quay về lại với Ngài. Cho dù lời cảnh cáo ấy có thể khiến chúng ta cảm thấy mình yếu đuối biết dường nào, hãy để chính sự yếu đuối đó thúc giục chúng ta đến với Ngài là Đấng có thể cảm thông với yếu đuối của chúng ta và sẵn sàng ban cho chúng ta sự cứu giúp luôn luôn sẵn chờ của Ngài.

Trong đoạn 1, chúng ta cùng nghĩ về Chúa Jesus trong

thần tánh của Ngài, phát ngôn nhân thiên thượng của sứ điệp thiên thượng. Trong 2, chúng ta nghĩ về Ngài trong tư cách con người xứng đáng làm Thầy Tế Lễ Thượng Phẩm của chúng ta, và Đấng không hổ thẹn để gọi chúng ta là anh em của Ngài. Giờ đây với tư cách “anh em thánh, là kẻ dự phần ơn trên trời gọi,” chúng ta được mời gọi tập trung những suy nghĩ của chúng ta vào Chúa Jesus với tư cách sứ đồ, vị phát ngôn nhân thiên thượng của đoạn 1, và cũng suy nghĩ kỹ đến Ngài với tư cách Thầy Tế Lễ Thượng Phẩm của đoạn 2.

Chúng ta sẽ nghĩ gì về Ngài? Phần đoạn này nói, hãy suy xét chính Ngài, là Đấng trung tín với Đấng đã lập Ngài cũng giống như Môise đã trung tín trong cả nhà Chúa. Giờ đây, hoàn toàn hợp pháp để dịch từ ngữ Hy văn ở đây theo thì quá khứ: Đấng *đã* trung tín. Nhưng cũng hoàn toàn hợp pháp không kém – và chắc chắn là còn phù hợp hơn nữa – để dịch từ ngữ ấy theo thì hiện tại: “Hãy xem Ngài *đang* trung tín.” Hãy suy xét không những Ngài *đã* trung tín trong thời quá khứ khi Ngài đến để làm sứ đồ và đem cho chúng ta sứ điệp của Đức Chúa Trời rồi rao truyền ra cách trung tín; nhưng cũng suy xét Ngài vẫn, hiện Ngài vẫn đang hành động với tư cách Thầy Tế Lễ Thượng Phẩm của chúng ta, đang trung tín với Đức Chúa Trời, là Đấng đã lập Ngài, trong cả nhà của Đức Chúa Trời.

Đấng Christ So Với Môise

Để giúp chúng ta biết đôi nét về sự trung tín của Chúa đối với chúng ta, Đức Thánh Linh đã so sánh Chúa chúng ta với Môise. Chúng ta lưu ý cụm từ Thánh Linh dùng chỉ về Môise, “*người đã trung tín trong cả nhà Chúa,*” ra từ văn mạch nơi Miriam và Arôn cùng nhập bọn với những người đang lăm bằm với Môise (Dân Số Ký 12:1-8). Đường như Ysơraên chẳng bao giờ chậm lăm bằm cùng Môise: nguồn cung cấp thức ăn và nước uống của họ và thậm chí những chuyện cá nhân và riêng tư của ông nữa, chẳng hạn như việc ông kết hôn, hết thấy đều trở

thành những nguyên nhân để lầm bầm với Môise, dầu Môise là nguyên soái sự cứu rỗi của họ. Nhưng trong toàn bộ chuyện này, nét đẹp của Môise càng chiếu sáng ngời. Kinh Thánh nói Môise khiêm hòa hơn hết trên thế gian (Dân Số Ký 12:3). Tội không biết ông làm cách nào để luôn luôn kiểm soát được tính khí của mình. Ông đã dành trọn cuộc đời mình cho dân tộc này. Lẽ ra tại giờ phút đó, ông đã có thể nằm nghỉ trên những chiếc gối êm dịu trong cung điện tại Êđiptô. Thế nhưng ông đang ở giữa dân tộc gồm những người trước kia vốn là nô lệ cư xử thô lỗ và cộc cằn, dốc hết sức mình cho họ, và đổi lại ông nhận lấy những lời cần nhằn lầm bầm không ngừng ở khắp nơi.

Điều gì đã giữ con người này trung tín đến như vậy với Ysraên? Đó chính là lòng trung tín của ông với Chúa là Đấng đã lập ông cho nhà Ngài. Môise được sai đến với Ysraên trong tư cách sứ giả của Đức Chúa Trời đem theo sứ điệp giải phóng khỏi Êđiptô. Từ đó trở đi, Môise đã hành động như người trung gian giữa Ysraên với Đức Chúa Trời, và đã cứu Ysraên bởi những lời cầu thay của mình. Bất chấp những lời cần nhằn và lỗi lầm của họ cùng những lời họ lằng mọ bản thân ông, Môise vẫn cứ trung tín với nhiệm vụ Chúa giao. Trên thực tế, tác giả nói: “Hỡi anh em thánh, hãy suy xét đi, anh em là người dự phần sự kêu gọi trên trời, khi anh em đang theo đuổi cuộc hành hương của mình từ đất lên trời, hãy suy xét vị sứ đồ và Thầy Tế Lễ Thượng Phẩm mà anh em đã tuyên xưng mình tin. Biết bao nhiêu lần chúng ta đã lầm bầm và cần nhằn! Nhưng chúng ta hãy xem ông vẫn trung tín bất chấp chuyện đó, không ngừng và luôn luôn trung tín; hãy suy nghĩ xem, ông luôn luôn trung tín trên mỗi bước đường tiến về quê hương.”

Cuối cùng Môise cũng suy sụp, dầu ông rất trung tín. Một ngày kia khi dân Ysraên chọc ông rất giận bởi những lời than phiền vong ơn của họ, lúc đó ông nổi giận lên: Ông la lớn với họ: “Hỡi dân phản nghịch! Hãy nghe chúng ta bắt buộc phải khiến nước chảy từ hòn đá này ra cho các người sao?” và ông

đã lấy cây gậy của mình đập hòn đá thay vì chỉ nói với hòn đá như Chúa đã truyền (Dân Số Ký 20:9-12).

Hành động mất kiên nhẫn này khiến Môise phải trả giá bằng việc vào đất hứa. Có vẻ thật khắc khe với Môise, phải không? Nhưng Đức Chúa Trời đã lập Môise coi sóc Ysơraên, và nếu Môise không thể coi sóc họ mà không nổi giận và đại diện bày Đức Chúa Trời cách sai lầm như vậy trước dân sự, thì Môise phải bị gạt qua một bên. Và Đức Chúa Trời đã chỉ định cho chúng ta một nguyên soái của sự cứu rỗi chúng ta, và khiến Đấng ấy chịu trách nhiệm coi sóc chúng ta đi qua thế gian này để về quê hương đến sự vinh hiển. Cảm tạ Đức Chúa Trời vì chúng ta có thể nương cậy sự thành tín của Chúa Jesus và biết Ngài không bao giờ thất bại, không bao giờ mất kiên nhẫn hay nổi giận với bất cứ ai trong chúng ta, nhưng sẽ làm trọn công tác Đức Chúa Trời đã giao phó cho đến cuối cùng. Ngài sẽ cứu trọn vẹn những kẻ nào nhờ Ngài đến gần Đức Chúa Trời.

Lời Cảnh Cáo

Đương nhiên, Chúa Jesus có rất nhiều phương diện trội hơn Môise, và trước giả của chúng ta tiếp tục nêu chi tiết hai trong số những phương diện đó. Môise trung tín trong nhà Đức Chúa Trời: ông đã lập đền tạm thời xưa cho Đức Chúa Trời. Nhưng Chúa Jesus là Đức Chúa Trời, và như chúng ta đã thấy trong đoạn 1, Ngài là Đấng xây cất mọi sự, kể cả đền tạm đời đời, mà đền tạm của Môise chẳng qua chỉ là bản sao hết sức tầm thường (xem 8:1-5). Thứ nhì, Môise là tôi tớ trong nhà Đức Chúa Trời; Đấng Christ là con trong nhà Chúa.

Nhưng thời gian không cho phép chúng ta bám riết vào những chi tiết này mãi, vì công tác chính của chúng ta là đi theo tác giả khi ông sử dụng ý nói về nhà Đức Chúa Trời và dùng làm cơ sở để đưa ra lời cảnh cáo. Môise được lập coi sóc đền tạm làm bằng gỗ, vàng và vải; nhà Đức Chúa Trời hiện nay được lập bởi chính con người. Trước giả nói: “Và chúng ta

là nhà của Chúa, nếu chúng ta nắm chắc lấy sự dạn dĩ và sự khoe mình đầy hơn hở về sự trông cậy của chúng ta” (3:6, bản dịch của tôi).

Chúng ta thấy ngay chữ “nếu” (BVN – “miễn là”). Hiển nhiên, tác giả không chuẩn bị nói lên sự thực “chúng ta là nhà Chúa,” rồi bỏ lửng ở đó. Ông nói thêm một chữ “nếu.” Ông muốn chúng ta hiểu chữ này theo nghĩa nào? Ông củng cố chữ “nếu” này bằng cách dùng một cụm từ tương tự trong câu 14: “Vì chúng ta đã được dự phần với Đấng Christ, *miễn là* giữ lòng tin ban đầu của chúng ta cho vững bền đến cuối cùng.”¹

Như vậy, hai câu có chữ “miễn là” theo sau. Chúng ta phải hiểu chúng thế nào đây? Vì hiển nhiên cả hai đều nêu lên cùng một ý, nên chúng ta bắt đầu với câu thứ nhì (câu 14). Cách dùng từ trong câu này thoạt nhìn thấy hơi lạ; và nếu chúng ta có thể hiểu được câu này đang nói gì, nó sẽ soi sáng cho “miễn là” của câu 6 nữa.

Phần thứ nhất của câu 14 với thì hoàn thành “chúng ta đã và bây giờ vẫn trở thành người dự phần với Đấng Christ,” nói lên một sự thật, một điều gì đó đã diễn ra rồi trong quá khứ; nhưng phần thứ hai bổ sung thêm điều kiện liên quan đến tương lai: “miễn là giữ vững... cho... đến cuối cùng.” Và nan đề là thế này: Làm sao anh em có thể bắt một điều đã xảy ra rồi trong quá khứ phải tùy thuộc vào một điều vẫn chưa xảy ra thuộc tương lai?

Bạn bảo: “Ồ, nếu tôi đã trở thành kẻ dự phần của Đấng Christ rồi, thì lâu nay tôi đã trở thành bạn cộng sự, và bây giờ tôi hiện là bạn cộng sự. Làm sao con người hiện đã có rồi của tôi lại tùy thuộc vào con người trong tương lai của tôi được? Nếu câu Kinh Thánh này nói: “Chúng ta sẽ trở thành bạn cộng sự của Đấng Christ, miễn là giữ vững... cho đến cuối cùng,” thì như vậy quá rõ, chúng ta sẽ không thể tuyên bố mình trở thành bạn cộng sự của Đấng Christ cho đến khi chúng ta tới

đích cuối cùng. Nhưng thực sự câu Kinh Thánh này nói chúng ta đã trở thành bạn cộng sự của Ngài rồi. Như vậy, làm sao bắt một sự kiện hiện tại phải lệ thuộc vào một điều kiện trong tương lai được?”

Câu trả lời thực sự rất đơn giản. Chúng ta hãy trở về với điều mà câu này gọi là “lòng tin ban đầu của chúng ta [anh em],” tức là giây phút bạn lần đầu tiên tin Cứu Chúa. Nếu với lòng ăn và đức tin thật, bạn đã thực sự tin Cứu Chúa, thì đương nhiên bạn đã lập tức trở thành bạn cộng sự với Ngài rồi. Và nếu đức tin của bạn là đức tin đúng và đích thực, bạn cần phải biết không chút lưỡng lự hoặc nghi ngờ: đức tin bạn sẽ chịu đựng vững bền, bạn sẽ giữ khỏi đầu lòng tin của mình vững vàng cho đến cuối cùng. Tuyên bố như vậy cũng không phải là táo tợn. Một trong những nguyên nhân Đức Chúa Trời gia ơn ban cho những tín hữu thật một Thầy Tế Lễ Thượng Phẩm, ấy là để Thầy Tế Lễ Thượng Phẩm ấy cầu thay không ngừng cho họ, như Ngài đã cầu thay cho Phierơ (Luca 22:32), để đức tin của họ không vấp ngã và thiếu thốn. Và đức tin họ sẽ không thất bại – cho dù mọi điều khác đều thất bại – chẳng khác gì Phierơ đã không thất bại.

Giờ đây thắc mắc chúng ta phải nêu ra là: Tại “lúc đầu của lòng tin anh em,” anh em có thực sự tin Cứu Chúa không? Đức tin anh em có phải là đức tin đích thực không?

Bạn trả lời: Đương nhiên có chứ. Tôi đã thật hết lòng và đích thực tin nơi Cứu Chúa Jesus Christ – và nếu hồi đó chưa tin đúng như vậy, tôi sẽ tin ngay chính giây phút này đây.”

Tuyệt vời! Nhưng giả sử tôi yêu cầu bạn trưng ra bằng chứng cho thấy đức tin của bạn lúc đó đã, và hiện nay đang, là đích thực và bạn đã thực sự trở thành bạn cộng sự với Đấng Christ. Giả sử tôi nói, giống như tác giả thơ Hêborơ đang nói: “Đúng rồi, đương nhiên anh em đã trở thành bạn cộng sự với Đấng Christ, miễn là khi dự phần rồi, đời sống anh em phải

cung cấp bằng chứng rõ ràng.” Tôi có quyền mong đợi loại bằng chứng nào đây?

Một lần nữa, câu trả lời thật đơn giản. Dấu hiệu của đức tin thật ấy là đức tin ấy thực sự chịu đựng bền vững cho đến cuối cùng. Do đó, nếu bạn đã thực sự tin Cứu Chúa và đã trở thành bạn cộng sự của Ngài, thì tôi và mọi người khác đều có quyền đòi hỏi bạn chứng minh điều đó bằng cách “giữ lòng tin ban đầu của chúng ta cho vững bền đến cuối cùng.” Theo lời bạn vừa nói, tôi thấy bạn không những đã tin trong quá khứ, nhưng bạn hiện vẫn đang tin. Ô, hãy cứ giữ vững lòng tin ấy; hãy tiếp tục thể hiện bạn là tín hữu thật cho đến cuối cùng. Và đây cũng là thách thức mà mệnh đề có điều kiện đầu tiên của trước giả trong câu 6 nêu ra cho chúng ta: “Nhà Chúa tức là chúng ta, miễn là chúng ta giữ vững vàng cho đến cuối cùng sự dạn dĩ và sự khoe mình đầy hơn hở về sự trông cậy của chúng ta.”

Nhưng đến đây lại nảy sinh một thắc mắc khác: “Điều gì xảy ra nếu có người từng tuyên bố tin Chúa Jesus nhưng lại không giữ vững lòng tin ban đầu của mình? Phải chăng điều đó có nghĩa họ không còn là tín hữu nữa? Hay họ chưa bao giờ là tín đồ thật cả?”

Chúng ta cần cẩn thận về cách trả lời câu hỏi này. Hết thảy chúng ta nhiều lúc cư xử cách không nhất quán với lời xưng mình là Cơ đốc nhân; và nhiều người trong chúng ta xưa nay đã – và vẫn đang – trải qua những thời kỳ đức tin bị chao đảo nghiêm trọng. Điều này đã xảy ra cho Phierơ trong dịp chúng ta vừa nhắc đến. Với thẩm quyền của chính Chúa, chúng ta biết rằng tận trong sâu thẳm tâm hồn, trong tận đáy lòng của ông, đức tin của ông không thất bại; và đương nhiên sau khi ông vấp ngã, ông đã được phục hồi, như chính Chúa đã xác quyết thậm chí cả trước khi ông sa ngã rằng ông sẽ được phục hồi. Nhưng hãy hình dung mình đang đứng bên cạnh Phierơ khi ông liên tiếp cố ý chối mình không phải là Cơ đốc nhân và dùng mọi lời thề mình biết để chứng tỏ điều đó! Nếu chưa

nghe những lời Cứu Chúa đã nói, hẳn chúng ta thấy rất khó biết ông có phải là một Giuđa khác nữa không, tức một người từng tuyên bố là tín đồ nhưng chưa bao giờ là tín đồ cả (Giăng 6:64, 70-71), hay ông là một tín đồ thật đang nhất thời hành động thiếu nhất quán.

Nhưng khi xem xét thỏa đáng một tình huống có thật trong cuộc sống này, chúng ta phải nghiên cứu thật cẩn thận ví dụ về một trường hợp buồn, và rất nổi tiếng, mà Đức Thánh Linh giờ đây trích từ Cựu Ước. Nói cụ thể, chúng ta phải lưu ý rất chính xác những từ ngữ Thánh Linh dùng khi Ngài chẩn đoán điều đã sai trật với những con người tại đây.

Tám Gương Đáng Sợ

Có thể tóm tắt vài lời về tám gương lịch sử được Thánh Linh lưu ý đến tại đây. Tổ phụ của những Cơ đốc nhân người Do Thái – là người nhận bức thư của chúng ta đây – đã từng làm nô lệ tại Êđiptô. Rốt cuộc họ tìm được tự do, trước hết bằng cách được cứu khỏi cơn thịnh nộ của Đức Chúa Trời nhờ huyết của chiên con Lễ Vượt Qua; rồi sau đó được giải phóng khỏi ách bạo chúa Pharaôn bởi quyền năng siêu nhiên của Đức Chúa Trời. Họ được Môise làm phép báp têm trong đám mây và dưới biển (ICôrinhtô 10:2); họ đã khởi sự tiến về đất hứa của sự yên nghỉ. Nhưng rất ít người trong số họ được vào Đất Hứa. Họ đã phản nghịch cùng Đức Giêhôva đến nỗi Ngài nhơn cơn giận thê rằng họ sẽ chẳng hề vào sự yên nghỉ của Ngài. Và họ không bao giờ được vào.

Chúng ta phải cẩn thận gấp đôi. Trước nhất, phải bảo đảm chúng ta hiểu chính xác Thánh Linh cho biết điều gì đã sai trật, chính xác đâu là nguyên nhân khiến họ không hề được vào sự yên nghỉ đã hứa cho họ. Và thứ nhì, phải thấy trước giả áp dụng bài học này như thế nào cho độc giả của ông và cho chúng ta.

Trước hết, chúng ta xem xét câu nói rõ ràng, thẳng thắn ở 3:19. *“Vả, chúng ta thấy những người ấy không thể vào đó*

được vì có không tin.” Hãy lưu ý từ ngữ này. Không tin. Không phải do tinh thần bất chước thế gian, không phải do bất cẩn hoặc thiếu tận tâm, nhưng là lòng vô tín.

Bạn bảo: “Phải rồi, nhưng điều đó có thể xảy ra cho bất kỳ ai trong chúng ta, trên thực tế là có thể xảy ra cho bất kỳ Cơ đốc nhân chân chính nào. Tín hữu nào cũng có nhiều lúc phạm tội vô tín. Phierơ bước ra khỏi thuyền và bắt đầu bước đi trên biển đến với Chúa, nhưng rồi đột nhiên mất đức tin và bắt đầu chìm. Giả sử Chúa thách thức tôi làm một việc cho Ngài và Ngài ban một lời hứa để khích lệ tôi, nhưng rồi tôi thấy mình không đủ đức tin để tin vào lời hứa đó. Đó không phải là vô tín sao? Chẳng phải điều đó khiến tôi không còn đủ tư cách để vào sự yên nghỉ Chúa ban cho tôi sao?”

Ồ, đương nhiên vô tín là vô tín; nhưng chúng ta phải thấy chính xác những người Hêbơơ thời xưa này không tin điều gì. Chúng ta thấy điều đó trong 4:2: *“Vì tin lành này đã rao truyền cho chúng ta cũng như cho họ; những lời họ đã nghe không ích chi hết, vì trong khi nghe, chẳng lấy đức tin nhận lời đó thuộc về mình.”* Và sau đó một lần nữa trong 4:6: *“Những kẻ nghe tin lành ấy trước nhất đã không vào đó bởi chẳng tin.”* Không còn gì rõ ràng hơn lời tuyên bố này nữa: họ đã không tin vào chính tin lành này. Họ đã nghe; nhưng không ích lợi gì cho họ vì họ chẳng hề tin vào tin lành ấy.

Tin Lành Đây Là Gì

Bây giờ, nếu chúng ta không hiểu đúng ý để biết Tin lành ấy đã là gì trong trường hợp của họ (và là gì trong trường hợp của chúng ta), chúng ta sẽ thấy khó hiểu câu tuyên bố họ đã không hề tin vào tin lành ấy. Chúng ta sẽ có khuynh hướng tranh luận rằng: suy cho cùng họ đã ra khỏi Êđiptô và được Môise làm báp têm. Họ ắt hẳn đã tin vào tin lành, hay ít nhất tin một phần tin lành ấy, nếu không họ sẽ không bao giờ ra khỏi Êđiptô. Chỉ có những phần về sau này của tin lành, tức

là bản cáo của các thám tử (Dân Số Ký 13:27) và đặc biệt là lời tường trình của Giôsuê và Calép (Dân Số Ký 14:6-10), thì họ mới không chịu tin để rồi rơi vào thảm họa.

Nhưng đó chính là chỗ chúng ta phạm sai lầm trầm trọng. Tin lành được rao giảng cho người Ysraên không gồm hai hoặc ba phần riêng biệt để họ có thể tin và tiếp nhận phần này mà không bắt buộc phải tin và tiếp nhận những phần còn lại. Môise đã không đi loanh quanh và bảo: “Này, điều chính yếu là thoát được cơn thịnh nộ của Đức Chúa Trời trong đêm Lễ Vượt Qua, rồi sau đó thoát khỏi ách nô lệ của Pharaôn tại xứ Êđiptô. Đó là tin lành Đức Chúa Trời ban cho các ngươi. Vì vậy chúng ta nói cho đơn giản. Điểm chính là ra khỏi Êđiptô và tiến vào đồng vắng. Sau đó, các ngươi có thể thích thì tính tới chuyện học thêm một số giáo trình nâng cao nào đó của Chúa, chẳng hạn như đồng đi trong sự tương giao với Chúa qua suốt đồng vắng và rồi sau đó bước vào cơ nghiệp nơi đất hứa. Nhưng những giáo trình nâng cao đó là tùy ý chọn. Nếu không muốn, các ngươi không bắt buộc phải học. Vì vậy lát nữa hãy tính. Còn bây giờ chỉ việc tin nơi tin lành đơn giản này là ra khỏi Êđiptô cũng đủ rồi.”

Ồ, đương nhiên là không. Môise không giảng tin lành kiểu như thế, vì không hề có tin lành nào như thế để giảng. Tin Lành ấy là: Đức Chúa Trời đã hạ xuống để cứu chuộc họ; và sự cứu chuộc có nghĩa giải thoát khỏi cơn thịnh nộ của Đức Chúa Trời bởi huyết của Chiên Con Lễ Vượt Qua, được giải thoát khỏi quyền lực của Pharaôn, được chấp nhận làm dân thuộc riêng về Đức Chúa Trời, ra khỏi Êđiptô, băng qua đồng vắng và bước vào cơ nghiệp của họ trong đất hứa. Đây hoàn toàn là một khối trọn vẹn không thể phân chia. Họ không thể tin và tiếp nhận phần thứ nhất nhưng bác bỏ phần còn lại. Có tất cả hoặc không có gì; và điều này đã được nói rõ cho họ ngay từ lúc khởi đầu (xem Xuất Êđiptô Ký 6:6-8).

Như chúng ta biết, hết thấy họ đều tuyên bố tin nơi tin lành và ra khỏi Êđiptô. Nhưng khi vừa mới nhìn thấy Đất Hứa, họ đã cố tình và khăng khăng không chịu bước vào. Vậy họ bày tỏ điều gì? Bày tỏ rằng họ đã tin nơi tin lành, nhưng không tin phần còn lại trong Lời Đức Chúa Trời phải không? Hay họ đã tin một số phần nào đó của tin lành chứ không tin những phần khác? Không! Nói như vậy tức đã làm giảm tính nghiêm trọng trong lời phán quyết của Đức Thánh Linh. Đức Thánh Linh phán rằng sứ điệp họ đã nghe không có giá trị gì cho họ vì họ không kết hợp sứ điệp ấy với đức tin. Họ đã không tin vào tin lành.

Và tác giả nói thêm: “Tin lành này rao truyền cho chúng ta”; và chúng ta cần phải biết rõ chắc chắn mình hiểu được tin lành ấy là gì và biết chắc mình đã tin vào tin lành ấy. Sau đó chúng ta phải rất cẩn thận về cách trình bày tin lành ấy cho người khác. Chúng ta đừng tạo cho người khác có ấn tượng rằng tin lành chỉ liên quan đến việc ban sự tha tội cho chúng ta; rồi sau đó có vài giáo trình nhiệm ý chẳng hạn như tiến tới trong sự nên thánh, sự trở nên giống Đấng Christ vào lúc cuối cùng và bước vào cơ nghiệp vĩ đại của chúng ta trên Thiên đàng. Sự trông cậy của tin lành chất chứa cho chúng ta trên Thiên đàng là phần không thể thiếu của tin lành, và những nhà giảng đạo Cơ đốc đầu tiên thường nói rõ ràng điều này cho thánh giả chưa tin Chúa của họ ngay từ đầu trong công cuộc truyền giảng lúc đầu của họ (Côlôse 1:5). Tin lành là một khối tổng thể không thể phân chia ra. Bạn tin hết tất cả tin lành ấy, hoặc bạn không tin gì cả. Tuyên bố mình đã tin tin lành, rồi sau đó cố tình và liên tục không chịu tiến bộ trong con đường nên thánh và bước vào cơ nghiệp đời đời đã dành chứa cho chúng ta *“trong các nơi trên trời trong Đức Chúa Jesus Christ”* (Êphêso 2:6) là điều hết sức nghiêm trọng. Làm như vậy sẽ gây nghi ngờ hết sức nghiêm trọng, không biết liệu chúng ta có bao giờ thực sự tin vào tin lành này chưa.

Ý Nghĩa Của “Không Vâng Lời”

Có lẽ bạn phản đối ngay. Bạn bảo: “Ông trích 3:19 và 4:2 rồi dựa trên câu đó để tuyên bố những người không được vào đất hứa kia chính là người không tin tin lành – nói cách khác thì họ là những người hoàn toàn không tin – nói vậy cũng được thôi. Nhưng cứ xem 3:18 và 4:6 đi; những câu này nêu một nguyên nhân khác. Chúng nói những người không được vào chính là những người *không vâng lời*. Và hơn thế nữa 4:11 cảnh cáo chúng ta cẩn thận để đừng noi gương không vâng lời của họ. Chắc chắn ông sẽ không bảo rằng tín hữu thật thì không hề có chuyện không vâng lời. Hết thấy chúng ta đều có lúc không vâng lời Chúa; và những câu này chắc chắn cảnh cáo rằng tín hữu thật có thể không vâng lời Chúa nghiêm trọng đến nỗi đánh mất sự cứu rỗi của mình.”

Ồ, không, đương nhiên tôi không nói rằng không có thể có chuyện tín hữu thật lại không vâng lời. Thật đáng buồn, hết thấy chúng ta thỉnh thoảng không vâng theo điều răn này hoặc điều răn kia của Chúa, hoặc vì chúng ta không biết lời Ngài đủ để thấy mình đang vi phạm Lời Chúa, hoặc vì nghĩ một số những điều răn nào đó của Ngài là không quan trọng, hoặc vì bị cám dỗ hoặc ý riêng áp đảo chúng ta. Và nếu chúng ta không ăn năn tội đó, tình trạng đó sẽ dẫn đến sự sửa trị trong đời này (xem ICôrinhtô 11:30-32) và mất phần thưởng (Bản NB: “phần thưởng,” chứ không phải “sự cứu rỗi”) trong đời sau (xem ICôrinhtô 3:11-15). Điều đó thực sự nghiêm trọng, và tôi không hề có ý làm giảm tính nghiêm trọng của nó đâu.

Nhưng nhiệm vụ chúng ta lúc này là xét xem Đức Thánh Linh đang nói đến thể loại không vâng lời nào ở đây trong đoạn 3 và đoạn 4 của thư Hêbơrơ. Từ ngữ Hylạp chỉ về “không vâng lời” trong 4:6 và 4:11 là *apeitheia*. Cộng cả hai trường hợp này, chữ này có mặt bảy lần trong Tân Ước.² Động từ có quan hệ với nó, là *apeithr*, “không vâng lời,” có mặt trong Hêbơrơ 3:18 và 11:31, và mười bốn lần khác nữa trong toàn Tân Ước, tổng

cộng mười sáu lần.³ Tính từ có liên hệ, *apeithys*, “tính không vâng lời” không xuất hiện trong thơ Hêbơơ; nhưng xuất hiện sáu chỗ khác trong Tân Ước.⁴ Như vậy, có hai mươi bốn lần xuất hiện ở cả dạng danh từ, động từ và tính từ, và những chữ này không lần nào được dùng để mô tả sự không vâng lời của một tín hữu thật. Luôn luôn khi những từ ngữ này được sử dụng, người không vâng lời chính là người chối bỏ Đức Chúa Trời, chối bỏ luật pháp Ngài, chối bỏ Tin Lành Ngài và không chịu tin vào Ngài hoặc vào Tin Lành.

Lúc này, chúng ta tạm gác những lần xuất hiện chữ này trong Hêbơơ 3 và 4 sang một bên và lấy một ví dụ từ các văn mạch khác. Trong 11:31, trước giả nhận định rằng kỳ nữ Raháp “bởi đức tin... không bị giết chung với những kẻ không vâng lời.” Và những người không vâng lời bị giết khi Ysoraên phá hủy thành Giêricô này là ai? Những tín hữu thành tâm và đích thực ấy vừa bị một cám dỗ này hay cám dỗ kia đắc thắng phải không? Không, đương nhiên là không. Raháp đã nghe Đức Chúa Trời chân thật và việc Ngài đang làm qua Ysoraên, rồi nàng tin và bày tỏ đức tin bằng cách nghênh đón các thám tử (xem Giôsuê 2:8-13). Đồng bào của nàng tại Giêricô nghe về Đức Chúa Trời chân thật này y như nàng đã nghe; nhưng trái lại, họ không chịu tin và không chịu ăn năn; vì vậy trong khi nàng được cứu, họ bị hư mất.

Hãy lấy một ví dụ điển hình từ sách Công vụ. Trong 14:1-2, Phaolô và Banaba “giảng luận đến nỗi một số rất đông người Do Thái và người Hy Lạp tin nhận Chúa. Nhưng những người Do Thái vô tín [nguyên văn – *đã không vâng lời*] lại sách động người ngoại quốc, đầu độc tâm trí họ để chống lại các anh em tín hữu.” Vậy những người Do Thái không vâng lời này là ai? Là những tín hữu thành tâm đích thực đang ở trong tình trạng sức khỏe thuộc linh kém và phạm tội không vâng lời một trong các mạng lệnh của Chúa phải không? Không, không hề như vậy. Họ là những người Do Thái mà khi nghe giảng tin lành, “đã

không chịu tin,” như bản NIV (và bản Việt ngữ) đã nói.

Hoặc xét theo lập luận của Phaolô trong Rôma 10. Ông nói rằng ông khao khát đồng bào mình được cứu, và điều đó khiến ông rất đau lòng vì đại đa số họ vẫn chưa tin. Vậy tại sao họ chưa được cứu? Phaolô liệt kê rất nhiều nguyên nhân, và kết thúc bằng cách trích dẫn lời của Đức Chúa Trời: “Ta đã giơ tay ra cả ngày hướng về dân bội nghịch [không vâng lời] và hay nói trái [ngang bướng].” (Câu 21; Êsai 65:2). Ở đây, “không vâng lời” cũng có nghĩa không chịu tin vào tin lành. Và không có sự cứu rỗi nào cho bất kỳ ai không chịu tin vào tin lành. Hãy lắng nghe tin lành của Giảng: “Ai tin Con, thì được sự sống đời đời; ai không chịu tin [nguyên văn – *không vâng lời*] Con, thì chẳng thấy sự sống đâu, nhưng cơn thịnh nộ của Đức Chúa Trời vẫn ở trên người đó.” (3:36). Như vậy, “không chịu vâng lời Con” là phản nghĩa với “tin Con.” Câu này không biểu thị một tín hữu nhất thời không cư xử đúng, nhưng nói đến một người không chịu tin Chúa cách thẳng thừng; đây là nguyên nhân bản NIV dịch cụm từ này là “ai khước từ Con.” Và Phierơ cảnh cáo chúng ta về tính nghiêm trọng của việc làm như thế: Ông nói: “Sự cuối cùng [hậu quả] của những kẻ chẳng vâng theo Tin Lành Đức Chúa Trời sẽ ra thế nào?” (IPhierơ 4:17).

Ở đây, sẽ dễ nhận biết dường nào nếu xét toàn bộ những nơi có sử dụng từ ngữ này. Nhưng đối với mục đích của chúng ta, còn một ví dụ cuối nữa soi sáng đặc biệt. Trong thư gửi cho Tít, ở 1:15-16, Phaolô nhận xét: “Nhưng đối với kẻ bại hoại vô tín, thì chẳng có gì tinh khiết cả... Họ tự xưng là người biết Đức Chúa Trời, nhưng lại chối bỏ Ngài trong các hành động của mình. Thật là những kẻ khả ố, bất phục tùng, không thể làm một việc tốt lành nào cả.” Nhưng Phaolô nói lời tự xưng của họ thật sai. Họ không tin; họ đang không vâng lời. Chúng ta thấy hai từ ngữ này hầu như đồng nghĩa.

Với phần đó, chúng ta quay lại với phân đoạn của mình

trong thơ Hêborơ, và thấy trước giả của chúng ta sử dụng cũng chính hai từ ngữ này. Dân Ysraên thời xưa tuyên bố họ tin khi họ ra khỏi Êđiptô; nhưng sự nổi loạn tiếp đó và không chịu bước vào xứ Canaan cho thấy họ chưa bao giờ thực sự tin vào tin lành. Trước giả nói trong 3:18: “Họ không vâng lời.” Ông nói thêm trong 3:19 “những người ấy không thể vào đó được vì cơ không tin.”

Có lẽ có người bảo: “Phải rồi, nhưng ông chưa công bằng đối với những người Ysraên thời xưa. Phải thừa nhận họ đã nổi loạn với Đức Chúa Trời và Môise sau khi đã đi một chặng đường dài băng qua đồng vắng để đến sát biên giới của Đất Hứa. Và đương nhiên họ không chịu tin Calép và Giôsuê khi hai người bảo đảm với dân sự rằng Đức Chúa Trời sẽ ban xứ cho họ. Vì vậy, rõ ràng lúc đó họ đã hoàn toàn đánh mất đức tin. Nhưng thật không công bằng khi bảo họ chưa hề là người tin Chúa. Họ đã được chuộc bởi huyết của chiên con Lễ Vượt Qua tại Êđiptô; họ đã được rưới huyết của giao ước tại Sinai. Hiển nhiên họ là những tín hữu thành tâm và đích thực từ đầu, nhưng về sau đã đánh mất đức tin mình hay vứt bỏ đức tin ấy, nên bởi đó bị hư mất.”

Bản Phán Quyết Của Đức Chúa Trời

Ồ, điều tốt nhất chúng ta có thể làm được để giải quyết câu hỏi này ấy là hỏi ý chính Đức Chúa Trời. Ngài có đồng ý rằng bắt đầu từ trong xứ Êđiptô và ít lâu sau đó, họ là những người tin Chúa thành tâm và đích thực và chỉ về sau này mới đánh mất đức tin không? Đây là lời phán quyết của chính Đức Chúa Trời: “Đức Giêhôva phán cùng Môise rằng: Dân này khinh ta và không tin ta cho đến chừng nào, mặc dầu các phép lạ ta làm giữa chúng nó?... Trong mọi người đã thấy sự vinh quang ta, phép lạ ta đã làm tại xứ Êđiptô và nơi đồng vắng, là các người đã thử ta mười lần và đã không nghe lời ta, thì chẳng một ai sẽ thấy xứ mà ta thề hứa cho tổ phụ chúng nó. Chẳng ai

mà đã khinh ta sẽ thấy xứ đó đâu!” (Dân Số Ký 14:11, 22-23).

Như vậy, theo Lời Đức Chúa Trời, mặc dầu đã thấy mọi phép lạ tại Êđípô ngay từ đầu và tiếp sau đó trong đồng vắng, những người này vẫn tỏ lòng không tin và không vâng phục liên tục trên suốt đường đi, ngoài ra còn khinh thường Đức Chúa Trời và vinh hiển Ngài nữa. Họ đã rời khỏi Êđípô với biết bao phẫn khởi và sốt sắng mộ đạo; nhưng đối với đức tin đích thực của cá nhân nơi Đức Chúa Trời, thì hoàn toàn rõ ràng: họ chưa hề có đức tin ấy chút nào. Những điều xảy ra tiếp đó trong đồng vắng chỉ phơi trần những gì lâu nay vẫn luôn đúng cho họ nhưng còn chưa lộ ra.

Thi Thiên 106 rao ra cùng lời phán quyết này. Ysoraên không nghĩ gì đến những phép lạ của Đức Chúa Trời tại Êđípô, và đã nổi loạn tại Biển Đỏ (câu 7). Dầu họ làm như vậy, Đức Chúa Trời vẫn cứu họ vì cơ danh Ngài (câu 8). Chứng cứ không thể phủ nhận được của phép lạ bên Biển Đỏ đã đem lại trong họ một đức tin hời hợt bề ngoài nhất thời (câu 9-12), như những phép lạ của Chúa chúng ta đem lại kiểu đức tin ấy trong một số những người đương thời với Ngài (Giăng 2:23-25). Nhưng chẳng bao lâu sau đó, họ quay trở lại với kiểu sống bình thường vốn thiếu hiểu biết, vong ơn, vô tín, phản loạn và thờ lạy hình tượng thẳng thừng của họ (câu 13-43).

Áp Dụng Lời Cảnh Cáo

Cho đến nay, chúng ta đang xem xét trường hợp những người Ysoraên trong đồng vắng; nhưng giờ đây, chúng ta phải lắng nghe đang khi trước giả của chúng ta từ đó rút ra lời cảnh cáo cho những người mà ông đang viết thư cho.

Bạn bảo: “À, không còn nghi ngờ gì về họ nữa rồi, ít ra cũng là vậy. Họ ắt hẳn phải là tín đồ thật vì ngay từ đầu đoạn 3, tác giả gọi họ là ‘Hỡi anh em thánh, là kẻ dự phần ơn trên trời gọi.’”

Đương nhiên, nếu họ thực sự tin vào tin lành khi được nghe, họ có thể tuyệt đối biết chắc mình sẽ được cứu đời đời. Hãy xem tác giả nói gì trong 4:6 rồi đối chiếu với những gì ông nói trong 4:3. “Những kẻ nghe tin lành ấy trước kia đã không được vào đó bởi sự không vâng lời của họ” (4:6). Ngược lại, “Về phần chúng ta là kẻ đã tin, thì vào sự yên nghỉ.” Không còn nghi ngờ gì điều này nữa. Hễ một người đã thực sự tin cách đích thực – (lưu ý thì của động từ: “chúng ta là kẻ đã và hiện đang tin”) thì không còn nghi ngờ gì nữa, người ấy được vào trong sự yên nghỉ. Đây là một trong lời khẳng định vinh diệu của Đức Chúa Trời về những sự biết chắc chắn không thể thay đổi và không thể phá vỡ được. Hai cộng với bằng bốn thế nào – không phải là đôi lúc, nhưng luôn luôn là một hằng số bốn không sai trật -lời Đức Chúa Trời cũng khẳng định “chúng ta là kẻ đã tin” thì “vào sự yên nghỉ đó” thế ấy. Chúng ta có thể biết chắc điều này cũng y như có thể biết chắc về lời khẳng định khác, “*Ai tin Con thì được sự sống đời đời*” (Giăng 3:36).

Như đã thấy trước đây, tác giả chỉ khuyên giục độc giả phải bảo đảm chắc chắn rằng họ đã thực sự tin vào tin lành, chắc chắn họ là những tín hữu đích thực, không phải chỉ hòa theo đám đông dưới sức mạnh của lòng sốt sắng mộ đạo mà chưa bao giờ từng có được đức tin cá nhân nơi Đức Chúa Jesus. Nếu chưa đích thân tin, hoặc nếu họ không chắc chắn về điều đó, họ hãy tin ngay bây giờ. Vẫn còn cơ hội cho họ, và ông trích Thi Thiên 95:7 một lần nữa (3:13, 15) để bảo đảm với họ rằng ngày cơ hội của họ vẫn chưa qua. “*Ngày nay nếu các người nghe tiếng Ngài, thì chớ cứng lòng.*”

Ông khuyên giục họ: “*Hỡi anh em, hãy giữ lấy, kẻo ai trong anh em có lòng dữ và chẳng tin mà trái bỏ Đức Chúa Trời hằng sống chăng.*” Và ông còn thêm vào đó một lời cảnh cáo đặc biệt. Tội lỗi là kẻ lừa dối, và nếu một người không tin mà không nhận ra nó, nó có thể làm cứng lòng người.

Trọng Tội

Đương nhiên, mọi tội đều xấu và nếu cứ tiếp tục trong tội, nó có thể làm cứng lòng; nhưng tội tác giả đang nghĩ đến ở đây, như trong văn mạch đã làm sáng tỏ rất rõ ràng, chính là tội vô tín, tội đã nghe tin lành nhưng lại chống nghịch (3:16), tội không chịu bước vào đất hứa, và vì cố tội đó Đức Chúa Trời nổi giận với Ysơraên trong bốn mươi năm (3:17); tội không vâng lời và vô tín (3:18-19). Lưu ý rằng toàn bộ những người được Môise đưa ra khỏi Êđípô đều phạm tội phản nghịch này, tất cả mọi người, ngoại trừ Calép và Giôsuê (3:16). Như chúng ta thấy, ngay từ đầu họ chưa hề tin vào tin lành ấy; nhưng tội vô tín này đã lừa gạt họ và cuối cùng làm cứng lòng đến nỗi họ thẳng thừng chống nghịch Chúa, khước từ quyền lãnh đạo của Môise và bàn tính lập một người khác lên dẫn đường họ quay trở về Êđípô (Dân Số Ký 14:2, 4).

Lòng vô tín, tức không chịu tin, đương nhiên là trọng tội, tội rất nặng đến nỗi trong Kinh Thánh đôi khi từ ngữ “tội lỗi” được dùng theo ý nghĩa chỉ về việc không tin được hay không chịu tin vào tin lành. Vì vậy, chẳng hạn Chúa chúng ta nói trong Giăng 16:8-9 rằng khi Đức Thánh Linh đến “Ngài sẽ cáo trách thế gian về tội lỗi...⁵ Về tội lỗi vì họ không tin ta.” Nói cách khác, ở đây không phải Ngài đang nói về những tội lỗi của cá nhân mà tín hữu thật đôi khi phạm (và vì cố đó, có sự tha thứ khi tín hữu xưng tội mình đã phạm), nhưng nói về trọng tội cơ bản là không tin nơi Cứu Chúa.

Và tội cơ bản này hết sức lừa dối người ta, và vì vậy có thể dễ dàng làm cứng lòng người. Nó xảy ra thường xuyên đến nỗi người ta trôi giạt vào làm thuộc viên hội thánh mà không hề có kinh nghiệm cá nhân với Cứu Chúa, hoặc bị cuốn vào lời tuyên bố có đức tin trong đợt sóng của kinh nghiệm xúc cảm hay ngất ngây nào đó mà không hề được tái sinh thật sự. Thời gian trôi qua, lòng sốt sắng nguội lẩn, họ mới nhận ra Đấng Christ và

Lời Ngài cùng công việc của Ngài có rất ít ý nghĩa hoặc chẳng có ý nghĩa gì với họ, vì trên thực tế họ chưa hề kinh nghiệm cá nhân về sự tái sinh, họ không phải là tín hữu. Nhưng thay vì lo lắng, thừa nhận, tìm kiếm Cứu Chúa và đích thân tiếp nhận Ngài, họ lại để cho tội vô tín này lừa gạt, khiến họ suy nghĩ chùng nào còn cứ giữ những biểu hiện bề ngoài của vẻ đứng đắn và mộ đạo, thì có thiếu kinh nghiệm cá nhân với Đấng Christ và sự cứu rỗi cũng vẫn không quan trọng. Rốt cuộc lòng vô tín làm cứng lòng họ đến nỗi không một lời giảng tin lành nào có thể đánh thức nổi họ trước nguy hiểm hoặc đưa được họ đến chỗ ăn năn và đặt đức tin nơi Cứu Chúa. Một thảm kịch kinh khiếp biết dường nào!

Vào Sự Yên Nghỉ Của Đức Chúa Trời

Như vậy, sự yên nghỉ mà ở đây bảo mọi người nào đã tin thì được vào là gì? Đây là điều trong hiện tại hay một điều gì đó trong tương lai?

Đối với người Hêbơrơ thời xưa, vào sự yên nghỉ của họ có nghĩa vào xứ Canaan dưới quyền lãnh đạo của Giôsuê, tiêu diệt mọi kẻ thù và định cư yên ổn trong cơ nghiệp Chúa đã ban cho họ tại xứ đượm sữa và mật.

Phierơ nói “cơ nghiệp” của Cơ đốc nhân, là cơ nghiệp “không hư đi, không ô ướ, không suy tàn,” được “để dành trong các tầng trời” cho chúng ta “là kẻ bởi đức tin nhờ quyền phép của Đức Chúa Trời giữ cho, để được sự cứu rỗi gần hiện ra trong kỳ sau rốt!” (I Phierơ 1:4-5). Trong ý nghĩa này, vào sự yên nghỉ của chúng ta hãy còn trong tương lai. Và ở đây, điều kỳ diệu ấy là lời tuyên bố của Chúa trong 4:3 bảo đảm cho mọi người nào đã tin đích thực rằng họ không những được hưởng sự tha thứ và chấp nhận của Đức Chúa Trời rồi, mà họ còn sẽ chắc chắn một ngày kia được vào sự an nghỉ lớn ở trên trời. Tuy nhiên, điều này không có nghĩa chúng ta phải chờ cho đến khi qua đời hay cho đến khi Chúa đến rồi mới có thể bắt đầu hưởng cơ

nghiệp trên trời của mình. Ngay ở đây và ngay lúc này, chúng ta có thể lấy đức tin bước vào một số những phước hạnh của cơ nghiệp ấy. Việc dân Ysraên thời xưa bước vào Canaan xảy ra theo hai giai đoạn. Ngay giây phút họ bước vào dưới quyền lãnh đạo của Giôsuê, họ đã bắt đầu hưởng lấy hoa quả và ngũ cốc của xứ; nhưng sự chiếm hữu và thưởng thức cơ nghiệp của họ đã bị giới hạn bởi sự kiện họ còn phải chiến đấu chống nhiều kẻ thù đang cố thủ trong xứ. Nhưng cuối cùng cũng đến lúc mọi kẻ thù bị tiêu diệt và Đức Giêhôva cho họ yên nghỉ mọi bề; bấy giờ họ có thể chiếm hữu trọn vẹn cơ nghiệp của mình và hưởng lấy trọn vẹn (Giôsuê 21:43-45).

Cũng vậy, khi Chúa đến, chúng ta sẽ trọn vẹn bước vào chiếm hữu và thưởng thức cơ nghiệp của mình; nhưng dầu vậy hiện nay, cũng như sứ đồ Phaolô giải thích, Đức Chúa Trời đã “làm cho chúng ta đồng sống lại và đồng ngồi trong các nơi trên trời trong Đức Chúa Jesus Christ” (Êphêso 2:6), dầu hiện tại chúng ta vẫn phải “*đánh trận... cùng vua chúa của thế gian mờ tối này, cùng các thần dữ ở các miền trên trời*” (Êphêso 6:12).

Chúng ta còn nhớ, với những người Ysraên thời xưa này, chính lẽ tất yếu phải đối mặt với kẻ thù và chiến đấu với họ đã trở thành giọt nước cuối cùng làm tràn chiếc cốc: bị đối diện với viễn cảnh này, tấm lòng vô tín và chưa được tái sanh của họ đã vùng lên công khai chống nghịch Đức Chúa Trời và họ không chịu bước vào giai đoạn thứ nhất của cuộc chinh phục. Môise, Giôsuê và Calép đã chỉ ra cho họ trong vô vọng rằng họ sẽ không phải chiến trận bằng sức riêng. Đức Chúa Trời là thành tín: Ngài sẽ ban chiến thắng cho họ, Ngài sẽ ban xứ cho họ. Họ miễn cưỡng đối mặt với kẻ thù, và thắng thường từ chối không chịu bước vào. Và đương nhiên, khi không chịu bước vào giai đoạn thứ nhất của cuộc chinh phục, họ không bao giờ có thể bước vào giai đoạn thứ nhì, và rốt cuộc không bao giờ được bước vào sự yên nghỉ mà Đức Chúa Trời cuối cùng đã ban cho dân sự Ngài.

Và giờ đây, chúng ta nhớ đến người Hêbơrơ nhận bức thư này của trước giả. Vì lời họ tuyên xưng tin Chúa Jesus là Đấng Mêsia, họ đã được gọi đứng lên chiến đấu trong cuộc chiến lớn để đối mặt với sự chịu khổ (10:30). Nếu có thể đi Thiên đàng ngay lập tức (như cách của tên cướp hấp hối ở bên cạnh Chúa Jesus) và bước vào sự an nghỉ sau cùng mà không phải đối diện với xung đột và chịu khổ, họ ắt sung sướng biết mấy. Nhưng lúc đó đối mặt với thách thức phải chịu khổ và chiến đấu cho Chúa, một số người trong họ đang nao núng. Chúng ta mong họ nhanh chóng lấy lại can đảm và tiếp tục cuộc chiến đấu.

Còn chúng ta thì sao? Ở Thiên đàng sẽ rất vinh diệu; và được bước vào sự yên nghỉ và cơ nghiệp vĩ đại, đời đời ấy được dành cho mỗi một tín hữu như một món quà biểu không cách hoàn toàn và chân thật. Tác giả nói (4:3-5), sự yên nghỉ này là sự yên nghỉ của Chúa, và ông trích dẫn cụm từ của Đức Chúa Trời, “*sự yên nghỉ ta,*” từ Thi Thiên. Đức Chúa Trời đã thực hiện công việc sáng tạo của mình và rồi Ngài nghỉ thế nào, thì công tác mà sự yên nghỉ đời đời được xây dựng trên đó cũng chính là công tác của Chúa thể ấy. Chúng ta được mời tiếp nhận bởi đức tin và chia sẻ sự yên nghỉ của Chúa. Nhưng trong khi chưa bước vào đó cách chung kết, chúng ta phải đối mặt và chiến đấu với kẻ thù. Đây là dấu hiệu của tín hữu thật mà bởi ân điển của Chúa, được Thánh Linh Ngài ban sức mạnh, dưới quyền thống soái của Chúa Jesus, họ được chuẩn bị để làm như thế.

Đương nhiên, ắt phải có những lúc gặp áp lực của xung đột và bất bớ, những Cơ đốc nhân đầu tiên này cảm thấy bị cám dỗ hết sức nghiêm trọng để từ bỏ cuộc chiến và cố hưởng lấy an nghỉ bằng cách trở về với Do Thái giáo. Suy cho cùng, Đức Chúa Trời rốt cuộc đã ban cho tổ phụ của họ được an nghỉ dưới quyền của Giôsuê trong xứ đống nghĩa đen tại Canaan. Chừng đó chưa đủ sao? Cơ nghiệp ấy chưa đủ lớn sao? Có sao họ phải chuốc lấy rắc rối về chuyện an nghỉ đời đời và cơ nghiệp trên Thiên đàng mà các sứ đồ của Đấng Christ đã rao giảng? Sao

không thỏa mãn với cơ nghiệp của họ trong đời này và đừng lo lắng gì về đời sau?

Tác giả nói: “À, nhưng lúc bấy giờ sự yên nghỉ và cơ nghiệp do Chúa ban cho Ysraên dưới thời Giôsuê vẫn không hề là sự an nghỉ và cơ nghiệp cuối cùng Chúa đã định cho dân sự Ngài. Nếu đúng là sự an nghỉ và cơ nghiệp cuối cùng, ắt Chúa chẳng đợi đến nhiều thế kỷ sau đó mới phán (trong Thi Thiên 95) về một ngày Sabát yên nghỉ tuyệt diệu khác nữa mà dân sự Ngài – dẫu bấy giờ đã ở trong Canaan rồi – được mời bước vào.”

Sự an nghỉ mà Giôsuê ban cho họ bấy giờ có tốt lắm thì cũng chỉ là một mô hình đầu tiên tầm thường của sự yên nghỉ đời đời và tuyệt vời. Cảm tạ Chúa về đó! Khi Đức Chúa Trời nói đến “sự yên nghỉ của Ngài,” được dành sẵn cho dân sự, thì lời hứa của Ngài không hề cạn kiệt bởi việc ban xứ Palestine nhỏ xíu ở vùng Trung Đông. Lời hứa của Ngài còn trôi hơn thế nhiều. Lời hứa của Ngài vẫn chưa ứng nghiệm chung cuộc cho đến khi mỗi người tin được vào chính sự yên nghỉ của Chúa trong thế giới đời đời (4:6-10).

Như vậy, nếu là người tin Chúa, chúng ta sẽ chống cự lại những cám dỗ xui khiến mình bỏ cuộc chiến, để ở yên trong thế giới này dường như thể thành công và thành tựu trong đời này là đủ cả rồi. Sự trông cậy chứa trên các tầng trời dành cho chúng ta, và sự hy vọng về một ngày kia được trở nên hoàn toàn giống như Đấng Christ, suy nghĩ của chúng ta về cơ nghiệp trên trời, sẽ giữ chúng ta luôn tiến lên trên đường như những khách hành hương, cứ giữ mình trong cuộc chiến như những chiến binh, và làm mình thanh sạch như các thánh đồ, cũng như chính Ngài là thanh sạch vậy (IGiăng 3:2-3).

Gặp Sự Tra Xét Của Đức Chúa Trời

Từ đó, chúng ta tiến đến câu hỏi hết sức quan trọng: chúng ta đã đích thân tin vào tin lành chưa? Chúng ta có phải là tín hữu không?

Giờ này chúng ta phải trả lời câu hỏi đó, không phải trả lời cho nhau, nhưng trả lời trước mặt Đấng mà những chỗ sâu kín nhất trong tâm hồn của chúng ta cũng phải mở ra cho mắt Ngài nhìn thấy. Sự khai trình của chúng ta là khai trình với chính Ngài (4:12-13). Hành vi của chúng ta sẽ nói cho Ngài biết – cho dù hành vi có nói cho bất kỳ người nào khác hay không đi nữa – tận trong sâu thẳm tấm lòng của chúng ta, chúng ta có tin Ngài không. Mọi sự đều lộ ra trần trụi trước mắt Ngài; Ngài phân biệt giữa linh và hồn chúng ta, và là người phê bình mọi tư tưởng của tấm lòng chúng ta. Ngài đang hiểu mọi động cơ, tư tưởng của chúng ta ngay chính giờ này khi chúng ta tra xét lòng mình. Chúng ta có sự thực là tín hữu không? Hay chúng ta chỉ là những người bạn cùng du hành tạm thời giữa vòng dân sự chân chính của Chúa?

Nguồn Cung Ứng Của Chúng Ta Trong Đấng Christ

Điều này có gieo nghi ngờ hay sợ hãi vào trí bạn không? Không cần phải sợ, vì chúng ta có Thầy Tế Lễ Thượng Phẩm, hiện nay đang ở trên Thiên đàng, nhưng Ngài là Đấng đã từng sống trong thế giới của chúng ta. Ngài đã bị cám dỗ trong mọi điểm y như chúng ta vậy, biết sự yếu đuối của dân sự Ngài, và truyền cho chúng ta đến với Ngài. Chúng ta có cảm thấy không chắc chắn và không an toàn không? Vậy chúng ta hãy dạn dĩ đến với Ngài.

Bạn bảo: “Nhưng hôm nay tôi đã phạm tội; hãy xem mọi sự yếu đuối và mọi quyết tâm đã bị tan vỡ của tôi; tôi muốn làm Cơ đốc nhân, nhưng lâu nay tôi vẫn thất bại thảm hại. Làm sao tôi dám đến gần Ngài?”

Hãy dạn dĩ đến với Chúa bất chấp mọi điều đó. Bạn không cần phải đến cách khúm núm. Hãy đến và đứng công khai ngay bên ngai thương xót của Ngài. Ngài biết và nhìn thấy tất cả; nhưng hãy đến cách dạn dĩ, thì bạn sẽ tìm được sự thương xót cho mọi thất bại của mình. Chúng ta rất đáng bị Ngài phán xét,

nhưng hãy dạn dĩ đến với Ngài thì bạn sẽ tìm thấy sự thương xót của Ngài cho mọi sai lầm trong quá khứ, và tìm được ơn Ngài để đưa bạn vượt qua mọi khó khăn, và đưa bạn an toàn vào cơ nghiệp đời đời của mình. Chỉ việc cứ ở gần Ngài, thì không ai bị hư mất; chỉ việc tin cậy và an nghỉ nơi Ngài, học tập để đừng bao giờ tin cậy vào những nỗ lực riêng của bạn, thì bạn sẽ tìm được sự an nghỉ cho tâm hồn ngay giờ này, và bước vào sự an nghỉ trên trời tuyệt vời ấy.

Câu Hỏi

1. Trên phương diện nào, Chúa Jesus vừa là sứ đồ vừa là thầy tế lễ?
2. *Bạn* nghĩ vì sao lời cảnh cáo nghiêm trọng của 3:7-4:13 nằm giữa hai phân đoạn nói cho chúng ta biết Chúa Jesus là Thầy Tế Lễ Thượng Phẩm của chúng ta?
3. Đại ý của việc so sánh giữa Đấng Christ và Môise trong 3:2-6 là gì?
4. Theo ý bạn, lịch sử thuộc linh của những người Ysraên thời xưa không chịu vào Canaan là gì? Có phải họ đã là
 - (a) những người tin thật ngay từ đầu rồi về sau ngã lòng và sa vào cám dỗ, hay
 - (b) những người chưa hề thực sự tin vào Tin Lành?
5. Đọc 4:2, 6 một lần nữa. Sau đó cho biết
 - (a) tin lành do Môise giảng cho Ysraên là gì, và
 - (b) tin lành ngày nay là gì?
6. Đọc 4:3-9 một lần nữa. Tác giả chứng minh bằng cách nào cho độc giả Do Thái rằng ngay cả sau khi Đức Chúa Trời đã ban cho Ysraên được an nghỉ trong xứ Canaan, vẫn còn có sự an nghỉ lớn hơn để cho họ được hưởng?
7. Hêbơơ 3:7 – 4:11 hầu như là một bài giảng, trong đó tác giả trước hết trích dẫn bản văn Kinh Thánh của mình (3:7-11)

rồi sau đó giải nghĩa ra. Tác giả đưa ra bao nhiêu “ý” chính dựa trên cách dùng ngôn từ thật sự trong bản văn của ông? Những người giảng đạo thời hiện đại có nên noi theo ví dụ giảng giải kinh như thế này không?

8. Bạn đã tin Tin Lành chưa?
9. Bạn có biết chắc chắn mình sẽ vào sự an nghỉ đời đời của Đức Chúa Trời không?
10. Trên phương diện nào, tín hữu phải chiến đấu trong đời này để được hưởng lấy cơ nghiệp của họ?

Chú Thích Chương 5

¹ Bản dịch của tôi: “Những công sự của” mới là cách dịch tốt hơn cho từ ngữ ở đây so với “những người dự phần của.” Cũng xem cách dùng chữ này trong Luca 5:7, “đồng bạn mình” ở trong thuyền khác. Cách dịch trong bản AV/KJV, “chúng ta hiện được làm nên,” đương nhiên là thứ Anh ngữ cổ để thay cho “chúng ta đã và hiện làm nên.” Đây là thì hoàn thành, chứ không phải thì hiện tại như cách đọc giả Anh ngữ hiện nay nhìn thấy. Cũng xem bản NIV, “Chúng ta *đã và hiện vẫn đang đến* để dự phần trong Đấng Christ.”

² Rôma 11:30, 32; Êphêsô 2:2; 5:6; Côlôse 3:6; Hêbơơ 4:6, 11.

³ Giăng 3:36; Công vụ 14:2; 17:5 (bản văn không chắc chắn); 19:9; Rôma 2:8; 10:21; 11:30-31; 15:31; Hêbơơ 3:18; 11:31; IPhierơ 2:7-8; 3:1, 20; 4:17.

⁴ Luca 1:17; Công vụ 26:19; Rôma 1:30; ITimôthê 3:2; Tít 1:16; 3:3.

⁵ Bản văn Hylạp cũng giống vậy. Bản NIV diễn ý ở đoạn 2.

THẦY TẾ LỄ THƯỢNG PHẨM CỦA CHÚNG TA VÀ GIÁ PHẢI TRẢ CỦA SỰ VÂNG LỜI

Hêbơơ 5:1-6:3

Chúng ta hãy xác định vị trí của mình. Chúng ta vừa mới đi qua Hêbơơ 3 và 4, và thấy hai đoạn này có lời cảnh cáo hết sức nghiêm trọng. Khi cuối cùng chúng ta đọc đoạn 6, chúng ta sẽ thấy đoạn 6 còn một lời cảnh cáo khác nữa. Lời cảnh cáo này không dài như lời cảnh cáo trong đoạn 3 và 4; nhưng là lời cảnh cáo nổi tiếng nhất – và có lẽ là đáng sợ nhất – của toàn bộ những lời cảnh cáo trong thơ này. Nó nói đến những người đã phạm tội đến nỗi không thể đem họ trở lại với sự ăn năn nữa.

Giờ đây, rất nhiều tín hữu chân chính có lương tâm nhạy bén khi đọc lời cảnh cáo này và không hiểu chính xác lời cảnh cáo này đang nói gì, lại không mấy để ý văn mạch của nó, họ liền vội kết luận rằng họ đã – hoặc có lẽ đã – phạm phải tội không thể đảo ngược lại và không thể tha thứ này. Do đó, thay vì được đầy dẫy sự an ủi và khích lệ khi nghĩ đến thầy tế lễ thượng phẩm của họ cùng chức vụ đầy ơn của Ngài đối với họ – mà theo tác giả (xem 8:1) là ý chính của những đoạn giữa này trong thơ Hêbơơ – họ lại trở nên ám ảnh nỗi sợ hãi và lo lắng. Lòng nhiệt tâm và kết quả cho Chúa đã bị giảm sút, và trong một số trường hợp, sức khỏe thể chất và tâm lý của họ cũng bị tổn hại.

Nếu nhắm mắt làm ngơ lời cảnh cáo trong đoạn 6 hoặc giả vờ như nó không thực sự nói lên những điều đã nói thì cũng chẳng giúp chữa được kiểu rắc rối trên đây. Khi gặp lời cảnh

cáo này, chúng ta sẽ đối diện với nó thật thẳng thắn và trung thực hết sức mình. Nhưng nếu tôn trọng Lời Đức Chúa Trời và sự soi dẫn của Thánh Linh, chúng ta sẽ cẩn thận quan sát phân tỷ lệ mà chính Ngài dành cho các chi tiết trong sứ điệp của Ngài trong những đoạn giữa thư Hêbơrơ này. Nếu chúng ta bắt đầu từ 5:1 và tiến đến 8:1, và nếu chúng ta nhận thấy ấn tượng mà Thánh Linh dự định để lại cho chúng ta, ý tưởng chính sẽ tràn ngập chúng ta ấy là: “Tôi có một thầy tế lễ thượng phẩm! Cảm tạ Đức Chúa Trời vì tôi có thầy tế lễ thượng phẩm. Và có một thầy tế lễ thượng phẩm tuyệt vời như thế!” (7:26; 8:1).

Đa số chúng ta quá xem nhẹ chức thầy tế lễ thượng phẩm của Chúa chúng ta. Chúng ta nói về Ngài trong tư cách đấng dưỡng như thể Ngài giữ chức mà chẳng làm gì, dưỡng như thể đấng sao chúng ta cũng vẫn phải được cứu, dù Ngài không thi hành chức vụ thầy tế lễ thượng phẩm đi nữa. Nhưng không đúng như vậy. Chúng ta hết thấy đều sẽ bị hư mất nếu không có thầy tế lễ thượng phẩm liên tục cầu thay không ngừng cho chúng ta. Chúng ta bắt đầu lối đi thuộc linh của mình khi nhận thấy tế lễ hy sinh của Ngài đã cất bỏ hết mọi tội và mặc cảm phạm tội của chúng ta. Chúng ta nhìn lại điều đó với lòng vui mừng. Nhưng chức vụ cứu rỗi của Ngài còn trội hơn thế nữa. Như đoạn 3 và 4 vừa nhắc chúng ta, bắt đầu lên đường hành hương thuộc linh thì vẫn chưa đủ. Việc bắt đầu sẽ hoàn toàn vô ích nếu chúng ta không tiếp tục đi trọn hành trình thuộc linh của mình để cuối cùng bước vào cuối cùng bước vào cơ nghiệp trên trời của mình. Vậy, chúng ta sẽ tiếp tục bằng cách nào? Làm sao chúng ta biết chắc cuối cùng mình được vào?

Câu trả lời là: chúng ta có một Thầy Tế Lễ Thượng Phẩm! Bất chấp những thất bại của chúng ta trong quá khứ, nhờ Ngài chúng ta có sự thương xót tại ngôi Đức Chúa Trời: chúng ta không cần từ bỏ lời tuyên xưng đức tin của mình. Dầu có nhiều cám dỗ trước mặt, Ngài hiểu cám dỗ có nghĩa gì, và qua Ngài

sẽ có ân điển để giúp chúng ta trong thì giờ có cần. Ngài có thể cứu chúng ta cách toàn vẹn (7:25).

Hơn thế nữa, Thầy Tế Lễ Thượng Phẩm của chúng ta đã đích thân trải qua các tầng trời, như 4:14 đã nói. Ngài đã ngồi bên hữu Đấng tôn nghiêm trên trời, như 8:1 đã nói. Điều này có nghĩa, Ngài đã bước vào và đã tới đích trên Thiên đàng, là nơi chúng ta vẫn đang trên đường đi đến. Ngài đi trước chúng ta (bản NIV nói thế) không chỉ vì có Ngài khởi hành trước nên đến nơi trước. Ngài đã vào Thiên đàng vì có chúng ta với tư cách người đi trước chính thức của chúng ta, hay Đấng đến trước của chúng ta, công bố cho toàn bộ những ai quan tâm rằng chúng ta đang đến sau, và bởi chức vụ thầy tế lễ thượng phẩm cho chúng ta, Ngài bảo đảm chuyển tới nơi an toàn của chúng ta (6:20).

Vậy, nếu đây là ý chính của những đoạn trung tâm này, nhiệm vụ chính của chúng ta là phải biết chắc chắn mình hiểu được ý chính đó và toàn bộ những hàm ý sâu rộng của nó. Để giúp chúng ta hiểu, trước giả giờ đây nêu ra những điều đòi hỏi nơi các thầy tế lễ thượng phẩm thời xưa của Ysraên nếu họ muốn thi hành chức vụ hữu hiệu cho dân sự; rồi sau đó ông sẽ cho chúng ta thấy Đấng Christ đã đáp ứng – và đáp ứng dư dật biết dường nào – những đòi hỏi đó như thế nào.

Bốn Phận Và Những Phẩm Cách Của Mọi Thầy Tế Lễ Thượng Phẩm

Trước hết, bốn phận của thầy tế lễ thượng phẩm. Bất kỳ thầy tế lễ thượng phẩm bình thường nào từ trong con người, cho dù là ai đi nữa, đều “từ trong loài người chọn ra, thì vì loài người lập lên hầu việc Đức Chúa Trời, để dâng lễ vật và hi sinh vì tội lỗi” (5:1).

Nếu bốn phận của thầy tế lễ là thay mặt những người được ông đại diện để dâng các lễ vật và của lễ hy sinh, thì hiển nhiên những người được ông đại diện là tội nhân, những người

đã đi lạc bởi ngu dốt sai lầm (5:2). Sự ngu dốt của họ có thể rất khó chịu và tội lỗi của họ rất ghê tởm. Nhưng người đại diện cho họ trước mặt Đức Chúa Trời phải có khả năng xử lý dịu dàng với họ. Từ ngữ được dịch “xử lý dịu dàng” (bản Việt ngữ là “thương xót”) có nghĩa “kiểm soát và giữ đúng chừng mực những cảm xúc của mình” đối với họ. Ông không bao giờ được phép mất bình tĩnh với họ (như Môise đã có lần mất bình tĩnh với Ysraên, nên bởi đó chuộc lấy cho mình sự quả trách nghiêm khắc của Chúa, (xem Dân Số Ký 20:7-12)). Một mặt, thầy tế lễ không được phép buông thả, mặt khác, ông cũng không được nghiêm khắc nhẫn tâm. Dầu họ có đòi hỏi sự kiên nhẫn của ông nhiều đến đâu đi nữa, ông cũng phải luôn luôn đối đãi ân cần với họ, giàu lòng thương xót nhớ đến những yếu đuối của họ. Và đương nhiên qua việc này, ông có thể được giúp đỡ rất nhiều nhờ nhớ lại chính những yếu đuối của mình. Dân sự không phải là những người duy nhất phạm tội! Ông cũng phạm tội nữa, và phải dâng của lễ chuộc tội để khỏa lấp tội lỗi của chính mình cũng như tội của họ.

Và thứ nhì là sự bổ nhiệm ông. Cứ cho như ông có thể đáp ứng những đòi hỏi này, điều đó vẫn không tự động trao cho ông quyền để tuyên bố đòi chức vụ thầy tế lễ thượng phẩm. Ông cũng không thể tự lập mình lên. Để trở thành thầy tế lễ thượng phẩm, người ấy phải được Đức Chúa Trời kêu gọi vào chức vụ đó. Ngay cả Arôn cũng phải chờ đợi sự kêu gọi đó.

Quyền Giữ Chức Tế Lễ Của Đấng Christ

Vậy Chúa Jesus có quyền gì để đòi chức thầy tế lễ thượng phẩm? Cơ đốc nhân người Do Thái có thể tự hỏi mình câu này, còn những người bạn Do Thái chưa trở về tin Chúa Jesus đương nhiên sẽ hỏi câu ấy. Trong Ysraên, một người đủ tư cách cả về với mặt thể chất, tinh thần, đạo đức và tâm linh thì cũng vẫn chưa đủ để làm thầy tế lễ thượng phẩm. Theo luật Cựu Ước về chức tế lễ – và cả người Do Thái không tin Đấng Christ lẫn

người Do Thái tin Đấng Christ đều chấp nhận luật pháp do Đức Chúa Trời thiết lập – chức thầy tế lễ thượng phẩm cũng giống như nền quân chủ cha truyền con nối.¹ Để được làm thầy tế lễ thượng phẩm, trước hết bạn phải thuộc đúng chi phái thích hợp, là chi phái Lêvi; sau đó, bạn còn phải là thành viên của đúng dòng họ bên trong chi phái đó và về mặt thuộc thể phải ra từ đúng dòng dõi thầy tế lễ thượng phẩm ban đầu là Arôn. Đây chính là ý nghĩa của việc làm thầy tế lễ thượng phẩm “theo ban thứ” hay “trong dòng dõi” của Arôn. Bất cứ ai thuộc chi phái khác hoặc từ một họ hàng khác trong chi phái Lêvi mà cố để trở thành thầy tế lễ thượng phẩm thì đều lãnh án tử hình (Dân Số Ký 18:7). Vì vậy khi Cômê, Đathan và Abiram (Đathan và Abiram thậm chí còn không thuộc vào chi phái Lêvi nữa) đã nổi loạn nghịch cùng ban thứ đã lập và cố gắng cướp chức tế lễ thượng phẩm, Đức Chúa Trời đã dùng những biện pháp chưa từng có để bày tỏ sự không hài lòng của Ngài. Đất mở ra và nuốt chửng họ (Dân Số Ký 16:20-35). Vậy làm sao Chúa Jesus thuộc chi phái Giuđa lại dám tuyên bố là thầy tế lễ thượng phẩm được?

Sự Bổ Nhiệm Thiên Thượng Của Đấng Christ

Đương nhiên, câu trả lời ấy là Chúa Jesus đã không nhận bừa chức vụ này cho Ngài (5:5). Là Đấng Mêsia, Con của Đức Chúa Trời, Ngài được Đức Chúa Trời lập làm thầy tế lễ thượng phẩm. Cũng không phải vì các môn đồ Ngài tôn kính thái quá nên đã mơ tưởng hão huyền cho rằng Đức Chúa Trời bổ nhiệm Ngài làm thầy tế lễ thượng phẩm. Chính Cựu Ước công bố rằng Đấng Mêsia sẽ được lập làm chức vụ đó. Thực ra, Đấng nói với Ngài: *“Người là con ta; ta sanh người ngày nay”* – và lời công bố này được ghi lại, như chúng ta đã thấy, trong Thi Thiên 2 – cũng chính là Đấng đã nói trong một Thi Thiên khác, tức Thi Thiên 110: 4: *“Người làm thầy tế lễ đời đời theo ban Mênchixêđéc.”*²

Lời tuyên bố này nói rằng Đấng Mêsia sẽ là thầy tế lễ

thượng phẩm không theo ban thứ Arôn nhưng theo ban thứ Mênchixêđéc, và tỏ cho thấy Đấng Mêsia sẽ không xem thường luật pháp Cựu Ước để cố tôn cao mình cách bất hợp pháp lên làm thầy tế lễ thượng phẩm theo dòng Arôn. Ý này hết sức quan trọng trong thực tế cho những Cơ đốc nhân đầu tiên. Trong tiến trình lịch sử tương đối gần đây (thời hậu Maccabean), đất nước đã bị chia rẽ cay đắng khi do những nguyên nhân chính trị, người không thuộc dòng dõi theo luật pháp lại đoạt lấy chức vụ thầy tế lễ thượng phẩm. Trái lại, Chúa Jesus không hề cố gắng thi hành chức vụ của ngay cả một thầy tế lễ bình thường trong đền thờ tại Giêrusalem, chứ đừng nói gì đến chức thầy tế lễ thượng phẩm. Khi Ngài trở thành thầy tế lễ thượng phẩm, việc đó sẽ không liên hệ gì đến đền thờ Giêrusalem và ban thứ các thầy tế lễ thuộc dòng Arôn.

Đồng thời, lời công bố này còn mang một hàm ý sâu sắc khác nữa. Chức thầy tế lễ thượng phẩm của Arôn trên một phương diện giống như chế độ quân chủ cha truyền con nối. Theo định nghĩa, không thể có hai vua cai trị cùng lúc trên cùng một dân thể nào, thì theo Cựu Ước, không thể cùng lúc có hai thầy tế lễ thượng phẩm chủ trì trên dân tộc, một theo dòng Arôn, và thầy tế lễ kia thuộc về một ban khác. Lời công bố trong Thi Thiên rằng Đấng Mêsia một ngày kia sẽ được lập làm thầy tế lễ thượng phẩm theo một ban khác, tức ban Mênchixêđéc, mang một hàm ý đáng kinh ngạc: khi điều đó xảy ra, luật trước kia liên quan đến chức tế lễ của Arôn sẽ bị bãi bỏ, và chức thầy tế lễ thượng phẩm của Arôn sẽ bị lỗi thời. Nhưng đây là đề tài tác giả sẽ đề cập đầy đủ hơn về sau (xem trang 163*). Còn lúc này, chúng ta hãy xét một hàm ý khác nữa mang ý nghĩa thật đáng sửng sốt.

Cứ nhớ lại xem chúng ta đang nói đến điều gì. Chúng ta đang bàn đến một chức vụ được lập ra nhằm mục đích chăm sóc cho những người ngu dốt và đi lạc (đương nhiên không phải cho những người “không vâng lời” theo ý nghĩa chúng ta vừa nghĩ

đến trong chương trước) và nhằm đưa họ an toàn qua cuộc hành hương thuộc linh từ quê hương đến Thiên đàng của Đức Chúa Trời – bất chấp những yếu đuối và những lần đi lang thang của họ. Chức vụ chăm sóc những con người yếu đuối và ngu dốt như thế quan trọng đến mức nào? Chúng ta thật sửng sốt khi khám phá ra đây là một chức vụ tôn nghiêm vô lường. Trên thực tế, chức vụ ấy còn tôn nghiêm gấp bội như thế. Trước hết, bởi vinh quang siêu việt của Đấng ban thánh chức đó: Ngài là Đức Chúa Trời Toàn Năng. Và thứ nhì, bởi mối quan hệ độc nhất vô nhị với Đức Chúa Trời của người được nhận lấy thánh chức này. Lời công bố ban thánh chức đã kết hợp cả hai lại với nhau. Tác giả của chúng ta nhận định Đấng đã phán với Đấng Mêsia rằng: *“Người là con ta, ta đã sanh người ngày nay,”* cũng chính là Đấng đã phán: *“Người làm thầy tế lễ đời đời, theo ban Mênchixêđéc.”*

Cũng hãy suy gẫm đến về tôn nghiêm khôn tả của nghi lễ phong chức. Trong Chương 3 của chúng ta, chúng ta đã theo dõi lời mô tả sinh động của Thi Thiên 2 về đắc thắng khả hoàn của sự sống lại và thăng thiên của Chúa chúng ta: Chúa Jesus, với tư cách vị vua của Đức Chúa Trời được chính Đức Chúa Trời tôn cao trên núi thánh của Ngài là Siôn, đang tuyên bố trước toàn vũ trụ mạng lệnh thiên thượng: *“[Đức Giêhôva] phán cùng ta rằng: Người là con ta; ngày nay ta đã sanh Người.”* Giờ đây chúng ta lắng nghe tác giả của Thi Thiên 110 đứng ra giải nghĩa về chính dịp tiện đáng kinh sợ này. Trước hết chúng ta nghe Giêhôva Đức Chúa Trời toàn năng nói những lời mời này cho Chúa thăng thiên là Đấng Mêsia: *“Hãy ngồi bên hữu ta, cho đến chừng ta đặt kẻ thù nghịch người làm bệ chân cho người”* (Thi Thiên 110:1). Và rồi khi buổi lễ tiếp tục, chúng ta nghe Đấng Toàn Năng phán lời thề tuyệt vời về sự bổ nhiệm: *“Đức Giêhôva đã thề, không hề đổi ý, rằng: Người là thầy tế lễ đời đời, tùy theo ban Mênchixêđéc”* (Thi Thiên 110:4).

Chúng ta thắc mắc: *“Làm thầy tế lễ cho ai?”* Vì bản năng

cho chúng ta biết nếu sự bỏ nhiệm vào chức vụ được thực hiện với nghi lễ tôn cao đến như vậy, bản thân chức vụ phải mang ý nghĩa toàn vũ trụ, những mục tiêu của chức vụ đó là quan trọng vô hạn, và những người được hưởng lợi ích của chức vụ đó sẽ được phước khôn lường. Chúng ta lập lại: “Ngài làm thầy tế lễ cho ai?”

Và câu trả lời quay lại: “Cho những người đã tin cậy nơi Cứu Chúa.”

Chúng ta hỏi: “Để làm gì?”

“Để cứu họ khỏi sự ngu dốt và lầm lạc, để cứu họ cách trọn vẹn, và để cuối cùng trình họ không vết trước sự hiện diện của vinh hiển Ngài với sự vui mừng vô cùng (cũng xem Giuđê 24, AV/ KJV).”

Những Phẩm Cách Được Xác Chứng Cách Thiên Thượng Của Đấng Christ

Nhưng thầy tế lễ được bổ nhiệm cách thiên thượng thì vẫn chưa đủ; người ấy phải có kinh nghiệm và những phẩm cách cần thiết và buộc phải có. Và nổi bật chính yếu trong số những phẩm cách này chính là người ấy phải có kinh nghiệm và khả năng để đối xử dịu dàng với kẻ ngu dốt và sai lầm vì hiểu được những yếu đuối của họ. Thầy tế lễ thượng phẩm nếu không hiểu chúng ta đủ để biết vì sao chúng ta cần chức vụ của người – cho dầu có được bổ nhiệm cách thiên thượng đi nữa – thì ông có đem lại lợi ích gì?

Và ở đây, bạn có thể nghĩ tư cách làm con thiên thượng và tính vô tội của Chúa chúng ta sẽ khiến Ngài không phù hợp, chứ không phải phù hợp, để làm thầy tế lễ thượng phẩm của chúng ta. Một thầy tế lễ bình thường và hoàn toàn là con người, như đã nêu ra trước đây, sẽ thấy không quá khó khăn đến nỗi không đối xử dịu dàng với kẻ ngu dốt lầm lạc. Bản thân là tội nhân, người ấy có bốn phận không ngừng dâng của tế lễ chuộc tội vì tội lỗi của chính mình. Do đó, hầu như người ấy không thể nào

không hiểu những yếu đuối khiến dân sự phạm tội nhiều như thế và khiến chính mình phải dâng của tế lễ nhiều đến dường như thế cho họ. Nhưng Chúa chúng ta vô tội. Ngài không bao giờ phải dâng của tế lễ chuộc tội cho Ngài. Vậy làm sao, và bằng cách nào, Ngài có thể hiểu được yếu đuối của chúng ta? Câu trả lời được tìm thấy trong sự nhập thể của Ngài.

Trước hết, Ngài hiểu bởi chính kinh nghiệm bản thân về yếu đuối vốn cố hữu trong con người – không phải vì làm một con người có tội, nhưng bởi đã làm một con người trong mọi chuyện, thậm chí trong trạng thái tốt nhất của con người. Ngài đã đói và khát; Ngài cảm thấy mệt mỏi và buồn ngủ. Ngài đã cảm nhận nhu cầu cần bạn đồng hành và nỗi sâu thẳm của cô đơn và bị khước từ. Ngài đã cảm thấy đau đớn và buồn rầu. Những điều này không phải là tội lỗi, nhưng là một phần thiết yếu trong ý nghĩa của việc làm con người. Dầu Ngài là Con Đức Chúa Trời, và vẫn luôn luôn tiếp tục là Con Đức Chúa Trời, Ngài đã trở thành con người một cách thực sự và làm con người đích thực.

Và thứ nhì, dầu Ngài là Con Đức Chúa Trời, Ngài đã học bằng kinh nghiệm về giá phải trả cho sự vâng lời Đức Chúa Trời trong một thế giới sa ngã và tội lỗi như thế giới của chúng ta.

Chúng ta phải rất cẩn thận với cách dịch ở đây trong 5:8 “Dầu Ngài là con...” (hay một điều gì đó tương tự), như nhiều bản dịch đã nói. Nhưng câu Kinh Thánh này không hàm ý Ngài là một con giữa vòng nhiều con, hay Ngài đã là con Đức Chúa Trời theo ý nghĩa một tín hữu là con của Đức Chúa Trời, và rằng dầu Ngài là con như thế, Ngài đã học vâng lời. Sẽ vô nghĩa nếu nói với chúng ta rằng *dầu* chúng ta là con, chúng ta cũng phải học vâng lời. Chính xác thì *vì* chúng ta là con, và không phải là con ngoại tình, nên chúng ta được Cha sửa phạt (12:7-10). Và nếu câu này đang nói rằng Đấng Christ là con cũng giống như chúng ta, sẽ không có gì đáng lưu ý khi Ngài học vâng lời thông qua sự chịu khổ. Điều kỳ diệu ấy là: là con

độc nhất vô nhị của Đức Chúa Trời và có quyền truyền lệnh cho mọi loài thọ tạo và thế lực trong toàn cõi vũ trụ này, tuy vậy, dầu là Con, Ngài vẫn học vâng lời, và học vâng lời bằng cách chịu khổ.³

Hơn nữa, với tư cách Con đời đời của Đức Chúa Cha, Ngài không cần ai dạy để làm theo ý muốn của Đức Chúa Cha. Ngài không phải học để vâng lời. Ngài đã luôn luôn vâng lời cách hoàn hảo. Nhưng làm theo ý muốn của Đức Chúa Trời trên Thiên đàng thì hoàn toàn vui mừng và sung sướng; và nếu với tư cách Con tiên nhập thể, Ngài cứ ở trên Thiên đàng và không cần đến viếng thăm thế giới chúng ta, thì Ngài không bao giờ cần phải học tập, hay trả giá, để vâng lời Đức Chúa Trời trong thế giới bất kính này. Và nếu Ngài cứ ở trên Thiên đàng, có ai dám ngạc nhiên? Ai dám phàn nàn?

Nhưng như vậy làm sao Ngài có thể học biết vâng lời phải trả giá nào? Và nếu Ngài không học bằng cách đích thân kinh nghiệm, làm sao Ngài hiểu chúng ta phải trả giá thế nào để vâng lời Ngài?

Và vì vậy Ngài đã đến, sống trong thế giới của chúng ta và học tập. Dầu Ngài mạnh mẽ và vô tội, can đảm đối mặt sự chống đối cay đắng nhất và sự chịu khổ đau đớn nhất cho cả thể xác lẫn tinh thần, kinh nghiệm ấy vẫn đưa Ngài đến chỗ kêu lớn tiếng và khóc. Chúng ta hãy nhớ lại Ghết-sê-manê. Tôi biết khi chúng ta đứng trong những bóng tối tăm của nó, chúng ta đang đứng trong nơi mâu nhiệm, nơi giao nhau của con người với Đức Chúa Trời. Chúng ta phải cởi giày ra khỏi chân mình. Đất nơi đây là thánh. Chúng ta đáng phải thờ phượng chứ không phải đứng phân tích. Nhưng khi Chúa chúng ta cầu nguyện: *“Aba, lạy Cha, mọi việc Cha làm được cả; xin Cha cất chén này khỏi con; nhưng không theo điều con muốn, mà theo điều Cha muốn”* (Mác 14:36), Ngài đã nói rõ hết ý của Ngài, và Ngài nghĩ thế nào nói thế ấy. Không hề có sự thiếu thành

thật ở đây. Không phải Ngài đang giả vờ như không muốn uống chén trong khi Ngài lại muốn uống. Và đương nhiên đây không phải là một buổi biểu diễn mang tính phô trương trên sân khấu đã được tính toán để nâng cao hiệu ứng khi một lúc sau Ngài sẽ chịu nhượng bộ và nói “Ý Cha được nên.” Hết sức thành thật với sự sâu khổ cay đắng và nước mắt, Ngài đã kêu khóc với Đức Chúa Trời xin cho Ngài được miễn uống chén đó.

Nhưng ý muốn của Đức Chúa Cha là Ngài phải uống chén ấy. Vì vậy Ngài muốn làm theo ý của Đức Chúa Trời và đã uống chén, không chút dè dặt, không chút bất mãn, uống đến giọt cuối cùng – và đã khám phá bằng chính kinh nghiệm mình giá phải trả cho sự vâng lời. Kinh Thánh nói: *“Dầu Ngài là Con, cũng đã học tập vâng lời bởi những sự khốn khổ mình đã chịu.”*

Kinh Thánh không hổ thẹn để cho chúng ta biết khi Ngài đối diện với giá phải trả để vâng lời, lời cầu nguyện của Ngài đi kèm theo những tiếng kêu lớn và nước mắt. Nước mắt của Ngài không phải là tội lỗi, không phải là biểu hiện nản lòng – như đôi khi xảy ra với chúng ta – vì không làm được theo ý riêng của mình. Tấm lòng Ngài vâng phục Đức Chúa Trời và những lời cầu nguyện của Ngài đã được nghe thấy và được nhậm vì cố sự vâng phục đầy tôn kính của Ngài trước ý muốn của Đức Chúa Trời. Nhưng giá phải trả và nỗi đau đớn của việc uống chén, của việc “bị trở nên tội lỗi vì chúng ta” – làm sao Ngài có thể giả vờ như vui sướng thích? Hoặc giả vờ như không cảm thấy? Bị đóng đinh trên thập tự giá vì lời vu cáo rằng Ngài đã phạm tội dạy tà giáo và lộng ngôn, và rồi sau đó bị chính Đức Chúa Trời từ bỏ (Mác 14:33-34; 15:34) – làm sao Ngài không khóc được?

Nhưng lời cầu nguyện của Ngài đã được nhậm. Đêm chịu thương khó đã dẫn tiếp đến buổi sáng phục sinh và sự bình vực của Đức Chúa Trời cho đức tin của Ngài. Giờ đây Ngài đã đủ tư cách bởi sự vâng phục và chịu khổ của Ngài, Đấng Christ đã

trở thành nguồn cứu rỗi đời đời cho mọi kẻ nào vâng lời Ngài, và được Đức Chúa Trời chính thức lập làm thầy tế lễ thượng phẩm của chúng ta.

SỰ VÂNG LỜI CỦA NGÀI VÀ CỦA CHÚNG TA

“Cho kẻ vâng lời Ngài.” Chúng ta nên lưu ý từ ngữ: không phải chỉ là “*cho mọi kẻ tin Ngài,*” nhưng “*cho mọi người vâng lời Ngài.*” Chúng ta phải đề cao những ý kiến của mình về Cơ đốc giáo. Ngay từ đầu, chúng ta được kêu gọi để vâng phục Đấng Christ bằng sự vâng phục của đức tin (Rôma 16:26). Không phải chúng ta buộc phải vâng lời một bộ luật để được cứu. Chúng ta không kiếm được hay không nhờ công đức để xứng đáng được cứu rỗi bởi sự vâng lời của mình. Nhưng chúng ta được cứu với điều kiện tiếp nhận Ngài làm Chúa. Ngài là tác giả và cội nguồn của sự cứu rỗi đời đời. Không hề có sự không an toàn hay nghi ngờ. Sự cứu rỗi không thể bị cắt ngang nửa đường: đây là sự cứu rỗi đời đời. Nhưng Ngài đòi hỏi mọi người khao khát sự cứu rỗi đời đời phải phó thác hoàn toàn và không hề thối mắc gì cho Ngài với tư cách Chúa cũng như Cứu Chúa của họ. Đối với tất cả những ai làm như vậy, Ngài sẵn sàng nhận hoàn toàn trách nhiệm về sự cứu rỗi đời đời của họ. Ngài sẽ thực hiện tất cả mọi việc; Ngài sẽ cứu họ đời đời. Nhưng họ phải chuẩn bị để hoàn toàn phó thác tất cả cho Ngài.

Có người sẽ phản đối rằng chúng ta đang làm rối mọi chuyện, và đang làm nguy hại đến giáo lý về sự cứu rỗi bởi ân điển. Họ khuyên rằng tất cả những gì chúng ta phải làm để được cứu ấy là tin Chúa Jesus là Cứu Chúa của mình. Cứ làm việc đó thì chúng ta được an toàn đời đời. Rồi sau đó, chúng ta có thể tự mình quyết định xem liệu có muốn đi xa hơn để trở thành những môn đồ trung thành của Đấng Christ bằng cách tiếp nhận và vâng lời Ngài là Chúa của mình hay không.

Điều này không đúng, như chúng ta đã thấy trong đoạn trước. Tin Lành đã được giảng ra cho người Ysraên thời xưa

trong xứ Êđípôtô không phải là: “Nếu các ngươi muốn thoát khỏi Êđípôtô và bước vào đất hứa, tất cả những gì các ngươi phải làm ấy là ẩn náu mình đằng sau huyết của con chiên Lễ Vượt Qua. Sau đó, các ngươi có thể quyết định xem liệu có muốn phó mình hoàn toàn cho nguyên soái Môise của các ngươi, có muốn đi theo Môise và theo Đức Chúa Trời bằng qua đồng vắng hay không.” Không có sự cứu rỗi nào ban cho người Ysơraên mà không đòi hỏi họ phải phó thác mình vô điều kiện cho quyền lãnh đạo của Môise ngay từ đầu.

Với chúng ta cũng vậy. Chúng ta được đòi hỏi ngay từ đầu là trên nguyên tắc phải phó thác chính mình cho quyền tể trị hoàn toàn của Đấng Christ. Đương nhiên, điều này hoàn toàn bởi ân điển và qua đức tin nơi Đấng Christ, Đấng đã “bị treo trên” thập tự giá vì chúng ta, mà chúng ta được sanh lại. Nhưng không phải chúng ta được sanh lại trong nước Đức Chúa Trời nhờ hiểu rằng một khi đã ở trong nước Ngài rồi, chúng ta vẫn được tự do quyết định xem liệu mình có định vâng lời vị vua hay không.

Đương nhiên, đúng là sau khi đã phó mình về nguyên tắc vào quyền tể trị của Đấng Christ tại giờ phút được cứu, chúng ta thường chao đảo trong sự vâng phục thực tế của mình. Nhưng lúc đó Đức Thánh Linh sẽ làm cho chúng ta những việc Ngài đã làm cho những độc giả đầu tiên của bức thư Hêbơơ này. Ngài sẽ đưa chúng ta về với lời tuyên xưng ban đầu của chúng ta, và nếu lời tuyên xưng đó thành thật, chúng ta sẽ ăn năn và tìm kiếm ân điển cùng sức mạnh của Ngài để thực sự vâng lời đúng như chúng ta đã tuyên xưng từ lúc ban đầu.

Khúc Kinh Thánh đi tiếp mà không cho biết đôi lúc rất khó vâng lời như thế. Chúng ta đừng đánh giá quá thấp tình trạng khó khăn và giá phải trả cho sự vâng lời. Nhưng đó chính là nguyên nhân chúng ta có Thầy Tế Lễ Thượng Phẩm hoàn toàn đủ tư cách để chăm sóc cho chúng ta, vì Ngài học biết vâng lời

đòi hỏi điều gì bằng chính những điều Ngài đã chịu.

Tình Trạng Bất Hạnh

Nhưng giờ đây chúng ta – hoặc đúng hơn là trước giả của thơ Hêborơ – gặp phải khó khăn. Những độc giả của ông trước đó đã tuyên xưng là Cơ đốc nhân suốt một thời gian dài đáng kể, thực ra lâu đến nỗi có lẽ có lý để đòi hỏi họ đến lúc này đã có khả năng dạy lại người khác. Thật bất hạnh, họ vẫn còn là những con đò thuộc linh. Thay vì có khả năng dạy người khác, họ cần người khác dạy đi dạy lại hoài những lẽ thật sơ đẳng của Lời Đức Chúa Trời cho họ. Giống như trẻ sơ sinh, họ cần được nuôi bằng sữa chứ không phải thức ăn đặc. Và vì là trẻ sơ sinh, họ không hề kinh nghiệm Lời của sự công bình và không hề thực hành việc rèn luyện nhận thức thuộc linh của mình để phân biệt giữa điều lành và điều dữ về mặt thuộc linh.

Tuy nhiên, giờ đây họ đang ở trong tình trạng nghiêm trọng của thử nghiệm và thử thách, và hết sức cần biết càng nhiều càng tốt về thầy tế lễ thượng phẩm theo ban Mênchixêđéc. Nhưng trước giả sợ rằng quá nhiều đến nỗi họ không tiếp thu nổi. Nếu vậy, sẽ hết sức đáng buồn; vì đây chính là những điều họ cần biết để đưa họ vượt an toàn qua khủng hoảng.

Luôn luôn là như vậy. Nếu chúng ta vẫn là những trẻ sơ sinh và không cần biết gì đến sự tăng trưởng và học hỏi thuộc linh của mình, mọi sự có thể sẽ trôi chảy trong một lúc nào đó; nhưng khi giông tố nổi lên và khủng hoảng kéo đến, chúng ta mới thấy mình không biết gì hết về mọi điều cần biết và cần nắm chặt để giữ gìn và đưa chúng ta vượt qua cơn bão, nên do đó chúng ta không nắm giữ được gì. Những người Hêborơ này đang bị thử thách đến tận cùng giới hạn, đức tin họ bị thử thách nghiêm trọng, đức tin cơ bản mà nếu không có nó họ sẽ không hề là tín hữu chi cả. Giá như họ hiểu được đôi điều về chức vụ của vị Thầy Tế Lễ Thượng Phẩm của họ thì tốt biết bao!

Chúng ta nhớ Phierơ đã thấy mình lâm vào hoàn cảnh tương tự. Ất hẳn ông được khích lệ tinh thần, ngay cả khi đi ra và khóc lóc đắng cay trước thất bại thê thảm của mình, khi nghĩ đi nghĩ lại về lời hứa đầy ơn của Chúa: *“Hỡi Simôn, ta đã cầu nguyện cho người, hầu cho đức tin người không thiếu thốn”* (Luca 22:32). Và sau thất bại thê thảm như thế, Phierơ đã quay lại, với tất cả ý nghĩa của việc quay lại, để gặp mặt các môn đồ bạn mình một lần nữa, để gặp mặt Chúa một lần nữa, để đối mặt với công chúng trở lại. Phierơ đã quay lại, và ông được như vậy chính vì ông có một thầy tế lễ thượng phẩm, và ông đã biết được điều đó. Chúng ta hãy biết chắc chắn, khi mặt trời sáng tươi và cuộc đời trôi dễ dàng và chúng ta cảm thích ca hát suốt cả ngày, đó chính là lúc chúng ta phải cẩn thận để chứa đầy trí và lòng mình những sự giàu có từ lời thánh khiết của Chúa, để trong ngày đen tối, chúng ta có thể đứng vững và sau khi đã làm tất cả mọi việc, chúng ta vẫn có thể đứng vững.

Nhưng những người Hêbơơ này không những không biết nhiều về Thầy Tế Lễ Thượng Phẩm của mình lẫn chức vụ của thầy tế lễ ấy; tác giả còn sợ thậm chí ngay khi ông tiếp tục nói cho họ – như ông nói trong đoạn 7 và 8 – họ vẫn thấy khó mà tiếp nhận vào. Vì sao vậy? Như bản NIV đã nói, không phải vì họ chậm hiểu, học hỏi chậm. Đa số chúng ta, ngay cả khi cố hết sức mở căng tai mình ra và thích thú học hỏi, chúng ta đều thấy việc học và nắm vững ý nào đó là một việc khá chậm, dẫu vậy cuối cùng chúng ta vẫn hiểu được. Không, nguyên nhân những người này khó tiếp nhận những điều họ được dạy về Chúa Jesus trong tư cách Thầy Tế Lễ Thượng Phẩm vĩ đại chính là: họ đã trở nên uể oải khi nghe, tức là họ không mấy thích thú để nghe những điều họ được dạy bảo.

Không phải trước đây họ luôn luôn như thế; nhưng họ đã trở nên như thế. Khi lần đầu tiên nghe Tin Lành và tiếp nhận, có lẽ họ đã không nhận thấy đầy đủ những hàm ý của Tin Lành: Tin Lành sẽ khiến cho Do Thái giáo của họ cùng với vị thầy

tế lễ thượng phẩm trên trần gian này của Do Thái giáo, cùng trật tự các thầy tế lễ khác biệt với giới tín hữu của Do Thái giáo, những của tế lễ hy sinh được dâng lập đi lập lại để kiểm sự tha tội, hương liệu để xông và lễ phục của Do Thái giáo – Tin Lành sẽ khiến mọi thứ đó trở nên lỗi thời, và sẽ đòi hỏi họ cuối cùng phải từ bỏ hết những thứ đó. Và vì thế họ tiếp nhận Tin Lành cách sung sướng. Nhưng giờ đây những hàm ý của Tin Lành bắt đầu khiến họ chột hiểu không thể *đồng thời* vừa có Chúa Jesus với tư cách Thầy Tế Lễ Thượng Phẩm và là đầu của hội thánh, vừa có Arôn hay bất kỳ một con người nào khác trên trần gian này làm thầy tế lễ thượng phẩm và đầu của hội thánh, thì họ không còn thích thú để nghe nhiều về điều đó nữa. Theo bản năng, họ sợ nếu học hỏi quá nhiều về Chúa Jesus là Thầy Tế Lễ Thượng Phẩm theo ban Mênchixêđéc, họ sẽ đối mặt với những quyết định mà họ không muốn chút nào. Vì vậy, họ thích gọi nhạo sự dạy dỗ về tư cách thầy tế lễ thượng phẩm của Chúa như là “cao cấp,” “quá khó cho những người tầm thường như chúng ta,” và cứ ở thoải mái an nhàn đằng sau tấm khiên bảo vệ của sự ngu dốt.

Giáo sư F. F. Bruce mô tả tình huống này rất hay. “Sự ẻo oải, lười biếng của họ tự thể hiện ra trong khuynh hướng thích ở yên ổn tại chỗ họ đã đạt đến, vì tiến xa hơn sẽ có nghĩa là chặt đứt hết sức triệt để những mối ràng buộc cũ. Đối với những người như thế, lời giải luận về sự phục vụ của Đấng Christ trong tư cách Thầy Tế Lễ Thượng Phẩm, kèm theo hệ quả là trật tự cũ của chức tế lễ và của lễ hy sinh đã bị bãi bỏ một lần đủ cả, có thể là không thể chấp nhận được; người trí thức sẽ không mấy sẵn sàng chấp nhận một ý kiến mà tấm lòng cảm thấy thật khó chịu.”⁴

Kíp Tiến Tới Sự Trọn Lành

Như vậy trước giả sẽ làm gì? Có phải ông tự bảo: “Ồ phải rồi, với bối cảnh của họ, cũng dễ hiểu là họ không mấy thích

thú nghe về chức tế lễ thượng phẩm của Chúa. Vậy chúng ta hãy dẹp bỏ đề tài này để tập trung vào những điều nào mà cả những người Do Thái chưa tin Đấng Christ lẫn những Do Thái đã tin Đấng Christ đều có thể đồng ý”? Đương nhiên là không!

Dĩ nhiên, vẫn có những điều như thế, và ông tiếp tục liệt kê ra (6:1-4). Ông gọi chúng là “các điều sơ học về Tin Lành của Đấng Christ” (NIV), hay nói sát nguyên văn hơn, “giáo lý về những nguyên tắc đầu tiên của Đấng Christ này” (tức là Đấng Mêsia). Hãy xem kỹ những mục có trong danh sách: ăn năn từ bỏ những việc dẫn đến sự chết, đức tin nơi Đức Chúa Trời, sự dạy dỗ về các phép báp-têm (lưu ý số nhiều: mục này không nói về phép báp-têm của Đấng Christ – chỉ có một phép báp-têm của Đấng Christ – nhưng mục này nói về ý nghĩa của những sự tẩy rửa mang tính chất nghi lễ của người Do Thái), và việc đặt tay, sự sống lại của kẻ chết và sự đoán xét đời đời. Trong danh sách này, không có điều nào bị người Do Thái thời xưa (ngoại trừ người Sadusê) phủ nhận. Và những người Do Thái đã tin Đấng Christ cũng chấp nhận những điều này nữa. Họ, cũng như những người Do Thái không tin Đấng Christ, kêu gọi người ta ăn năn và tin nơi Đức Chúa Trời. Họ cũng rao giảng sự sống lại của kẻ chết và cảnh cáo về sự đoán xét đời đời. Những điều này chính là nền tảng cho sự giảng đạo Tin Lành của họ.

Nhưng đồng thời cũng lưu ý, cũng không có mục nào trong danh sách này là thuộc riêng của Cơ đốc nhân. Không hề nhắc đến Chúa Jesus là Đấng Christ, không nhắc đến thần tánh của Ngài, của lễ chuộc tội, hay chức tế lễ của Ngài, không nói gì đến sự sống lại của chính bản thân Ngài, sự tái lâm của Ngài. Do đó, không một Cơ đốc nhân thật nào sẽ thỏa mãn hoặc có thể thỏa mãn xem danh sách này như tuyên ngôn về con đường cứu rỗi. Các mục trong danh sách mang tính nền tảng: nhưng một nền tảng không ích lợi chi cả nếu không có gì xây lên trên đó. Để có căn nhà, hay bất kỳ điều gì bạn muốn, bạn phải vượt qua khỏi nền tảng đó; không phải là bỏ nó đi, nhưng xây lên

trên nền tảng đó. Chỉ thỏa mãn với nền tảng, cứ tiếp tục thiết lập nền tảng, nhưng không chịu tiến xa hơn và xây trên nền, thì có nền cũng chẳng nghĩa lý gì cả.

Do đó, trước giả không thể để độc giả mình yên vị với những điều nền tảng vốn chung cho cả Do Thái lẫn Cơ đốc giáo này. Nền tảng này tốt. Nhưng giờ đây Chúa Jesus đã đến, thì không có sự cứu rỗi nào mà không có hay tách rời khỏi thần thánh của Ngài, sự sống lại và thăng thiên của Ngài, chức vụ thầy tế lễ thượng phẩm hiện nay của Ngài, sự tái lâm của Ngài, sự đoán xét cuối cùng do chính Ngài thực hiện. Cứ khẳng khẳng yên vị với nền tảng này để không chịu tiếp tục chấp nhận trọn vẹn về Chúa Jesus Christ, của lễ hy sinh một lần đủ cả của Ngài và chức vụ thầy tế lễ của Ngài – điều đó sẽ dẫn đến thảm họa. Họ phải tiếp tục tiến lên; và nếu họ là tín đồ thật, họ sẽ tiến lên. Và nếu là tín đồ thật, chúng ta cũng sẽ tiếp tục tiến lên.

Câu Hỏi

1. Chức vụ Thầy Tế Lễ Thượng Phẩm của Đấng Christ đóng vai trò nào trong sự cứu rỗi của chúng ta? Vai trò đó quan trọng đến mức nào?
2. Bạn làm sao chứng minh cho một người Do Thái biết tính hiệu lực của chức tế lễ của Đấng Christ? Bạn sẽ trưng dẫn những phân đoạn Cựu Ước nào?
3. Trên phương diện nào, Con Đức Chúa Trời “học tập vâng lời ở những sự khốn khổ mình đã chịu”? Và vì sao Ngài phải học tập như vậy?
4. Khi nói Đấng Christ trở thành nguồn cứu rỗi đời đời cho mọi người nào *vâng lời* Ngài (5:9), điều đó có mâu thuẫn với giáo lý về sự cứu rỗi bởi ân điển không?
5. Vì sao đưa độc giả của thư Hêbơrơ vượt qua khỏi những điều vốn chung cho cả Cơ đốc giáo lẫn Do Thái giáo lại là vấn đề rất quan trọng đến như thế?

Chú Thích Chương 6

- ¹ Sau khi mất đi chế độ quân chủ, chức thầy tế lễ thượng phẩm ngày càng trở thành chức vụ mang nặng tính chính trị cũng như tính tôn giáo.
- ² Để thảo luận đầy đủ hơn về Mênchixêđéc, xem trang 160* trở đi.
- ³ Để biết lời giải nghĩa hữu ích nhất về cách dịch câu Kinh Thánh này, xem F. F. Bruce, *The Epistle to the Hebrews* (Marshall, Morgan and Scott, 1965), trang 102 – 103.
- ⁴ *Op. cit.*, trang 108-109.

TIẾN TỚI SỰ TRỌN LÀNH

Hêbơơ 6:4-20

Trong phần trước, chúng ta thấy vấn đề quan trọng hết sức sống còn chính là Cơ đốc nhân người Do Thái đừng thỏa mãn an nghỉ với những điều vốn có chung cho cả Do Thái giáo lẫn Cơ đốc nhân. Họ phải lia khỏi những điều sơ học ấy để tiến lên phía trước.

Nhưng giờ đây chúng ta hãy lưu ý xem họ phải tiến lên đến đâu. Bản AV/ KJV nói: “Chúng ta hãy tiến lên đến sự trọn lành.” Bản NIV nói: “Chúng ta hãy... tấn tới đến sự trưởng thành.” Cả hai bản dịch đều có thể tuyên bố mình dịch đúng; nhưng thắc mắc ấy là: trước giả muốn nói gì với từ ngữ “trọn lành” hoặc “trưởng thành”? Ông đang nói đến thể loại trưởng thành hay trọn lành nào?

“Trọn Lành” Là Gì?

Vấn mạch rộng hơn sẽ cho chúng ta biết. Những từ ngữ “sự trọn lành” và “trọn lành” (tính từ và động từ) giờ đây bắt đầu xuất hiện khá thường xuyên trong dòng lập luận này. Sau đây là một số lần xuất hiện.¹

Hêbơơ 7:11: “Nếu có thể được *sự trọn vẹn* [sự trọn lành] bởi chức tế lễ của người Lêvi (vì luật pháp ban cho dân đang khi còn dưới quyền chức tế lễ), thì cơ sao còn cần phải dấy lên một thầy tế lễ khác, lập theo ban Mênchixêđéc, không theo ban Arôn?” Hoặc một lần nữa, Hêbơơ 7:18-19: “Như vậy, điều răn trước kia [quy định trước kia – tức là quy định về triều đại các thầy tế lễ của Arôn] vì không quyền không ích nên đã bị bỏ rồi; (bởi chúng luật pháp *không làm trọn chi hết* [không khiến cho điều chi trọn lành cả]), lại có một sự trông cậy hay

hơn đem vào thay cho luật pháp, và bởi sự trông cậy đó chúng ta đến gần Đức Chúa Trời.”

Đề tài quá rõ: đó là chức thầy tế lễ. Và sự tương phản cũng đủ rõ nữa. Không phải tác giả đang đối chiếu giữa hai chức tế lễ khác nhau trong Cơ đốc giáo, một chức kém trưởng thành, còn chức kia trưởng thành hơn. Ông đang đối chiếu chức tế lễ của Đấng Christ với chức tế lễ của Arôn. Chức tế lễ của Arôn không phải xấu: nhưng yếu và vô ích theo ý nghĩa không thể khiến cho điều gì trọn lành được. Nhưng chức tế lễ của Đấng Christ thì có thể. Do đó, độc giả phải bỏ chức tế lễ của Arôn lại đằng sau để tiếp nhận chức tế lễ của Đấng Christ.

Hãy xem Hêbơơ 8:2. Ở đây, chúng ta được nói cho biết rằng Chúa chúng ta, giờ đây đã thăng thiên, “làm chức việc nơi thánh và đền tạm thật, bởi Chúa dựng lên, không phải bởi một người nào.” Và 9:11 nói thêm “Ngài đã vượt qua đền tạm lớn hơn và trọn vẹn hơn.”

Một lần nữa đề tài cũng đủ rõ. Đây không phải là thắc mắc về hai đền tạm Cơ đốc, một đền tạm này thì trưởng thành và trọn vẹn hơn cái kia. Sự tương phản là giữa đền tạm của Do Thái giáo trên trần gian này với đền thánh trên trời mà Chúa chúng ta hiện nay đang thi hành chức vụ trong đó. Khi gọi đền thánh trên trời này là “đền tạm *thật*,” không phải tác giả đang ám chỉ đền tạm trên trần gian của Do Thái giáo là giả. Nhưng tốt hết cỡ đi nữa thì đền tạm này cũng chỉ là “hình và bóng của những sự trên trời mà thôi” (8:5). Đền thánh trên trời mà hiện Đấng Christ vào đó vì dân Ngài (xem 10:19-22) là “trọn vẹn hơn,” vì đây mới là vật thật. Vì vậy khi khuyên độc giả “tán tới sự trọn lành,” ông đang khuyên họ bỏ đền thánh trên trần gian của Do Thái giáo lại đằng sau cùng với ngọn đèn, hương, lễ phục, bàn thờ và chậu cùng nước thánh của nó, và bởi sự thờ phượng Chúa của mình mà tâm linh bước vào đền thánh trên trời trọn vẹn hơn, thuộc linh hơn mà Đấng Christ giờ đây đã cho phép chúng ta bước vào.

Hãy lấy thêm một ví dụ nữa. Ở 10:1, trước giả của chúng ta cho biết các của tế lễ của Do Thái giáo, được lập đi lập lại dầu các của tế lễ này là bất tận mỗi năm, nhưng vẫn không thể làm cho những người đến gần để thờ phượng kia được trọn lành. Nhưng điều các của lễ không hề làm được, thì của lễ hy sinh của Đấng Christ lại làm được. Đoạn 10:14 nói: “Vì nhờ dâng chỉ một của tế lễ, *Ngài làm cho những kẻ nên thánh* được trọn vẹn đời đời.”

Một lần nữa, đây không phải là vấn đề về hai giai đoạn bên trong từng trải Cơ đốc, một giai đoạn kém trưởng thành hơn giai đoạn kia. Đây là vấn đề về rất nhiều của tế lễ của Do Thái giáo và một của tế lễ duy nhất của Đấng Christ. Các tế lễ của Do Thái giáo phải được dâng lên không ngừng và liên tục vì chúng không thể khiến “kẻ thờ phượng được vẹn lành về lương tâm” (9:9, bản Việt ngữ dịch đúng nguyên văn). Của tế lễ của Đấng Christ không hề cần lập lại vì nó có thể và thực sự làm nên thánh – trên thực tế là đã, hiện và sẽ làm trọn vẹn – mọi người nào tin cậy nơi Ngài.

Kíp tiến tới sự trọn lành? Sao! Đương nhiên! Ai lại không muốn! Trong khi có thể được hưởng được phúc lợi từ của tế lễ và chức tế lễ trọn lành của Đấng Christ, ai muốn ở lại với chức tế lễ bất toàn của Do Thái giáo và những của tế lễ chưa thỏa đáng mà không bao giờ có thể đem lại một lương tâm được hòa thuận vĩnh viễn với Đức Chúa Trời?

Thế nhưng những độc giả của thư tín này đang nao núng. Hồi trước họ tuyên bố mình tin Chúa Jesus là Đấng Mêsia, Đấng đã sống lại và đã về Thiên đàng. Nhưng sau ít lâu, giờ đây họ bắt đầu cảm nhận những hàm ý của việc thực sự tin Chúa Jesus là Đấng Mêsia. Chúa Jesus cũng là Thầy Tế Lễ Thượng Phẩm. Không thể cùng lúc có hai thầy tế lễ thượng phẩm. Nếu muốn chấp nhận Chúa Jesus là Thầy Tế Lễ Thượng Phẩm, thì phải buông thầy tế lễ thượng phẩm của Do Thái giáo (cùng toàn bộ những gì còn lại của chức tế lễ đó). Sự chết của Chúa Jesus là

của tế lễ trọn vẹn để chuộc tội. Bạn không thể căn cứ việc mình được Đức Chúa Trời chấp nhận *cả trên* của lễ trọn vẹn của Ngài *lẫn* trên những của tế lễ không thỏa đáng của Do Thái giáo. Nếu chấp nhận của tế lễ của Đấng Christ, bạn không cần một thứ nào khác cả; và việc tiếp tục dâng thêm những của tế lễ nữa sẽ là xúc phạm cả Đấng Christ lẫn Đức Chúa Trời.

Những Phương Án Thay Thế

Như vậy, họ phải chọn lựa hoặc cứ ở lại với Do Thái giáo hoặc tiếp tục tiến đến sự trọn lành của sinh tế và sự cứu rỗi của Đấng Christ. Họ sẽ làm gì? Sự nao núng của họ nói lên điều gì?

Đây là một câu hỏi hết sức nghiêm trọng. Nhận ra mình là tội nhân; ăn năn; tin Chúa Jesus là Đấng Mêsia của Đức Chúa Trời; và bấy giờ – mặc dầu đã có sự nao núng chao đảo nào đó – cứ tiếp tục từ đó tiến lên để khám phá bằng sự hiểu biết luôn sâu nhiệm và ngày càng thích thú để biết Chúa Jesus là Thầy Tế Lễ Thượng Phẩm thật, Đấng vượt trội hơn mọi thầy tế lễ thượng phẩm khác, để biết của tế lễ của Ngài làm cho lương tâm được trọn lành và khiến mọi của lễ khác trở nên lỗi thời – điều đó thực sự kỳ diệu biết bao. Đó là sự cứu rỗi.

Mặt khác, nhận ra mình là tội nhân; ăn năn; tuyên xưng mình tin Chúa Jesus là Đấng Mêsia của Đức Chúa Trời; nhưng rồi chối bỏ chức tế lễ cùng của tế lễ của Ngài và bám vào chức tế lễ cùng các của tế lễ của Do Thái giáo – điều đó tức là khiến cho toàn bộ con đường cứu rỗi trở nên vô nghĩa. Điều đó sẽ còn tệ dân Ysơraên thời xưa hơn – vô cùng tệ hơn – là những người đã ra khỏi Êđípô nhưng rồi không chịu bước vào Đất Hứa.

Sự chọn lựa nào trong hai phương án trên sẽ mô tả chính xác những độc giả của bức thư chúng ta đang đọc? Rốt cuộc tác giả đã nói (6:9) rằng từ tận đáy lòng, ông thực sự nghĩ họ thuộc phương án đầu tiên; ông nghĩ đời sống quá khứ của họ có bằng chứng họ đã được cứu thật sự. Do đó, rốt cuộc họ sẽ đáp ứng

với lời khuyên giục của ông. Họ sẽ vượt qua sự chao đảo của mình. Họ sẽ tiến lên đến sự trọn lành, vì vậy chiến thuật của ông là thế này. Mặc dầu họ có vẻ miễn cưỡng nghe về chức tể lễ thượng phẩm của Chúa chúng ta cùng những hàm ý của chức ấy, ông vẫn cương quyết tiếp tục nói cho họ biết về điều đó.

Nhưng giả sử rốt cuộc họ thực sự thuộc phương án thứ nhì – và ông thừa nhận trong 6:9 rằng ông đã nói dường như thể ông nghĩ họ đã thuộc về, dẫu tận lòng ông lại nghĩ khác – vậy thì chuyện gì xảy ra? Có phải thay vì làm mích lòng họ, ông sẽ tự thỏa mãn với những lẽ thật tổng quát về đạo đức và thuộc linh mà cả Cơ đốc nhân lẫn người Do Thái đều có thể chấp nhận được? Không! Đương nhiên không. Ông quan tâm đến sự cứu rỗi của dân sự; và nếu họ chối bỏ chức tể lễ cùng của tể lễ của Đấng Christ, sẽ không có sự cứu rỗi nào cho họ cả. Ông không thể và sẽ không hạ thấp giọng bênh vực Tin Lành để chỉ tập trung vào những chân lý tổng quát về đạo đức và thuộc linh mà mọi người, kể cả Cơ đốc nhân lẫn người chưa tin Đấng Christ, đều có thể chấp nhận.

Ồ như vậy, có phải ông sẽ cố gắng đưa họ về ăn năn trở lại không? Chắc chắn họ có vẻ như cần điều đó. Tuyên xưng mình tin Chúa Jesus là Đấng Mêsia, tuyên xưng ăn năn về việc dân tộc này đã xử tử Ngài, thế nhưng sau đó lại chối bỏ thân tánh của Ngài, chối bỏ của tể lễ một lần đủ cả của Ngài và chức vụ Thầy Tế Lễ Thượng Phẩm của Ngài – điều đó quả là một sự mâu thuẫn ngay trong từ ngữ. Điều đó sẽ cho thấy dẫu có tuyên xưng điều gì trong quá khứ đi nữa, giờ đây họ vẫn không tin Chúa Jesus là Đấng Mêsia. Ất hẳn họ đã đổi ý về lời tuyên xưng ăn năn và đức tin của họ rồi.

Vì vậy phải cố gắng để đưa họ trở lại sự ăn năn một lần nữa? Trước giả nói: “Không, không ích lợi gì để cố gắng làm chuyện không thể làm nổi. Những người như thế thì không thể nào đưa họ trở lại ăn năn.”

Tình Trạng Không Thể Đưa Trở Lại Sự Ăn Năn

Đây là những lời cực kỳ nghiêm trọng; nhưng dầu muốn làm gì đi nữa, chúng ta vẫn không được phép rút bớt hay giảm bớt ý nghĩa của chúng. Khi trước giả nói không thể đem một số người nào đó trở lại sự ăn năn, ông muốn nói đến “việc không thể làm được,” dứt khoát là như vậy chứ không giảm bớt đi chút nào. Như vậy, họ là hạng người nào? Và chính xác là họ đã làm gì?

Người ta thường nói họ là những tín đồ thật nhưng rồi tấm lòng nguội lạnh, đánh mất tình yêu ban đầu của họ (Khải Huyền 2:4), đã có một quyết định này hoặc quyết định kia sai trật và đi lạc xa Chúa. Bất hạnh thay, những điều như thế thực sự có xảy ra cho những tín hữu thật. Nhưng như vậy làm sao nói không thể đem họ trở lại sự ăn năn được? Có phải sự thực là: nếu phạm sai lầm, hoặc tại một lúc nào đó trong đời sống Cơ đốc bạn trở nên nguội lạnh và bất chước thế gian, thì không bao giờ có thể đem bạn trở về ăn năn vấn đề đó được nữa sao? Đương nhiên là không. Nếu thật như thế, chức vụ của Đấng Christ trong tư cách Thầy Tế Lễ Thượng Phẩm lớn của chúng ta sẽ trở thành trò hề. Trong những bức thư nổi tiếng của Ngài gửi cho bảy hội thánh (Khải Huyền 1-3), trong đó Ngài đã quở trách dân sự Ngài đã bỏ mất tình yêu ban đầu của họ, đã sa vào sự gian dâm, đã bất trung nghiêm trọng và đi theo giáo lý giả dối, dầu vậy Đấng Christ vẫn liên tục kêu gọi dân sự Ngài trở lại ăn năn (Khải Huyền 2:5, 16, 21; 3:3); và đương nhiên Ngài sẽ không kêu gọi như vậy nếu dù thế nào đi nữa họ cũng không ăn năn được những điều như thế. Ai là người chưa từng có những lúc ngày càng đi theo thế gian và nguội lạnh đi? Ai có thể tuyên bố mình xưa nay luôn luôn cư xử nhất quán với đức tin của mình? Tôi xin phép làm người đầu tiên thú nhận mình chưa từng được như thế; và chính nhờ chức vụ Thầy Tế Lễ Thượng Phẩm của Chúa mà biết bao lần tôi được đem trở về sự ăn năn. Và tôi nghi đây cũng là điều xảy ra cho rất nhiều Cơ đốc nhân.

Vậy chúng ta hãy lưu ý chính xác xem trước giả nói không thể thực hiện được điều nào ở đây. Ông nói Đức Chúa Trời không thể tha cho họ được. Đức Chúa Trời sẽ tha thứ mọi người nào thành thật ăn năn và tin. Nhưng những người này sẽ không ăn năn; và không thể được tha thứ nếu không ăn năn.

Giờ đây, bất kỳ điều gì khác liên quan đến sự ăn năn, thì yếu tố cơ bản của nó cũng chính là ý nghĩa của từ ngữ Hylạp dành cho “ăn năn”: sự đổi ý. Vì vậy, điều trước giả đang nói ở đây chính là: bạn sẽ không bao giờ làm cho những người này đổi lại ý của họ nữa. Tại sao không? Và đổi ý về điều gì?

Ồ, trước hết, họ đã được soi sáng một lần rồi (6:4).

Bạn bảo: “Thấy chưa, như vậy họ đã được cứu rồi. Nếu như đã được soi sáng rồi thì họ chắc chắn đã được cứu.”

Nhưng khoan đã. Có phải được soi sáng cũng chính là được cứu không? Chắc chắn là không. Giảng 1:9 nói rằng sự sáng thật sớm muộn gì rốt cuộc cũng đã soi sáng (đây cũng chính là từ ngữ Hylạp trong phân đoạn của chúng ta ở thư Hêbơơ đây) cho mọi người. Như vậy, phải chăng điều đó có nghĩa mọi người đều được cứu? Buồn thay, không phải như vậy. Được soi sáng đương nhiên là phần cần thiết trong tiến trình được cứu; nhưng được soi sáng không phải là một với được cứu. Hoàn toàn có khả năng là được soi sáng, nhưng rồi nhắm kín mắt trước sự sáng, và nhắm mắt như vậy cách cố tình và cương quyết. Không có sự cứu rồi nào dành cho những người làm điều đó.

Thực sự, làm như vậy là một việc làm cực kỳ nghiêm trọng, và đến lượt nó khiến cho việc “được soi sáng” trở nên vấn đề nghiêm trọng đến như thế. Nếu được soi sáng sẽ dẫn tiếp đến sự ăn năn và đức tin, thì đó chính là sự cứu rồi và sự vinh hiển. Nếu được soi sáng dẫn tiếp đến sự kiên trì chối bỏ Đấng Christ, đều đó nguy hiểm đến chết người, và chết đời đời.

Lấy ví dụ, hãy xem Saulơ thành Tạtơ, một người bắt bớ kinh khiếp những Cơ đốc nhân đầu tiên. Về sau này khi nói

đến những ngày chưa trở về với Đấng Christ, ông bảo: “Ta đã đội ơn thương xót, vì ta đã làm những sự đó đương lúc ta ngu muội chưa tin” (ITimôthê 1:13). Thoạt nhìn, thật khó hiểu nổi làm sao ông tuyên bố được mình đã hành động trong sự ngu muội. Suy cho cùng, ông là một người học vấn rất cao, và có lẽ bạn nghĩ, ông đang hành động với sự cố tình và quyết tâm cực độ. Đương nhiên, ở một bình diện, ông đang hành động đúng như thế. Ông nói: *“Thật, chính mình tôi đã tin rằng nên dùng đủ mọi cách thế mà chống lại danh Jêsus ở Naxarét”* (Công vụ 26:9). Nhưng ở một bình diện khác, ông đang hành động trong sự hoàn toàn ngu muội: ông vẫn chưa được soi sáng. Ông giải thích đó là lý do khiến ông được đội ơn thương xót, vì ông hành động trong lúc ngu muội và chưa tin.

Nhưng rồi ông đã được soi sáng bởi Đấng Christ phục sinh, được soi sáng cách hết sức ấn tượng. Thật phước thay, ông đã không bất tuân khải tượng từ Thiên đàng này, như ông đã nói (Công vụ 26:19). Nhưng nếu không vâng lời, ông không còn tuyên bố mình hành động trong lúc ngu muội nữa.

Bạn bảo: “Được rồi, nhưng những người được hình dung ở đây trong Hêbơơ 6 không những được soi sáng mà thôi. Hêbơơ 6 còn nói họ đã ném sự ban cho từ trên trời, dự phần về Đức Thánh Linh, ném đạo lành của Đức Chúa Trời và quyền phép đời sau (6:4-6). Điều đó chắc chắn hàm ý họ đã vượt ra khỏi việc được soi sáng, và đã thực sự được sanh lại.”

Ồ, không bắt buộc phải y như vậy. Chúng ta hãy để ý thuật ngữ trước giả sử dụng ở đây, và cố hiểu ý nghĩa bằng cách đặt nó trong văn mạch lịch sử của nó.

Ông đang nói đến việc ném quyền phép của đời hầu đến.Ồ, đây là lối nói mà những người ngoại bang như chúng ta hiếm khi sử dụng. Tôi hình dung, bạn nghĩ tôi hơi kỳ quặc nếu như tôi hỏi bạn: “Anh đã ném quyền phép của đời hầu đến chưa?” Nhưng lối nói như thế này sẽ được người Do Thái thời Tân Ước

hiểu ngay lập tức. Họ đã suy nghĩ về hai thời đại, là đời này và đời hầu đến của Đấng Mêsia. Đời này đầy dẫy những điều ác; đời hầu đến của Đấng Mêsia sẽ là một thời đại phước hạnh và sung sướng một ngàn năm.

Bây giờ, khi Chúa Jesus đến tuyên bố Ngài là Đấng Mêsia, dân tộc Do Thái – dưới sự lãnh đạo của người cai trị họ – đã đóng đinh Chúa Jesus. Đáng ra chúng ta phải nghĩ rằng, họ hoàn toàn ý thức được việc đóng đinh Chúa Jesus. Bất chấp mọi phép lạ độc nhất vô nhị của Ngài, họ vẫn cương quyết cố tình xử tử Ngài. Thế nhưng Phierơ, khi nói chuyện với họ sau khi Chúa sống lại, Phierơ đã nói: *“Hỡi anh em, bây giờ ta biết anh em và các quan của anh em, vì lòng ngu dốt nên đã làm điều đó”* (Công vụ 3:17). Trong sự ngu dốt sao? Đúng vậy. Họ vẫn chưa được Đức Thánh Linh soi sáng cho bản thân họ. Họ đã ở trong tối tăm khi làm việc đại dốt đó. Vì vậy còn có sự thương xót dành cho họ, thậm chí cho cả việc đã đóng đinh Đấng Christ, nếu như họ đã đóng đinh Ngài; và Phierơ kêu gọi họ ăn năn, và bảo đảm với họ rằng khi ăn năn, họ sẽ nhận được sự ban cho Đức Thánh Linh (Công vụ 2:38).

Hơn nữa, để xác chứng Tin Lành và chứng minh Chúa Jesus đã thực sự đã từ kẻ chết sống lại, các sứ đồ đã được ban quyền năng để thi hành các phép lạ nổi bật: một người què từ khi mới sanh ra đã được chữa lành (Công vụ 3), cũng như người bệnh và người bị quỷ ám được chữa lành, đến độ người ta đặt những người bà con đau ốm của mình trên giường dọc theo lối đi để khi Phierơ đi ngang qua, bóng của ông có thể đổ trên họ và họ được chữa lành (Công vụ 5:15-16). Về sau trong Công vụ, chúng ta được biết Đức Chúa Trời đã làm nhiều phép lạ phi thường qua Phaolô: *“đến nỗi người ta lấy khăn và áo đã bận vào mình người mà để trên các kẻ đau yếu; thì họ được lành bệnh, và được cứu khỏi quỷ dữ”* (19:11-12).

Đây là bằng chứng trọng đại biết chừng nào và không thể

bác bẻ vào đầu được, để chứng minh Chúa Jesus thật sự là Đấng Mêsia. Những dấu kỳ phép lạ quyền năng này, như Phierơ đã nêu ra, không gì khác hơn là những sự nếm trước về thời kỳ Đức Chúa Trời sẽ khôi phục mọi sự như Ngài đã hứa từ lâu qua các tiên tri thánh của Ngài, nói tóm lại, là nếm trước đời hầu đến của Đấng Mêsia. Thời đại đó sẽ lộ dạng với sự tái lâm của Đấng Christ. Trong khi đó, Ysoraên phải ăn năn và quay về với Đức Chúa Trời (Công vụ 3:17-26).

Như vậy, nhiều đoàn dân đông được chữa lành thuộc thể này đương nhiên đã có bằng chứng rằng những lời hứa của các đấng tiên tri đã thành sự thật, Lời Đức Chúa Trời là tốt lành. Sự chữa lành họ chính là bởi quyền năng của Đức Thánh Linh. Họ đã nếm quyền phép của đời sau. Họ đã có dư dật bằng chứng rằng Chúa Jesus là Đấng Mêsia. Phải chăng điều đó có nghĩa họ thấy đều được cứu? Phải chăng ngay giây phút bóng Phierơ đổ trên họ và Thánh Linh chữa lành họ, họ cũng đồng thời được sanh lại? Phải chăng áo của Phaolô – khi họ sờ đến – không những đem đến sự chữa lành thuộc thể mà còn cả sự tái sanh tâm linh nữa? Hầu như không! Họ đã được ban sự dự phần Đức Thánh Linh và đã nhận lấy ích lợi thuộc thể lớn lao từ đó; nhưng nhận được ích lợi thuộc thể qua quyền năng của Thánh Linh không phải cùng là một với việc tâm linh được sanh lại.

Tuy nhiên, một số người ấy đã nhận ích lợi *thuộc linh* không thể phủ nhận được từ Đức Thánh Linh. Ngài đã soi sáng họ. Giống như Saulơ thành Tạtsơ, dẫu nhìn thấy rất nhiều phép lạ được thực hiện, họ vẫn tiếp tục chối bỏ Đấng Christ. Nhưng họ đã hành động trong ngu dốt – mãi cho đến giây phút Đức Thánh Linh vận hành trực tiếp và cá nhân để soi sáng họ. Giờ đây, mắt họ mở ra và bởi sự soi sáng của Thánh Linh, họ biết Chúa Jesus là Đấng Mêsia. Họ đã dự phần Đức Thánh Linh, họ đã nếm sự ban cho từ trên trời theo một phương cách thực tế và kỳ diệu.

Phải chăng điều đó có nghĩa sau khi được soi sáng, họ thấy điều tiếp tục tin nơi Chúa cách thành thật, và được cứu không? Buồn thay, không. Có một số người giống như những người Do Thái được nhắc đến trong Giăng 8:31-58. Kinh Thánh nói họ tin vào Chúa Jesus, vì vậy chúng ta không được phép nói họ không tin. Nhưng đức tin của họ có giá trị không? Khoảng chừng một giờ sau, khi khám phá ra Chúa Jesus đang thực sự dạy điều gì, sự cứu rỗi của Chúa hàm ý điều gì và thực sự tin nơi Chúa có nghĩa gì, họ đã thẳng thừng khước từ lời dạy dỗ của Ngài. Bấy giờ, Chúa chỉ ra họ không phải là con cái Đức Chúa Trời. Họ là – đã là, và trước đó luôn luôn là – con của cha họ, tức là ma quỷ. Và trước chuyện đó, họ lấy đá ném Chúa và đuổi Ngài ra khỏi đền thờ. Sau khi Chúa phục sinh cũng vậy: một số người tuyên bố là tin, nhưng sau đó đã sa ngã.

Nhưng nếu sau khi được soi sáng một lần, người Do Thái (hay bất kỳ ai khác đối với vấn đề này) lại cố ý chối bỏ Đấng Christ, thì người này ở địa vị nào? Trước hết, người này không còn nói được rằng mình đang hành động trong sự ngu dốt. Người này đã mất cơ sở để được đội ơn thương xót.

Thứ nhì, người này hiện đích thân gánh lấy trách nhiệm đóng đinh Con Đức Chúa Trời. Dân tộc này đã đóng đinh Ngài, không chấp nhận Ngài là Con Đức Chúa Trời. Nhưng họ đã làm việc đó trong sự ngu muội. Nhưng người này đã đích thân đóng đinh – giờ đây không còn bị các thầy tế lễ lừa dối nữa, cũng không còn hành động trong sự ngu muội nữa – nhưng sau khi đã nếm quyền phép của Thánh Linh, mất được soi sáng, biết mọi sự thực, dầu vậy người vẫn quyết tâm gánh lấy trách nhiệm của chính bản thân mình về tội đóng đinh Con Đức Chúa Trời (6:6). Đây chính là ý nghĩa dành cho một người muốn bám vào, hay muốn quay trở lại với, Do Thái giáo như thế.

Bạn không thể vừa thuộc về Do Thái giáo vừa chấp nhận thân tánh của Chúa Jesus; và nếu Ngài không phải là Con Đức

Chúa Trời, thì Ngài đáng bị đóng đinh trên cây thập tự. Nếu Ngài là Con Đức Chúa Trời, bạn không thể cứ ở trong Do Thái giáo được. Phải một là ở bên này, hai là ở bên kia. Những ai quay về với Do Thái giáo thì đích thân tuyên bố họ đồng ý với việc đóng đinh Chúa Jesus Christ. Đối với những người như thế, chính Đức Chúa Trời đã nói rõ ràng rằng thực sự không thể – theo nghĩa đen – đem họ trở về sự ăn năn nữa.

Khước Từ Đức Thánh Linh Có Nghĩa Gì

Nhưng Đức Chúa Trời không gây khó dễ đâu. Xin quan sát điều Chúa thực sự nói ra ở đây. Tôi lặp lại, Ngài không nói rằng: không thể tha tội cho họ. Ngài không nói rằng Ngài không chuẩn bị sẵn sàng để tha tội cho họ. Ngài không hề có ý đó ở đây. Ngài nói không thể khiến họ đổi ý sau việc này. Bạn sẽ không bao giờ đem họ quay về sự ăn năn được, cũng như không bao giờ đưa họ đến chỗ có quan hệ với Đấng Christ được nữa.

Bạn phản đối: “Nhưng điều đó mang theo rất nhiều ý nghĩa phải không? Làm sao ông biết như vậy?” Vì một nguyên nhân hết sức đơn giản thế này. Điều duy nhất có thể đem họ về sự ăn năn chính là quyền năng của Thánh Linh. Một khi họ đã cảm thấy rồi cố tình khước từ quyền năng ấy, không còn quyền năng nào khác trong cõi vũ trụ của Đức Chúa Trời có thể đụng chạm đến họ được nữa. Suy cho cùng, Thánh Linh là Đức Chúa Trời. Khước từ Ngài một cách chung quyết và cố tình, thì không còn điều nào khác cứu được bạn nữa.

Hãy xem minh họa được nêu ra tại đây. Đây là một mảnh đất. Mưa từ trời đổ xuống, tưới ướt đất và khiến đất sinh ra mùa màng hữu ích. Thật xuất sắc: đất này đã nhận lãnh phước hạnh của Đức Chúa Trời. Còn kia là một mảnh đất khác. Cũng mưa đó, cũng chính xác chừng đó lượng mưa, rơi xuống tưới nó; nhưng buồn thay, mảnh đất kia chỉ sinh ra gai góc cỏ rạ. Chúng ta có thể làm gì cho đám đất đó? Bạn bảo: “Ồ, tôi sẽ để cho nó nhận thêm ít mưa nữa.” Nhưng như vậy cũng chẳng

ích gì. Càng mưa nhiều, càng sinh nhiều gai góc. Có thể làm gì đây? Chẳng làm gì được nữa. Một khi đã được Thánh Linh của Đức Chúa Trời mở mắt, đã nhìn thấy lẽ thật, và có lẽ đã tuyên xưng trong lý trí, rồi sau đó cố tình trở lui và khước từ – một khi đã làm như vậy thì không còn hy vọng gì nữa. Tôi không nghi ngờ chuyện Chúa sẽ cứu họ nếu Ngài có thể cứu; nhưng chính Đức Chúa Trời không còn quyền năng nào lớn hơn quyền năng Thánh Linh để đem họ quay lại sự ăn năn.

Tôi xin dừng lại để áp dụng bài học này cho bất kỳ ai có lẽ đang đọc quyển sách này. Nếu Đức Thánh Linh đã soi sáng bạn, bạn nhìn thấy lẽ thật, bạn biết mình phải làm gì, nhưng bạn vẫn chưa bước tới đặt đức tin mình nơi Đấng Christ và dâng tấm lòng mình vâng phục Ngài, hãy làm ngay giờ này; kéo bạn lại kết thúc bằng cách chối bỏ Đức Thánh Linh chung cuộc, và rồi không bao giờ muốn được cứu nữa, rồi phải hư mất đời đời.

Bằng Chứng Của Đức Tin Thật

“Hồi những kẻ rất yêu dấu, dấu chúng ta nói vậy, vẫn còn đương trông đợi những việc tốt hơn từ nơi anh em, là những việc đi kèm sự cứu rỗi” (6:9, AV. KJV). Câu này chói sáng biết dường nào, giống như mặt trời soi sáng sau khi những đám mây đen tối qua đi!

Chúng ta thở phào nhẹ nhõm cho họ, như vậy suy cho cùng họ không đến nỗi quá tệ. Không, tạ ơn Chúa họ không tệ như vậy. Trước giả đang nói như thế này vì lẽ tự nhiên ông phải lo lắng; nhưng trong tận đáy lòng, ông kết luận tốt hơn về họ: “Tôi nghĩ trong đời sống của anh em có bằng chứng anh em đã thực sự được cứu, cho dù tôi đang nói như thể anh em chưa được cứu!”

Vì *“Đức Chúa Trời không phải là không công bình mà bỏ quên công việc và lòng yêu thương của anh em đã tỏ ra vì danh Ngài, trong khi hầu việc các thánh đồ và hiện nay đương còn hầu việc nữa” (6:10).* Chúng ta lắng nghe thật chăm chú. Ngay

giờ đây, chúng ta cảm thấy nhẹ nhõm khi ông báo cho họ biết ông nghĩ họ đã được cứu. Nhưng hãy lắng nghe, ông đang nói điều gì vậy? – “Tôi nghĩ anh em được cứu rồi, vì Đức Chúa Trời không phải là bất công: Ngài sẽ không quên *công việc* của anh em”? Bạn bảo: “Tôi nghĩ chúng ta đã được cứu bởi đức tin chứ không bởi việc làm. Và nếu vậy, nếu Đức Chúa Trời thật sự quên những việc làm của chúng ta cũng có gì quan trọng đâu? Chúng ta sẽ được cứu bớt đi chăng?”

Chúng ta đang lẫn lộn hai điều khác nhau. Không phải trước giả đang nói về *cơ sở* và *điều kiện* cho sự cứu rỗi của họ: *điều đó* chỉ bởi đức tin. Ông đang nói đến *bằng chứng* về sự cứu rỗi của họ, bằng chứng để tỏ ra họ là tín hữu thật. Và đương nhiên, bằng chứng duy nhất chúng ta có được để chứng minh đức tin của một người là chân thật chính là những việc làm của người đó. Giacơ nói: “*Hoặc có kẻ nói: Người có đức tin, còn ta có việc làm. Hãy chỉ cho ta đức tin của người không có việc làm, rồi ta sẽ chỉ cho người đức tin bởi việc làm của ta*” (Giacơ 2:18).

Hoàn toàn đúng như vậy. Nhưng bạn tỏ cho tôi thấy, hay tôi tỏ cho bạn thấy đức tin của chúng ta là chân thật thì vẫn chưa đủ. Đức Chúa Trời đòi hỏi chúng ta phải tỏ cho Ngài thấy bằng việc làm của chúng ta rằng chúng ta là những tín hữu thật. Và nếu chúng ta không có công việc làm nào để tỏ cho Ngài thấy, hay nếu bằng chứng về công việc làm của chúng ta là không nhất quán trong tuyệt vọng, thì hết sức nghiêm trọng rồi đấy.

Do đó, đây là sự yên ủi hết sức lớn lao khi được nghe những điều trước giả nói với độc giả của ông. Bằng chứng về hành vi và việc làm của họ mới đây thì không tốt lắm. Mặt khác, khi họ vừa mới tuyên bố tin cậy nơi Đấng Christ, bằng chứng về việc làm của họ hồi đó thật sự rất tốt. Và trước giả nói, Đức Chúa Trời không phải là không công bình: Ngài sẽ không quên bằng chứng quá khứ đó.

Đôi khi người ta cho rằng nếu một tín hữu bước đi cách xứng

đáng và chiến đấu dũng cảm cho Chúa cả cuộc đời mình và rồi đến cuối cùng không may vấp chân sa ngã, thì một lần sa ngã đó cũng đủ tước mất tư cách của người ấy đời đời. Tuyên bố như thế là phỉ báng và vu khống sự công chính của Đức Chúa Trời. Không phải như vậy đâu. Đức Chúa Trời không phải là không công bình để quên bằng chứng mà chúng ta đã cung cấp tại thời điểm nào đó rằng chúng ta là người tin thật. Ngài sẽ ghi nhớ mỗi một bằng chứng đích thực đã từng có.

Đĩ nhiên, không có nguyên do gì để chúng ta buông mình vào chỗ lười biếng, bê trễ. Đàng trước mặt là cơ nghiệp vĩ đại. Nếu tuyên bố mình hy vọng một ngày kia sẽ bước vào toàn bộ điều Đức Chúa Trời đã hứa cho chúng ta tại nơi đó, chúng ta phải tiếp tục cứ tiến tới đó. Những khách hành hương thuộc linh vĩ đại như Ápraham đã duy trì được đà hành hương cho đến cùng. Và giờ đây họ đã bước vào cơ nghiệp được hứa ban cho mình. Chúng ta phải giống như họ (6:11-12). Đúng như cách sứ đồ Giăng đã nói: *“Ai có sự trông cậy đó” tức là sự trông cậy nơi Đấng Christ, “trong lòng, thì tự mình làm nên thanh sạch,” – cứ tiếp tục tự mình làm nên thanh sạch – “cũng như Ngài [Đấng Christ] là thanh sạch”* (IGiăng 3:3). Không những là có bổn phận phải làm, nhưng là làm – nếu người ấy thật sự có và đúng là có được niềm hy vọng mà mình tuyên bố.

Tính An Toàn Của Sự Trông Cậy Chúng Ta

Có lẽ có người nói: “Nhưng nếu điều ông đang nói đây là đúng, thì nó hoàn toàn phá sập cảm giác an ninh của chúng tôi”

“Sao vậy?”

“Ồ, chúng tôi luôn nghĩ mình được xưng công bình chỉ bởi đức tin; và tuy biết mình phải sống đúng như cách Cơ đốc nhân đáng phải sống, thế nhưng vẫn biết, hoặc nghĩ mình biết, rằng đến cuối cùng, những công việc và hành vi của chúng tôi ra sao thì cũng không thực sự quan trọng, bởi vì suy cho cùng, chúng

ta đã được xưng công bình bởi đức tin chứ không bởi việc làm. Nhưng ở đây, ông đang nói rằng công việc làm của chúng ta thật sự quan trọng, vì chúng ta phải dùng chính việc làm của mình thuyết phục Đức Chúa Trời rằng chúng ta là tín hữu chân thật. Đây là một chuyện hoàn toàn khác hẳn. Nếu đúng như thế, làm sao chúng ta có thể luôn cảm thấy an toàn chắc chắn? Hơn nữa, điều đó chẳng có ý nghĩa gì cả. Đức Chúa Trời có thể nhìn thấy lòng của chúng ta. Ngài biết chúng ta có là tín hữu thật hay không. Vậy cơ sao Ngài cần chúng ta phải đem việc làm của mình chứng minh cho Ngài thấy chúng ta là tín hữu thật? Đương nhiên, người khác cần phải nhìn thấy một số việc lành nào đó trước khi có thể thấy đức tin của chúng ta là đức tin thật. Nhưng chắc chắn Đức Chúa Trời không cần. Ít ra thì đó cũng chính là điều chúng ta lâu nay vẫn được dạy: chúng ta được xưng công bình bởi đức tin trước mặt Đức Chúa Trời, và bởi việc làm của chúng ta trước mặt người khác. Nhưng như ông nói, nếu chúng tôi phải được xưng công bình bởi việc làm của mình trước mặt Đức Chúa Trời...”

“Vậy thì tôi cho rằng, anh em không bao giờ có thể biết chắc chắn mình được Đức Chúa Trời chấp nhận? Toàn bộ sự an ninh của anh em đều mất hết sao?”

“Chính xác là vậy.”

Ồ, vấn đề thú vị đây, bởi vì nếu chúng ta quan tâm đến sự an ninh, thì một vài câu Kinh Thánh tiếp theo đây, là đoạn 6:13-20, chính là một trong những lời tuyên bố mạnh mẽ nhất trong toàn bộ Kinh Thánh về sự an ninh hoàn toàn không phá vỡ được mà mỗi tín hữu có thể được hưởng không ngừng.

Chúng ta bắt đầu bằng cách trích dẫn kinh nghiệm của Ápraham. Đức Chúa Trời đã hứa cùng ông một điều trọng đại: *“Chắc chắn có phước hạnh mà ta sẽ ban cho người, và việc tăng gấp bội mà ta sẽ thêm cho dòng dõi người”* (6:14, Bản AV/ KJV), hay theo cách dịch của bản NIV, kém mạnh hơn: *“Ta chắc chắn*

sẽ ban phước cho người và cho người nhiều hậu tự.” Ô, Đức Chúa Trời không thể nói dối. Vì vậy, khi Đức Chúa Trời lập lời hứa, chỉ nội lời nói của Ngài thôi cũng phải đủ cho người ta tin cậy đầy lòng tin quyết không lay chuyển được. Nhưng trong trường hợp này, Đức Chúa Trời không chỉ thỏa mãn với lời hứa mà thôi; Ngài còn thề: *“Ta lấy chính mình ta mà thề rằng... để ban phước, ta sẽ ban phước cho người, và để gia tăng dòng dõi, ta sẽ thêm cho dòng dõi người tăng lên nhiều”* (Sáng Thế Ký 22:16-17, bản AV/ KJV). Tác giả giải thích, Ngài làm điều đó không chỉ vì cố Ápraham mà thôi. Ngài làm điều đó cho tất cả mọi người trải qua các thế kỷ sẽ được hưởng lấy ích lợi của lời hứa đó, tức mọi người nào thực sự tin Đức Chúa Trời và tin Con Ngài, là dòng dõi của Ápraham, tức Đức Chúa Jesus Christ chúng ta. Và Ngài đã thực hiện lời hứa vì muốn chúng ta được khích lệ mạnh mẽ đúng như Ngài có thể ban cho, bởi biết mục đích Ngài chúc phước cho chúng ta là hoàn toàn không thể thay đổi được. *“Hầu cho nhờ hai điều chẳng thay đổi đó,”* (tức là lời hứa của Ngài và lời thề của Ngài) *“và về hai điều ấy Đức Chúa Trời chẳng có thể nói dối, – mà chúng ta tìm được sự yên ủi lớn mạnh”* (6:18) hay *“có thể được sự khích lệ mạnh mẽ”* (RV).

Cơ đốc nhân có sự trông cậy tuyệt vời biết dường nào! Họ đã thả neo của mình không phải vào những tâm trạng hay những cảm xúc luôn dao động của mình, hay nơi những hoàn cảnh luôn biến thay của mình, hay nơi bất kỳ điều nào khác trong thế giới luôn thay đổi này. Chính Đấng Christ với tư cách Đấng đi trước họ đã đưa chiếc neo của họ vào thẳng Thiên đàng và neo vào nơi vùng đất không thể di chuyển được, tức sự hiện diện và ngai cùng đặc tánh của Đức Chúa Trời (6:19-20).

Được Xưng Công Bình Bởi Việc Làm

Đến đây, vẫn còn một thắc mắc. Đức Chúa Trời đã lập với Ápraham lời hứa này và khẳng định lời hứa bằng lời thề vào giai đoạn nào trong kinh nghiệm thuộc linh của ông?

Bạn bảo: “Để trả lời thôi, đó chính là khi Ápraham dâng Ysác trên bàn thờ cho Đức Chúa Trời, như Kinh Thánh đã nói cho chúng ta trong Sáng Thế Ký 22.”

Hoàn toàn đúng như vậy. Nhưng theo Giacơ (2:21 – 24), dịp này chính là lúc Ápraham được xưng công bình bởi việc làm của mình.

Bạn bảo: “À, tôi nghĩ đã có trở ngại đột xuất ở đâu đó rồi.”

Không, không có trở ngại nào trong đó, ít ra chừng nào chúng ta còn nhớ được xưng công bình bởi việc làm có nghĩa gì. Có người tưởng được xưng công bình bởi việc làm là trái ngược với được xưng công bình bởi đức tin. Đương nhiên, không phải vậy; như Giacơ nói rõ (2:22), đây là sự ứng nghiệm của việc được xưng công bình bởi đức tin. Vì vậy, chúng ta xem lại kinh nghiệm của Ápraham một lần nữa.

Sáng Thế Ký 15:6 nói từ sớm trong cuộc đời của Ápraham rằng: “*Ápraham tin Đức Giêhôva, thì Ngài [Đức Chúa Trời] kể sự đó là công bình cho người.*” Đức tin của ông là đức tin đích thực. Ông đã được xưng công bình ngay lập tức. Nếu qua hôm sau ông chết, ông ấy sẽ đi thẳng đến Thiên đàng.

Nhưng những đoạn tiếp theo cho thấy lúc đầu đức tin chân thật của Ápraham đã bị pha lẫn cặn bã. Lấy ví dụ, ông nghĩ rằng đức tin nơi lời Chúa hứa ban cho một con trai thực sự có nghĩa lời hứa đó được ứng nghiệm hay không sẽ tùy thuộc vào những nỗ lực và mưu đồ của ông và của Sara. Thế là ông sinh ra Íchmaên. Nhưng ông đã phải học tập rằng làm như vậy là sai. Những nỗ lực của ông sẽ không làm ứng nghiệm lời hứa của Chúa. Điều Chúa đã hứa là một món quà, sẽ được ban bởi quyền năng kỳ diệu của Chúa, chứ không phải bởi những cuộc đấu tranh và những mưu đồ của ông và của Sara.

Cuối cùng thì dòng dõi được hứa ban, là Ysác, cũng ra đời; và với một ý nghĩa hết sức thực tế, tất cả những lời hứa của Đức Chúa Trời cho Ápraham và toàn bộ tương lai của Ápraham

đều được tập trung trong Ysác. Nhưng giờ đây có nguy cơ đức tin của Ápraham cho tương lai sẽ đặt một phần nơi Ysác thay vì đặt hoàn toàn nơi Đức Chúa Trời. Và điều đó không ổn. Nếu không còn lý do nào khác, thì vì chính lợi ích cho ông, Ápraham phải học biết rằng không ai có thể hưởng được an ninh hoàn toàn cho tương lai trừ khi phải đặt đức tin hoàn toàn và duy chỉ đặt nơi Đức Chúa Trời mà thôi.

Nếu tôi được phép diễn ý một cách tôn kính cho hoàn cảnh này, thì lúc đó Đức Chúa Trời đã đến nói với Ápraham: “Này Ápraham, khi lần đầu tiên ta hứa ban cho người một đứa con và dòng dõi đông như sao trên trời, người nói người tin ta. Có thật không? Người có thật sự nói đúng như lời ấy không?”

Ápraham đáp: “Ồ dạ vâng, đương nhiên là con thực sự nói đúng như lời.”

“Được rồi, bây giờ đức tin của người cho tương lai đang đặt ở nơi nào?”

Ápraham đáp: “Đương nhiên là nơi Chúa.”

“Người có chắc chắn đức tin người duy chỉ đặt nơi ta và đặt hoàn toàn nơi ta, chứ không đặt một phần nơi ta và kèm một phần nơi Ysác không?”

Ápraham đáp: “Ồ, con không hề đặt nơi Ysác, nhưng đặt nơi Chúa và chỉ một mình nơi Chúa mà thôi.”

Đức Chúa Trời phán: “Được rồi, này Ápraham, ta muốn người chứng tỏ đức tin người thực sự đặt nơi ta chứ không hề đặt nơi điều nào khác hay nơi người nào khác. Vậy người hãy dâng Ysác làm của tế lễ cho ta.”

Và Ápraham đã dâng Ysác trên bàn thờ cho Đức Chúa Trời, và bởi hành động này chứng tỏ đức tin của ông là trọn vẹn và hoàn toàn, và duy chỉ đặt nơi một mình Đức Chúa Trời mà thôi. Ông đã chứng minh lời tuyên xưng đức tin của mình và chứng tỏ đó là thật; ông đã được xưng công bình bởi việc làm của mình. Và câu trả lời của Đức Chúa Trời là “Bây giờ ta biết

– chứ không phải bây giờ Sara biết, hoặc các tôi tớ của người biết, hay người Philitin biết – rằng người thật kính sợ Đức Chúa Trời, bởi có không tiếc với ta con người, tức con một người” (đối chiếu Sáng Thế Ký 22:11-12). Như vậy, Đức Chúa Trời đã tập trung toàn bộ những lời Ngài đã hứa trước đó, tái lập và khẳng định chúng bằng một lời thề mạnh mẽ, rằng Ápraham và mọi người nào đặt đức tin nơi một mình Đức Chúa Trời mà thôi thì có thể được hưởng “sự yên ủi lớn mạnh” về sự an ninh tuyệt đối, bất biến và đời đời.

Chúng ta suy nghĩ trở lại với độc giả của bức thư này. Vào một lúc nào đó trước khi nhận thư này, họ đã tuyên xưng mình tin Chúa Jesus là Con Đức Chúa Trời, là Đấng Mêsia và Cứu Chúa. Giờ đây Đức Chúa Trời sẽ đến với họ như Ngài đã đến với Ápraham. Đức tin của họ để được cứu và được sự đời đời đã đặt nơi Đấng Christ với tư cách Thầy Tế Lễ Thượng Phẩm, hay đặt nơi chức tế lễ theo ban Arôn của Do Thái giáo? Đặt nơi của tế lễ của Đấng Christ hay nơi những của tế lễ của Do Thái giáo? Đặt một phần nơi Đấng Christ, chức tế lễ và của lễ của Ngài, còn một phần đặt nơi chức tế lễ và các của tế lễ của Do Thái giáo? Hay duy nhất chỉ đặt hoàn toàn nơi Đấng Christ, chức tế lễ và của tế lễ của Ngài?

Duy chỉ đặt nơi một mình Đấng Christ mà thôi? Tốt, vì duy trong Ngài mới có sự cứu rỗi, duy trong Ngài mới có sự an ninh. Nhưng giờ đây họ phải hành động. Giờ đây họ phải chứng minh lời tuyên xưng đức tin của mình bằng việc làm. Giờ đây, họ phải từ bỏ chức tế lễ và những tế lễ của Do Thái giáo để chứng tỏ trước mặt Đức Chúa Trời và người khác rằng đức tin của họ thực sự đặt nơi một mình Đấng Christ mà thôi.

Khi lắng nghe Đức Chúa Trời phán với họ, chúng ta có thể chắc chắn một ngày kia Đức Chúa Trời sẽ đến với chúng ta, là những kẻ xưng mình tin nơi Đấng Christ thôi để được cứu, và Ngài yêu cầu chúng ta từ bỏ mọi điều nào không nhất quán

với thần tánh Ngài, với chức tế lễ độc nhất của Ngài, và với tư cách làm đầu của hội thánh, với của lễ chuộc tội một lần đủ cả của Ngài.

Câu Hỏi

1. “Chúng ta hãy... tiến tới sự trưởng thành” (bản NIV). “Chúng ta hãy tiếp tiến tới sự trọn lành” (RV). “Sự trọn lành” hoặc “sự trưởng thành” trong lời khuyên này (6:1) có nghĩa gì?
2. Có phải được soi sáng cũng chính là được cứu rỗi không (6:4)? Vì sao đúng hoặc vì sao không?
3. “Ném quyền phép của đời sau” (6:5) có nghĩa gì?
4. Đoạn 6:4-5 có bắt buộc phải nhất thiết mô tả người được tái sinh không? Nêu các nguyên nhân.
5. “Đóng đinh Con Đức Chúa Trời trên thập tự giá cho mình một lần nữa, làm cho Ngài sỉ nhục tỏ tường.” (6:6) có nghĩa gì?
6. Vì sao không thể đem những người đã phạm tội nói trong câu (5) trên đây trở về với sự ăn năn?
7. Sự an ninh cho tương lai của tín hữu được căn cứ trên điều gì (6:13-20)?
8. Bạn hiểu “được xưng công bình bởi việc làm” có nghĩa gì? Minh họa điều này từ kinh nghiệm của Ápraham và chỉ ra cho thấy điều này sẽ áp dụng thế nào cho chúng ta ngày nay.

Chú Thích Chương 7

¹ Danh sách đầy đủ sẽ là: danh từ, *teleiotes*, 6:1; danh từ, *teleitsis*, 7:11; tính từ *teleios*, 5:14; 9:11; động từ *teleioteo*, 2:10; 5:9, 7:19, 28; 9:9; 10:1, 14; 11:40; 12:23. Đương nhiên, các từ ngữ không luôn luôn mang cùng một hàm ý như nhau trong mỗi trường hợp.

CHỨC TẾ LỄ TỐT HƠN

Hêbơơ 7

Các đoạn bảy, tám, chín và mười của thơ gửi cho người Hêbơơ chứa những lời giải thích dài và chi tiết về cách thức thế nào chức tế lễ của Đấng Christ tốt hơn chức tế lễ của Arôn, giao ước của Ngài tốt hơn giao ước cũ của Arôn, đền thánh của Ngài tốt hơn đền thánh Môise đã cất, và một của lễ chuộc tội duy nhất của Ngài tốt vô hạn hơn những của tế lễ bất tận của Do Thái giáo thời xưa.

Thoạt nhìn, toàn bộ điều này có vẻ hơi xa lạ với chúng ta trong thời hiện đại, ít nhất là đối với những người không lớn lên trong Do Thái giáo như chúng ta. Người ta còn nghi ngờ thậm chí chính người Do Thái cũng thấy một số điều trong đó hơi xa lạ, vì người Do Thái hiện đại không hề có thầy tế lễ thượng phẩm, và nhiều thế kỷ nay họ không dâng những con sinh tế. Nhưng trên thực tế, những đoạn Kinh Thánh này đề cập những vấn đề cực kỳ thích ứng cho chúng ta hiện nay hiểu Cơ đốc giáo thực sự là gì và Cơ đốc giáo ủng hộ những gì.

Trước hết, chúng sẽ khiến chúng ta càng thêm biết ơn công tác của Đấng Christ và những ơn phước của sự cứu rỗi. Một số chúng ta quá quen với những điều này đến nỗi nếu không cẩn thận, chúng ta cũng có thể xem chúng như chuyện đương nhiên. Trái lại, nhìn lược qua tôn giáo Cựu Ước sẽ khiến chúng ta ý thức được phước hạnh lớn lao, sự bảo đảm, tự do và bình an chúng ta được hưởng trong Đấng Christ.

Thứ nhì: Dầu đối với chúng ta ngày nay, điều đó dường như không thể tưởng tượng nổi, nhưng ở thế kỷ thứ hai và thứ ba, mặc dầu đã có bức thư gửi cho người Hêbơơ, Cơ đốc giáo giới

vẫn quên hoặc từ bỏ phần lớn những quyền tự do tuyệt vời chúng ta có được trong Đấng Christ, để quay lui lại và bắt đầu tự noi theo khuôn mẫu của Do Thái giáo thời xưa. Giáo sư F. J. A. Hort nhận xét: “Toàn bộ Lịch Sử Giáo Hội đầy đầy những niềm tin, những nếp sống đạo, những định chế và điều tương tự như thế, mà chúng căn cứ trên những khái niệm sai lầm về bản chất thật của định kỳ Tin Lành, và trên thực tế, đấy chính là sự sa ngã sau khi Đấng Christ hiện đến để rơi trở lại tình trạng mà Ngài đã đến để thay thế, như thánh Phaolô nói là quay trở về với những yếu tố yếu đuối và nghèo nàn.”¹

Lấy ví dụ, du khách nào cũng biết Châu Âu đầy đầy những tòa giáo đường thời Trung Cổ bên trong bài trí giống y như đền tạm hay đền thờ của người Do Thái thời xưa. Có phần thánh đường (chancel – nơi cho ban hát hoặc linh mục ngồi), là phần chí thánh, được ngăn cách bằng tấm bình phong để ngăn phần thánh đường với gian giữa cho giáo dân ngồi (nave), là phần kém thánh hơn; cũng giống y như phần chí thánh trong đền tạm được ngăn cách khỏi nơi thánh bằng một bức màn vậy. Ảnh hưởng, nếu không nói là ý định, từ điều đó trên tâm trí bao thế hệ thật tai hại. Thay vì nhắc nhở họ, như thơ Hêbơơ hiện nhắc nhở chúng ta, rằng mỗi tín hữu được tự do, ngay ở trên đất này hiện giờ, được bước vào Nơi Chí Thánh, tức ngay trước sự hiện diện của Đức Chúa Trời, bởi huyết của Chúa Jesus (19:19-22), thì nó lại dạy tín hữu phải “đứng cách xa ra” dường như thể không xứng đáng đến quá gần nơi rất thánh này trong giáo đường trên đất, chứ đừng nói vào đến trước hiện diện của Đức Chúa Trời trên trời. Và nó củng cố một ý tưởng sai lầm rằng không ai trên đất này có thể biết chắc chắn liệu mình cuối cùng có được Đức Chúa Trời chấp nhận cho vào Thiên đàng hay không; may lắm thì cũng chỉ có nước hy vọng mà thôi.

Cảm tạ Đức Chúa Trời vì trong những thời gần đây, rất nhiều điều như thế này đang được thay đổi. Nhưng có lẽ chúng

ta đừng xem như đương nhiên mọi tín hữu Cơ đốc hiện nay luôn thoát hoàn toàn khỏi những cảnh sa ngã lui trở lại vào các hình thức, các lễ nghi và các lối suy nghĩ của Cựu Ước. Khi đọc những đoạn kế tiếp trong thư Hêbơrơ, có lẽ nên khôn ngoan kiểm tra xem toàn bộ những niềm tin và nếp sống đạo của mình có thực là Cơ đốc không, hay trên một phương diện nào đó chúng cũng còn quyện chặt với những điều vay mượn từ Do Thái giáo thời xưa.

Thầy Tế Lễ Đầu Tiên, Mênchixêđéc

Rồi trong đoạn 7, tác giả bắt đầu chinh phục đức tin, tình yêu và lòng trung thành của độc giả về cho một mình Chúa Jesus trong tư cách Thầy Tế Lễ Thượng Phẩm của họ, và lánh khỏi chức tế lễ thượng phẩm theo ban Arôn của Do Thái giáo. Đương nhiên, trở ngại đầu tiên ông phải vượt qua chính là nỗi kinh khiếp sẽ dấy lên trong độc giả. Họ kinh khiếp như vậy không chỉ đơn giản vì họ được trưởng dưỡng từ ấu thơ để tôn kính thầy tế lễ thượng phẩm của dân tộc mình. Như chúng ta đã thấy trong Chương Sáu, chức tế lễ thượng phẩm trong Do Thái giáo là một định chế do chính Đức Chúa Trời thiết lập. Dường như đối với một người Do Thái sùng đạo, bỏ định chế đó trước hết là sự chống nghịch Đấng Chí Thánh cách không thể tưởng nổi.

Tác giả sẽ giải quyết nan đề này thế nào? Bằng cách viện dẫn chính Kinh Thánh. Như đã thấy, trước hết ông trưng dẫn Cựu Ước, nơi Đức Chúa Trời tuyên bố với Đấng Mêsia: “*Con làm thầy tế lễ đời đời, theo ban Mênchixêđéc*” (Thi Thiên 110:4). Sau đó ông trưng dẫn Kinh Thánh thiêng liêng một lần nữa, chỗ bản ký thuật được soi dẫn đã mô tả thầy tế lễ thời xưa này, là Đấng chính Đức Chúa Trời đã lập làm mẫu nguyên thủy về Chúa chúng ta. Phần đoạn đó là Sáng Thế Ký 14, và ông nêu rất nhiều chi tiết hết sức quan trọng trong bản ký thuật đó:

1. Mênchixêđéc chúc phước cho Ápraham, chứ không phải

Ápraham chúc phước cho Mênchixêđéc.

2. Ápraham dâng phần mười cho Mênchixêđéc, chứ không phải Mênchixêđéc dâng cho Ápraham.
3. Tên của Mênchixêđéc có nghĩa “vua của sự công bình” và ông là vua của Salem có nghĩa vua “bình an.”
4. Mênchixêđéc không có cha hay mẹ, không có gia phả, không có ngày bắt đầu hay kết thúc cuộc đời, nhưng đã được lập ra giống với Con Đức Chúa Trời.
5. Ông vẫn là thầy tế lễ đời đời.

Hai mục cuối dường như rất kỳ lạ đối với chúng ta nếu chúng ta không nhận thấy tác giả đang nói gì và những tiền giả định của ông là gì. Không hề xem thường thẩm quyền của Kinh Thánh (như nhiều người Do Thái có thể suy tưởng từ lời ông tuyên bố chức tế lễ của Do Thái giáo giờ đây phải bị bỏ). Ông tin toàn bộ Kinh Thánh đều được Đức Chúa Trời soi dẫn; ông tin con người viết ra sách Sáng Thế Ký đã được chính Đức Thánh Linh hướng dẫn để chọn tư liệu cho sách của mình; và do đó những điều mà người viết sách Sáng Thế Ký đưa vào là quan trọng, mà ngay cả những điều ông không đưa vào cũng rất quan trọng.

Trong Sáng Thế Ký, chúng ta thường được kể về gia phả, ngày ra đời và qua đời của mỗi một vị đại tổ phụ và tôi tớ của Đức Chúa Trời. Nhưng thầy tế lễ vĩ đại này của Đức Chúa Trời Chí Cao, là Mênchixêđéc, thì không thấy ghi lại chi tiết nào như thế. Ông thỉnh linh xuất hiện trong bản ký thuật này rồi biến mất cũng đột ngột y như thế. Không nói cho chúng ta biết cha mẹ và tổ phụ của ông là ai, hay ông ra đời hay qua đời khi nào. Vì vậy tác giả tin toàn bộ thông tin đã được Đức Thánh Linh bỏ ra để khiến việc ghi chép mẫu thầy tế lễ nguyên thủy này cho Chúa chúng ta phải hướng đến những đặc trưng thực tế trong Con Đức Chúa Trời, là Đấng trên thực tế không có ngày bắt đầu hay kết thúc cuộc đời Ngài. Hơn nữa, ông cho

biết Kinh Thánh không nói thầy tế lễ Mênchixêđéc thời xưa này qua đời, cũng không nói ban thứ tế lễ của Mênchixêđéc bị thay thế. Theo Kinh Thánh, ban tế lễ của Mênchixêđéc không hề chấm dứt. Và điều đó hết sức có ý nghĩa; vì như sắp nêu ra, Cựu Ước thực sự nói rằng ban thứ tế lễ của Arôn sẽ bị thay thế bởi một ban thứ tế lễ khác.

Như vậy, trước giả đã chọn và nêu năm đặc điểm này của Mênchixêđéc từ trong bản kỹ thuật của Sáng Thế Ký, và giờ đây ông tiếp tục cho thấy chúng áp dụng thế nào cho chức tế lễ của Chúa chúng ta, là chức tế lễ được nói theo “ban Mênchixêđéc.”

Sự Ưu Việt Của Ban Mênchixêđéc

Trước hết, ông mời độc giả khảo sát tính cao trọng từ nơi địa vị của Mênchixêđéc: “Hãy nghĩ xem vua [Mênchixêđéc] tôn trọng là dường nào” (7:4). Ta thấy hiển nhiên nguyên nhân ông lại làm như vậy. Người Do Thái nói chung tôn kính thầy tế lễ thượng phẩm của họ với sự ngưỡng mộ hầu như đến độ ngây ngất, xuất thần. (Đương nhiên, không phải mọi người đều ngưỡng mộ như vậy; nhưng đối với những người ngưỡng mộ, thì thường họ không phản đối chính chức vụ đó, nhưng phản đối trước sự kiện: theo ý họ, thầy tế lễ thượng phẩm đương chức không đáp ứng được những đòi hỏi của Kinh Thánh dành cho chức vụ đó.) Thầy tế lễ thượng phẩm có địa vị ưu việt hơn mọi thầy tế lễ khác. Ông mang Danh cao trọng không sao tả xiết của Đức Chúa Trời trên chiếc mũ thầy tế lễ của mình. Chỉ một mình ông được phép bước vào Nơi Chí Thánh vào Ngày Lễ Chuộc Tội. Ngay cả những bộ lễ phục của ông cũng được xem có năng quyền chuộc tội và đi kèm theo ông là lễ nghi đầy ấn tượng nhất. Có thể đánh giá ảnh hưởng trên người Do Thái bình thường cả ở xứ Palestine lẫn ở nước ngoài qua lời mô tả sau đây của một người Do Thái thời xưa, là người rất có thể chưa đích thân nhìn thấy thầy tế lễ thượng phẩm nhưng hiển nhiên đã ngưỡng mộ đến cuồng nhiệt cả thầy tế lễ thượng phẩm lẫn

chức vụ tế lễ thượng phẩm: “Toàn bộ ảnh hưởng” của thầy tế lễ thượng phẩm qua cách mặc bộ lễ phục của ông “... khơi dậy sự kính sợ và phấn khởi đầy cảm xúc đến nỗi ngài ông đến từ một thế giới khác. Tôi dám khẳng định cách tích cực rằng bất kỳ ai chứng kiến cảnh tượng tôi vừa thuật lại cũng thấy sững sốt và kinh ngạc khôn tả, và tâm trí người ấy sẽ cảm thấy cảm động sâu xa trước tính thiêng liêng gắn liền với từng chi tiết.”²

Nếu độc giả bức thư của chúng ta gắn bó tình cảm đến như thế đối với thầy tế lễ thượng phẩm của Do Thái giáo, thì nan đề chính là: Làm sao trước giả lột bỏ được những mối ràng buộc cảm xúc ấy và chuyển đưa sự kính sợ, tôn kính và trung thành của độc giả sang cho Chúa Jesus?

Trước hết, theo chính Kinh Thánh của người Do Thái, ngay cả Mênchixêđéc thời xưa cũng đã giữ một chức vụ quan trọng khôn lường hơn bất kỳ thầy tế lễ thượng phẩm nào theo dòng Arôn, vì có thể chứng minh ông là nhân vật quan trọng và là đầy tớ được tôn cao của Đức Chúa Trời hơn cả chính Ápraham. Nói như vậy không có nghĩa không chấp nhận Ápraham là người tôn trọng. Suy cho cùng, Ápraham được Đức Chúa Trời chọn làm người sáng lập dòng dõi Do Thái. Được đích thân hậu thuẫn bởi khả năng trực tiếp về Đức Chúa Trời (xem Công vụ 7:2), ông đã nhận từ Chúa những lời hứa cho thấy vai trò độc nhất vô nhị và vinh diệu của ông cùng dòng dõi ông trong lịch sử thế giới và lịch sử cứu chuộc. Và rồi Kinh Thánh được soi dẫn nói rằng: tuy thế Ápraham vẫn dâng phần mười cho Mênchixêđéc, chứ không phải Mênchixêđéc dâng cho Ápraham, và như vậy công nhận sự ưu việt của chức vụ Mênchixêđéc. Đến lượt Mênchixêđéc chúc phước cho Ápraham, chứ không phải Ápraham chúc phước cho Mênchixêđéc, và trong nghi thức lễ tân của thế giới cổ cho thấy cách rõ ràng như vậy Ápraham là người thấp kém hơn Mênchixêđéc (7:7).

Ắt hẳn sẽ không có được ý nghĩa quan trọng như vậy nếu

thời bấy giờ, Ápraham chỉ là một cá thể riêng tư thôi. Nhưng không phải vậy. Ông là nhà sáng lập dân tộc này, vị thủ lãnh tộc trưởng của mọi nhân vật giữ chức vụ vĩ đại như Môise, Arôn, Đavít và Êli, là những nhân vật xuất thân từ nơi ông. Do đó, chính lúc ông ở trong vai trò chính thức của mình dâng phần mười cho Mèchixêđéc, ông không những đang đích thân công nhận, mà còn thay mặt toàn bộ dòng dõi mình – kể cả những thầy tế lễ thượng phẩm dòng Arôn – đang công nhận tính ưu việt của chức vụ Mèchixêđéc so với mọi chức vụ khác (7:5-10).

Do đó, không phải tác giả đang phủ nhận vấn đề Kinh Thánh lúc đầu đã trao cho những thầy tế lễ thượng phẩm thuộc dòng Arôn một chức vụ cực kỳ quan trọng và được tôn cao. Điều ông đang nêu ra ở đây trước hết chính là cũng Kinh Thánh Cựu Ước ấy đã gán cho Mèchixêđéc một chức vụ còn quan trọng hơn và được tôn cao hơn, và thứ nhì là chính Cựu Ước công bố chức tế lễ của Đấng Mêsia theo dòng Mèchixêđéc chứ không theo ban Arôn.

Vậy có sao cứ bám vào điều mà may lắm cũng chỉ là ban tế lễ thuộc hàng thứ nhì, trong khi hiện nay mỗi tín hữu, cho dù có tầm thường đến đâu đi nữa, cũng đều có quyền đến trực tiếp với thầy tế lễ thượng phẩm theo dòng tối cao này?

Thay Thế Chức Tế Lễ Của Cựu Ước

Nhưng đến đây, có thể hình dung một tâm tín hữu người Do Thái đáp lại thế này: “Này, tôi hoàn toàn chấp nhận chức tế lễ của Đấng Christ là tốt hơn chức tế lễ của Arôn. Nhưng chắc chắn điều đó nghĩa chúng ta bắt buộc phải bỏ chức tế lễ của Arôn. Anh biết đấy, mua chiếc xe mới đâu bắt buộc anh phải bỏ xe cũ đi. Anh có thể bỏ, nhưng không bị bắt buộc phải bỏ. Tại sao chúng ta lại không có cả hai được: vừa chức tế lễ của Đấng Christ ở trên Thiên đàng, vừa chức tế lễ của Arôn trong đền thờ trên đất?” Tôi nghĩ rất nhiều bạn mới tin Chúa của anh ta cũng đang ước ao như thế. Đời sống sẽ dễ dàng hơn cho

họ; sự đoạn tuyệt với Do Thái giáo cũng sẽ không quá khắc khe đến thế, sự chê trách vì làm Cơ đốc nhân cũng không đến nỗi nặng nề như thế.

Tác giả nói không thể làm như vậy, và có rất nhiều nguyên nhân. Trước hết, việc lập Đấng Mêsia làm thầy tế lễ theo bang Mêchixêđéc đã phơi trần tính thiếu sót của chức tế lễ theo dòng Lêvi. Bạn thấy đấy, ông cho biết nếu có thể được trọn lành nhờ chức tế lễ của dòng Lêvi, thì không còn cần một thầy tế lễ khác được lập lên theo một ban khác (7:11). Nhưng chính lời tuyên bố thầy tế lễ mới này thuộc về một ban khác đã vạch trần sự kiện: ban cũ là yếu đuối và vô dụng (7:18).

Tôi chắc chắn bạn có thể thấy ý chính tại đây. Một chiếc xe hơi Model T Ford với những chặng dừng thường xuyên, có thể vẫn đưa bạn đi vòng quanh khu phố. Nhưng nếu đang tính bay vòng quanh thế giới, bạn phải ra khỏi chiếc xe Ford đó để lên máy bay phản lực. Chiếc xe Ford hoàn toàn không đủ khả năng đáp ứng công việc đó. Ngay cả khi còn mới toanh, xe Ford đó cũng không bao giờ bay được. Nó không thuộc vào hạng máy móc cao cấp đủ mức.

Dựa trên chức tế lễ của người Lêvi, dân tộc này được ban luật pháp. Nhưng luật pháp ấy có hiệu lực đến mức nào? Luật pháp ấy có ích lợi gì? Với toàn bộ những thiện ý của Arôn và con cái ông, họ vẫn không bao giờ hoàn thành được những gì chúng ta đòi hỏi nơi một thầy tế lễ. Họ thực sự không bao giờ đưa ai tiếp xúc gần gũi với Chúa được. Họ không thể làm được. Người Ysraên luôn luôn đứng từ đằng xa, chờ đợi từ đằng xa; họ không bao giờ được phép đến gần Đức Chúa Trời. Lúc Chúa ban luật pháp Ngài trên đỉnh núi Sinai, những người Do Thái bình thường được truyền phải tránh xa trong kinh sợ khủng khiếp. Nếu con thú nào đụng đến núi cũng phải bị ném đá (12:18-21). Ngày Đại Lễ Chuộc Tội cũng thế, dân sự nhóm chung quanh đền tạm, họ nhóm lại trong sự sợ hãi, phải đứng bên ngoài. Dầu họ có thầy tế lễ thượng phẩm, thầy tế lễ thượng

phẩm ấy cũng không thể đem được họ – không dám đem họ – vào trước hiện diện của Chúa. Và nguyên nhân chính là dầu có mọi quy tắc và điều lệ tỉ mỉ về chức tế lễ và các của tế lễ, luật pháp ấy vẫn không khiến cho điều gì trọn lành được (7:19). Vậy nếu không thể làm cho trọn lành được, toàn bộ những lễ phục, những nghi thức mỹ miều đầy ấn tượng mạnh mẽ của nó, những lễ nghi màu mè của nó có ích gì? Vì vậy, những quy định trước kia phải bị bỏ qua một bên, và một sự trông cậy tốt hơn được đem đến để “bởi sự trông cậy đó chúng ta đến gần Đức Chúa Trời” (7:19). Và sự trông cậy tốt hơn vô hạn này chính là ban cho chúng ta một thầy tế lễ thượng phẩm có thể đưa chúng ta – ngay hiện nay là đưa tâm linh (10:19-22) và khi Ngài tái lâm sẽ đưa chính thân thể chúng ta (9:28) – vào ngay trước sự hiện diện của Đức Chúa Trời.

Thứ nhì, trước giả nói với những tân tín hữu người Do Thái, anh em không thể đồng thời giữ chức tế lễ thượng phẩm của người Lêvi cùng với chức tế lễ thượng phẩm của Đấng Christ. Hai chức tế lễ này không thích ứng với nhau.

Cựu Ước thiết lập những quy tắc chặt chẽ nhất để kiểm soát chức tế lễ (xem Dân Số Ký 17-18). Thầy tế lễ thượng phẩm không những phải thuộc chi phái Lêvi, mà còn phải là thành viên của đúng một họ hàng trong chi phái đó, và phải là dòng dõi đích thực ra từ đúng dòng dõi của thầy tế lễ thượng phẩm ban đầu, là Arôn. Ngoài ra, như chúng ta thấy trước đây, thầy tế lễ thượng phẩm với tư cách thủ lãnh thuộc linh của dân tộc cũng giống như một quân vương cha truyền con nối. Không thể cùng một lúc có *hai* thầy tế lễ thượng phẩm, *hai* thủ lãnh thuộc linh của dân sự Đức Chúa Trời được. Luật pháp của Đức Chúa Trời cấm điều đó. Do đó, vào nhiều thế kỷ sau, khi Đức Chúa Trời công bố qua tác giả Thi Thiên rằng Ngài sẽ lập Đấng Mêsia, thuộc chi phái Giuđa, làm thầy tế lễ thượng phẩm và thủ lãnh thuộc linh của dân sự Ngài, điều đó hàm ý khi việc này xảy ra, luật trước kia sẽ phải bị bãi bỏ. Và giờ đây, tác giả

lập luận: khi Chúa Jesus đã từ kẻ chết sống lại, và Ngài được lập làm thầy tế lễ thượng phẩm của dân sự Ngài, thì điều luật cũ cùng với toàn bộ định chế về chức tế lễ dòng Lêvi thực tế đã bị thay đổi. Việc lập Chúa chúng ta làm Thầy Tế Lễ Thượng Phẩm không mâu thuẫn với luật cũ, vì nguyên nhân hết sức đơn giản là luật cũ đã bị bãi bỏ. Bạn có thể gạch chéo luật đó kèm với dòng chữ “đã hết, lỗi thời, hết hạn, bị bãi bỏ đời đời.”

Nhưng như trong Ysoraên không thể đồng thời có hai thầy tế lễ thượng phẩm, hai thủ lãnh thuộc linh của dân sự, thế nào thì trong Cơ đốc giáo cũng vậy. Để có thể hiểu, chúng ta cùng với tác giả xem xét những điều khoản lập Đấng Christ làm thầy tế lễ thượng phẩm và làm Đầu của hội thánh, và xem Ngài được lập theo “ban Mêchixêđéc” có ý nghĩa gì. Việc lập thầy tế lễ thượng phẩm trong Ysoraên thời xưa được tập trung quanh và được chi phối bởi điều tác giả gọi là “luật pháp của điều răn xác thịt,” theo bản NIV là: “một quy định về tổ phụ người” – người phải thuộc đúng dòng dõi – và còn hơn thế nữa: quy định này lẽ tự nhiên cũng phải xác lập điều sẽ xảy ra khi thầy tế lễ thượng phẩm qua đời. Điều đó hoàn toàn không thích ứng trong trường hợp của Chúa chúng ta. Ngài sẽ không hề chết một lần nữa. Sống lại từ kẻ chết và được tuyên bố là Con Đức Chúa Trời, Ngài cũng được tuyên bố là thầy tế lễ đời đời. Đời sống Ngài không phải chỉ là có không kết thúc; đời sống ấy thực sự là không thể bị tiêu diệt được, không thể phá vỡ được. Và chính trên cơ sở đời sống không thể tiêu diệt được này mà Ngài đã trở thành thầy tế lễ thượng phẩm. Như chúng ta đã thấy ở trên, bản ký thuật Mêchixêđéc lịch sử đã được trước giả sách Sáng Thế Ký sắp xếp cẩn thận, để hình dung trước sự thực tuyệt vời này. Những điều khoản thiết lập thiên thượng tuyên bố cách rõ ràng: “Con làm thầy tế lễ đời đời, theo ban Mêchixêđéc” (7:15-17).³ Và tiếp đó Kinh Thánh không nói rằng nếu có những điều khoản và điều kiện để làm thầy tế lễ thượng phẩm và đầu của hội thánh, thì không ai khác ngoài

Đấng Christ có thể xứng đáng với những điều đó.

Vì vậy, việc lập Chúa chúng ta đã loại bỏ hoàn toàn các quy định và các luật lệ liên quan đến chức tế lễ dòng Lêvi thời xưa và – chúng ta hãy chú ý đến điều này – đã làm cho định chế về chính chức tế lễ của dòng Lêvi trở nên lỗi thời. Chúng ta hãy hiểu cho bằng được sự kiện này: “Điều răn trước kia đã bị bỏ rồi” (7:18). Chính Đức Chúa Trời là Đấng phán như vậy qua trước giả được soi dẫn này. Phải thừa nhận rằng, từ thế kỷ thứ ba Sau Công Nguyên trở đi, có người đã tranh luận (và ngày nay vẫn còn người tranh luận như thế) rằng tuy chức tế lễ thượng phẩm của Chúa chúng ta hoàn toàn nằm ngoài ban tế lễ thuộc dòng Lêvi và độc nhất vô nhị, nhưng hội thánh Cơ đốc vẫn có toàn quyền sao chép ban thứ của dòng Lêvi trong những buổi lễ và sự quản trị hội thánh ở trên đất này và phân chia dân sự Đức Chúa Trời thành ra hạng giáo hữu, thầy tế lễ và thầy tế lễ thượng phẩm (trên trần gian) giống như đã thực hiện trong Do Thái giáo thời xưa. Nhưng không phải như thế. Khi Đức Chúa Trời loại bỏ điều đó, nếu chúng ta lại giới thiệu vào trở lại tức là đã lãng mạ chính Ngài.

Và chúng ta cũng hãy hiểu nguyên nhân loại bỏ: *“Nhu vậy, điều răn trước kia vì không quyền không ích nên đã bị bỏ rồi; (bởi chừng luật pháp không làm trọn chi hết)”* (7:18-19). Nếu chúng ta không vâng lời Đức Chúa Trời và giới thiệu trở lại hệ thống yếu đuối và vô dụng này vào hội thánh, nó sẽ đem lại cùng một ảnh hưởng như đã tạo trong Do Thái giáo; nó một lần nữa sẽ đặt dân sự đứng cách xa Đức Chúa Trời trong khi những đẳng cấp cao hơn của những người trung gian được xem như là thánh khiết hơn kia sẽ chen đứng giữa họ và Cứu Chúa.

Lời Thề Thiết Lập

Giờ đây chúng ta tiến đến một đặc trưng phân biệt khác nữa từ chức tế lễ siêu việt của Chúa chúng ta. Lời công bố thiết lập Chúa được kèm theo một lời thề: “Chúa đã thề rồi, và không

hồi lời thề ấy đâu.” Chưa hề có lời thề nào được thốt ra khi lập các thầy tế lễ theo dòng Lêvi của Do Thái giáo. Vậy lời thề khi thiết lập Chúa chúng ta mang ý nghĩa nào?

Thứ nhất, *“bởi lời thề này, Đức Chúa Jesus đã trở nên Đấng bảo lãnh cho một giao ước tốt hơn”* (7:22). Tốt hơn đến mức độ nào, chúng ta sẽ thấy trong chốc lát khi tiến sang đoạn 8 của bức thư. Ở đây, lưu ý những điều khoản của hai giao ước cũng đủ rồi. Giao ước cam kết viết luật pháp Đức Chúa Trời trên lòng chúng ta và hứa ban bình an tuyệt đối với Chúa nhờ hiểu rằng Đức Chúa Trời sẽ không bao giờ nhớ đến tội lỗi của chúng ta nữa, sẽ không bao giờ chất vấn tội đã phạm và hình phạt dành cho tội lỗi chúng ta. Các điều khoản giao ước này oai nghiêm đến nỗi lẽ tự nhiên chúng ta muốn biết làm sao chúng ta biết chắc chắn chúng sẽ được thực hiện trong thực tế. Câu trả lời ấy là: Chúa Jesus đích thân làm Đấng bảo chứng. Ngài đích thân chịu trách nhiệm lo cho toàn bộ điều khoản của giao ước được thực thi. Bởi sự chết Ngài, Ngài trả xong giá để tha tội mà giao ước này đã hứa. Giờ đây Ngài sống đời đời để lo cho luật pháp Đức Chúa Trời được viết trên lòng của chúng ta. Ngài là – cũng như Mêchixêđéc đã là – vua của bình an – hãy xem sự tha thứ tuyệt đối và đời đời mà Ngài đã bảo chứng cho chúng ta. Ngài cũng là – giống như Mêchixêđéc đã là – vua của sự công bình: Ngài bảo chứng để viết luật pháp của Đức Chúa Trời trên lòng của chúng ta. Lời thề này bảo đảm với chúng ta Ngài là thầy tế lễ đời đời. Ngài sẽ không bao giờ rút lời, không bao giờ chết và không bao giờ để ai không biết chắc những điều khoản của giao ước này có tiếp tục được tôn trọng và được ứng nghiệm không. Bởi đó, lời thề đem cho chúng ta sự bảo chứng đời đời. Giao ước được bảo đảm chùng nào Đấng Christ còn sống.

Còn hơn thế nữa, vì Ngài không hề chết, Ngài sẽ không hề buộc phải trao chức tế lễ của Ngài cho người khác. Đương nhiên, những thầy tế lễ của Do Thái phải trao lại chức của mình. Một trong những thầy tế lễ đó có thể cam đoan đảm nhận sự

nghiệp của bạn; nhưng có thể người ấy sẽ chết và rồi bỏ dở việc của bạn cho người khác giải quyết. Đấng Christ thì không như vậy. Một khi đã đảm nhận vụ của bạn, Ngài sẽ không bao giờ giao cho một thầy tế lễ nào khác. Chính Ngài có thể cứu bạn trọn vẹn vì Ngài luôn luôn sống để cầu thay cho bạn (7:23-25).

Và cuối cùng, lời thề đã lập thầy tế lễ thượng phẩm của chúng ta là Đấng không những đủ tư cách trọn vẹn, nhưng còn được trang bị hoàn hảo và bởi đó có hiệu năng và hiệu quả toàn hảo. Các thầy tế lễ được lập bởi luật pháp thì không có được điều này. Giỏi lắm thì họ cũng còn yếu đuối (7:28). Giả sử bạn đem nhu cầu cấp bách của mình đến và nhờ một trong số những thầy tế lễ đó đến với Đức Chúa Trời thay cho bạn. Trước hết, hay giữa chừng, thầy tế lễ này phải ngưng lo cho bạn để lo sửa mình ngay thẳng trước mặt Chúa và dâng của tế lễ vì chính tội lỗi của mình. Ngay cả khi giả sử bạn có thể xoay sở sao cho chính thầy tế lễ thượng phẩm trong toàn bộ áo lễ lộng lẫy và uy nghiêm của ông chịu đồng ý lo cho bạn, lúc đó cũng rất dễ dàng có khả năng thầy tế lễ này bị chứng bệnh ngẫu nhiên nào đó hay bị ô uế theo lẽ nghi để rồi tạm thời không đích thân hành động được và buộc người phụ tá thay thế. Và ngay cả người tốt nhất trong số họ cũng không thể dâng được của tế lễ đủ cho bạn đời đời được. Họ đã dâng mỗi ngày một của tế lễ, và rồi nếu muốn giữ cho bạn được công bình trước mặt Chúa, họ phải dâng một của tế lễ khác vào ngày hôm sau, tuần sau, và năm sau. Và khi bạn qua đời, họ thực hiện cho bạn mọi nghi thức và lễ nghi họ biết, họ vẫn không thể bảo đảm Đức Chúa Trời sẽ tiếp nhận bạn vào Thiên đàng của Ngài. Và họ không thể đi cùng bạn trên hành trình từ đời này sang đời sau. Lúc bấy giờ bạn sẽ tự đi một mình! Họ yếu đuối biết đường nào, và mọi nghi lễ, kỳ lễ, những sự tắm rửa và những sự xá tội của họ thấy đều yếu đuối biết đường nào và vô hiệu biết đường nào!

Đấng Christ khác hẳn! Hãy xem Ngài đủ tư cách biết đường

nào. Chưa hề có khi nào Ngài biết đến những sự yếu đuối của tội lỗi hay phải dâng của lễ chuộc tội cho chính Ngài. Ngài luôn luôn thánh khiết, không chỗ trách được và thanh sạch, và hiện được biệt riêng ra khỏi tội nhân. Trong những ngày sống trên đất, Ngài biết sự yếu đuối cố hữu trong việc làm một con người với thân thể tự nhiên (dẫu vậy Ngài vẫn không phạm tội). Nhưng giờ đây, Ngài được tôn cao trên Thiên đàng, thân thể Ngài là thân thể thuộc linh. Ngài không biết đến sự yếu đuối hay yếu ớt. Mắt Ngài không hề nhắm ngủ, Ngài hiện hề mệt mỏi khi cầu nguyện, Ngài luôn luôn bền bỉ cách năng động trong chức vụ. Và hãy xem Ngài được trang bị tốt biết dường nào. Sự dâng chính Ngài làm tế lễ tại Gôgôtha một lần đủ cả đã đủ để khỏa lấp mọi tội của mọi tín đồ cho đến khi – như William Cowper đã nói: “Toàn bộ hội thánh được chuộc của Đức Chúa Trời sẽ được cứu, không còn phạm tội nữa.” Với tư cách Con toàn năng của Đức Chúa Trời, Ngài đã được làm nên trọn lành, được trang bị đầy đủ để có kết quả cách hoàn hảo, đời đời (7:26-28).

Và khi – hay nếu – chúng ta qua đời, chúng ta sẽ không ở một mình. Thầy tế lễ thượng phẩm của chúng ta đã vào Thiên đàng rồi, để khi chúng ta lìa khỏi thân thể này cũng đồng nghĩa là tức thời ở với Chúa (IICôrinhtô 5:6-8), là nơi Ngài ngồi bên hữu ngài của Đấng Tôn Nghiêm trên Thiên đàng (8:1).

Câu Hỏi

1. Kinh Thánh nói gì khi nói về “một ban” hay “dòng dõi” thầy tế lễ? Có phải bất kỳ ai cũng có thể gia nhập vào ban thầy tế lễ trong thời Cựu Ước không?
2. Có những hàm ý thực tiễn nào cho chúng ta khi chức tế lễ thượng phẩm của Chúa chúng ta theo ban Mêchixêđéc?
3. Vì sao chức tế lễ của người Lêvi trong Do Thái giáo thời xưa phải bị loại bỏ?

4. Kinh Thánh muốn nói gì khi bảo Chúa Jesus đã trở thành *Đấng Bảo Chúng* của một giao ước tốt hơn (7:22)?
5. Theo ý nghĩa nào, Chúa chúng ta đã được “nên trọn lành đời đời” (7:28)?
6. Hãy dùng lời của bạn giải thích lời tuyên bố của 7:26 rằng “Ấy đó thật là thầy tế lễ thượng phẩm mà chúng ta có cần dùng.” Bạn có cảm thấy được tự do đến trực tiếp với Ngài không? Hay bạn cảm thấy mình cần một người trung gian nào đó đến với Đấng Christ thay cho bạn?

Chú Thích Chương 8

¹ *Judaistic Christianity* (Macmillan, 1904), trang 1 – 2.

² Pseudo-Aristeas, *Letter to Philocrates*, biên soạn và dịch bởi M. Hadas, New York, Harper and Brothers, 1951, phần 99.\

³ Từ đó, chúng ta suy ra: theo *ban* Mêchixêđéc không có nghĩa chức tế lễ của Chúa chúng ta tùy thuộc vào sự xuất thân từ dòng dõi thuộc thể của Mêchixêđéc, như đã có trong ban Arôn; nhưng điều đó có nghĩa chức tế lễ của Ngài đi theo *khuôn mẫu* của chức tế lễ Mêchixêđéc.

GIAO ƯỚC TRỖI HƠN

Hêbơơ 8

Giờ đây, trước giả tiến đến điểm thuận tiện trong sứ điệp để có thể tạm dừng lại tóm tắt những điều đã nói về thầy tế lễ thượng phẩm của chúng ta cho đến nay. Ông đã nói chủ yếu về sự thiết lập chức tế lễ của Ngài, những tư cách, và ông tóm tắt toàn bộ những điều đó thế này: *“Đại ý điều chúng ta mới nói đó, là chúng ta có một thầy tế lễ thượng phẩm, ngồi bên hữu ngai của Đấng tôn nghiêm trong các tầng trời, làm chức việc nơi thánh và đền tạm thật, bởi Chúa dựng lên, không phải bởi một người nào”* (8:1-2).

Giờ đây, chúng ta sắp ngưng xem xét bản chất và những phẩm chất của thầy tế lễ chúng ta – “thầy tế lễ thượng phẩm như thế” (8:1) để chuyển sang xem xét bản chất chức vụ của Ngài: đền thánh nơi Ngài đang thi hành chức vụ (8:2), của tế lễ để dựa trên cơ sở đó Ngài thi hành chức vụ (8:3-4), và giao ước Ngài thi hành chức vụ trong tư cách người trung gian (8:6). Và như bạn chờ đợi, tác giả sẽ tranh luận rằng Chúa chúng ta trỗi hơn những thầy tế lễ của Do Thái giáo thời xưa, không những ở thân vị và những phẩm chất của Ngài, hoặc trong cấp bậc được tôn cao của chức vụ Ngài, mà còn trong cả địa vị, bản chất và những điều kiện của chức vụ Ngài nữa.

Đoạn 8 cho thấy chức vụ của Ngài cũng tốt hơn những chức vụ của các thầy tế lễ trong phương diện giao ước mà Ngài làm Đấng trung bảo với tư cách thầy tế lễ. Chức tế lễ của Arôn có mặt để hoạt động theo những điều khoản của giao ước cũ. Chúa Jesus trong chức tế lễ của Ngài thực thi hiệu lực những điều khoản của giao ước mới (8:6-13). Vì vậy đoạn 9 sẽ cho thấy chức

vụ của Ngài trội hơn trên phương diện địa vị để thực thi chức vụ ấy. Những thầy tế lễ thuộc dòng Arôn thi hành chức vụ trong đền tạm, và đền tạm chỉ là bóng của thực tại này. Chúa Jesus của chúng ta thi hành chức vụ Ngài nơi đền tạm thật, do chính Chúa dựng nên chứ không do con người dựng. Sau đó, đoạn 10 cho thấy chức vụ của Ngài trội hơn chức vụ của các thầy tế lễ Cựu Ước trên phương diện của tế lễ của Ngài. Họ đã dâng những tế lễ bằng súc vật; Ngài dâng của tế lễ bằng chính thân thể Ngài. Họ dâng rất nhiều của tế lễ; Ngài cần dâng chỉ một tế lễ mà thôi. Các của tế lễ của họ cần được dâng lên liên tục; của tế lễ của Ngài đã hoàn tất công tác và không bao giờ phải lập lại hay dâng lại một lần nữa.

Tác giả của chúng ta sẽ tập trung để bắt đầu với đề tài đầu tiên trong những đề tài này. Nhưng trước khi bắt đầu, ông không thể không tóm tắt ngắn gọn địa vị mà Chúa chúng ta hiện nay đang thi hành chức vụ. Và điều đó cũng dễ hiểu; vì sau khi đã nói trong đoạn 5 về sự tôn cao Chúa chúng ta trong tư cách thầy tế lễ thượng phẩm, điều hoàn toàn tự nhiên là ông sẽ nghĩ ngay tức khắc đến địa điểm Ngài hiện được đặt vào. Đương nhiên, địa điểm đó là Thiên đàng. Nhưng trước giả không tự thỏa mãn với phần mô tả ngắn gọn như thế. Độc giả của ông đang được yêu cầu phải bỏ đền thờ của họ tại Giêrusalem cùng với kiến trúc lộng lẫy của họ, những hành lang thiêng liêng, Nơi Thánh cùng Nơi Chí Thánh – thánh đến nỗi chỉ một mình thầy tế lễ thượng phẩm mới được vào và mỗi năm chỉ được vào một lần; phải bỏ đền thờ thiêng liêng và yêu dấu của họ, trung tâm chú ý cho những người Do Thái trên thế gian cùng với đám rước lễ uy nghiêm của sinh tế và hát xướng trong giáo nghi của nó. Đối với người Do Thái sống ở hải ngoại, đến thăm đền thờ là một từng trải huy hoàng của cả đời.

Và họ phải lìa bỏ toàn bộ những điều đó? Vậy thì điều gì sẽ thay thế hay có thể thay thế điều đó? Ô, đương nhiên là đền thánh mà Chúa chúng ta hiện đang phục vụ trong đó. Và đền

thánh đó ở đâu, ra thế nào? Tác giả của chúng ta nói: Chúa của chúng ta đã ngồi “bên hữu ngai Đấng Tôn Nghiêm trong các tầng trời.” Đền tạm nơi Chúa đang thi hành chức vụ là “đền tạm thật,” tức là thứ thật mà đền thờ tại Giêrusalem cùng với toàn bộ vẻ huy hoàng tráng lệ của nó chỉ là một bản sao và cái bóng của đền thật mà thôi (8:5). Nếu đã có được cái thật, ai lại không bỏ một mô hình suông như thế? Không người trẻ nào tiếp tục chơi những chiếc xe mô hình (là điều nói lên rằng mình chỉ là một cậu bé), trong khi có cơ hội sở hữu và lái một chiếc xe thật.

Nhưng không phải chỉ có thể mà thôi. Hãy lắng nghe lời tuyên bố sừng sốt này: *“Chúa chúng ta đã ngồi bên hữu ngai của Đấng Tôn Nghiêm trong các tầng trời.”* Có lẽ bạn phải làm người Do Thái thời xưa thì mới thấy hết ý nghĩa của điều này. Trong đền thờ của họ có Nơi Chí Thánh, và trong Nơi Chí Thánh có Hòm Giao Ước, biểu tượng về ngai của Đức Chúa Trời. Nơi đó thiêng liêng đến nỗi trong suốt ba trăm sáu mươi bốn ngày của cả năm, không ai được phép đến gần ngai đó. Một bức màn che Nơi Chí Thánh và ngai biểu tượng của nó khỏi cặp mắt nhòm ngó của mọi người. Mỗi năm chỉ một ngày, thầy tế lễ thánh nhất của họ mới được phép bước vào, và chỉ trong vài giây nhìn thoáng những gì có thể thấy về ngai đó xuyên qua những đám mây khói hương đang nghi ngút phủ kín. Nhưng – ngồi trên ngai? Dầu đây chỉ là biểu tượng, trong suốt lịch sử Ysraên, chưa hề có thầy tế lễ thượng phẩm nào dám mơ ngồi gần đâu đó chứ đừng nói ngồi lên trên ngai ấy!!!

Nhưng Đấng Christ đã ngồi, không phải ở bên hữu một biểu tượng trên trần gian nào đó về ngai của Đức Chúa Trời, mà ngồi ngay bên hữu ngai thực của Đấng Tôn Nghiêm trên Thiên đàng. Dường như thể chừng đó vẫn chưa đủ gây sừng sốt, khi tác giả tiến đến đỉnh điểm của mấy đoạn kế tiếp này, ông sẽ nhắc chúng ta nhớ Chúa chúng ta với tư cách thầy tế lễ thượng phẩm trên cả nhà của Đức Chúa Trời đang mời chúng

ta ngay cả hiện nay dạn dĩ đến và cùng Ngài lấy tâm linh ở tại ngay chính ngài của Đấng Tôn Nghiêm trên Thiên đàng (4:21-22; cũng xem 4:16).

Khi đọc giả của bức thư đã quen vận dụng đặc ân của mình trong tư cách tín hữu, khi đến thăm Giêrusalem với thầy tế lễ thượng phẩm Do Thái nào đó trong đền thờ trên trần gian này, là đền thờ chỉ là mô hình về đền thờ thật, họ hiếm khi nào còn mang ấn tượng rằng đền thờ này thánh đến nỗi thành viên của giới giáo hữu không được phép bước vào trong nơi thánh của nó chứ đừng nói đến Nơi Chí Thánh, và điều đó sẽ bắt đầu nhắc họ – như tác giả giờ đây nhắc họ (8:4) – rằng nếu Chúa chúng ta vẫn còn trên đất, họ sẽ không – và theo luật Cựu Ước, họ không thể – để cho Ngài bước vào cả hai nơi đó, chứ đừng nói thi hành chức vụ tại đó. Một tín đồ Đấng Christ người Do Thái sẽ thấy những hàm ý này rất hiển nhiên.

Chức Vụ Trỗi Hơn Của Chúa Chúng Ta

Nhưng không những địa điểm mà Chúa chúng ta được đặt vào làm thầy tế lễ là trỗi hơn đền thờ của người Do Thái; chức vụ của Ngài còn trỗi hơn chức vụ của họ, vì Ngài là Đấng Trung Bảo của một giao ước mới tốt hơn vô hạn so với giao ước cũ mà các thầy tế lễ Do Thái đã phải thực thi.

Để hiểu sự khác biệt giữa giao ước cũ và giao ước mới, chúng ta trước hết hãy xem từ ngữ “giao ước” có nghĩa gì trong văn mạch này. Chúng ta có thể minh họa vấn đề bằng những phong tục thịnh hành trong thế giới thời Môise. Thời đó, các vị đại đế sẽ thảo những hiệp ước với các vua chư hầu của họ, để nhắc nhở các vị vua thần phục này biết ai là đại vương, đại vương đó đem lại cho họ lợi ích nào, các vua chư hầu phải có hành vi nào, những phước hạnh nào tặng thêm cho họ nếu vâng lời vị hoàng đế kia, và những hình phạt nào phải chịu nếu nổi loạn chống lại đại vương đó. Nói cách khác, những hiệp ước này nói chi tiết mối quan hệ giữa vị vua cai trị vĩ đại với các thần dân

của ông.

Giờ đây những hiệp ước này được gọi là các giao ước, và như vậy, giao ước cũ là hiệp ước giữa Đức Chúa Trời với người Ysraên, để quy định mối quan hệ giữa Ngài là Đấng tể trị họ với họ là thần dân của Ngài. Giao ước này nói cụ thể trong Mười Điều Răn và trong rất nhiều điều luật nhỏ hơn về những hành vi Đức Chúa Trời đòi hỏi nơi Ysraên, và sau đó nói chi tiết những lời rủa sả sẽ giáng trên họ nếu họ vi phạm các điều khoản của giao ước, những phước hạnh sẽ đi kèm theo nếu họ vâng phục các điều khoản đó.

Như vậy, giao ước cũ là giao ước hai bên. Đức Chúa Trời có phần của Ngài để giữ và những điều kiện để làm trọn, và dân Ysraên có phần của họ. Vì vậy, đã rõ ngay từ đầu rằng nếu Ysraên vi phạm phần giao ước của họ và không đáp ứng được đòi hỏi của giao ước đó, họ không những đánh mất ơn phước Chúa hứa cho họ: họ còn phá hỏng mối quan hệ với Chúa và khiến những lời rủa sả của Ngài giáng trên đầu họ.

Và đấy chính xác là điều họ đã làm! Bất kể sự kiện họ đã nồng nhiệt hoan nghênh giao ước ấy và sẵn sàng tuân giữ phần của mình, Môise hầu như không kịp đem các bản luật từ trên núi xuống trước khi dân sự vi phạm điều căn bản nhất trong toàn bộ những đòi hỏi của giao ước đó. Đức Chúa Trời đã kiên nhẫn, nhưng Ysraên liên tục và không ngừng không giữ phần của mình và đến cuối cùng Đức Chúa Trời đã từ khước họ: “Vì họ không bền giữ lời ước ta, nên ta không đoái xem họ, ấy là lời Chúa phán” (8:9).

Đây phải là bài học cho chúng ta; nhưng bất hạnh thay, vẫn có người ngay cả trong Cơ đốc giáo giới tưởng tượng rằng có thể xây dựng mối quan hệ thật và thỏa đáng với Đức Chúa Trời trên cùng những quy định ấy để tuân giữ giao ước cũ. Có thể họ không diễn tả ý họ theo những từ ngữ thần học như cách chúng ta vừa mới dùng; họ có khuynh hướng nói đại loại

như thế này: “Tôi tin nếu mình làm hết sức để giữ các điều răn, để phục vụ Chúa và yêu mến người lân cận, tôi sẽ ổn cả, và đến cuối cùng mọi việc đều sẽ ổn cả.” Nhưng đương nhiên không như vậy đâu. Không thể như vậy được. Khi bạn khảo sát kỹ, điều họ gọi là “làm hết sức mình để giữ các điều răn” hóa ra không phải là giữ các điều răn nhưng là sự thất bại không giữ các điều răn được, không phải là sự thất bại hai mươi lăm phần trăm, hoặc hơn kém đôi chút, nhưng là một thất bại vì hoàn toàn không giữ được. Và nếu họ cứ khăng khăng mối quan hệ của mình với Chúa tùy thuộc nơi những nỗ lực đầy khuyết điểm của họ hãy giữ luật pháp Ngài, thì Đức Chúa Trời không còn chọn lựa nào khác hơn là khước từ họ cũng như Ngài đã khước từ Ysơraên.

Giao Ước Mới

Do đó, Đức Chúa Trời đã bãi bỏ giao ước cũ cùng mọi nỗ lực nhằm xây dựng mối quan hệ với con người trên cơ sở giao ước cũ. Đây không phải là một ý kiến mới lạ do Cơ đốc nhân sáng chế ra. Đức Chúa Trời công bố ý định thực hiện việc đó nhiều thế kỷ trước thông qua vị tiên tri Do Thái là Giêrêmi. Ngài tuyên bố một ngày kia sẽ lập giao ước mới với dân sự Ngài. Trước giả lập luận (8:7): chính việc Ngài phải lập giao ước mới cho thấy giao ước thứ nhất vẫn còn có khiếm khuyết. Không phải là các tiêu chuẩn của giao ước cũ quá cao. Đó là một giao ước có hai bên: Đức Chúa Trời có phần của Ngài để Ngài giữ và Ysơraên cũng vậy. Và Ysơraên không giữ nổi phần của họ, nhưng liên tục vi phạm, kèm theo nhiều hậu quả tai họa.

Vì vậy giao ước mới phải khác hẳn, khác triệt để, với giao ước cũ: *“Không phải như ước ta đã lập với tổ tiên chúng nó, trong ngày ta cầm tay họ dẫn ra khỏi xứ Êđíphtô”* (tức là luật pháp được ban ra tại Sinai). Chúng ta hãy lưu ý chữ “không phải”; vì đôi khi chúng ta nghe những gợi ý nói rằng suy cho cùng, giao ước mới không hề khác gì nhiều hơn giao ước cũ. Nhưng

theo Đức Chúa Trời, giao ước mới về cơ bản khác hẳn triệt để.

Trên những phương diện nào? Thứ nhất, giao ước mới phải là giao ước không do hai bên. Đây chính xác là rắc rối của giao ước cũ; vì khi Ysraên không thể giữ được phần của họ, toàn bộ giao ước bị hư hỏng, Ysraên mất phước hạnh của họ và phải gánh chịu những lời rửa sả. Vì vậy giao ước mới sẽ không giống như thế. Đây là giao ước một bên, không phải là giao ước hai bên. Xem những điều khoản của giao ước được liệt kê ra đây (8:10-12) bạn sẽ thấy không có một điều nào buộc dân sự của Chúa phải làm, không một điều kiện nào yêu cầu họ phải làm trọn. Các điều khoản của giao ước mới này chỉ đơn giản được công bố ra, từng điều một và toàn bộ những điều khoản đó, những điều Đức Chúa Trời sẽ làm. Ngài thực sự thực hiện tất cả những điều khoản ấy! Và Đức Chúa Trời sẽ làm trọn mọi điều khoản Ngài đã hứa sẽ làm trọn, giao ước này sẽ không bao giờ bị phá vỡ, và dân sự của Chúa sẽ không bao giờ bị bỏ hay bị khước từ.

Luật Pháp Của Đức Chúa Trời Ở Bên Trong

Và như vậy, giao ước mới cũng triệt để khác hẳn giao ước cũ trên nhiều phương diện khác nữa. Hãy xem điều đầu tiên Đức Chúa Trời kết ước sẽ làm: *“Ta sẽ để luật pháp ta trong trí họ và ghi tạc vào lòng”* (8:10). Có thể thấy đại ý của câu này nếu nhớ Mười Điều Răn của giao ước cũ được ghi trên hai bảng đá. Đây là nguyên nhân khiến chúng không công hiệu trong việc khiến dân sự làm theo ý muốn Đức Chúa Trời. Chúng chỉ là những điều răn ở bề ngoài được viết trên đá. Chúng truyền cho một người phải làm những điều nào, nhưng không thể ban cho sức mạnh để làm; chúng bảo người ta những gì không được phép làm, nhưng không thể cho quyền năng để kiềm chế đừng làm. Tự bản thân chúng, chúng là những điều răn hoàn toàn tốt và hợp lý, và nếu như người ta có thể giữ chúng, chúng sẽ tạo ra trong họ những tính cách cao quý nhất. Nhưng không ai

giữ được chúng. Tấm lòng của chúng ta là yếu đuối và tội lỗi, đối trá hơn muôn vật, như Cựt Ước đã nói (Giêrêmi 17:9), và hết sức bịnh hoạn.

Trước khi người ta mong giữ được luật pháp của Đức Chúa Trời theo cách làm Ngài thỏa mãn, họ cần được ban một tấm lòng hoàn toàn mới, một bản chất mới, một sức mạnh mới. Và do đó, chính xác điều này thuộc điều khoản đầu tiên trong giao ước mới. Việc Chúa cam kết viết luật pháp Ngài trên lòng của chúng ta còn mang ý nghĩa trội hơn cả việc giúp chúng ta ghi nhớ để khi cần thì có thể tức khắc lập lại thuộc lòng. Điều này có nghĩa tháp vào bên trong chúng ta một bản tánh mới, trên thực tế là chính bản tánh của Đức Chúa Trời (xem IIPhierơ 1:3-4). Vì như thư Rôma nói: *“Vì sự chăm về xác thịt nghịch với Đức Chúa Trời, bởi nó không phục dưới luật pháp Đức Chúa Trời, lại cũng không thể phục được”* (8:7, RV); và do đó, nếu chúng ta muốn làm trọn luật pháp của Đức Chúa Trời, Đức Chúa Trời phải tạo ra bên sự sống mới trong chúng ta để nhờ bản tánh của sự sống đó mà làm theo luật pháp của Đức Chúa Trời. Sự đồ Giảng gọi tiến trình này là “sự tái sanh”; giao ước mới gọi đây là “viết luật pháp của Đức Chúa Trời trên lòng chúng ta.”

Biết Chúa

Điều khoản tiếp theo trong giao ước nói mỗi tín hữu sẽ được hiểu biết Chúa mật thiết trong kinh nghiệm cá nhân của mình. Điều khoản nói thế này: *“Ta sẽ làm Đức Chúa Trời họ, họ sẽ làm dân ta. Trong vòng họ sẽ chẳng có ai dạy bảo công dân mình và anh em mình, rằng: Hãy nhìn biết Chúa; Vì hết thảy trong vòng họ, từ kẻ rất nhỏ cho đến kẻ rất lớn đều sẽ biết ta.”*

Đương nhiên, theo ý nghĩa này, biết Đức Chúa Trời không chỉ là biết có một Đức Chúa Trời. Động từ “biết” là động từ được Kinh Thánh dùng chỉ về mối quan hệ mật thiết giữa người nam và vợ người (Sáng Thế Ký 4:1, AV/ KJV). Ở bình diện thuộc linh, biết Đức Chúa Trời biểu thị mối quan hệ cá

nhân, trực tiếp và mật thiết với Chúa. Kinh nghiệm gián tiếp về Đức Chúa Trời truyền đạt qua sách vở, và qua những người giảng đạo, có thể mang một giá trị thực tế và tích cực. Nhưng như vậy thì chưa đủ.

Người khác có thể giúp ích rất nhiều để chúng ta hiểu nhiều điều về Chúa; nhưng để kinh nghiệm sự cứu rỗi, để luật pháp của Chúa viết trên lòng chúng ta, chúng ta phải biết Đức Chúa Trời một cách cá nhân, đích thân và trực tiếp. Cô gái có thể lần đầu tiên biết được về người chồng tương lai của mình thông qua những lời giới thiệu sôi nổi của người bạn nào đó, và người bạn này có thể sau một thời gian thì giới thiệu cặp này đến với nhau. Nhưng nếu cô này muốn trở thành vợ của người đàn ông kia, thì phải có một lúc người bạn kia phải tránh ra, và cô gái bước vào mối quan hệ trực tiếp và cá nhân với người nam.

Hơn nữa, không bước vào được mối quan hệ cá nhân như thế với Đức Chúa Trời chính là tai họa thuộc linh chí tử. Chúa chúng ta đã đích thân cảnh cáo rằng cuối cùng khi Ngài chờ dậy đóng cửa và phải truyền cho những người bên ngoài lia xa, nguyên nhân khiến họ phải ra đi được nêu trong những lời lẽ này: *“Ta chưa hề biết các ngươi”* (Mathiơ 7:23). Điều đó không có nghĩa Đấng Christ chưa bao giờ biết có họ hiện hữu, hay chưa từng biết họ là ai; điều này có nghĩa họ và Đấng Christ chưa hề có những giao kèo cá nhân và trực tiếp với nhau. Và Đấng Christ cảnh cáo thêm rằng chính sự kiện họ có thể trưng ra những bằng chứng sùng đạo thậm chí trên mức trung bình thì cũng không chứng minh sự thay thế thỏa đáng cho hiểu biết cá nhân về Cứu Chúa (Mathiơ 7:22; Luca 13:26).

Trái lại, Đấng Christ nói về tín hữu thật: *“Ta là người chăn hiền lành, ta quen chiên ta, và chiên ta quen ta, cũng như Cha biết ta, và ta biết Cha vậy; ta vì chiên ta phó sự sống mình.”* Và một lần nữa, *“Chiên ta nghe tiếng ta, ta quen nó, và nó theo ta. Ta ban cho nó sự sống đời đời; nó chẳng chết mất bao giờ,*

và *chẳng ai cướp nó khỏi tay ta*” (Giăng 10:14-15, 27-28). Giờ đây, điều kỳ diệu nơi hiểu biết cá nhân này về Chúa và mối quan hệ với Ngài chính là: đây không phải là một điều gì đó mà chúng ta phải dùng sự rèn luyện chuẩn bị khắc khe lâu dài để làm việc và đạt đủ tư cách nhận lấy. Giao ước mới ban điều ấy như một món quà. Điều này do Đức Thánh Linh đem đến trong chính tấm lòng của người nào tin cậy Đấng Christ. Hãy nghe lời Phaolô: *“Lại vì anh em là con, nên Đức Chúa Trời đã sai Thánh Linh của Con Ngài vào lòng chúng ta, kêu rằng: Aba! Cha!”* (Galati 4:6). Khi vừa mới tin cậy Đấng Christ và trở nên con cái Đức Chúa Trời, chúng ta vẫn còn rất non nớt. Chúng ta vẫn chưa phải là những người lớn thuộc linh, cũng chưa phải những người trai trẻ mạnh mẽ trưởng thành đủ; chúng ta chẳng khác gì hơn những con trẻ thuộc linh. Thế nhưng Giăng nói thế này: *“Hỡi các phụ lão, tôi viết cho các ông, vì các ông đã biết Đấng có từ lúc ban đầu. Hỡi kẻ trẻ tuổi, ta viết cho các người, vì các người đã thắng được ma quỷ”* (IGiăng 2:13).

Sự Tha Thứ Của Đức Chúa Trời

Điều khoản thứ ba và là điều khoản chót của giao ước mới nói thế này: *“Nhân ta sẽ tha sự gian ác của họ, và không nhớ đến tội lỗi họ nữa”* (8:12).

Điều kỳ diệu của điều khoản oai nghiêm này ấy là: chính tại đây, chúng ta nhận được sự tha tội đã được viết trong điều khoản của giao ước. Hãy xem xét ý nghĩa quan trọng của nó.

Có lẽ bạn nghĩ: “Phải rồi, tôi đã thấy kể từ khi mình hoán cải, tôi thực sự thích làm theo ý muốn Chúa và tự nhiên suy nghĩ về lời Ngài, rất khác với những từng trải trước khi hoán cải. Hồi trước tôi ghét làm những việc mà Chúa đã truyền phán – giờ đây tôi thích làm chúng. Nhưng tôi không luôn luôn cố gắng làm theo ý muốn Chúa, thậm chí khi tôi muốn làm đi nữa! Vậy chuyện gì xảy ra? Tôi muốn biết điều đó. Điều gì xảy ra khi cho dù tôi có ý tốt, cùng thất bại? Khi tôi thất bại, có

phải mọi thứ đều hồng cả?”

Đương nhiên là không, nguyên nhân cho điều khoản chót trong giao ước là thế này: *“Ta sẽ tha sự gian ác của họ, và không nhớ đến tội lỗi họ nữa.”* Cảm tạ Chúa về thứ tự của giao ước này. Được soạn ra đúng y như thế bởi vị luật sư chính xác nhất trong cõi vũ trụ này, chính trật tự của giao ước này rất có ý nghĩa. Nó không nói: “Trước hết, ta sẽ tha thứ tội ác họ, rồi sau đó ta mới viết luật pháp ta trong lòng họ.” Giao ước nói: “Trước hết, ta sẽ viết luật pháp ta trong lòng và trong trí họ. Và giả sử đã có mọi điều như thế mà họ vẫn cứ thất bại, ta có thực hiện những gì đã làm cho Ysraên rồi bỏ họ không? Không! Giao ước này khác hẳn: *Ta sẽ giàu lòng thương xót để sẽ không còn nhớ đến những gian ác và tội lỗi họ nữa.”*

Đây là điều rất thú vị và hoàn toàn trái ngược với những gì bạn mong đợi. Khi người tin Đấng Christ khám phá ra ân điển vô hạn Chúa dành cho họ, và chức năng của Đức Chúa Jesus với tư cách thầy tế lễ để cứu họ đến tận cùng, và những điều khoản không thể phá vỡ được của giao ước mới, điều đó sẽ không khiến họ cảm thấy muốn lợi dụng giao ước mới để tiếp tục phạm tội tùy thích. Nếu thật sự thuộc về Đấng Christ thì không có trường hợp đó. Nó khiến họ cảm thấy muốn bước ra và luôn luôn sống cho Đấng Christ. Nó khiến họ cảm thấy phạm tội nghịch cùng Ngài tức là vong ơn đen tối nhất; nó khiến họ cương quyết luôn luôn tìm ơn giúp đỡ của Thầy Tế Lễ Thượng Phẩm này, để không phạm tội và không làm buồn lòng Ngài.

Có người phản đối rằng nếu giao ước này bảo đảm sự tha thứ để chúng ta có thể biết chắc chắn về điều đó từ trước, điều đó sẽ chẳng hơn gì vụ tai tiếng thời Trung Cổ ngày xưa khi có thể mua bùa xá tội từ trước cho những tội vẫn chưa phạm nhưng đã có ý định phạm, để rồi có thể tiếp tục phạm mà vẫn biết chắc mình được tha thứ và nhờ đó hầu như không còn bị hình phạt nữa.

Câu trả lời cho phản đối này như sau: Lời phản đối này quên điều khoản đầu tiên của giao ước mới nói gì. Điều khoản đó diễn tả sự cương quyết của Đức Chúa Trời để viết luật pháp Ngài trên lòng người tin, theo cách nói của Phaolô (Rôma 8:4), *“hầu cho sự công bình mà luật pháp buộc phải làm được trọn trong chúng ta, là kẻ chẳng noi theo xác thịt, nhưng noi theo Thánh Linh.”* Nói như vậy có nghĩa giao ước mới không chỉ cung cấp sự tha tội; đúng hơn, điều khoản đầu tiên công bố mục tiêu chính yếu của giao ước là khiến chúng ta nên thánh bởi công tác tiệm tiến của Đức Thánh Linh trong lòng chúng ta, và bảo chúng rằng Đức Chúa Trời sẽ không từ bỏ cho đến khi Ngài khiến chúng ta nên hoàn hảo, cho dù phải trả giá nào (xem ICôrinhtô 11:31-32).

Chỉ trong văn mạch này, điều khoản thứ ba mới bảo đảm cho chúng ta rằng việc Chúa chấp nhận chúng ta không tùy thuộc nơi tiến bộ thuộc linh của chúng ta và chắc chắn không tùy thuộc nơi việc chúng ta có đạt đến sự trọn lành hay không. Trong trường hợp sự nên thánh tiệm tiến, chúng ta sẽ còn gặp rất nhiều bài học khó, và còn vô số những lỗi lầm cùng thất bại của chúng ta. Nhưng chúng ta có thể tìm được lòng can đảm và yên ủi từ nơi lời Đức Chúa Trời bảo đảm sẽ tha thứ hoàn toàn, và biết rằng chúng ta sẽ không bao giờ đánh mất sự chấp nhận của Chúa, và cuối cùng sẽ đạt được mục tiêu của sự trọn lành.

Câu Hỏi

1. Chức vụ của Chúa chúng ta trong tư cách Thầy Tế Lễ Thượng Phẩm là trội hơn chức vụ của các thầy tế lễ thời Cựu Ước (8:2-6) trong ba lãnh vực nào?
2. Theo 8:9-10, khác biệt cơ bản giữa giao ước cũ và giao ước mới là gì?
3. Hãy giải thích các điều khoản của giao ước mới và cho biết chúng tác động thế nào đến mối quan hệ của chúng ta với Chúa.

- (a) Việc viết luật pháp của Đức Chúa Trời trong lòng và trong trí chúng ta có nghĩa gì?
- (b) “Biết” Đức Chúa Trời có nghĩa gì?
- (c) *Vị trí* của điều khoản cuối cùng trong giao ước này có ý nghĩa quan trọng không? Vì sao có hoặc vì sao không?

ĐỀN THÁNH TỐT HƠN

Hêbơơ 9

“Giờ đây, đương nhiên ngay cả giao ước thứ nhất cũng có những quy định do Chúa ban về sự thờ phượng và đền thánh dưới đất này” (9:1, bản dịch của tôi).

Cơ đốc giáo không hề phủ nhận tầm quan trọng hay xem nhẹ vinh hiển của giao ước cũ. Đúng là trong câu sáu của đoạn này, tác giả sẽ bắt đầu nêu ra những giới hạn nghiêm trọng trong hệ thống thờ phượng của giao ước cũ. Nhưng trong toàn bộ những giới hạn đó, hệ thống ấy cực kỳ oai nghiêm đang khi còn tồn tại. Tác giả không những thừa nhận, ông còn khẳng định điều đó nữa. Nếu hệ thống thờ phượng Cơ đốc là tốt hơn – và quả thật vậy – thì không phải vì hệ thống của giao ước cũ là tồi tàn và vô giá trị. Không hề như vậy. Đây chính là hệ thống tốt nhất được chính Đức Chúa Trời vạch ra và dự bị – “cho đến kỳ của trật tự mới” (9:10), khi sự nhập thể, sự chết, sự phục sinh và thăng thiên của Đức Chúa Jesus Christ chúng ta thực hiện một hệ thống tốt hơn vô hạn.

Đền tạm được quy định bởi giao ước cũ, như trước giả đã nêu lên rồi, đã được xây theo lệnh của Đức Chúa Trời đúng theo mẫu Chúa chỉ cho Môise ở trên núi Sinai (8:5). Ngay cả đại giáo đường vĩ đại nhất hay giáo đường Basilica vĩ đại nhất trong toàn cả Cơ đốc giáo giới cũng không có giáo đường nào dám tuyên bố như thế!

Giao ước cũ *“có... một nơi thánh dưới đất”* (9:1 nguyên văn). Hãy lưu ý có một mạo từ xác định: *một nơi thánh này* dưới đất. Đối với những nơi thánh dưới đất theo nghĩa đen, đền tạm này (và những đền kế thừa nó, là các đền thờ do Salômôn và

Exora xây cất) là đền thánh duy nhất từng được Đức Chúa Trời truyền xây cất. Hệ thống thờ phượng của Cơ đốc giáo tốt hơn hệ thống của Do Thái giáo chính vì nó không có những đền thánh (do Đức Chúa Trời chỉ định) trên trần gian này. Đền thánh nơi Chúa chúng ta hiện đang thi hành chức vụ (8:2) và Cơ đốc nhân được mời gọi bước vào để thờ phượng Đức Chúa Trời của họ (10:19-22) không hề là đền thánh trên đất, nhưng ở trên Thiên đàng. Do đó, cũng dễ hiểu, Đức Chúa Trời không truyền cho các sứ đồ của Đấng Christ bất kỳ mạng lệnh hay bản thiết kế nào để xây dựng những đền thánh dưới trần gian này.

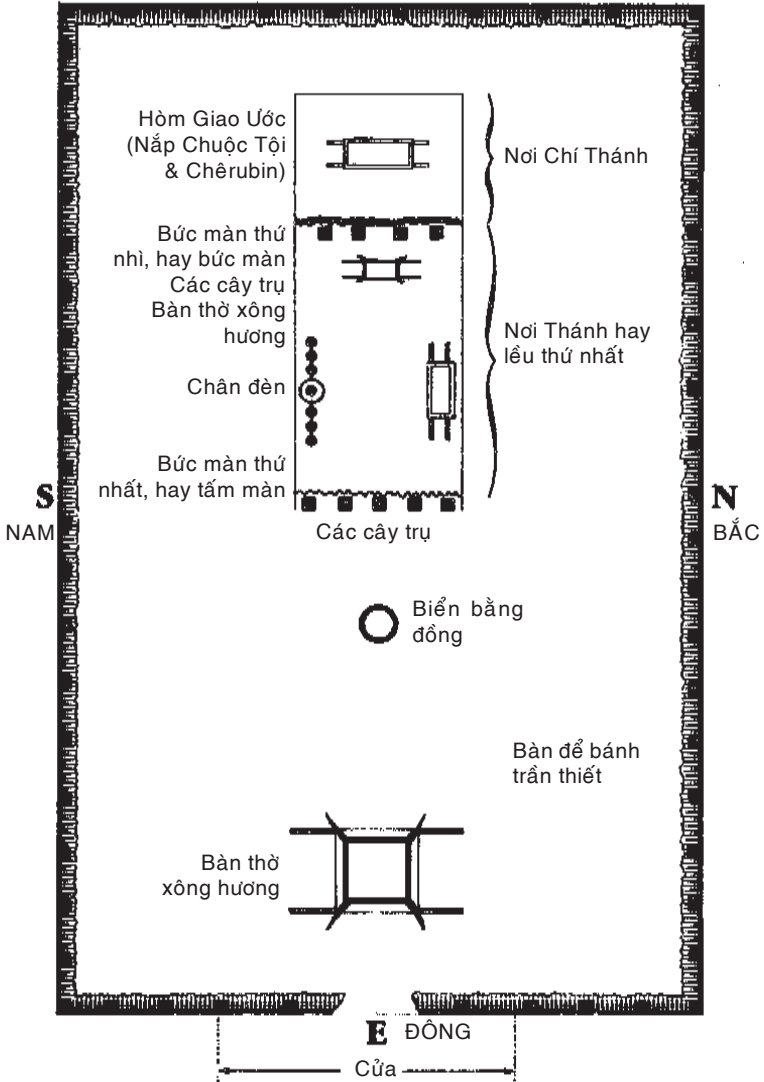
Nhưng đối với Ysraên ngày xưa, Đức Chúa Trời có quy định một đền thánh dưới đất này, và đền thánh đó là độc nhất vô nhị. Tại Nơi Chí Thánh của đền đó, Đức Chúa Trời giáng xuống để ngự trong đó theo cách Ngài chưa hề ở trong bất kỳ một đền thờ, đền hay đền tạm nào khác do con người lập ra trên thế giới này. Khi đền tạm của Môise được dựng lên, *“Áng mây bao phủ hội mạc và sự vinh hiển của Đức Giêhôva đầy đầy đền tạm, cho đến đổi Môise vào chẳngặng, vì áng mây bao phủ ở trên và sự vinh hiển của Đức Giêhôva đầy đầy đền tạm”* (Xuất Êđiptô Ký 40:34-35). Tương tự, khi đền thờ của Salômôn xây xong, *“những thầy tế lễ chẳng vào được trong đền của Đức Giêhôva, vì sự vinh quang Đức Giêhôva đầy đầy đền của Ngài”* (IISử Ký 7:2). Chính Đức Chúa Trời đã ngồi *“ngự ở giữa chêrubin ở trên hòm ấy”* trong Nơi Chí Thánh (IISamuên 6:2).

Trước giả của chúng ta mô tả cẩn thận những đặc trưng chính của đền tạm; và chúng ta phải cố gắng hiểu chính xác những thuật ngữ chuyên môn ông sử dụng ở đây.

Ông nói cấu trúc của đền tạm gồm hai phần. Phần thứ nhất, là Nơi Thánh, được gọi là “lều thứ nhất” (“the first tabernacle”); và điều rất quan trọng là phải thấy được tác giả dùng cụm từ “lều thứ nhất” này, để nói phòng thứ nhất trong đền tạm của Môise (và trong toàn bộ những đền thờ sau đó tại Giêrusalem),

LỀU TẠM

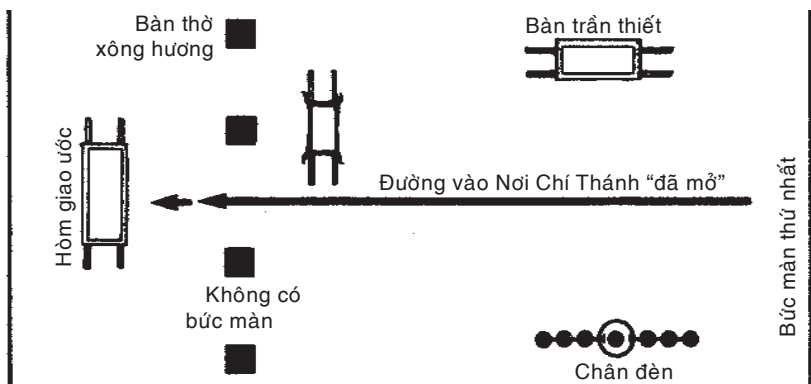
W TÂY



được gọi cách khác là “*Nơi Thánh*” (9:2), để phân biệt với phòng thứ hai trong cùng một lều đó, còn được gọi cách khác là “*Nơi Chí Thánh*” (9:3) hoặc “*Nơi Rất Thánh*” “*Nơi Thánh Của Nơi Thánh.*” Ý ông không muốn nói Nơi Thánh thứ nhất, do Môise xây cất, để phân biệt với những đền thánh sau đó do Salômôn, Exora và những người khác xây cất. Ngay tại lối vào của lều thứ nhất có treo một bức màn được gọi là bức màn thứ nhất. Một bức màn khác nữa, mà tác giả của chúng ta gọi là bức màn thứ hai, chia lều thứ nhất ra khỏi lều thứ nhì, tức là chia Nơi Thánh với Nơi Chí Thánh. Trong hai tấm màn này, tấm thứ hai là quan trọng hơn trong các nghi lễ của đền tạm, đã có danh tiếng không phai tàn khi màn tương ứng với nó trong đền thờ của Hêrốt bị xé từ trên chí dưới ngay tại lúc Đấng Christ chết tại đồi Gôgôtha (Mathiơ 27:51). Vì vậy, bức màn thứ nhì thường được nói đến như là “bức màn này” (có mạo từ xác định “*the veil*”).

Còn có rất nhiều điều đáng nói về cấu trúc của đền tạm. Tác giả cũng liệt kê những đồ vật chính trong các vật dụng

SƠ ĐỒ ĐỀN TẠM CÙNG VỚI BỨC MÀN THỨ NHÌ ĐÃ BỊ BỎ



Nơi Chí Thánh

Đền Tạm Thứ Nhất Được Hòa Lẫn Với Nơi Chí Thánh: không còn phải đứng riêng biệt nữa.

thiên liêng của đền tạm, bắt đầu từ những thứ có trong Nơi Thánh và rồi tiến sâu vào trong.¹ Đây là danh sách ngắn, đầu tác giả hàm ý hẳn đã nói chi tiết hơn về ý nghĩa mỗi một vật dụng thiên liêng này nếu có thì giờ (9:5). Nhưng khi nói đến vật dụng cuối cùng, lời mô tả vắn tắt của ông rõ ràng nêu lên điều oai nghiêm và kỳ diệu nhất về đền tạm: Ông nói: “Phía trên hòm giao ước, có hai chêrubin Vinh Hiển” (9:5). Đương nhiên, với từ ngữ “Vinh Hiển,” ông nói đến sự hiện diện thực sự và lập tức của Đức Chúa Trời.

Bây giờ, chúng ta không biết độc giả của ông sống ở đâu, ở Giêrusalem, Alexandria, Rôma hay nơi khác. Vì vậy chúng ta không biết trên thực tế họ có đến thăm Giêrusalem mỗi tuần trong đời không, hay chỉ một hoặc hai lần trong những chuyến hành hương nhân dịp lễ, hoặc thậm chí chưa đến đó lần nào. Nhưng chúng ta có thể biết chắc điều này: trong tâm trí đa số những độc giả của ông, đền thờ tại Giêrusalem, căn cứ trên đặc trưng cơ bản của nó về đền tạm của Môise, sẽ được liên tưởng đến những từng trải và những đặc ân thiên liêng nhất, tôn cao nhất và vinh hiển nhất mà người ta từng hình dung ra. Ất hẳn họ sẽ thấy là phạm tội báng bổ nếu gợi ý rằng với tư cách Cơ đốc nhân, giờ đây họ phải bỏ đền thờ cùng hệ thống thờ phượng của đền thờ. Thế nhưng đây chính xác là điều tác giả đòi hỏi nơi họ (xem 13:11-14). Đương nhiên, chỉ trong vòng vài năm, Đức Chúa Trời sẽ để người Lamã phá hủy hoàn toàn đền thờ như Chúa chúng ta đã tiên tri (Luca 21:5-6). Hệ thống thờ phượng của giao ước cũ thật sự “đã cũ đã già”; chẳng bao lâu sẽ biến mất hoàn toàn (8:13). Nhưng tác giả sẽ thuyết phục độc giả như thế nào để họ bỏ lập tức, và sau khi nó bị hủy phá thì đừng cố tái lập lại trong những nơi nhóm họp để thờ phượng Đấng Christ của họ?

Những Khiếm Khuyết Của Nơi Thánh Dưới Đất

Ông sẽ thực hiện việc này trước hết bằng cách cho thấy

chính cấu trúc của đền tạm công bố tính khiếm khuyết của chính nó. Trên thực tế, ông nói (9:1-5): “Đúng rồi, hệ thống thờ phượng của giao ước cũ, được quy định bởi đền tạm, là cực kỳ vinh hiển, *nhưng...*” lưu ý chữ “Nhưng” ở đầu câu 7. Rất nhiều bản dịch hoặc bỏ hoàn toàn chữ này, hoặc bắt đầu câu bằng từ ngữ như là “Bây Giờ” nên không cho độc giả thấy câu 7 bắt đầu đưa ra khía cạnh đối lập của lập luận: đền tạm là vinh hiển, *nhưng* có một giới hạn hiển nhiên. Đền tạm đã được sắp xếp sao cho chỉ có vài khoảnh khắc ngắn ngủi của một ngày trong một năm, thấy tế lễ thượng phẩm và là người đại diện của dân sự mới được phép bước vào trước hiện diện của Đức Chúa Trời! Còn những thầy tế lễ bình thường không bao giờ được phép bước vào trước sự hiện diện đó, nhưng phải tự thỏa mãn với việc thi hành chức vụ ở lều thứ nhất, tức là trong Nơi Thánh (9:6-7).

Dĩ nhiên, đây không do sơ sót hay lỗi lầm trong bản thiết kế đền tạm. Đây cũng không phải là sự chỉ trích soi mói do Cơ đốc nhân nghĩ ra để nhắm vào người Do Thái. Chính Đức Thánh Linh chịu trách nhiệm về mẫu thiết kế này – và cả người Do Thái chính thống lẫn người Cơ đốc nhân đều đồng ý điểm này. Và Ngài cố ý thiết kế đền tạm với hai phần hoàn toàn riêng biệt để làm một ẩn dụ, để truyền đạt một sứ điệp, trên thực tế là rất nhiều sứ điệp, thật to, rõ và không thể lầm lẫn vào đâu được (9:8-9).

Sứ điệp thứ nhất là rất rõ ràng cũng như hiển nhiên tức thời ngay trước mắt – ít nhất, nó cũng sẽ hiển nhiên nếu dịch giả chịu để cho trước giả của chúng ta nhất quán trong cách sử dụng những thuật ngữ chuyên môn của ông. Ý nghĩa trong mẫu thiết kế của Đức Thánh Linh dành cho đền tạm ấy là “hễ đền tạm thứ nhất đương còn (tức là vẫn còn có, được giữ lại) thì đường vào nơi rất thánh chưa mở” (9:8). Đây là cách dịch nguyên văn. Câu này có nghĩa gì?

Hãy xem lại biểu đồ ở trang 181*. Theo thuật ngữ của tác giả,

“Đền tạm thứ nhất” là phần thứ nhất của tòa nhà, là Nơi Thánh. Vật khiến cho lều tạm thứ nhất này giữ được địa vị riêng biệt của nó, tức là tách khỏi lều thứ nhì tức Nơi Chí Thánh, đương nhiên là bức màn (có mạo từ xác định *the*), tức bức màn thứ hai như cách tác giả của chúng ta đã gọi. Được căng ngang qua tòa nhà từ nền cho đến trần và từ bức vách này đến bức vách kia, bức màn chia tòa nhà ra làm hai khu vực riêng biệt, đồng thời ngăn chặn đường từ lều thứ nhất đi vào Nơi Chí Thánh.

Bài học truyền đạt ở đây rất đơn giản, ngay cả một em thiếu nhi cũng nhìn thấy: chừng nào bức màn còn giữ cho lều thứ nhất thân phận tách biệt của nó,² thì con đường đi vào Nơi Chí Thánh vẫn tự động chặn lại, đóng lại, dứt ra khỏi, không mở ra. Mặt khác, xé, cắt xuống, hay bỏ bức màn, thì có hai vấn đề tự động xảy ra. Thứ nhất, con đường vào Nơi Chí Thánh lập tức mở ra. Thứ nhì, lều thứ nhất không còn giữ địa vị tách biệt hay đứng riêng ra khỏi Nơi Chí Thánh nữa.

Như vậy, vì sao mẫu thiết kế của Đức Thánh Linh dành cho đền tạm lại khóa hữu hiệu con đường dẫn vào Nơi Chí Thánh đến như thế? Suy cho cùng, nếu chúng ta được phép nói một cách ngây thơ nhưng tôn kính, việc Đức Chúa Trời từ trời của Ngài giáng xuống và ngự trong đền tạm phỏng có ích gì nếu ngay cả thầy tế lễ thượng phẩm của dân sự cũng vẫn không được vào trước hiện diện của Ngài ngoài những khoảnh khắc rất ngắn ngủi mỗi năm? Vì sao phải có một bức màn đóng lại cho ông ở bên trong, còn mọi người khác phải ở ngoài?

Câu trả lời được nêu cho chúng ta trong câu 9 – 10, nếu được dịch theo nguyên văn, những câu này nói rằng các cửa tế lễ, những cửa lễ hy sinh, những lễ rửa sạch theo nghi thức và các cửa dâng của người Ysraên thời xưa, đã không thể “làm cho kẻ thờ phượng được vẹn lành về lương tâm.” Do đó, không một người Do Thái nào cảm thấy mình xứng đáng bước vào trước hiện diện của Đức Chúa Trời, và tuyệt nhiên không có người

nào được hoan nghênh tại chốn đó.

Nhưng ở đây, chúng ta phải cẩn thận để đừng hiểu sai ý trước giả của chúng ta. Không phải ông đang phủ nhận người Ysraên được tha tội khi lấy lòng ăn năn và đức tin dâng các tế lễ. Cựu Ước nói rõ rằng họ được tha (chẳng hạn như xem Lêvi Ký 4:20, 26). Đúng vậy, không phải những của lễ bằng con sinh do họ đem đến bảo đảm sự tha thứ cho họ. Các của lễ hy sinh đó chỉ là sự đền chuộc mang tính biểu tượng; giá phải trả thực sự cho tội lỗi của họ đã được Đấng Christ trả xong tại đồi Gôgôtha. Nhưng khi biết ăn năn và bởi đức tin, họ đem các của tế lễ bằng con sinh đến đúng như Đức Chúa Trời truyền dạy, họ được tha tội. Đức Chúa Trời nói họ đã được tha; và đương nhiên tác giả của chúng ta không có ý định nói ngược lại lời Đức Chúa Trời.

Nhưng sự tha thứ họ đã nhận được, dầu thật và tốt lành, vẫn bị giới hạn. Họ đã đem của lễ hy sinh của họ đến, xưng nhận tội lỗi, và được tha tội. Nhưng điều đó không có nghĩa bấy giờ họ vĩnh viễn được trong sạch trước mặt Chúa. Nếu được trong sạch như thế, họ sẽ không bao giờ phải dâng thêm một của tế lễ hy sinh nào khác nữa (xem 10:1-2). Có thể nói, nếu giây phút kế tiếp, họ phạm một tội khác (hay cùng tội đó), thì bắt buộc phải lập lại toàn bộ tiến trình dâng của tế lễ hy sinh này. May mắn toàn bộ những gì họ có thể tuyên bố chính là: họ đã được tha thứ cho đến giây phút hiện tại; nhưng còn địa vị giữa họ và Đức Chúa Trời sẽ ra thế nào vào buổi sáng hôm sau, tuần sau, năm sau, hay ở cuối cuộc đời, thì vẫn còn – và bắt buộc phải vẫn còn – là một câu hỏi bỏ ngỏ và không ai biết. Lương tâm họ không bao giờ “được làm cho trọn lành.”

Đương nhiên, có rất nhiều người tự xưng là Cơ đốc nhân vẫn đang cảm thấy y như thế về sự tha thứ. Họ xưng tội đều đặn, nhưng điều tối đa họ cảm thấy mình có quyền nói ra ấy là họ được tha thứ tính cho đến giây phút đó. Họ mong rằng đến

cuối đời, họ sẽ xứng đáng đủ để bước vào trước hiện diện của Đức Chúa Trời, nhưng không hề có sự bảo đảm nào rằng họ sẽ xứng đáng được vào. Còn về vấn đề được xứng đáng ngay tức khắc lúc này để bước vào trước hiện diện của Chúa, họ sẽ xem là hoàn toàn không thể có được. Trong mắt họ, ai dám tuyên bố như vậy thì thật là táo tợn và cuồng tín.

Lương tâm họ hiển nhiên vẫn chưa được làm cho vẹn lành. Họ vẫn chưa hoàn toàn là hay thật sự là Cơ đốc nhân. Thái độ của họ không khác gì hơn thái độ của người Do Thái sống trong thời đền tạm thứ nhất vẫn còn giữ địa vị cách biệt của nó, khi ngay cả những người tin kính nhất trong Ysraên (ngoại trừ thầy tế lễ thượng phẩm) cũng không bao giờ cảm thấy xứng đáng kéo bức màn kia ra và bước vào trước hiện diện của Đức Chúa Trời trên đất – chứ đừng nói đến trên Thiên đàng.

Có thể ai đó đang đọc quyển sách này cũng cảm thấy giống như thế. Nếu vậy, hãy để Đức Thánh Linh ngay giờ này chỉ cho bạn thấy Cơ đốc giáo toàn cảnh là ra sao và dạy gì về sự tha tội và bước vào hiện diện của Đức Chúa Trời, nhìn thấy nó trội hơn vô hạn so với Do Thái giáo – và so với loại tha thứ mà chính bạn đang tin vào ngay giờ phút này.

Những Khác Biệt Giữa Cơ Đốc Giáo Và Do Thái Giáo

Sự khác biệt đầu tiên liên quan đến đền thánh nơi thầy tế lễ thượng phẩm của chúng ta đang thi hành chức vụ trong đó. Khác với đền thánh dưới đất của giao ước cũ, đền tạm của Ngài không do tay con người làm ra; nó không phải là một phần của cõi thọ tạo này (9:11). Đền thánh của Môise bởi tay con người lập ra, có tốt nhất đi nữa cũng chỉ là bản sao của đền thánh thật (9:24). Đấng Christ đã vào chính Thiên đàng (9:24). Ngài thi hành chức vụ trong một đền tạm lớn hơn, cao trọng hơn và trọn vẹn hơn (9:11), là đền tạm thật. So với đền tạm lớn hơn và trọn vẹn hơn này, mọi thứ vàng, bạc và châu ngọc thuộc đền tạm của Môise chẳng qua chỉ là đồ chơi và sọt kim tuyến

của một đứa trẻ.

Không đèn thờ nào do tay người lập ra
Lại được làm nơi Ngài thi hành chức vụ;
Ngài đứng ngay trong Thiên đàng,
Làm chức thầy tế lễ nhà Vua.
Trong Ngài, các bóng của luật pháp
Thấy đều được làm trọn và giờ đây rút đi.

(Thomas Kelly)

Khác biệt thứ nhì liên quan đến bản chất con đường Ngài đi vào nơi thánh trên trời đó. Thầy tế lễ thượng phẩm của Ysraên đã bước vào Nơi Chí Thánh dưới đất trong ngày Lễ Chuộc Tội, và phải ra trở lại cũng trong chính ngày đó – trên thực tế là ngay chính giờ đó. Năm sau, ông bước vào một lần nữa – và phải ra trở lại. Ông không bao giờ ở trong hiện diện của Đức Chúa Trời. Ngay cả vào Ngày Chuộc Tội, ông cũng phải ít nhất hai lần vào và hai lần ra; vì ông không thể thi hành toàn bộ những gì phải làm ngay lần vào thứ nhất, nhưng phải đi ra để dâng thêm một của tế lễ khác nữa (Lêvi Ký 16:12, 15).

Đường Đấng Christ đi vào thật khác biệt biết dường nào! Ngài đã bước vào Nơi Chí Thánh trên trời một lần đủ cả (9:12). Ngài không buộc phải cứ vào rồi ra, rồi vào trở lại hoài. Của tế lễ hy sinh vĩ đại và đầy đủ của Ngài đã đem đến cho chúng ta sự cứu chuộc đời đời, và đã hoàn tất rồi khi Ngài bước vào Thiên đàng. Vì vậy khi đã bước vào, Ngài vẫn cứ ở đó trước hiện diện của Đức Chúa Trời với tư cách người đại diện chúng ta cả hai ngàn năm nay.

Điều đó đưa chúng ta đến sự tương phản thứ ba. Trong chùng mực có ích lợi, các của tế lễ hy sinh của Ysraên cung cấp cho các thầy tế lễ và người đến thờ phượng sự tẩy sạch về lễ nghi cho thân thể họ. Đối với những người vẫn còn ở trong thời ấu trĩ thuộc linh, sự tẩy sạch về lễ nghi như thế không phải là không có giá trị của nó. Nó bắt đầu từ một bình diện

thấp để dạy cho Ysoraên khái niệm về sự ô uế và sự tẩy sạch để về sau có thể đem áp dụng ở bình diện cao hơn nhiều. Nói cụ thể, phải thi hành một lễ nghi (được nói đến ở đây như là “tro bò cái tơi,” dùng để “rưới trên kẻ ô uế về lễ nghi để làm nên thánh họ hầu cho họ được tinh sạch bề ngoài”; 9:13) cho mọi người nào đụng đến xương của xác chết hay xác chết (xem Dân Số Ký 19). Điều này khiến dân Ysoraên cảm thấy sự chết thuộc thể là đáng kinh tởm trước mặt Đức Chúa Trời hằng sống, và làm ô uế con người. (Giá như chúng ta hình dung được sự ghê tởm và đau buồn mà Chúa chúng ta đã cảm nhận khi Ngài đứng bên mộ đã mở ra trong đó có xác đang thối rữa của Laxarơ bạn Ngài; Giăng 11:34-39!!!)

Nhưng nếu sự chết thuộc thể là xấu, sự chết thuộc linh và sự bại hoại lại còn xấu hơn. Và đó chính là nan đề thực của chúng ta. Thờ phượng và phục vụ Đức Chúa Trời hằng sống sao cho có thể được Ngài chấp nhận, chúng ta phải đến gần – không phải đến gần một đền thánh nào đó trên trần gian này làm bằng gỗ, đá hoa cương cùng với những cửa sổ có tranh màu trên kính, hoặc ở tại Giêrusalem hoặc ở tại bất kỳ nơi nào khác – nhưng phải đến trực tiếp với Đức Chúa Trời hằng sống trên Thiên đàng. Đức Chúa Trời là thần, và như Chúa chúng ta đã dạy (Giăng 4:21-24), phải thờ lạy Ngài bằng tâm thần và đứng theo lẽ thật. Nhưng người chưa được tái sinh là chết – không phải chết về thuộc thể, nhưng chết về tâm linh trong sự quá phạm và tội lỗi của người ấy (Êphêso 2:1). Hiển nhiên, người ấy không thể phục vụ và thờ phượng Chúa theo cách được Ngài chấp nhận trong tình trạng đó. Người ấy cần được tẩy sạch. Không phải sự tẩy sạch theo lễ nghi cho thân thể của người ấy, được thực hiện bởi nước thánh pha với tro, nhưng bởi sự tẩy sạch thuộc linh cho lương tâm và tâm thần của người ấy. Đây là điều Đấng Christ chu cấp. *“Huống chi huyết của Đấng Christ, là Đấng nhờ Đức Thánh Linh đời đời, dâng chính mình không từ tích cho Đức Chúa Trời, thì sẽ làm sạch*

lượng tâm anh em khỏi công việc chết, đặt hâu việc Đức Chúa Trời hằng sống, là đường nào!” (9:14) (AV/ KJV, RV).

Và đôi khi chúng ta là những người được tái sinh thật, có sự sống đời đời, lại thấy tâm trí và lương tâm mình bị ô uế bởi việc làm hay tư tưởng sai quấy nào đó hoặc bởi ảnh hưởng sự bại hoại của thế gian quanh ta. Lúc đó chúng ta cảm thấy không xứng đáng đến gần Đức Chúa Trời, không xứng đáng thờ phượng hâu việc Ngài. Chúng ta phải làm gì? Nếu tội đã phạm là phạm cùng bạn hữu Cơ đốc khác (hay là với người chưa tin Chúa), chúng ta trước hết phải đến với người mình đã phạm tội đó và sửa lại cho đúng vấn đề ấy (Mathiơ 5:23-24). Nhưng giả sử đây là vấn đề giữa chúng ta với một mình Chúa mà thôi. Chúng ta phải xưng tội mình, và rồi để cho Thánh Linh dùng Lời hằng sống của Ngài áp dụng cho tâm trí và lương tâm của chúng ta giá trị của huyết và của lễ hy sinh do Đấng Christ dâng vì cơ chúng ta tại Gôgôtha. Hãy nghe lại một lần nữa điều Thánh Linh phán: “Huyết của Đấng Christ, ... làm sạch lương tâm anh em khỏi công việc chết, *đặt hâu việc Đức Chúa Trời hằng sống, là đường nào!*” Chúng ta không cần để cho những lương tâm sai lầm kéo mình đi lui. Nhờ giá trị trọn vẹn nơi của tế lễ hy sinh của Đấng Christ, chúng ta có thể luôn luôn tự do đến và được bước vào trong hiện diện trực tiếp của Đức Chúa Trời.

Nhưng Còn Những Người Bà Con Của Chúng Ta Chết Trước Khi Giao Ước Mới Được Lập Thì Sao?

Một lần nữa, chúng ta phải dùng đến trí tưởng tượng của mình và cố gắng hiểu độc giả của bức thư này cảm nhận ra sao khi đọc thơ và bắt đầu nhận thấy ưu việt lớn lao của giao ước mới so với giao ước cũ. Một số người sớm muộn gì cũng bắt đầu thắc mắc về ông bà và những bà con của họ đã qua đời trước đó. Họ sẽ hỏi: “Còn về hết thảy tổ phụ của chúng ta thì sao? Họ đã sống ở thời chưa có giao ước mới này. Họ phải hư mất hết thảy sao? Họ không biết gì về giao ước mới đâu phải bởi

lỗi của họ, đâu phải bởi lỗi của Môise hay của Giôsuê! Họ làm tất cả những gì được dạy biểu và đem các con sinh đến dâng làm của lễ. Giờ đây ông cứ bảo chúng tôi rằng những sinh tế đó thực sự chẳng bao giờ dẹp bỏ được tội lỗi, và chẳng bao giờ khiến cho lương tâm được trọn lành. Như vậy, hết thấy họ đều bị hư mất sao?”

Cảm tạ Đức Chúa Trời, câu trả lời là Không; và câu trả lời được nêu rõ ràng cách sáng tỏ và chắc chắn tốt cùng trong câu 15. Các của tế lễ dâng bằng con sinh đương nhiên không đền chuộc được giá của tội lỗi phải trả mà dân sự đã phạm dưới thời giao ước cũ. Nhưng của lễ hy sinh của Đấng Christ thì đền trả được. Vì Ngài dâng của lễ hy sinh của Ngài trong quyền năng của Thánh Linh đời đời, nên ích lợi từ của lễ hy sinh của Ngài áp dụng như nhau cho cả quá khứ lẫn cho tương lai cũng giống y như cho hiện tại. Nó dành sẵn cho tội lỗi của Môise và tội lỗi của Giôsuê cũng giống như dành sẵn cho tội lỗi của Phaolô và Phierơ, và có sẵn cho bạn và tôi, và sẽ có sẵn cho mọi người trong tương lai. Mọi người ở bất kỳ thời điểm nào đã, hoặc hiện, hoặc sẽ được tha tội và được cứu, thì họ đều đã, hiện và sẽ được tha tội và được cứu nhờ của lễ hy sinh và huyết của Đức Chúa Jesus.

Điều này không có nghĩa mọi người Ysraên nào trong thời Cựu Ước đã dâng của tế lễ bằng con sinh để chuộc tội mình thì đều được nhờ của tế lễ hy sinh của Đấng Christ khóa lấp tội lỗi. Bất hạnh thay, rất nhiều người Ysraên thời xưa xem việc dâng của tế lễ hy sinh dường như thể chỉ là việc trả khoản tiền phạt vậy. Họ không hề có ý định ăn năn. Trả xong tiền phạt, họ sẽ sung sướng đi ra và phạm lại y tội đó, nghĩ rằng nếu bị bắt gặp, họ có đủ khả năng nộp thêm một khoản tiền phạt khác nữa. Dưới mắt họ, những của lễ hy sinh của họ chỉ là tấm bằng chứng nhận để được phạm tội. Đức Chúa Trời không bao giờ chấp nhận ngay cả những của lễ hy sinh bằng con thú

để làm biểu tượng của họ. Họ không ăn năn, họ không phải là người tin thật. Đương nhiên họ không được khỏa lấp bởi sự hy sinh của Đấng Christ. Những người tương ứng với họ ngày nay cũng sẽ không được tha thứ.

Giao Ước Và Chúc Thơ

Nhưng giờ đây, trước giả bắt đầu nói đến các giao ước và những chúc thơ. Ông nói rõ rằng đối với những chúc thơ, người viết chúc thơ – tức là người lập ra chúc thơ và giao ước – phải chết trước rồi chúc thơ mới có hiệu lực. Bây giờ, một số độc giả sẽ thấy có nhiều điểm khó hiểu nào đó trong phân đoạn này, vì từ ngữ Hy văn được dịch là “chúc thơ” trong câu 16-17 lại được dịch là “giao ước” ở tất cả mọi nơi khác cũng trong đoạn này. Trong thuật ngữ pháp lý hiện đại của chúng ta, thường thì giao ước không phải cùng là một với chúc thơ. Nhưng trong tiếng Hylạp, từ ngữ đang nghi vấn ở đây có thể áp dụng cho cả giao ước lẫn cho một chúc thơ. Hơn thế nữa, bản chất của giao ước mới do Đấng Christ lập ra có thể được xem một cách thỏa đáng như là vừa giao ước vừa là chúc thơ. Chúng ta cố gắng suy nghĩ cận kề vấn đề này.

Giao ước thường được lập ra bởi hai bên, còn chúc thơ bởi một bên. Thời xưa, trong một giao ước, bạn sẽ đem đến một con thú đang làm của lễ hy sinh để lập giao ước; hai bên đồng ý với giao ước đó; con sinh giao ước bị chết, huyết đổ ra và như vậy giao ước đó mới được phê chuẩn. Nhưng trong vấn đề chúc thơ cuối cùng, bạn không có con sinh cho giao ước. Chúc thơ được soạn ra, nhưng vẫn chưa có hiệu lực cho đến khi người lập chúc thơ qua đời. Và hiện nay điều này vẫn là một thực tế; nếu bạn lập chúc thơ, chúc thơ vẫn vô hiệu lực cho đến khi bạn qua đời. Nhưng bạn thấy đấy, trong khi giao ước cũ có hai bên và một sinh tế giao ước, thì Đức Chúa Jesus đã bởi sự chết Ngài khiến cho giao ước một bên, tức chúc thơ, trở nên có hiệu lực. Và chúng ta không phải là một bên của giao ước đó theo ý nghĩa

chúng ta phải làm trọn những điều kiện để nhận được ích lợi của giao ước; chúng ta không phải làm trọn một điều kiện nào cả, ngoại trừ ăn năn, tin và tiếp nhận những lợi ích đó.

Nhưng bạn có nhớ khi Môise từ trên núi Sinai xuống với dân sự, ông đưa cho họ những điều khoản do Chúa nêu ra trước, tức Đức Chúa Trời đã chuẩn bị để đi với họ miễn là họ làm trọn mọi điều được viết trong quyển sách của giao ước cũ, tất cả luật pháp đã được công bố trên núi Sinai, tất cả những lễ nghi do Đức Chúa Trời đòi hỏi nơi họ không? Đây là những điều kiện buộc dân sự phải làm trọn. Chúng quá nặng nề và quả là gánh nặng. Đây là một hệ thống họ không thể nào thực hiện được. Là ách quá nặng không ai mang nổi (như Công vụ 15:10 đã nói công khai). Thế nhưng dân sự với lòng sốt sắng khi nghe những điều khoản ấy, đã đáp lại với Đức Chúa Trời: “Chúng tôi sẽ làm và vâng theo mọi lời Đức Giêhôva phán chỉ” (Xuất Êđíphtô Ký 24:7). Thật tội nghiệp, họ hầu như không biết mình đã nói gì! Họ đứng đó với tư cách các bên của giao ước cũ; con sinh giao ước đã bị giết, huyết được đổ ra, huyết được rưới trên dân sự, và giao ước được phê chuẩn. Qua sự chết của con sinh đó, họ trang trọng thề hứa sẽ giữ giao ước ấy. Họ vừa mới thề xong là đã vi phạm giao ước ấy cách thô bạo và đánh mất mọi phước hạnh của mình.

Chỉ bởi lòng thương xót, Đức Chúa Trời mới tiếp tục ở với họ sau chuyện đó và lâu đến như vậy. Dân sự không ngừng phạm tội, thường là cố tình, nhưng phần lớn là do không biết. Chính hiện diện của họ xung quanh đền tạm đã làm ô ố nơi ngự của Đức Chúa Trời. Vậy làm sao Đức Chúa Trời có thể đồng ý tiếp tục ở giữa họ mà không tổn hại đến đức thánh khiết và không để dân sự xem thường tội lỗi và sự ô ố của họ?

Câu trả lời ấy là mỗi năm một lần, đền tạm phải được tẩy ố. Đền tạm chỉ là bản sao của đền tạm thật trên trời (9:23). Dầu vậy, mỗi năm một lần vào Ngày Lễ Chuộc Tội, thầy tế lễ

thượng phẩm của Ysoraên phải cử hành một ngày lễ tể mĩ nhất để – theo cách nói của Đức Chúa Trời – *“Người vì cơ sự ô uế, sự vi phạm và tội lỗi của dân Ysoraên phải làm lễ chuộc tội cho nơi thánh và cho hội mạc ở giữa sự ô uế của họ”* (Lêvi Ký 16:16). Như vậy, Đức Chúa Trời dùng phương tiện này nói rõ ý Ngài cho Ysoraên thời xưa. Họ phải thức tỉnh trước sự thực: họ là tội lỗi và duy chỉ nhờ đổ huyết thì đền tạ mới được tẩy sạch và Đức Chúa Trời mới có thể vẫn ở tiếp giữa họ.

Những Điểm Tương Phản Và Những Điểm Tương Đồng

Nhưng cũng giống như chính bản thân đền tạ, những lễ tể mĩ trong Ngày Chuộc Tội chỉ là những biểu tượng và dấu hiệu. Bản thân chúng không phải là câu trả lời cho nhu cầu thật của nhân loại. Nan đề của chúng ta không phải là: Đức Chúa Trời dựa vào những điều khoản nào để có thể chịu chấp nhận cho chúng ta sống và làm việc quanh hoặc gần bên ngoài tòa nhà thiêng liêng nào đó ngay giữa trung tâm thành phố? Nhưng nan đề của chúng ta ấy là: Làm thế nào để tội nhân như chúng ta lại được vào ngay trước hiện diện của Đức Chúa Trời trên Thiên đàng và được chấp nhận – và biết chính mình được chấp nhận – và tại đó làm thành một đền tạ thiêng liêng cho Đức Chúa Trời, không làm bởi gỗ hoặc đá, nhưng bởi những con người được chuộc?

Những tế lễ làm dấu hiệu bằng con sinh là đủ để tẩy sạch đền thờ thuộc thể mà cùng lắm cũng chỉ chứa đựng *“những bản sao của các vật trên trời”*: chúng sẽ không tẩy sạch được *“chính các vật trên trời”* (9:23). Nhưng điều nào chúng không làm được, thì Đấng Christ làm được. Vì vậy, điều đầu tiên chúng ta kể đến ở đây ấy là, một lần nữa sự tương phản và khác biệt rõ nét giữa các cửa tế lễ bằng con sinh trong Do Thái giáo và cửa lễ hy sinh của Đấng Christ; giữa đền thánh do con người dựng nên trên trần gian của Ysoraên và chính Thiên đàng là nơi Đấng Christ hiện đang thi hành chức vụ cho chúng ta (9:23-24). Nhưng khi

ghi nhớ kỹ những điểm khác biệt cơ bản và hết sức quan trọng này – tác giả chắc chắn không để cho chúng ta quên chúng – thì một điều rất thú vị khác nữa sẽ xuất hiện. Vì đền tạm thời xưa được xây cất (như 8:5 đã nhắc chúng ta rồi) như một bản sao và cái bóng của những vật trên trời, và vì những lễ nghi trong đền tạm đó được lập ra bởi Đức Chúa Trời, nên chúng ta có thể sử dụng chúng như một ẩn dụ do Chúa ban (như 9:9 nói rõ). Chúng có thể giúp chúng ta như một mô hình để suy nghĩ khi cố gắng tìm hiểu Đấng Christ đã làm việc gì cho chúng ta tại Gôgôtha, Ngài đang làm gì cho chúng ta hiện nay, và Ngài sẽ còn làm gì cho chúng ta khi Ngài tái lâm.

Trọng tâm những lễ nghi trong ngày lễ chuộc tội trong Ysoraên thời xưa là ba lần “hiện ra” của thầy tế lễ thượng phẩm.

1. Ông “hiện ra” lần đầu tiên tại bàn thờ dâng của lễ thiêu trong hành lang của đền tạm trước mắt toàn dân sự, và giết một con chiên đực làm của lễ chuộc tội để cất bỏ tội lỗi (Lêvi Ký 16:7-10, 15).

2. Sai đó ông đựng huyết của con sinh này trong chậu và đem vào trong đền tạm. Ông đi ngang qua bức màn thứ nhất như mỗi ngày vẫn thường làm. Nhưng rồi ông làm một việc chỉ làm vào ngày này trong suốt cả năm: ông kéo bức màn thứ nhì sang một bên, bước vào trong Nơi Chí Thánh và xuất hiện trước hiện diện trực tiếp của Đức Chúa Trời thay mặt cho dân sự đang tiếp tục chờ đợi ở bên ngoài. Đây là những khoảnh khắc căng thẳng cho cả ông lẫn cho dân sự. Họ là những tội nhân tự xưng nhận tội đáng gánh chịu sự đoán xét của Đức Chúa Trời. Ông là người đại diện cho họ. Trong Hòm Giao Ước lập thành ngai của Đức Chúa Trời kia có bảng luật pháp. Ông và dân sự đã vi phạm luật pháp đó. Họ đáng phải chịu hình phạt. Để công nhận điều này, ông tôn kính rảy huyết của con sinh ở đằng trước và trên nắp bằng vàng của hòm giao ước, được gọi là “nắp chuộc tội” (như trong bản NIV) (trong các bản dịch cổ

hơn gọi là “ngai thi ân”), ngay dưới cặp mắt của chêrubin mang tính biểu tượng kia, là những người thực thi ý muốn Chúa ở bên ngai Đức Chúa Trời và thực thi sự đoán xét của Ngài. Nếu Đức Chúa Trời chấp nhận của lễ, thì cả ông và dân sự do ông đại diện đều được chấp nhận. Nếu Đức Chúa Trời khước từ của lễ của ông, thì cả ông lẫn dân sự đều chết mất (Lêvi Ký 16:15-17).

3. Sau đó ông rời khỏi Nơi Chí Thánh, đi ra khỏi đền tạm và xuất hiện lần thứ nhì trước mặt dân chúng đang chờ đợi ở bên ngoài. Lần này, ông bắt một con dê khác, xưng tội của dân sự trên đầu con dê đó, rồi đuổi con dê vào trong đồng vắng như một sự diễn tả mang tính biểu tượng rằng tội lỗi của dân sự đã được tha và sự quá phạm của họ đã được cất bỏ đi (Lêvi Ký 16:18-28).

Quả là một ẩn dụ mang tính dạy dỗ cao biết dường nào! Nó giúp tâm trí và trí tưởng tượng của chúng ta hiểu và nắm được ý nghĩa ba sự hiện ra vĩ đại của Chúa chúng ta cách sinh động biết dường nào.

Trước giả của chúng ta nói, thứ nhất, *“hiện nay đến cuối cùng các thời đại, Ngài đã hiện ra chỉ một lần, dâng mình làm tế lễ để cất tội lỗi đi”* (9:26). Của lễ hy sinh vĩ đại đó đã không dâng trong bí mật. Con Đức Chúa Trời, như đã được mô tả bởi những biểu tượng và những hình bóng nơi các lễ nghi của Ysơraên, được báo trước bởi các tiên tri của Ysơraên, đã ra khỏi các tầng trời, hiện ra trên hành tinh của chúng ta, trước mắt của mọi người lẫn ma quỷ, thiên sứ và Đức Chúa Trời, đã dâng chính Ngài làm một của lễ hy sinh chuộc tội vĩ đại và duy nhất. Nhưng lưu ý rằng khác với những thầy tế lễ thượng phẩm của Ysơraên, Ngài hiện ra chỉ một lần: *“Hiện nay đến cuối cùng các thời đại, Ngài đã hiện ra chỉ một lần”* (9:16). Họ đã phải hiện ra bên bàn thờ trong ngày lễ chuộc tội hằng năm. Tại sao như vậy? Vì những của lễ hy sinh mang tính biểu tượng mà họ dâng lên chỉ có thể che phủ tội lỗi của dân sự mỗi

năm một lần – và điều đó chỉ mang tính biểu tượng mà thôi. Trước giả của chúng ta nói, nếu của lễ hy sinh của Chúa chúng ta cũng giống như của lễ của họ (9:25-26), thì ắt hẳn Ngài đã phải mỗi năm một lần ra khỏi Thiên đàng đến Gôgôtha từ buổi sáng thế cho đến cuối cùng các thời đại. Không, cảm tạ Chúa, của lễ hy sinh của Đấng Christ không giống như những của lễ của các thầy tế lễ thượng phẩm trong Ysơraên. Hãy nắm bắt bằng được sự khác biệt này. Ngài đã dâng của lễ một lần đủ cả và cho cả cõi đời đời.

Nhưng có người thấy thật khó hiểu điều này. Họ có thể hiểu ý cho rằng bạn phạm tội, dâng của sinh tế và được tha thứ; rồi phạm tội nữa, dâng một của tế lễ khác nữa rồi được tha thứ, và cứ tiếp tục như vậy cho đến cuối đời. Nhưng họ không thể hiểu ở chỗ một của tế lễ duy nhất của Đấng Christ tại Gôgôtha đã trả xong xuôi án phạt cho tội lỗi của người tin Ngài, tất cả những tội lỗi ấy, cả trong quá khứ, hiện tại và tương lai. Vì vậy, chúng ta lưu ý cẩn thận điều được nói ra ở đây.

Đoạn 9:27 nói rằng: “Theo như đã định cho loài người phải chết một lần, *rồi* chịu phán xét.” Nói cách khác, Đức Chúa Trời không triệu tập chúng ta vào tòa án của Ngài, và xét xử vụ kiện của chúng ta, đoán phạt chúng ta mỗi ngày, hay mỗi năm trong đời của chúng ta. Chỉ có một sự đoán xét chung cuộc duy nhất, và sự đoán xét đó đến *sau khi* một người đã qua đời. Nó giải quyết toàn bộ cuộc đời của người ấy và toàn bộ những tội lỗi của người ấy ngay một lúc và trong cùng một phiên tòa. Tin tức tuyệt vời ấy là: khi xét đến một sự đoán xét duy nhất ấy bao trùm toàn bộ cuộc đời của một người, thì một của lễ duy nhất của Đức Chúa Trời đã dâng một lần đủ cả, đã trả xong cho người tin này án phạt của mỗi một tội có thể nêu ra tại sự đoán xét đó. (Thật tốt vì của lễ của Đấng Christ đã trả xong; vì Đấng Christ không hề phải chết một lần nữa. Nếu một số tội lỗi của một tín hữu vẫn chưa được sự chết của Đấng Christ bao

phủ tại đồi Gôgôtha, chúng sẽ vẫn không được chuộc đời đời).

Thực ra, tình huống thực tế còn tốt đẹp hơn cả điều chúng ta vừa mô tả. Vì án phạt những tội lỗi của người tin Đấng Christ đã được trả xong, nên chính Quan Án đã tuyên bố người tin này “không đến sự đoán xét” (Giăng 5:24, RSV). Vụ kiện đã được giải quyết xong trong phiên tòa đó. Và Đức Thánh Linh sắp tái bảo đảm với chúng ta rằng Đức Chúa Trời sẽ không bao giờ đặt lại vấn đề tội phạm và hình phạt cho những tội lỗi của người tin Chúa nữa (10:17).

Có lẽ bạn bảo: “Nhưng làm sao chúng ta có thể biết chắc điều đó?”

Câu trả lời sẽ được tìm thấy trong việc Đấng Christ đang làm cho chúng ta hiện nay. Ngài đã vào không phải chỉ là một căn phòng thiêng liêng đặc biệt nào đó trong một đền thánh nào đó trên trần gian này. Ngài đã vào chính Thiên đàng. Và việc Ngài hiện đang làm chính là hiện ra ngay trước hiện diện trực tiếp của Đức Chúa Trời “vì chúng ta” (9:24). Hãy đánh dấu ba từ ngữ này, “vì chúng ta.” Chẳng có gì đáng ngạc nhiên khi Đức Chúa Jesus Christ thăng thiên và bước vào trước hiện diện trực tiếp của Đức Chúa Trời, thì Ngài đã đích thân được chấp nhận vì có chính Ngài. Nhưng vấn đề ấy là: Ngài không chỉ bước vào đó vì có Ngài mà thôi. Ngài đã bước vào với tư cách thầy tế lễ thượng phẩm và người đại diện cho chúng ta; và giờ đây Ngài hiện ra trước mặt Đức Chúa Trời vì chúng ta, cũng giống như thầy tế lễ thượng phẩm của Ysraên trong ngày lễ chuộc tội đã hiện ra trước hiện diện của Đức Chúa Trời với tư cách người đại diện cho dân sự đang đứng chờ ở bên ngoài. Trong trường hợp họ, nếu thầy tế lễ thượng phẩm đại diện kia được chấp nhận, điều đó có nghĩa dân sự do ông đại diện cũng đã được chấp nhận. Nếu ông bị khước từ, họ cũng bị khước từ.

Và trường hợp của chúng ta đây cũng giống như vậy! Nếu người đại diện chúng ta đã được chấp nhận, chúng ta cũng

được chấp nhận. Thắc mắc tôi muốn nêu lên ấy là: Đức Chúa Trời có hoàn toàn nhận ra rằng khi Đức Chúa Jesus hiện ra hiện nay trước mặt Đức Chúa Trời, Ngài hiện ra không chỉ cho riêng Ngài, mà còn với tư cách người đại diện cho cá nhân tôi không?” Câu trả lời là: Có, đương nhiên là có.

“Nhưng Đức Chúa Trời có biết toàn bộ những tội lỗi tôi đã phạm và sẽ còn phạm nữa không?” Câu trả lời là: Có, đương nhiên là có.

“Ồ, như vậy – và bây giờ mới đến câu hỏi quan trọng – khi đã biết Chúa Jesus Christ đã bước vào và hiện nay đang hiện ra vì tôi trong tư cách Đấng đã chịu chết thay tôi tại Gôgôtha và hiện nay sống với tư cách người đại diện cho tôi, Đức Chúa Trời có chấp nhận *Chúa Jesus* không?” Câu trả lời một lần nữa lại là: Có, đương nhiên là có. Đức Chúa Trời đã hoàn toàn chấp nhận Ngài, biết Ngài đang đại diện cho tôi. Trong suốt cả hai ngàn năm qua, chưa hề có lần nào Ngài nghe nói của lễ hy sinh của Ngài tại Gôgôtha vẫn chưa đủ phủ che mọi tội tôi sẽ còn phạm, để rồi Ngài phải lìa Thiên đàng, đến trần gian một lần nữa, rồi giống như thầy tế lễ thượng phẩm của Ysraên, bỏ sung vào của lễ hy sinh lúc đầu của Ngài bằng một của lễ hy sinh khác. Không, với tư cách người đại diện của tôi, Ngài ngồi ngay bên hữu Đức Chúa Trời, và trong suốt hai ngàn năm qua, không một lần nào Ngài bị yêu cầu phải ngồi lui xuống một phân nào. Điều này có nghĩa ngay tại thời điểm này mọi người tin Ngài có thể biết họ đã được chấp nhận rồi, và sẽ cứ luôn luôn được chấp nhận như vậy, tại bình diện cao nhất trong Thiên đàng của Đức Chúa Trời.

Và không phải chỉ có chừng đó. Thầy tế lễ thượng phẩm của Ysraên rốt cuộc phải rời Nơi Chí Thánh và xuất hiện lần thứ nhì trước mặt dân sự đang chờ đợi trong và chung quanh hành lang của đền tạm thể nào, thì Đấng Christ một ngày kia cũng sẽ hiện ra lần thứ nhì tại lúc mà chúng ta gọi là sự tái lâm của

Ngài (9:28) thể ấy. Khi thầy tế lễ thượng phẩm của Ysraên hiện ra trước mặt dân sự lần thứ nhì, ông phải dâng một của lễ chuộc tội khác nữa. Đấng Christ sẽ không phải dâng của lễ đó khi Ngài hiện ra lần thứ nhì. Ngài sẽ đến để cứu những người đang chờ đợi Ngài (xem ITêsalônica 4:10). Điều đó có nghĩa Ngài sẽ hoàn tất sự cứu rỗi họ bằng cách cứu chính thân thể họ. Kẻ chết sẽ được sống lại không hay hư nát; người sống sẽ được biến hóa và trở nên không hề chết nữa. Mỗi tín hữu sẽ được ban một thân thể giống như thân thể phục sinh và vinh hiển của Cứu Chúa (ITêsalônica 4; ICôrinhtô 16; Philíp 3:21). Và Ngài sẽ đưa toàn bộ dân sự được chuộc của Ngài về nhà Cha Ngài: không phải vào đền tạm trên trần gian, hoặc vào đền thờ tại Giêrusalem mà Ngài đã có lần gọi là “nhà Cha ta” (Giăng 2:16), nhưng vào đền đời đời của Đức Chúa Trời (Khải Huyền 21:3).

Câu Hỏi

1. Trên phương diện nào thì đền tạm ngày xưa – do Môise xây cất – là độc nhất vô nhị?
2. Mẫu thiết kế của Đức Thánh Linh cho cấu trúc của đền tạm này nhằm ý định truyền đạt bài học nào (9:8)?
3. Phần tương ứng trong Cơ đốc giáo so với đền tạm của Ysraên là gì?
4. Nó giúp ích bằng cách nào cho hiểu biết của chúng ta về những điều khoản của sự cứu rỗi mình để nghĩ giao ước mới là một di chúc (9:16-17)?
5. Những tín hữu thật sống trước khi Đấng Christ chịu chết có thật sự được tha tội không? Nếu có, dựa trên cơ sở nào? Cách hưởng ơn tha thứ của chúng ta có tốt hơn cách hưởng ơn tha thứ của họ không? Nếu có, trên những phương diện nào?
6. Bạn thấy trong đoạn này có bao nhiêu điểm tương phản và

tương đồng giữa việc do thầy tế lễ thượng phẩm của Ysoraên làm cho dân sự ông trong ngày lễ chuộc tội so với việc Đấng Christ đã làm, đang làm và sẽ còn làm cho chúng ta?

Chú Thích Chương 10

¹ Trong câu 4, khi nói Nơi Chí Thánh “có” bàn thờ xông hương bọc vàng, ông không có ý nói bàn thờ bọc vàng đứng ở trong Nơi Chí Thánh. Bàn thờ này “thuộc về” đền thánh trong cùng (xem ICác Vua 6:22, bản NIV), vì về chức năng, bàn thờ này gắn bó gắn gũi với hòm giao ước. Khi thầy tế lễ cầu nguyện tại bàn thờ bọc vàng, ông hướng mặt vào thưa chuyện với Đức Chúa Trời là Đấng ngồi trên ngai giữa các cherubin phía trên hòm giao ước. Phải có một bức màn ngăn giữa thầy tế lễ và Đức Chúa Trời; nhưng hai khí mạnh này về chức năng được ràng buộc với nhau. Chính với ý nghĩa này mà Nơi Chí Thánh “có” bàn thờ xông hương, dầu bàn thờ đó đứng *bên ngoài* Nơi Chí Thánh. Vì vậy, chúng ta có thể nói về một quần thể văn phòng hiện đại: “Văn phòng riêng của giám đốc điều hành có phòng đợi,” không có nghĩa ám chỉ phòng đợi thực sự nằm bên trong văn phòng riêng của ông.

² Về những ví dụ cho từ ngữ Hy văn *stasis* mang nghĩa “vị trí” hoặc “địa điểm,” xem *A Greek-English Lexicon of the New Testament and Other Early Christian Literature*, do W. Bauer biên soạn, phỏng dịch bởi W.F. Arndt và F.W. Gingrich, ấn bản thứ nhì có tu chính và triển khai thêm của F.W. Gingrich và F.W. Danker (University of Chicago Press, 1979).

CỬA TẾ LỄ TỐT HƠN

Hêbơơ 10

Trong chương trước, chúng ta đang nghĩ đến sự hiện ra lần thứ hai của Chúa “*để ban sự cứu rỗi cho kẻ chờ đợi Ngài.*” Sung sướng biết dường nào, vì chúng ta biết lúc bấy giờ chính thân thể mình sẽ được cứu chuộc (Rôma 8:23). Hiện nay, chính chúng ta được tha tội và là trái đầu mùa của Đức Thánh Linh; nhưng thân thể chúng ta vẫn chưa được cứu chuộc. Đúng là Đức Chúa Trời dùng sự nhân lành từ thuở sáng thế của Ngài thỉnh thoảng chữa lành thân thể khi chúng bịnh hoạn – thường là qua phương tiện tự nhiên; đôi khi, dầu rất hiếm, Ngài chữa bằng phép lạ. Nhưng chúng ta không *đòi* sự chữa bịnh. Kinh Thánh quả quyết (ICôrinhtô 15:53-54) thân thể của chúng ta sẽ vẫn hư hoại và hay chết, tức là phải bị phục dưới bịnh tật và sự chết, cho đến khi Chúa đến. Chúng không thể giống như lúc chúng được bước vào trong sự hiện diện trực tiếp của Đức Chúa Trời. Thịt và huyết không thể hưởng được nước Đức Chúa Trời (ICôrinhtô 15:50). Chúng ta phải chờ đợi điều đó: “*Chúng ta trông đợi Cứu Chúa mình là Đức Chúa Jêsus Christ, Ngài sẽ biến hóa thân thể hèn mạt chúng ta ra giống như thân thể vinh hiển Ngài*” (Philíp 3:20-21). Viễn cảnh này thật hết sức vinh diệu.

Thế nhưng khi chúng ta chờ đợi, vẫn còn một điều khác nữa mà theo cách của nó lại càng tuyệt vời hơn. Ngay cả hiện nay, đang khi chúng ta không thể bước trong vào hiện diện của Đức Chúa Trời với thân thể này, thì chúng ta vẫn có quyền đến nơi đó về mặt tâm linh. Trước giả của chúng ta giờ đây khuyên: “*Hỡi anh em, vì chúng ta nhờ huyết Đức Chúa Jêsus được dọn*

dĩ vào nơi rất thánh, bởi đường mới và sống mà Ngài đã mở ngang qua cái màn, nghĩa là ngang qua xác Ngài, lại vì chúng ta có một thầy tế lễ lớn đã lập lên cai trị nhà Đức Chúa Trời, nên chúng ta hãy lấy lòng thật thà với đức tin đầy dẫy trọn vẹn, lòng được tưới sạch khỏi lương tâm xấu, thân thể rửa bằng nước trong, mà đến gần Chúa” (10:19-22).

Con Đường Mới

Toàn bộ ý kiến này, cũng giống như chính bản thân con đường vậy, là điều mới mẻ đến sửng sốt. Trước đây nó chưa từng có (9:8). Đấng Christ đã mở ra con đường này. Chúng ta phải bảo đảm mình hiểu được điều đó có gì mới mẻ và cách mạng đến như thế. Câu này không chỉ đơn giản nói chúng ta có thể dạn dĩ cầu nguyện với Đức Chúa Trời. Dân sự Đức Chúa Trời trải mọi thế kỷ đã luôn luôn cảm thấy tự do cầu nguyện với Ngài. Câu này cũng không nói Đấng Christ đã mở cửa Thiên đàng để chúng ta có thể vào trong hiện diện của Đức Chúa Trời khi mình qua đời. Câu này đang nói Đấng Christ đã mở cho chúng ta con đường ngay ở đây và ngay lúc này để được bước vào hiện diện trực tiếp của Đức Chúa Trời. Giờ đây chúng ta có thể thực hiện mỗi ngày trong tuần việc mà thầy tế lễ thượng phẩm của Ysraên chỉ có thể làm mỗi năm một lần: bước vào trong Nơi Chí Thánh. Và rõ ràng không còn nghi ngờ gì về địa điểm của nơi thánh đó: đó chính là nơi bạn đã đến “ngang qua cái màn” vốn là phần tương ứng với bức màn thứ nhì trong đền tạm. Giờ đây chúng ta làm được việc mà thầy tế lễ thượng phẩm của Ysraên không bao giờ làm được. Ông chỉ có thể bước vào trong Nơi Chí Thánh trong đền tạm trên đất; mỗi ngày trong cuộc đời của chúng ta, chúng ta có thể bước vào trong hiện diện trực tiếp của Đức Chúa Trời trên Thiên đàng.

Đối với một người Do Thái trung bình, ý tưởng này thoát tiên dường như kỳ lạ và không thể tin nổi. Có lẽ ý này cũng kỳ lạ và không thể tin nổi cho những độc giả đầu tiên của bức thư

này. Có thể cũng y như thế đối với một số người trong chúng ta. Đối với người Do Thái thời xưa, một phần do chính bối cảnh tôn giáo và những truyền thống của họ khiến họ khó tận dụng con đường mới và sống này để bước vào Nơi Chí Thánh. Bao thế kỷ truyền thụ đã huấn luyện họ suy nghĩ rằng không một người thường dân nào, ngoại trừ chỉ những thầy tế lễ, được phép bước vào phần thứ nhất trong đền thánh dưới trần gian này, là Nơi Thánh, còn Nơi Chí Thánh cấm cửa mọi người ngoại trừ thầy tế lễ thượng phẩm. Cựu Ước kể lại chuyện xảy ra cho một vị vua tên Ôxia, người bước vào Nơi Thánh và cố dâng hương trên bàn thờ bọc vàng. Đức Chúa Trời đã giáng bệnh phung cho vua và các thầy tế lễ đuổi vua ra khỏi đền thờ (IISử Ký 26:16-20). Vậy làm sao một tín hữu bình thường có thể bước vào Nơi Chí Thánh trên Thiên đàng được?

Đối với một số người trong chúng ta, điểm khó hiểu là ý nghĩa của việc bước vào trong Nơi Chí Thánh trên Thiên đàng đang khi chúng ta vẫn còn ở trên đất. Chúng ta tự nhủ: “Đức Chúa Trời ở trên Thiên đàng còn chúng ta trên đất,” và quả là như vậy. Ngài có thể nghe chúng ta khi chúng ta cầu nguyện, vì Ngài là Đức Chúa Trời. Nhưng làm sao chúng ta có thể bước vào Thiên đàng để trò chuyện với Ngài? Điều chúng ta phải nhớ ấy là chúng ta hiện đang suy nghĩ trên những phương diện thuộc linh, chứ không phải thuộc thể. Ở bình diện này, khoảng cách không được đo bằng dặm, cũng không đo bằng năm ánh sáng. Hai người có thể ngồi trong cùng một phòng trên cùng một chiếc ghế bành, thế nhưng lòng họ lại rất cách xa nhau. Hai người có thể đang trò chuyện với nhau, rồi sau đó một trong hai người nói với người kia: “Phải, chúng tôi đã tán ngẫu với nhau, nhưng anh ta dường như ở đâu xa lắm.” Người thu thuế trong ẩn dụ của Chúa chúng ta (Luca 18:10-14) đi lên đền thờ để cầu nguyện. Nhưng *“người đứng xa xa, không dám ngước mắt lên trời.”* Đương nhiên, Đức Chúa Trời nghe lời người thu thuế kêu cầu ơn thương xót, và người về nhà được xưng công bình trước

mặt Đức Chúa Trời, trong khi người Pharisi tin nơi những việc lành của chính mình thì lại không được xưng công bình. Nhưng vấn đề ấy là: giờ đây chúng ta được xưng công bình, chúng ta không còn cần phải “đứng xa xa.” Trong tâm linh, chúng ta có thể đến ngay trước sự hiện diện của Chúa và đứng ngay trước ngai Ngài, vì biết mình được Ngài hoàn toàn chấp nhận rồi và Ngài sẽ không bao giờ đuổi chúng ta ra. *“Nhưng trong Đức Chúa Jêsus Christ, anh em là kẻ ngày trước cách xa, hiện nay đã nhờ huyết Đấng Christ mà được gần rồi... Vì ấy là nhờ Ngài mà chúng ta cả hai đều được phép đến gần Đức Chúa Cha, đồng trong một Thánh Linh”* (Êphêsô 2:13, 18).

Vậy vì sao người Do Thái thời xưa không được hưởng quyền đến gần Đức Chúa Trời như vậy? Rắc rối nằm ở chỗ những cửa lễ chuộc tội của họ. Dầu những cửa lễ đó được Đức Chúa Trời chỉ định, chúng cũng chỉ là cái bóng về của lễ hy sinh vĩ đại hầu đến của Đấng Christ. Chúng không phải là chính hình thật (10:1). Chúng chỉ là những biểu tượng hay những dấu hiệu của hình thật. Do đó, chúng không thể làm cho trọn lành những người đến gần Đức Chúa Trời dựa trên cơ sở đó. Chúng ta có thể thấy điều đó từ chính sự thực là họ cứ phải dâng lập đi lập lại không ngừng các cửa lễ hết năm này đến năm kia để được tha tội thêm nữa. Không lúc nào họ cảm thấy giá đền trả cho tội lỗi cuối cùng đã được trả xong hoàn toàn. Nếu cảm nhận được như vậy, ắt họ sẽ không bao giờ dâng thêm một cửa tế lễ khác nữa. Suy cho cùng, bạn không cứ trả hoài phần tiền trả góp từng tháng theo kỳ hạn trong khi tiền thế chấp căn nhà bạn đã được trả xong hoàn toàn.

“Nhắc Cho Nhớ Lại” Tội Lỗi

Do đó, kết quả là những cửa lễ chuộc tội của Ysraên không thể cắt bỏ cảm giác xa cách giữa họ và Đức Chúa Trời. Ngược lại là khác: họ cứ giữ mãi cảm giác đó. Tác giả của chúng ta nói rằng, trong những cửa lễ đó có sự nhắc cho nhớ lại (NIV,

“dấu nhắc nhở”) các tội đã phạm hằng năm (10:3). Bạn phải để ý, điều đó không hề có nghĩa mỗi năm một lần Đức Chúa Trời thình lình nhớ lại Ysoraên là những tội nhân, và tương tự như vậy người Ysoraên đột ngột nhận ra mình là tội nhân. Nhân tiện, những lời hứa Đức Chúa Trời với chúng ta rằng Ngài sẽ không nhớ đến tội lỗi của chúng ta nữa không có nghĩa là bằng cách nào đó Ngài sẽ quên hay xóa khỏi ký ức Ngài sự thực chúng ta đã từng là tội nhân. Khi trải qua suốt cõi đời đời, chúng ta nhìn lại những vết đinh trên bàn tay của Cứu Chúa, chúng ta chắc chắn sẽ không thấy mình nói: “Giờ đây tôi không thể nhớ ra vì sao Ngài mang những vết thương kia. Điều gì đã gây nên những vết thương đó?” Đức Chúa Trời cũng sẽ không làm như vậy đâu!

Những từ ngữ “nhớ,” “nhắc cho nhớ,” “người nhắc cho nhớ,” là những từ ngữ bán chuyên môn. Các vua thời xưa có một viên quan trong triều đình được gọi là “người nhắc cho nhớ” hay “người ghi hồ sơ” (bản Việt ngữ “thủ bộ” – IISamuên 20:24). Nhiệm vụ của người này là lưu giữ các hồ sơ của vua về mọi chuyện quan trọng đã xảy ra. Và khi vua cần đến, quan thủ bộ phải đem đến những quyển sách cho vua tra xét hồ sơ của bất kỳ công dân nào vua để ý; và nếu hồ sơ công dân đó bị xem là thành tích bất hảo, vua sẽ tuyên án và công dân đó bị hành hình. Đây chính là ý nghĩa của từ ngữ “nhắc cho nhớ” tội lỗi của một người nào đó (xem Khải Huyền 16:19).

Và đây chính là điều dân Ysoraên tin đã xảy ra trong Ngày Lễ Chuộc Tội hàng năm. Nói như vậy tức là, Đức Chúa Trời đòi hỏi đem các quyển sách đến và tra xét các tội lỗi của dân sự Ngài trong năm đó. Tội của họ được đánh giá, và đòi hỏi phải có án phạt. Chỉ nhờ dâng các của lễ hy sinh thì mới tránh được cơn thịnh nộ của Đức Chúa Trời. Và cũng chỉ dành cho lúc đó mà thôi. Ngay khi Ngày Lễ Chuộc Tội vừa hết, năm tiếp theo đã hiện ra lù lù trên chân trời với triển vọng điều tra

thêm về tội phạm, định tội thêm, đòi hỏi thêm án phạt phải trả, thêm nguy cơ có cơn thanh nộ của Đức Chúa Trời và nhu cầu cấp bách để có những cửa tế lễ mới dâng lên hầu được tha thứ thêm. Người Ysraên không bao giờ có thể cảm thấy họ được Đức Chúa Trời chấp nhận cách đầy đủ và chung quyết. Cho dù họ có được tha thứ nhiều bao nhiêu đi nữa trong quá khứ, kết quả của cuộc điều tra năm tới vẫn luôn luôn là một câu hỏi. Điều gì xảy ra nếu năm tới Đức Chúa Trời quyết định những cửa lễ chuộc tội dân Ysraên dâng lên không đủ khóa lấp tội phạm của dân tộc, và đáp ứng lại bằng sự khước từ và cơn thanh nộ của Ngài?

Như vậy, chẳng lấy gì làm lạ khi một người Ysraên bình thường không bao giờ được phép, và cũng không bao giờ cảm thấy tự do, để bước vào trong hiện diện trực tiếp của Đức Chúa Trời, nhưng đứng ở đằng xa, và cứ liên tục dâng hoài các cửa tế lễ để mong nhận thêm sự tha thứ, và có lẽ một ngày nào đó nhận lấy sự sống đời đời rồi bước vào trong Thiên đàng của Đức Chúa Trời. Do đó, câu hỏi dành cho trước giả của chúng ta ấy là: Ông sẽ dùng cách nào để các độc giả của mình thôi dâng những cửa lễ hy sinh này?

Ngừng Dâng Tế Lễ?

Có hai điều đang ngáng lối. Trước hết là sự kiện: những cửa lễ hy sinh này do chính Đức Chúa Trời truyền dạy trong quyển sách được Đức Chúa Trời soi dẫn là Ngũ Kinh. Đối với người Do Thái thời đó, gợi ý bỏ những cửa lễ đó trước hết dường như là bất tuân trực tiếp và thẳng thừng với Kinh Thánh. Điều thứ nhì chính là: theo kinh nghiệm phổ thông trên lương tâm khi dân sự phạm tội, họ có khuynh hướng cảm thấy dễ chịu hơn nếu có thể đền trả một điều gì đó hay làm một việc gì đó mà họ nghĩ có thể sửa đổi những tội của họ. Và như thế, họ có thể sẽ rất khó chịu nếu nghe bảo việc dâng của lễ thường xuyên của họ thực ra chẳng ích lợi gì cả.

Như vậy, hãy lưu ý, để giải quyết nan đề thứ nhất, trước giả không cố gắng nói: “Anh em phải bỏ việc dâng những con sinh tế vì các sứ đồ của Đấng Christ, hay những trước giả Tân Ước khác, bảo anh em phải bỏ.” Nếu nói có vẻ như mâu thuẫn với Kinh Thánh Cựu Ước, các sứ đồ Đấng Christ sẽ phải gánh lấy trách nhiệm nào với người Do Thái? Không, để nói rõ ý mình, ông trích dẫn chính Kinh Thánh Cựu Ước. Chỉ có điều thay vì trích dẫn Ngũ Kinh, ông trích dẫn từ Thi Thiên. Sách Lêvi Ký là Lời Đức Chúa Trời, nhưng sách Thi Thiên cũng là Lời Đức Chúa Trời. Và hơn thế nữa Thi Thiên được ban cho Ysraên rất lâu sau Ngũ Kinh. Vì vậy, sách Thi Thiên cung cấp lời mới nhất của Đức Chúa Trời về đề tài này; và đương nhiên có cả những mạng lệnh mới nhất.

Như vậy, ở đây trong Thi Thiên 40:6-8, tiếng nói đang phát ra được đọc giả bức thư chúng ta nhận ra ngay là tiếng của Đấng Mêsia hầu đến. Ngài đã đọc được lòng của Đức Chúa Trời. Ngài đã nhận ra rằng dầu trái bao thế kỷ, các của tế lễ hy sinh được dâng lên theo lệnh của Đức Chúa Trời và phục vụ cho mục đích Chúa đã định, lòng của Đức Chúa Trời vẫn chưa hề thỏa mãn với chúng. Làm sao như vậy được? Huyết của bò đực và dê đực không thể cất tội lỗi đi được. Súc vật biết gì về tội lỗi? Chúng chưa bao giờ bị ám ảnh bởi vấn đề điển hình đó của con người – lương tâm mắc tội. Luật pháp và tình trạng đạo đức chẳng có ý nghĩa gì với chúng. Chúng chẳng hề quan tâm đến việc giữ những giá trị thật về đạo đức và thuộc linh. Khi chúng được dâng lên cho Đức Chúa Trời để làm của lễ chuộc tội, bắt đầu bị nhốt và đá lung tung khi thấy mùi của huyết tại bàn thờ, chúng chưa bao giờ biết tội lỗi người ta đã phạm kia là gì, hay Đức Chúa Trời cảm thấy thế nào về tội đó, hay vì sao Ngài phải đoán phạt tội đó, hay vì sao chúng phải chịu khổ. Vậy làm sao của tế lễ bằng con sinh làm thỏa mãn Đức Chúa Trời được?

Của Tế Lễ Tốt Hơn

Như vậy, giờ đây qua tác giả Thi Thiên, người ta nghe tiếng nói của Đấng Mêsia khi Ngài bước vào thế gian, công bố một thể loại của lễ hy sinh hoàn toàn khác:

Chúa chẳng muốn hi sinh, cũng chẳng muốn lễ vật,
Nhưng Chúa đã sắm sửa một thân thể cho tôi.¹

Chúa chẳng nhậm của lễ thiêu,
cũng chẳng nhậm của lễ chuộc tội.

Tôi bèn nói: Hỡi Đức Chúa Trời, nầy tôi đến

-Trong sách có chép về tôi -

Tôi đến để làm theo ý muốn Chúa.

Trước giả nói, điều đầu tiên đáng lưu ý về những câu này (10:5-9) chính là thứ tự những lời tuyên bố của chúng. Trước tiên là câu nói rằng các của tế lễ hy sinh bằng súc vật do luật pháp ban truyền không làm thỏa mãn Đức Chúa Trời. Đi tiếp ngay sau câu nói này là lời tuyên bố của Đấng Mêsia rằng Ngài đến để làm theo ý muốn của Đức Chúa Trời. Do đó, lời tuyên bố thứ nhì này nhằm làm câu trả lời cho nan đề được đề cập trong lời tuyên bố thứ nhất. Nhưng của lễ hy sinh bằng súc vật phải bị bỏ vì chúng không thể làm thỏa mãn Đức Chúa Trời. Thay thế cho chúng chính là việc Đấng Mêsia làm theo ý muốn của Đức Chúa Trời. Điều thứ nhất bị bỏ đi, điều thứ nhì đem vào thay thế chỗ điều thứ nhất.

Như vậy, đây là nguyên nhân thứ nhất vì sao của lễ hy sinh của Ngài là trỗi hơn vô hạn so với của lễ hy sinh bằng súc vật. Ngài đã thực sự biết về tội lỗi. Chính Ngài là hoàn toàn vô tội. Lương tâm Ngài không hề bị lu mờ đi hay bị cùn nhụt bởi một việc làm sai quấy hay thỏa hiệp nào. Ngài đã nhìn thấy điều ác và sự kinh khiếp của tội lỗi con người mà chưa từng có ai khác nhìn thấy. Và là Đức Chúa Trời nhập thể trong một thân thể con người, Ngài hiểu Đức Chúa Trời trong sự thánh khiết Ngài cảm thấy thế nào về tội lỗi theo cách mà không một con

người nào khác có thể hiểu được, và Ngài đã hiểu cách hoàn hảo điều Đức Chúa Trời muốn Ngài làm đối với tội lỗi đó. Ý muốn của Đức Chúa Trời chính là Đấng Mêsia sẽ làm chúng ta nên thánh bằng cách dâng thân thể vô tội của Ngài làm của lễ. Ngài đã làm theo ý muốn của Đức Chúa Trời. Ngài đã dâng thân thể Ngài. Chúng ta được làm nên thánh. Và một hành động dâng của lễ của Đấng Mêsia đã hoàn toàn làm Đức Chúa Trời thỏa mãn đến nỗi Ngài đã không bao giờ cần, mà cũng sẽ không bao giờ cần, phải dâng thân thể Ngài một lần nữa. Đức Chúa Trời đã có điều Ngài luôn luôn muốn; những của lễ hy sinh bằng súc vật là lỗi thời và không thích ứng.

Đây chính là câu trả lời cho nan đề thứ nhất. Nhưng còn nan đề thứ hai thì sao? Trước giả sẽ giúp độc giả của ông thế nào để họ vượt qua lời thúc giục cứ tiếp tục dâng thêm các của tế lễ nữa vì việc dâng các của tế lễ hy sinh bằng cách nào đó khiến họ cảm thấy dễ chịu hơn trong lương tâm?

Trước hết, ông chỉ ra sự tương phản giữa tư thế các thầy tế lễ của Ysraên trong đền thánh dưới đất với tư thế của Đấng Christ trong đền thánh trên trời. Cách thầy tế lễ của Ysraên, mỗi một người trong số họ, đều đứng: Đấng Christ ngồi (10:12). Không hề có ghế ngồi nào trong số các vật dụng mang tính biểu tượng trong đền tạm dưới đất, không có ghế ngồi hay ngai nào cho ngay cả thầy tế lễ thượng phẩm ngồi lên. Có chủ tâm và rất có ý nghĩa để làm như vậy. Nghi thức dâng của tế lễ chưa bao giờ hoàn tất. Không phải vì họ có quá nhiều của lễ khác nhau để dâng lên. Các của lễ cũng chỉ là một vài của lễ đó thôi. Nhưng hành động dâng tế lễ phải được lập đi lập lại hoài. Do đó, về mặt lễ nghi, họ không bao giờ được phép ngồi xuống.

Nhưng khi Đấng Christ bước vào Nơi Chí Thánh trên trời, nói về mặt lễ nghi, thì trước giả nói Ngài đã ngồi xuống.

Chúng ta thắc mắc: “Làm sao trước giả biết được điều đó?”

Vì Thi Thiên 110:1 nói như thế. Chính Đức Chúa Trời là

Đấng đang phán và Ngài bảo với Đấng Mê-sia đã thắng thiên hăy ngồi bên tay hữu Ngài. Vì sao ngồi? Vì bởi chỉ một hành động dâng của lễ duy nhất Ngài đã làm cho trọn lành đời đời những kẻ đang được khiến cho nên thánh. Công tác dâng của tế lễ của Ngài đã được thực hiện xong. Không chỉ đơn giản là Ngài không còn cần dâng thêm các của tế lễ khác nữa. Ngài không còn cần cứ tiếp tục dâng hoài một của lễ hy sinh duy nhất của chính Ngài. Ngài không ngồi trên Thiên đàng đời đời để dâng của tế lễ của Ngài cho Đức Chúa Trời. Ngài đã làm xong tiến trình dâng của lễ. Thi Thiên 110:1 nói, Ngài ngồi đó chỉ để chờ đợi kẻ thù nghịch của Ngài làm bệ chân cho Ngài (10:13).

Và rồi để chứng tỏ mình giải nghĩa Thi Thiên 110 chính xác, trước giả kế đó viện dẫn thuật ngữ giao ước mới một lần nữa. Ông bảo, hãy để ý Đức Thánh Linh đã sắp xếp trật tự của những từ ngữ này cẩn thận biết đường nào. Trước tiên, “ta sẽ để luật pháp ta vào lòng chúng nó và ghi tạc nơi trí khôn.”

Sự vận hành vĩ đại ấy trong lòng và trí chúng ta bởi Đức Thánh Linh khởi đầu tại lúc chúng ta hoán cải về với Đấng Christ và tiếp tục suốt những ngày còn lại trên trần gian này khi chúng ta ngày càng học hỏi nhiều hơn để sống cuộc đời thánh khiết. Sự tha thứ không phải là giấy chứng nhận để sống hoài trong tội lỗi. Vậy điều gì sẽ xảy ra nếu trong tiến trình học hỏi đến sự nên thánh, chúng ta sa ngã và phạm tội? Há chẳng phải lúc đó dâng một của lễ hy sinh lại trở thành bắt buộc cũng như hữu ích cho chúng ta để bảo đảm được tha thứ những tội lỗi đó và tìm được bình an cho lương tâm?

Không!

Tại sao không?

Hãy xem loạt điều khoản cuối trong giao ước mới. Nói chính xác, qua văn mạch nói về cuộc đời nên thánh tiệm tiến liên tục – và đôi khi thất bại – của chúng ta, Đức Chúa Trời đã bảo đảm Ngài sẽ không nhớ đến những tội lỗi và những hành động

vô luật pháp của chúng ta nữa. Có nghĩa là, Ngài sẽ không đặt vấn đề hình phạt nào xứng đáng giáng trên những tội ấy và sẽ không bao giờ đòi hỏi phải trả cho hình phạt đó nữa. Vì sao không? Vì đã được trả xong cả rồi!

Giờ đây, trước giả của chúng ta nói, tại nơi bạn đã được tha thứ như thế rồi sẽ không còn thêm việc dâng của lễ chuộc tội nữa (10:18). Và cũng phải bảo đảm để chúng ta hiểu chính xác ông đang nói gì. Từ ngữ Hy văn *prospora*, được dịch ở đây là “dâng của lễ,” có thể nói đến hai điều hơi khác nhau. Chữ này có thể mang nghĩa “một điều gì đó được dâng lên,” “một của tế lễ.” Hoặc nó có nghĩa “tiến trình dâng lên một điều gì đó,” “hành động dâng của tế lễ.” Trong văn mạch hiện tại, nghĩa thứ hai trong hai nghĩa này mới đúng là ý định của tác giả. Không phải ông đang nói chúng ta khỏi cần dâng thêm một của tế lễ khác nữa bên cạnh của tế lễ của Đấng Christ – dầu đúng là như vậy. Ông đang nói rằng toàn bộ hoạt động dâng các của tế lễ chuộc tội giờ đây có thể ngưng. Là người tin Chúa, chúng ta phải dâng những của tế lễ là sự ca ngợi và các việc lành (13:15-16). Nhưng không phải dâng để được tha tội. Chúng ta không cần, và cũng không được phép, tiếp tục dâng bất kỳ của lễ chuộc tội nào nữa, ngay cả của lễ hy sinh của chính Đấng Christ cũng không. Đức Thánh Linh đã nói điều này một cách sung sướng và mạnh mẽ biết dường nào! Lẽ ra Ngài cũng có thể nói: “Việc dâng của lễ của Đấng Christ hoàn hảo đến nỗi nhờ đó mọi tội lỗi của anh em đã được tha thứ.” Và nói vậy ắt cũng đúng thôi. Nhưng Ngài đã nói mạnh thêm một cấp nữa để bảo: “Mọi tội lỗi của anh em đã được tha thứ; do đó không còn cần – cũng không được phép – dâng thêm một của lễ nào nữa.”

Có người sẽ nói: “Nhưng chắc chắn Cơ đốc nhân chúng ta có bổn phận dâng thân thể mình làm của lễ sống, thánh và đẹp lòng Đức Chúa Trời, đúng không?”

Đương nhiên. Phaolô nói như vậy trong Rôma 12:1. Nhưng

chúng ta không dâng của lễ đó để được tha tội. Chúng ta dâng của lễ đó với lòng biết ơn vì mình đã được tha tội rồi. Chúng ta không bao giờ được phép lẫn lộn của tế lễ của chúng ta với của tế lễ của Ngài. Của lễ của Đấng Christ đã chuộc tội lỗi chúng ta. Của lễ của chúng ta không bao giờ có thể làm được việc đó; và Ngài tuyệt đối không hề chờa công tác chuộc tội lại cho chúng ta đâu. Công tác ấy đã được thực hiện xong từ lâu rồi. Do đó, chúng ta không được phép cố thử nhập chung của tế lễ của chúng ta với của tế lễ của Đấng Christ để dâng cả hai lên cho Đức Chúa Trời.

Bước Vào Nơi Rất Thánh

Vậy, với lòng tin quyết trọn vẹn, và với lòng thành thật vì hoàn toàn được bảo đảm về đức tin, chúng ta hiện được đến gần và bước vào Nơi Chí Thánh. Đức Thánh Linh sung sướng biết dường nào để nhấn mạnh lòng tin quyết mỗi tín hữu thật có được để bước vào Nơi Chí Thánh! Kinh Thánh không hề nói rằng sự tin quyết như thế là không thể có được. Lòng tin quyết ấy căn cứ trên sự dự bị của Đức Chúa Trời. Đối với các thầy tế lễ Ysraên thời xưa, Đức Chúa Trời đã dự bị sự tẩy sạch kếp trong lễ nghi. Có sự tẩy sạch bởi huyết theo nghĩa đen tại bàn thờ, và có sự tẩy sạch bởi nước theo nghĩa đen tại biển đồng. Chúng ta có thực tại kếp này mà những sự tẩy sạch của Ysraên ngày xưa chỉ mang tính biểu tượng về nó mà thôi.

Trước hết, lòng chúng ta đã được rửa bởi huyết Chúa Jesus (đương nhiên, không theo nghĩa đen, nhưng theo nghĩa tỉ dụ), và như vậy được tẩy sạch khỏi lương tâm mắc tội. Đó là sự xưng công bình. Chúng ta không bắt buộc phải đè nén lương tâm mắc tội của mình, hay ép buộc chúng chi cả. Khi lương tâm chúng ta thấy cơn thạnh nộ của Đức Chúa Trời nghịch cùng chúng ta đã được xoa dịu cách công bình, và án phạt cho tội của chúng ta đã được trả xong đầy đủ, chúng có quyền buông hết mọi sợ hãi để có thể đến gần Đức Chúa Trời với lòng hoàn toàn tin

quyết và bình an.

Thứ nhì, thân thể của chúng ta đã được rửa bằng nước trong (một lần nữa, không theo nghĩa đen, nhưng theo nghĩa tỉ dụ). Không phải được rưới bằng nước (như lương tâm của chúng ta được rưới bởi huyết), hoặc thậm chí được dội nước, nhưng được tắm hoàn toàn trong nước. Từ ngữ Hy văn cho “tắm” cũng chính là từ được dùng trong Giăng 13:10 khi Chúa chúng ta nói: *“Ai đã tắm rồi, thì chỉ cần rửa chân thôi; toàn thân thể người sạch rồi”* (bản dịch của tôi). Đương nhiên, lối nói này một lần nữa mang tính tỉ dụ. Chúa chúng ta đang nói về sự nên thánh bước đầu, hoàn chỉnh và một lần đủ cả đã xảy khi ra một người ăn năn thật và lấy đức tin thật tin cậy nơi Cứu Chúa. Không phải Ngài đang nói về phép báp têm (một phép báp têm lớn lúc khởi đầu và rất nhiều phép báp têm nhỏ sau đó trở đi!), hay nói về “nước” theo nghĩa đen cho dù là nước thường hay nước thánh. Khi Chúa chúng ta nói thêm, nhờ sự tắm một lần đủ cả này trong nước “các người được tinh sạch, dầu vậy không phải hết thấy mọi người trong các người đều được sạch. Vì Ngài biết ai sẽ phản Ngài, nên đó là lý do Ngài nói không phải mọi người đều đã được sạch,” hiển nhiên Ngài không có ý bảo: “Các người thấy đều đã được làm phép báp têm ngoại trừ Giuđa.” Chẳng còn nghi ngờ gì, Giuđa đã chịu báp têm cùng chung với số môn đồ còn lại; nhưng ông vẫn chưa được “tắm,” ông chưa được nên thánh. Nhưng mỗi một tín hữu thật đều đã được. Phaolô nói *“Trước kia anh em ít nữa cũng có một đôi người như thế; nhưng nhân danh Đức Chúa Jêsus Christ, và nhờ Thánh Linh của Đức Chúa Trời chúng ta, thì anh em được rửa sạch, được nên thánh, được xưng công bình rồi”* (ICôrinthô 6:11).

Và thứ ba, chúng ta có thầy tế lễ lớn, tức là thầy tế lễ thượng phẩm, cai quản cả nhà của Đức Chúa Trời. Khi những thầy tế lễ trẻ của Ysraên bắt đầu thi hành bốn phận phức tạp của họ trong những hành lang trang trọng của đền thờ, ắt hẳn họ

nhận được nguồn an ủi lớn nếu có một thầy tế lễ thượng phẩm vốn là nhà chuyên môn để có thể chỉ cho họ biết cần phải làm gì và phải cư xử thế nào trước hiện diện của Đức Chúa Trời. Cảm tạ Chúa, khi bước vào nơi ngự đáng sợ của Đức Chúa Trời, chúng ta có một thầy tế lễ thượng phẩm cầm tay dắt chúng ta đi, để đưa chúng ta trình diện trước tòa, để thúc giục và hướng dẫn chúng ta ca ngợi và cầu nguyện, để nói cho chúng ta biết phải cư xử thế nào trước Đấng Tôn Nghiêm trên Thiên đàng. Thầy tế lễ thượng phẩm của Ysraên mang trên mũ của mình tấm bảng bằng vàng ròng có chạm những chữ “*Thánh Cho Đức Giêhôva.*” Kinh Thánh (Xuất Êđípô Ký 28:36-38) giải thích rằng thầy tế lễ thượng phẩm mang bảng này để có thể gánh “tội lỗi của dân Ysraên phạm trong khi họ dâng của lễ thánh; thế đó sẽ ở nơi trán Arôn luôn luôn, để dân sự được đẹp ý Đức Giêhôva.” Cũng vậy, nhưng theo một ý nghĩa đầy trọn hơn hẳn -Đấng Christ cũng đích thân nhận lấy trách nhiệm về những bất toàn trong sự thờ phượng và lời cầu nguyện của chúng ta. Ngài đã gánh sự phạm tội không những của những tội chúng ta đã phạm trong tư cách tội nhân, mà còn của những tội và những bất toàn của chúng ta trong tư cách thánh đồ và người thờ phượng. Do đó, chúng ta được phép dấn dĩ bước vào trước hiện diện của Đức Chúa Trời ngang qua bức màn, không phải bởi chúng ta có công đức, hay đã đạt được đến giai đoạn cao cấp hơn trong sự nên thánh; nhưng dầu chúng ta có bất toàn đến đâu đi nữa, chúng ta chỉ nhờ nơi một mình Chúa Jesus Christ, là Chúa, Cứu Chúa và Thầy Tế Lễ Thượng Phẩm của chúng ta được phép dấn dĩ bước vào trước hiện diện của Đức Chúa Trời ngang qua bức màn.

Thuật Ngữ Chuyên Môn Quan Trọng

Nhưng giờ đây tôi phải quấy rầy bạn bằng một thuật ngữ chuyên môn quan trọng – và nếu bạn không thích những thuật ngữ chuyên môn, có lẽ bạn nên bỏ qua một hoặc hai phân đoạn

kế tiếp.

Thuật ngữ chuyên môn này liên quan đến cụm từ trong 10:20: *“Là đường mà Ngài đã dành riêng cho chúng ta... ngang qua cái màn, nghĩa là ngang qua xác thịt Ngài”* (bản dịch của tôi).

Trong 6:19-20, chúng ta đọc được: *“Sự trông cậy của chúng ta thấu vào chỗ nằm bên trong bức màn nơi mà Chúa Jesus với tư cách Đấng đi trước (AV/ KJV; NASB “Đấng mở đường”) “đã vào vì cơ chúng ta”* (cách dịch của tôi). Tại đó, tác giả đang sử dụng bức màn phân rẽ Nơi Chí Thánh với Nơi Thánh như một phép tỉ dụ để cho biết bức màn đó có là gì đi nữa, nó vẫn che khuất thế giới vô hình của sự hiện diện Đức Chúa Trời khỏi thế giới hữu hình mà chúng ta đang sống. Đương nhiên, bức màn đó vẫn còn treo đúng chỗ của nó.

Có người nghĩ ông đang sử dụng bức màn này theo cùng một ý nghĩa trong 10:20. Họ hiểu ông đang nói Chúa chúng ta đã mở đường ngang qua bức màn, và con đường đó chính là con đường của xác thịt Ngài, tức là con đường của nhân tánh Ngài. Vì với tư cách một con người bằng xương bằng thịt thật sự, Ngài đã băng ngang qua bức màn hiện vẫn đang che khuất thế giới vô hình của Thiên đàng khỏi mắt chúng ta, nên chúng ta cũng có thể vượt ngang qua bức màn đó, bằng tâm thần của mình ngay hiện nay, rồi sau đó cũng trong thân thể nữa. Đương nhiên có thể hiểu từ ngữ Hy văn trong câu Kinh Thánh của chúng ta theo lối này.

Tuy nhiên, rất có khả năng trước giả của chúng ta đang dùng bức màn trong 10:20 theo cách khác với cách dùng trong 6:19-20. Giờ đây ông đang nói bức màn trong lều tạm có thể xem như hình ảnh về thân thể con người của Chúa chúng ta. Nhiều người nói: *“Không thể nào! Chúa chúng ta không bao giờ hành động như một bức màn che khuất Đức Chúa Trời khỏi bất cứ ai: Ngài đã luôn luôn bày tỏ Đức Chúa Trời cho con người.”*

Nhưng như vậy là không để ý đến toàn bộ chức năng của

bức màn trong đền tạm thời xưa. Đương nhiên bức màn này che khuất hiện diện của Đức Chúa Trời trong Nơi Chí Thánh khỏi những thầy tế lễ đang thi hành chức vụ trong Nơi Thánh. Mặt khác, bức màn đó là sự dự bị đầy thương xót. Nếu không có bức màn ở đó, Nơi Chí Thánh và Nơi Thánh sẽ hoàn toàn trở thành một, và các thầy tế lễ sẽ không được phép bước vào ngay cả Nơi Thánh nữa. Có thể nói, với bức màn nằm đúng chỗ của nó, họ có thể bước vào Nơi Thánh cho đến tận chỗ bức màn. Và mặt ngoài của bức màn, với những màu sắc sinh động và chêrubin mang tính biểu tượng, có thể bắt đầu khiến họ suy nghĩ đôi điều về Đức Chúa Trời Đấng ngự ngay bên trong bức màn đó.

Theo ý nghĩa đó, thân thể của Chúa chúng ta hành động như một bức màn khi Ngài ở trên đất này. Trong Ngài có mọi sự đầy đầy của Đức Chúa Trời (Côlôse 1:19). Thế nhưng những người nam và nữ đầy tội lỗi, là những người trước đây không được bước vào hiện diện trực tiếp của Đức Chúa Trời, thì giờ đây họ có thể đến gần Đấng Christ và rờ đến chính thân thể Ngài dấu Đức Chúa Trời ngự bên trong Ngài. Lúc bấy giờ, chắc hẳn Đức Chúa Trời gần gũi với con người biết dường nào.

Nhưng giờ đây chúng ta có thể đến gần với Đức Chúa Trời hơn nữa; vì Đấng Christ không còn hành động như một bức màn. Tại Gôgôtha, Ngài dâng thân thể không tì vết của Ngài cho Đức Chúa Trời, và được chấp nhận: giờ đây được sống lại từ cõi chết, thân thể đó bước vào Thiên đàng, và trong tâm linh, chúng ta được mời bước đi theo Ngài vào ngay trước hiện diện của Đức Chúa Trời. Theo ý nghĩa đó, giờ đây không còn bức màn nào ngăn chúng ta nữa.

Bạn hỏi: “Còn bức màn trong đền thờ bị xé khi Đấng Christ chết thì sao? Điều đó có ý nghĩa gì?”

Có ý nghĩa kép. Trước hết, công bố chấm dứt hệ thống thờ phượng của Do Thái giáo. Như chúng ta đã thấy, hệ thống ấy không thể hoạt động nếu không có bức màn treo đúng chỗ để

cho phép các thầy tế lễ bước vào Nơi Thánh. Đối với những người Do Thái không chịu chấp nhận của tế lễ hy sinh của Chúa Jesus, thì khi cất bỏ bức màn đi, toàn bộ hệ thống thờ phượng của họ không thể hoạt động được nữa. Đường như Đức Chúa Trời đã viết chữ “Bãi Bỏ” trên toàn bộ chuyện này.

Thứ nhì, đối với những người có mắt để nhìn thấy điều đó, điều đó công bố con đường dẫn vào Nơi Chí Thánh trên trời đã được mở ra. Đèn tạm dưới đất này vốn đã hoạt động suốt nhiều thế kỷ như một bản sao tốt của những vật ở trên trời, nay không còn cần thiết nữa. Giờ đây nó đã lỗi thời. Nó sẽ kịp biến mất.

Sự Trở Lại Của Chúa

Vậy, về phần tâm linh, chúng ta được đến gần Nơi Chí Thánh, là nơi Đấng Christ đang ở hiện nay. Nhưng chúng ta cũng luôn luôn nhớ rằng Đấng Christ sẽ trở lại. Như phần cuối đoạn 9 cho biết, Ngài sẽ hiện ra lần thứ nhì. Ngài sẽ đến trong chính thân thể Ngài và mọi mắt đều thấy (Công vụ 1:11). Và Ngài sẽ trở lại nhanh chóng. Ngày Ấy đang đến gần (10:25). *“Còn ít lâu, thật ít lâu nữa, thì Đấng đến sẽ đến; Ngài không chậm trễ đâu”* (10:37).

Chỉ có những tín hữu thật mới chuẩn bị sẵn sàng chờ Ngài. Chỉ những tín hữu thật mới sống lại để gặp Ngài và được đưa về nhà Cha để ở đó đời đời với Chúa (Giăng 14:1-3; ITêsalônica 4:14-18). Nếu là tín hữu thật, chúng ta phải chứng tỏ mình là tín hữu thật, và hành động với tư cách những tín hữu thật. Chúng ta phải *sống* bởi đức tin, giống như mọi người công bình của Đức Chúa Trời đều sống vậy (10:38).

Điều đó bao gồm những gì? Điều đó có nghĩa chúng ta khẳng khái giữ lấy quan điểm của mình và nắm chặt không chút chuyển lay niềm hy vọng mà chúng ta đã tuyên bố mình có. Đấng Christ đã hứa sẽ trở lại. Ngài thành tín. Bảo đảm Ngài sẽ giữ lời hứa. Chúng ta không được phép để cho thần học tự

do rút mất hết ý nghĩa của lời hứa ấy. Lời hứa này không phải là huyền thoại. Lời hứa của Chúa chúng ta muốn nói lên nội dung nghĩa đen đúng như lời. Chúng ta phải quý trọng khía cạnh tiên tri của đức tin mình, giáo lý về sự tái lâm, với mức độ quý trọng cũng y như đối với các giáo lý Cơ đốc khác. Nếp sống đạo Cơ đốc không có gì là không phù hợp cả. Ý nghĩ về sự tái lâm của Ngài trên thực tế chính là sự thúc giục hết sức cần thiết để tiến đến sự nên thánh và hầu việc trung thành, chuyên tâm (10:24).

Và chúng ta thấy Ngày Ấy đến gần chừng nào, chúng ta càng cần nhóm lại với những anh em tín hữu của mình chừng nấy để khích lệ nhau. Chúng ta cần nhận và ban cho mọi sự giúp đỡ mình có thể. Nghĩ mình không cần thì đó chính là một dấu hiệu chẳng lành.

Nếu người nào đó từng tuyên bố mình tin Chúa Jesus là Đấng Mêsia, là Đấng đã chết, đã sống, đã thăng thiên và sẽ tái lâm, rồi bây giờ cố tình bác bỏ lời tuyên xưng đó để quay trở lại với Do Thái giáo, điều đó nói lên ý nghĩa gì? Tác giả nói cho chúng ta biết trong 10:26-31. Chúng ta đã xem xét phân đoạn này chi tiết ngay từ chương đầu tiên. Giờ đây, chúng ta cần tóm tắt những điều đã tìm thấy lúc đó và bảo đảm chúng ta hiểu tác giả đang mô tả tội lỗi nào ở đây khi nói: *“Vì nếu chúng ta đã nhận biết lẽ thật rồi, mà lại cố ý phạm tội, thì không còn có tế lễ chuộc tội nữa.”*

Bản NIV dịch câu này: “Nếu chúng ta cố tình cứ phạm tội hoài sau khi đã nhận biết lẽ thật, thì không còn của lễ chuộc tội nào nữa.” Nếu hiểu theo cách dịch này, chúng ta phải cẩn trọng đừng lý giải sai câu đó để hình thành trong trí mình một ấn tượng sai lầm. Không phải tác giả đang nói nếu tín hữu thật cứ miệt mài cố ý phạm tội, sẽ có một lúc giá trị từ của tế lễ hy sinh của Đấng Christ sẽ cạn hết, có thể nói là như vậy; ông cũng không nói rằng Đấng Christ sẽ phán: “Ta đã đền chuộc

xong cho tội lỗi người mãi đến giờ phút này, nhưng ta không chuẩn bị đền chuộc thêm tội lỗi của người chút nào nữa đâu.” Nghĩ như vậy thực sự là nghĩ chưa tới, và sai lầm ở hai điểm.

Thứ nhất, sứ đồ Giăng nói cho chúng ta tín đồ thật không liên tục sống nếp sống phạm tội hoài (IGiăng 3:6-10). Ai cứ sống cuộc đời phạm tội thành thói quen như thế là thuộc về ma quỷ chứ không hề là tín hữu thật. Người ấy chưa hề “sinh bởi Đức Chúa Trời.” Đương nhiên, tín hữu thật thỉnh thoảng có phạm tội (IGiăng 1:6-2:2), nhưng không miệt mài phạm tội cách cố ý và phạm tội thành thói quen. Họ xưng tội và xin Chúa giúp từ bỏ. Đối với họ, huyết Đấng Christ “sẽ không bao giờ mất đi quyền năng của huyết ấy, cho đến khi toàn bộ hội thánh được chuộc của Đức Chúa Trời sẽ được cứu, không còn phạm tội nữa.”

Thứ nhì, tác giả tiếp tục mô tả chi tiết trong câu 29 cho chúng ta biết ông đang nghĩ đến tội cố ý, cố tình này là gì. Nó liên quan đến việc quyết tâm phủ nhận thân tánh của Chúa Jesus, do đó xem huyết Ngài là tầm thường và không có giá trị gì hơn huyết của những người khác. Hơn nữa, bởi phép lập luận không thể tránh khỏi được, điều này còn liên quan đến tình trạng cho rằng giao ước mới được lập bởi huyết Đấng Christ là hoàn toàn vô hiệu lực và vô giá trị. Và điều đó đồng nghĩa lãng mạ Thánh Linh của ân điển, và cố tình chọn nương cậy những công đức của riêng mình.

Phạm vào tội đó và cứ kiên trì trong tội đó vì cố ngu muội giống như Saulơ thành Tạtơ đã phạm trong ít lâu thì cũng đã quá nghiêm trọng rồi. Nhưng do ngu dốt thì vẫn còn được thương xót. Miệt mài trong tội đó, dấu hiện nay không còn ngu dốt nữa, nhưng đã biết hết trọn các sự kiện; cố tình khước từ của lễ hy sinh của Đấng Christ cách có hiểu biết bất chấp đã được Thánh Linh soi sáng – thì bấy giờ không còn có của lễ chuộc tội nào nữa. Các của tế lễ của Do Thái giáo chưa bao giờ có giá trị trởi hơn những biểu tượng được; nhưng dấu vậy, suốt nhiều

thế kỷ Đức Chúa Trời đã chấp nhận chúng và công bố tha tội cho những người nào đem của tế lễ ấy đến với tấm lòng chân thật. Nhưng giờ đây chúng đã lỗi thời rồi. Đức Chúa Trời không còn chấp nhận chúng nữa, và đương nhiên Ngài không chấp nhận chúng từ tay bất cứ ai đã cố tình khước từ của lễ hy sinh của Đấng Christ. Không còn gì cho người ấy ngoài ra ngọn lửa thiêu đốt của sự đoán xét và báo thù đến từ nơi Đức Chúa Trời.

Chớ Rút Lui

Như vậy, đối với tín đồ thật, rút lui về với Cơ đốc giáo và những của tế lễ hy sinh của nó tức là bị dứt bỏ đời đời. Không phải trước giả chúng ta nhận tâm. Ông biết sự bất bố và áp lực độc giả mình đã phải chịu kể từ khi tuyên xưng đức tin nơi Chúa Jesus là Đấng Mêsia. Ông biết việc dường như chậm trễ của ngày Chúa trở lại đã thử thách đức tin họ đến mức nào, và khiến họ phải đối mặt với lập luận của những người bạn chưa tin Chúa nói rằng Chúa Jesus sẽ không hề trở lại, nguyên nhân đơn giản vì Ngài là kẻ mạo danh. Và ông biết đôi khi cảm dỗ mạnh mẽ biết dường nào đến nỗi họ nghĩ Do Thái giáo vẫn là hệ thống có hiệu lực để có thể rút vào đó, để tránh áp lực liên tục kia nhưng đồng thời vẫn cứ giữ được tính đáng trọng về tâm linh.

Nhưng không thể làm như vậy, ít nhất cũng không thể nếu họ là tín đồ thật. Đương nhiên, nếu suốt lúc đó họ vẫn là những Giuđa, thì họ rốt cuộc sẽ xa lánh Chúa Jesus, đi lui lại, cùng gia nhập đoàn người đóng đinh Ngài, và bị Đức Chúa Trời buồn lòng đời đời. Nhưng trước giả của chúng ta tin cậy họ chứ không nghĩ như vậy. Ông tin quyết rằng bất chấp những bất nhất hiện tại của họ, họ vẫn là những tín đồ thật. Ông cùng với họ dạn dĩ khẳng định: *“Về phần chúng ta, nào phải là kẻ lui đi cho hư mất đâu, bèn là kẻ giữ đức tin cho linh hồn được cứu rỗi”* (10:39, AV/ KJV). Niềm tin quyết lúc đầu của họ, do Thánh Linh Đức Chúa Trời tạo nên trong họ, là chân thật: họ

đã có cơ nghiệp tốt hơn và đời đời trên Thiên đàng, vượt trội hơn những mất mát và sự chịu khổ tạm thời của họ. Giờ đây họ sẽ đáp lại lời ông kêu gọi hãy bền lòng. Giống như Phierơ, họ sẽ phục hồi khỏi tình trạng nao núng nhất thời của mình. Họ sẽ chứng tỏ mình là những tín hữu thật. Họ sẽ sống và làm chứng dạn dĩ cho Cứu Chúa. Họ sẽ trung thành chờ đợi sự tái lâm của Ngài, mà chính Đức Chúa Trời đã bảo đảm rằng khi suy xét những điều liên quan đến thời kỳ chờ đợi, thì thời kỳ thử thách, chịu khổ và bất bớ chỉ có trong một chốc mà thôi. Và sau đó phần thưởng vĩ đại và đời đời sẽ là thuộc về họ.

Câu Hỏi

1. Theo ý nghĩa nào, đường vào Nơi Chí Thánh, là đường Chúa Jesus đã mở ra cho chúng ta, là con đường mới? Và có ý nghĩa gì khi mô tả đây là con đường sống?
2. Khi chúng ta được khuyên “đến gần” (10:22), có phải lời khuyên ấy nghĩa là
 - (a) Chúng ta hiện nay phải sống sao cho khi mình qua đời, hay khi Chúa đến, chúng ta rốt cuộc có thể được vào Thiên đàng? Hoặc,
 - (b) Chúng ta hiện nay có thể bằng cách nào đó bước vào trước hiện diện của Đức Chúa Trời trên Thiên đàng? Nếu là (b), thì bằng cách nào?
3. Giao ước mới muốn nói gì khi bảo Đức Chúa Trời sẽ không *nhớ* đến tội lỗi của chúng ta nữa?
4. Vì sao bất chấp việc dâng các của tế lễ lập đi lập lại của người Ysraên, người Ysraên bình thường vẫn không cảm thấy tự do để bước vào Nơi Chí Thánh?
5. Ngày nay, có điều gì sai trong việc dâng lên một điều gì đó để được tha tội hay được sự sống đời đời?
6. Điều gì đi kèm với việc một người xưng mình là Cơ đốc nhân lại quay trở về với Do Thái giáo?

7. Đức tin nơi sự tái lâm của Đấng Christ đóng vai trò nào trong đời sống bạn?

Chú Thích Chương 11

¹ Bản Hybálai của câu Kinh Thánh này nói rằng: "... Chúa đã xỏ tai tôi." Để làm sáng tỏ nghĩa của phép tỉ dụ này, bản Bảy Mươi đã dịch một cách năng động, "nhưng Chúa đã sẵn sàng một thân thể cho tôi." Đức Thánh Linh đã chọn dùng cách dịch này để các độc giả Tân Ước dễ hiểu hơn.

CÁC GIÁO LÝ VÀ CHUYỂN HÀNH HƯƠNG CỦA ĐỨC TIN

Hêbơơ 11:1-16

Để hiểu vai trò đoạn này trong toàn bức thư, trước hết chúng ta phải thấy phẩm hạnh được đoạn này nói đến chính là *đức tin*. Có vẻ đây là quan sát rất sơ đẳng, nhưng lại hết sức quan trọng. Nhu cầu vĩ đại của những người Hêbơơ nhận bức thư này chính là đức tin. Điều đáng ngờ về hành vi họ không phải là sự tin kính, cũng không phải là nhiệt tâm tôn giáo, nhưng chính là đức tin của họ.

Chúng ta không nhớ tác giả đã nói rõ từ sớm thế nào tổ phụ họ không được vào đất hứa vì thiếu chính thứ phẩm chất này, tức thiếu đức tin, vì lòng vô tín sao? Rồi ở cuối đoạn 10, ông tóm tắt tình huống đối với những độc giả của mình như thế này: đây là vấn đề một là tiếp tục tiến lên, kiên nhẫn chờ đợi Chúa đến và sống bởi đức tin (vì Đức Chúa Trời đã phán: “người công bình sẽ *sống* bởi đức tin”); hoặc hai là rút lui, có nghĩa từ bỏ mọi lời tuyên xưng đức tin và bị hư mất đời đời.

Đức Tin Là Gì?

Như vậy, bây giờ ông bắt đầu mô tả và minh họa đức tin thực sự là gì và làm gì. Làm một tín hữu có nghĩa là gì? *Sống* bởi đức tin có nghĩa là gì?

Chúng ta thường thấy đức tin được nói đến trong suốt bức thư này là đức tin nếu không có thì không ai có thể làm đẹp lòng Đức Chúa Trời, nếu không có đức tin ấy thì chúng ta không hề là tín hữu chi cả. Người Ysơơen ngày xưa trong đồng vắng đã không tin vào Tin Lành. Họ không phải là tín hữu theo ý

nghĩa thật của từ ngữ này. Có lẽ họ đã tin “trong ít lâu,” như Chúa chúng ta đã diễn ý điều đó (Luca 8:13); nhưng đương nhiên nơi họ không có rễ nào cả. Thứ đức tin đó không ích lợi gì cả. Khi thử thách đến mới thấy ra họ chưa hề thực sự tin vào Tin Lành. Giờ đây một lần nữa ở 11:6, trước giả nói rõ ràng rằng ông muốn dùng chữ “đức tin” nói đến đức tin chân thật và đích thật để nhờ đó chúng ta có thể thực sự đến với Chúa và thực sự làm đẹp lòng Ngài; không có đức tin đó thì trên thực tế không thể làm đẹp lòng Ngài; không có đức tin đó chúng ta không hề là tín hữu thật chi cả.

Mặt khác, trong đoạn này chúng ta sắp thấy không thể chia đức tin thành ra những thành phần và thể loại dễ dàng, gọn gàng và tách biệt nhau. Chúng ta bắt đầu đời sống mình với Chúa bằng đức tin. Không phải có thêm loại đức tin khác nữa để về sau đưa chúng ta tiến lên, nhưng cũng vẫn chính là thứ đức tin đó thôi. Và thứ đức tin chúng ta đã khởi đầu, dầu nhỏ lúc đầu, vẫn mang sẵn toàn bộ tiềm năng để tăng trưởng, hành động và chịu đựng như sắp được minh họa cho chúng ta trong đoạn 11 của thư Hêbơơ.

Đức tin chúng ta vận dụng khi lần đầu tiên tiếp nhận sự cứu rỗi là thứ đức tin dứt khoát sẽ tự thể hiện trong đời sống. Nó không thể bị giấu kín hoàn toàn. Nó không thể hoàn toàn thất bại trong việc un đức đời sống chúng ta. Đức tin thật là thứ đức tin sống động, sẽ đem lại đời sống tinh tảo. Đức tin đó sẽ sống can đảm cho Chúa, sẽ hành động, sẽ kiên trì và bền bỉ.

Đôi khi tôi cảm thấy hơi khó chịu khi nghe nói rằng muốn được cứu thì không cần phải làm chi cả. Tôi biết một số những nhà giảng đạo muốn nói gì khi bảo như vậy. Theo ý nghĩa họ muốn nói, thì điều đó là đúng. Đương nhiên, bạn không thể kiếm được sự cứu rỗi nhờ các việc lành; đương nhiên đức tin là sự an nghỉ, sự an nghỉ trên công tác của Đấng Christ; đương nhiên, đức tin là nhận lãnh chứ không phải là ban cho.

Nhưng đức tin thật luôn luôn hành động ngay từ lúc bắt đầu. Kỵ nữ của Luca 7 tin nơi sứ điệp của Cứu Chúa, và vì tin, bà đã đến với Ngài, khóc nơi chân Ngài. Niềm tin cứ đặt ra đó mà không đến, thì ắt chẳng phải là đức tin thật chi cả. Trong Luca 8, người đờn bà bị bệnh mất huyết đã tin Cứu Chúa, và vì tin, bà đã chen qua đám đông để rờ vạt áo Chúa. Một đức tin tuyên bố mình tin mà không đến, thì chẳng hề là đức tin chi cả. Ngay cả hành động hoán cải cũng thế: đức tin thật luôn luôn hành động và đến với Cứu Chúa, và quyết tâm chìa tay đón nhận điều Cứu Chúa đã hứa.

Mô Tả Đức Tin

Như vậy, *đức tin là sự bảo đảm về những điều đã hy vọng, là sự tin quyết về những điều chưa xem thấy* (11:1, AV/ KJV). Hoặc theo cách nói của bản NIV, đức tin là biết chắc về điều mình đang trông mong và biết chắc chắn về việc mà mình không xem thấy. Đức tin khiến bạn biết chắc rằng những việc trong tương lai mà bạn hiện đang trông cậy – và bởi đó theo định nghĩa vẫn chưa sở hữu được (xem Rôma 8:24-25) – là thực sự của bạn, để học tập kể chúng dường như mình đã có rồi. Một số điều là không thấy được, hoặc vì bản chất của chúng, hoặc vì vẫn còn giấu kín mãi đến mai sau. Đức tin đem đến cho chúng ta niềm tin quyết rằng chúng là thật để chúng ta có thể kể chúng như là những sự biết chắc chắn, và lấy chúng làm cơ sở cho những sự chọn lựa và quyết định của mình, dùng chúng hướng dẫn đời sống mình.

Đó chính là cách những người nam nữ kính sợ Chúa thời xưa đã từng sống. Đó cũng là cách chúng ta phải sống nữa. Bạn đã quen vận dụng đức tin đến nỗi bạn sẽ rất sửng sốt nếu ngồi xuống suy nghĩ có bao nhiêu chuyện bạn chỉ bởi đức tin kể chúng là những thực tại. Bạn ngấm ngấm tin Đấng Christ sẽ trở lại đúng không? Ngài vẫn chưa có mặt ở đây! Bạn tin Ngài đang ở trên Thiên đàng, nhưng bạn chưa từng hề nhìn thấy

Ngài tại đó! Bạn tin Ngài cầu thay cho bạn mỗi ngày, nhưng bạn chưa hề nghe tiếng Ngài. Bạn đặt tất cả mọi sự vào cửa lễ hy sinh của Ngài, nhưng lúc đó bạn đâu có mặt để nhìn thấy cửa lễ ấy. Làm sao bạn biết Ngài sống lại rồi? Vâng, bạn đã trở nên quen vận dụng đức tin đến nỗi những vấn đề này trở thành một phần không thể tách rời khỏi đời sống hằng ngày. Khi tin chúng rồi, bạn thấy chúng là thật và đã trải qua thử nghiệm bằng kinh nghiệm. Đức tin là sự bảo đảm về những điều đã trông cậy, sự tin quyết về những điều mắt chưa thấy.

Các Giáo Lý Cơ Bản Của Đức Tin

1. Sự Sáng Thế

Lãnh vực chính thứ nhất mà chúng ta sẽ chứng tỏ mình là những tín hữu thật ấy là tin vào các giáo lý cơ bản của đức tin, mạnh mẽ bình vực và hành động đúng theo những giáo lý ấy.

Thứ nhất, giáo lý về *Sự Sáng Thế*. “*Bởi đức tin, chúng ta hiểu rằng vũ trụ được làm nên bởi lời phán của Đức Chúa Trời để những vật mắt thấy được chẳng phải bởi từ vật hữu hình mà đến*” (bản dịch của tôi).

Sự vật chẳng phải như vẻ bề ngoài của chúng. Ở đây, chúng ta đang đứng trên *terra firma* (trái đất vững vàng) rắn chắc. Chúng ta bị vây quanh bởi những sự vật, và vì chúng ta có thể sờ, ngửi, ném, thấy và nghe chúng, nên chúng dường như rất thật với chúng ta. Và đôi khi chúng ta sợ buông chúng ra để giữ lại những điều thuộc linh và những điều không thấy được. Nhưng hãy suy nghĩ trong giây lát. Mọi thứ vật chất vững chắc này ra từ đâu, trái đất này cùng toàn bộ mọi sản phẩm của nó ra từ đâu? Có phải nó đã luôn luôn tồn tại không? Không! Tất cả những gì chúng ta thấy được đều đã ra từ những điều chúng ta không thể nhìn thấy. Chúng ta đang đứng trên một điều gì đó mà trong quá khứ đã không thể nhìn thấy, sờ, hoặc ném, hoặc ngửi, hoặc nghe thấy nó. Vì vậy, toàn cõi vũ trụ chúng ta

đang sống là một bài học trực quan vĩ đại cho đức tin. Nếu có thể đứng về phía Đức Chúa Trời một hoặc hai giây trước khi cõi tạo vật này xuất hiện, ắt hẳn chúng ta phải có đức tin vĩ đại mới tin rằng có một việc gì đó xảy ra được, bởi vì vũ trụ này vì hoàn toàn từ chỗ không có gì cả! Chúng ta đừng bao giờ để cho thế giới vật chất này dường như thực tế với chúng ta hơn cả thế giới thuộc linh. Không hề như vậy. Thế giới thuộc linh còn thực tế hơn cả thế giới vật chất này nhiều.

Bây giờ, chính bởi đức tin chúng ta hiểu vũ trụ đã được làm nên bởi lời của Đức Chúa Trời. Điều này không có nghĩa: cơ sở để hiểu biết của chúng ta bằng cách nào đó là thấp kém hơn những kết luận khoa học mà người ta có thể chứng minh bằng luận lý. Theo ý nghĩa đó, có một số điều không bao giờ chứng minh được bằng lý luận suông; phải biện biệt, chấp nhận và hưởng lấy chúng bằng đức tin. Hãy lấy ví dụ về đẹp của một đóa hoa hay động cơ của một hành động. Có thể quan sát được hành động, và có thể đo lường được những kết quả của hành động đó. Nhưng tình yêu ẩn tàng sau hành động đó thì không thể đo lường hay không thể “chứng minh” cách chung quyết được. Nếu muốn tin rằng tình yêu chân thật là động cơ ẩn tàng sau hành động ấy, chúng ta sẽ tin như vậy vì sau khi xem chứng cứ, chúng ta đã chuẩn bị để có được một bước hợp lý của đức tin để tin lời người thực hiện hành động ấy tuyên bố mình hành động vì tình yêu.

Đương nhiên không phải vô cơ để tin vũ trụ được làm nên bởi lời phán của Đức Chúa Trời. Mọi nơi trong cõi thiên nhiên sống động này, chúng ta thấy không phải chỉ có vật chất mà thôi, nhưng vật chất được lập trình kèm với “thông tin” và có thể truyền đạt thông tin đó cho vật chất khác. Vật chất nguyên thủy hư mất đi; thông tin vẫn còn lại hoài. Thông tin đó đã ra từ đâu?

Lý thuyết khoa học hiện tại gợi ý vũ trụ đã bắt đầu với “vụ

nổ lớn” (big bang). Các nhà khoa học dường như không xem họ có trách nhiệm để thắc mắc hoặc xác định xem dù vụ nổ kia có là gì đi nữa, thì vụ nổ đó ra từ đâu. Họ không có câu trả lời, do đó, (và hoàn toàn hợp lẽ để khỏi giả vờ như mình có câu trả lời), cũng không có câu trả lời cho câu hỏi: Mục đích ẩn tàng sau và mục tiêu ngay phía trước đời sống con người là gì? Do đó, là những nhà khoa học, họ hoàn toàn không có mục đích và không có hy vọng.

Bởi đức tin, chúng ta biết câu trả lời cho câu hỏi nền tảng và hết sức quan trọng này. Đấng Tạo Hóa đã phán qua các tiên tri và cuối cùng phán qua chính Con Ngài. Chúng ta tin Ngài; và chúng ta có mục đích, ý nghĩa cùng hy vọng. Nếu là tín hữu thật, chúng ta sẽ đứng vững và đứng vững mạnh mẽ trên mọi bình diện để bình vực giáo lý Sự Sáng Thế. Mọi vấn đề khác đều dựa vào đó.

2. Cửa Tế Lễ

Thứ nhì, giáo lý về cửa tế lễ hy sinh và sự đến gần Đức Chúa Trời. Đây là một thế giới sa ngã, và câu hỏi chính kế tiếp sau Sự Sáng Thế ấy là: làm sao chúng ta có thể đến gần Đức Chúa Trời và được Ngài chấp nhận?

Cain đã phạm một sai lầm cơ bản. Giăng nói cho chúng ta biết những việc làm của Cain là dữ (IGiăng 3:12). Cain nghĩ mình có thể cứ tiếp tục phạm tội mà vẫn giữ mình công bình với Chúa bằng cách chính thức đem của lễ đến để làm vui lòng Đức Chúa Trời trong khi ông cứ miệt mài không chịu ăn năn trong nếp sống tội lỗi mình. Không thể được! Cửa tế lễ không phải là cửa hối lộ, cũng không phải là sự che đậy, cũng không phải là giấy chứng nhận để phạm tội. Đức Chúa Trời khước từ của lễ của Cain và rút cuộc khước từ chính cả Cain nữa.

Abên đã dâng của tế lễ tốt hơn của Cain, và Đức Chúa Trời chấp nhận của lễ đó. Tác giả nói điều này cho thấy Abên là

công bình. Đương nhiên, không phải là vô tội, nhưng đã đúng với Đức Chúa Trời, và sống cuộc đời đẹp lòng Ngài. Nhưng hãy lưu ý điều câu này không nói. Câu Kinh Thánh này không nói bởi đức tin Abên đã làm những việc công bình để dựa vào đó của lễ ông đã được chấp nhận. Câu này nói: “Bởi đức tin, Abên đã dâng cho Đức Chúa Trời một tế lễ tốt hơn của Cain.” Để làm một việc bởi đức tin, bạn phải làm việc đó để đáp ứng với, và đúng theo, lời từ Đức Chúa Trời. Và điều Kinh Thánh nói Abên đã làm ở đây bởi đức tin chính là dâng của tế lễ của mình. Chính bởi đức tin, ông đã đem của lễ ấy đến đáp lại lời của Đức Chúa Trời, hoặc để đáp lại tấm gương Đức Chúa Trời đã lập ra cho cha mẹ ông trong vườn Êđen (3:21), hoặc để đáp lại lời phán nào đó của Đức Chúa Trời mà Sáng Thế Ký không ghi lại. Không phải Abên đơn giản “có đức tin lớn nơi của tế lễ của ông,” hay cảm thấy những việc làm của ông tốt đến nỗi có thể biết chắc chắn Chúa sẽ chấp nhận của tế lễ của mình. Nhiều người cảm thấy lòng họ có những niềm tin quyết mạnh mẽ như thế; nhưng đó không phải là đức tin: đó là sự giả định, vì niềm tin quyết của họ chỉ đơn thuần là những ý kiến chủ quan của họ, không căn cứ trên bất kỳ điều gì Chúa đã phán cả.

Ngày nay, nếu là tín đồ thật, chúng ta sẽ bày tỏ mình là tín hữu thật trước hết bằng cách tránh bất kỳ mọi thái độ nào nhiễm sai lầm của Cain, và rồi bằng cách biết chắc chắn của tế lễ mà chúng ta nhờ đó đến gần Đức Chúa Trời chính là của tế lễ được mô tả trong Lời Ngài – và không có chỗ nào mô tả đầy đủ hơn trong thơ tín của chúng ta đây. Miệt mài dâng những của tế lễ chuộc tội, trong khi giờ đây Đức Chúa Trời phán mọi của tế lễ như thế đã hoàn tất, thì thật đáng ngờ họ có là tín đồ thật hay không.

3. Sự Cứu Rỗi Cuối Cùng

Thứ ba, giáo lý về sự cứu rỗi cuối cùng của chúng ta. Bởi đức tin, Hênóc được cất lên, tức là được đem lên khỏi thế giới

chúng ta, để không phải kinh nghiệm sự chết (11:5-6). Chúng ta không cần cố làm giảm tác dụng của lời tuyên bố này. Tác giả hiển nhiên muốn ám chỉ Hênóc đã được cất lên khỏi thế giới chúng ta *trong thân xác*, vì tác giả nói thêm: “*Người ta không thấy người nữa*, vì Đức Chúa Trời đã tiếp người lên. Bởi chúng trước khi được tiếp lên, người đã được chứng rằng mình ở vừa lòng Đức Chúa Trời rồi” (bản dịch của tôi). Chúng ta nhớ đến cách những con trai của các tiên tri đi ra tìm Êli sau khi ông được cất lên tương tự và không phải gặp sự chết – và cũng đã không tìm được ông (IICác Vua 2:16-17).

Việc cất Hênóc lên Thiên đàng không phải trải qua sự chết tự nhiên nhắc chúng ta nhớ giai đoạn chót của sự cứu rỗi mình, khi Chúa đến. Tương tự, hàng triệu tín hữu trên toàn thế giới sẽ được cất lên Thiên đàng không qua sự chết. “*Này là sự mâu nhiệm tôi tỏ cho anh em: Chúng ta không ngủ hết, nhưng hết thấy đều sẽ biến hóa, trong giây phút, trong nháy mắt, lúc tiếng kèn chót; vì kèn sẽ thổi, kẻ chết đều sống lại được không hay hư nát, và chúng ta đều sẽ biến hóa*” (ICôrinthô 15:51-52).

Vậy chúng ta có thể nhận lấy bài học từ Hênóc. “Bởi đức tin, Hênóc được cất lên và không hề thấy sự chết.” “Bởi đức tin” như thế nào? Và làm sao trước giả của chúng ta biết đó là bởi đức tin? Ông nói rõ, vì trước khi Hênóc được cất lên, Kinh Thánh đã nói về ông¹ rằng ông làm đẹp lòng Đức Chúa Trời. Và vì (trước giả lập luận như vậy) không thể nào làm đẹp lòng Đức Chúa Trời nếu không có đức tin – thực ra, bạn còn không thể thực sự đến với Chúa nếu không tin – Hênóc ắt hẳn phải là tín hữu thật. Và chính vì là tín hữu thật mà ông được cất lên Thiên đàng không trải qua sự chết.

Bài học thật rõ ràng. Sự tái lâm của Chúa ngày càng đến gần. Nếu chúng ta còn sống khi Ngài đến, và ước ao được cất lên để gặp Ngài tại chốn không trung (ITêsalônica 4:17), chúng ta cũng phải là tín hữu thật. Như vậy, chúng ta sẽ chứng minh

mình là tín hữu thật bằng cách nào? Bằng cách hằng ngày bước đi với Đức Chúa Trời, bằng cách sống liên tục làm đẹp lòng Ngài. Sứ đồ Giăng cũng nói cùng ý này. Ông nói, khi Chúa hiện ra, chúng ta sẽ giống như Ngài, vì chúng ta sẽ thấy Ngài như Ngài vốn có thật vậy (IGiăng 3:2). Niềm hy vọng thật vinh diệu. Nhưng rồi ông nói thêm: *“Ai có sự trông cậy đó trong lòng, thì tự mình làm nên thanh sạch, cũng như Ngài là thanh sạch”* (câu 3). Lưu ý đây là lời tuyên bố sự thật, chứ không phải lời khuyên. Sự thật là ai có niềm hy vọng đó thì tự mình làm nên thanh sạch. Bất kỳ ai nhất quán bỏ bê việc tự làm nên thanh sạch thì chứng tỏ rằng mình không có sự trông cậy đó. Người ấy không phải là tín hữu thật.

4. Cơן Thạnh Nộ Hầu Đén

Thứ tư, giáo lý về cơן thạch nộ hầu đén. Nôê đợc khen vì khi Chúa cảnh cáo ông về cơן đóán xét hầu đén, ông tin Lời Chúa. Và ông tin không chỉ đơn giản như một lý thuyết hay như một giáo lý phù hợp gọn gàng với chương trình thần học hệ thống của ông đầu. Ông tin điều đó như một thực tại thực tế – đầu nói theo cách con người, điều này dường như là khó có thể xảy ra nhất – và ông bày tỏ đức tin bằng cách làm một việc về điều đó. Ông có một gia đình cần đợc cứu. Làm sao ông thực sự tin nước lụt sắp đén mà không làm một việc gì đó để cứu nhà mình? Đức tin thật thì hành động. Nôê đã đóng một con tàu để cứu họ.

Chúa cảnh cáo chúng ta khi Ngài tái lâm sẽ giống như cơן nước lụt thời Nôê. Sự tái lâm sẽ quét thế gian này đi bằng sự đóán xét (Luca 17:26-37). Nói chung thế giới không tin điều này. Người ta xếp Nôê và con tàu của ông vào loại chuyện thần tiên, và họ hình dung không ai tin vào sự tái lâm của Đấng Christ theo nghĩa đen, ngoại trừ một vài kẻ cuồng tín loạn trí. Đúng như Chúa chúng ta nói rõ, họ vì thế sẽ hoàn toàn không chuẩn bị chờ đón Ngài đén và sẽ chịu lấy những cơן đóán xét

kinh khiếp lúc ấy.

Nhưng làm sao chúng ta thực sự tuyên bố mình tin vào sự đoán xét hầu đến nếu như không giống Nôê để đang chuẩn bị một điều gì đó cho sự cứu rỗi người khác? Và nếu không thực sự tin nơi sự đoán xét hầu đến bất chấp mọi điều Đấng Christ đã nói về sự đoán xét đó, chúng ta không thể tuyên bố như Nôê rằng mình là kẻ kế tự sự công bình đến bởi đức tin. Sự xưng công bình bởi đức tin được căn cứ trên tiền đề là cơn thịnh nộ của Đức Chúa Trời không ngừng *“Từ trên trời tỏ ra nghịch cùng mọi sự không tin kính và mọi sự không công bình của những người dùng sự không công bình mà bắt hiếp lẽ thật”* (Rôma 1:18), và sẽ được thực thi cách phổ thông vào ngày Chúa đoán xét thế gian bằng công lý bởi tay người Ngài đã lập (Công vụ 17:31). Sự xưng công bình có mục tiêu cao nhất chính là mọi người nào tin đều sẽ được cứu khỏi cơn thịnh nộ của Đức Chúa Trời qua Đấng Christ (Rôma 5:9). Thất bại hoặc không chịu xem trọng sự thật này về cơn thịnh nộ hầu đến, thì sự xưng công bình bởi đức tin bị lấy mất đi ý nghĩa và mục đích của nó.

Rồi còn một điều khác nữa. Đóng con tàu để cứu nhà mình, nhưng tác giả nói rõ, Nôê bởi đó đã lên án thế gian. Ông không thể không làm như vậy được. Ông không thể làm điều này mà không tự động làm điều kia. Ông không thể tin và rao giảng người ta cần phải bước vào trong con tàu để được cứu khỏi cơn nước lụt mà đồng thời không ám chỉ những người ở bên ngoài con tàu sẽ hư mất. Chúng ta cũng vậy. Chúng ta phải thận trọng trước tính đa cảm vô lý để nói rằng: *“Đúng, tôi tin Đấng Christ và tôi đang chờ Ngài từ Thiên đàng đến trong tư cách Đấng cứu tôi khỏi cơn thịnh nộ hầu đến (ITêsalônica 1:10),”* nhưng rồi lại thêm: *“Đương nhiên, tôi không có ý bảo rằng những người nào chối bỏ Đấng Christ thì đang gặp nguy hại họ sẽ tổn hại nhiều.”*

Tiếp theo, chúng ta lưu ý Nôê lên án điều gì bởi việc đóng

con tàu: “Người định tội thế gian.” Có nghĩa ông không chỉ hàm ý rằng bạo lực và gian dâm là sai trái, và những người bị xét là phạm những điều này cuối cùng sẽ bị đưa ra và bị hình phạt. Ông tin và rao giảng rằng toàn bộ hệ thống thế gian là sai trái, tôn giáo, chính trị kinh tế của nó – tất cả đều bị hư hoại bởi tội lỗi đến độ Đức Chúa Trời sắp tiêu diệt tất cả, để bắt đầu trở lại.

Là Cơ đốc nhân, chúng ta được kêu gọi để tin và giảng cùng một điều này. Sự tái lâm của Đấng Christ sẽ tiêu diệt hệ thống chính trị giả dối của thế gian (Khải Huyền 11:15-18; 13; 17; 19:19-21), hệ thống tôn giáo giả dối của nó (Khải Huyền 17; 19:1-4), và những hệ thống kinh tế xã hội giả dối của nó (Khải Huyền 18).

Nếu giống Nôê, chúng ta tin toàn bộ hệ thống thế gian bởi đó chịu lấy sự đoán xét của Đức Chúa Trời, và sự đoán xét sẽ được thi hành khi Đấng Christ tái lâm, thì ảnh hưởng thực tiễn của điều đó trong chúng ta sẽ là: khiến chúng ta noi theo gương vị anh hùng kế tiếp của đức tin, là Ápraham.

Chuyến Hành Hương Của Đức Tin

Ápraham giờ đây chi phối các bài học được trước giả dạy chúng ta từ câu 8-16. Thành phố nơi Ápraham ra đời và lớn lên, cùng với những thành lân cận, là ví dụ xuất sắc về nền văn minh và văn hóa mà thế giới cổ thịnh thoảng đạt được. Nhưng Ápraham lìa khỏi nơi đó và trở thành người hành hương. Nguyên nhân tiêu cực khiến ông rời khỏi thành đó thật dễ thấy xét từ mục tiêu mà ông đặt ra cho chuyến hành hương của mình: “*Vì người chờ đợi một thành có nền vững chắc, mà Đức Chúa Trời đã xây cất và sáng lập*” (11:10). Hàm ý rõ ràng ấy là trong cách ông đánh giá các thành phố này, những nền văn hóa và các xã hội tại quê hương bản xứ của ông đã được xây dựng trên những nền tảng không thỏa đáng và không làm cho thỏa mãn. Nguyên nhân tích cực khiến ông rời khỏi được Êtiên cho biết

(Công vụ 7:2): “Đức Chúa Trời vinh hiển đã hiện ra” cho ông. Sau đó, không điều gì có thể khiến ông thỏa mãn cho đến khi ông tới nơi thành Đức Chúa Trời Hằng Sống (Hêborơ 12:22).

1. Bước Đầu Tiên Của Đức Tin (11:8)

“Bởi đức tin, Ápraham vâng lời Chúa gọi, đi đến xứ mình sẽ nhận làm cơ nghiệp: người đi mà không biết mình đi đâu” (11:8).

Như vậy, bước đầu tiên trong cuộc hành hương đức tin của Ápraham là bước đi của sự vâng lời mà không hiểu. Ông có lời hứa của Chúa và chừng đó là đủ rồi. Khi sự kêu gọi đến, ông vâng theo ngay. Ông không đòi hỏi phải được giải thích đầy đủ mọi điều cho mình trước đã rồi sau đó mới quyết định xem có đi theo tiếng gọi của Chúa hay không. Biết là tiếng gọi của Chúa, ông liền vâng theo chỉ vì cơ đó là sự kêu gọi của Đức Chúa Trời. Đây chính là ý nghĩa của việc bước đi theo *Đức Chúa Trời*. Nếu là sự kêu gọi chỉ của con người, ông ắt sẽ khôn ngoan để đòi hỏi phải biết và hiểu mọi chi tiết trước khi quyết định có đi theo không. Nhưng ông không đối xử với Đức Chúa Trời theo cách đó. Nếu là Đức Chúa Trời vinh hiển, là Đức Chúa Trời có một thật và duy nhất, và nếu Ápraham thực sự tin điều đó, thì ông phải chuẩn bị làm theo điều Chúa phán, chỉ vì cơ chính Đức Chúa Trời đã phán điều đó – bất kể có biết hay hiểu nguyên nhân những kết quả và phương cách hay không đi nữa.

Chúng ta đối với Đấng Christ cũng vậy. Ngài sẽ không đòi hỏi chúng ta tin mù quáng rằng Ngài là Con Đức Chúa Trời. Ngài sẽ cho chúng ta dư dật bằng chứng để chúng ta căn cứ đức tin mình trên đó (Giăng 20:30-31). Nhưng giả sử chúng ta đã tiến đến chỗ tin Ngài là Con Đức Chúa Trời. Điều đó chẳng ích gì cho chúng ta, trừ phi chúng ta bấy giờ trở thành môn đồ thật của Ngài. Và chính bước đầu tiên Ngài sẽ đòi hỏi chúng ta trong tư cách môn đồ Ngài ấy là chúng ta chấp nhận quyền tể trị của Ngài trên mọi sự và mọi người, chính chúng ta, tư tưởng chúng ta, những quyết định và tài sản của chúng ta, trước

khi chúng ta tiến xa thêm. Và chúng ta phải chấp nhận điều đó không chút ngần ngại (Luca 14:25-27, 33). Chúng ta không thể làm môn đồ Ngài dựa trên nhận thức rằng trước hết Ngài phải giải thích chi tiết Ngài muốn chúng ta làm gì và vì sao, rồi sau đó để chúng ta được quyền tự do chọn lựa trong mỗi dịp xem liệu mình có thích những yêu cầu của Ngài hay không và liệu mình có đồng ý những yêu cầu đó hay không. Làm như vậy tức đối đãi với Đấng Christ không với tư cách Chúa, nhưng chỉ như một nhà tư vấn chuyên môn hay như một người làm ăn đối đãi với người khác. Nếu thực sự tin Ngài là Chúa tối cao, chúng ta sẽ làm việc Ngài bảo chỉ vì cơ chính Ngài đã truyền bảo, dù chúng ta có hiểu điều đó hay không, và bất kể chúng ta có thích điều đó hay không. Lời tuyên xưng đức tin của chúng ta có được gì đâu nếu gọi Ngài là “Chúa, Chúa,” rồi không làm theo lời Ngài phán? (Luca 6:46). Sự vâng lời không chút dè dặt chính là bước đầu tiên trên con đường làm môn đồ.

2. Mục Tiêu Tối Hậu Của Đức Tin (11:9-10)

Nhưng như vậy, nếu điều quan trọng là khởi đầu đúng cách cuộc hành hương của mình, thì cũng quan trọng không kém để chúng ta ngay từ đầu nhìn thấy rõ ràng mục tiêu cuối cùng của mình. Ápraham đã làm như vậy, và các tổ phụ khác cũng như vậy. Họ đã đến đất hứa và được Đức Chúa Trời báo cho biết đây là xứ sẽ thuộc về họ và dòng dõi họ. Nhưng họ không cố gắng xây dựng một thành phố ở đó, cũng không cố gắng định cư tại đó. Họ tiếp tục sống trong các lều như những khách lạ tại đất khách quê người. Không phải vì vong ơn hay khinh thường tài sản vĩ đại do Chúa đã ban cho dưới trần gian này hay sự nghiệp chói lọi và Chúa đã dự định cho dòng dõi của họ trong xứ đó. Tất cả đều tốt lành. Họ sẽ hưởng lấy điều đó trong thời của nó. Nhưng không điều gì trên trần gian tạm bợ này có thể trở thành mục tiêu chính của họ được. Trong lòng, họ đã rời khỏi đó hết thảy rồi. Chỉ có thành đời đời mới có thể

làm mục tiêu của họ được. Vì vậy Ápraham tiếp tục sống như một người hành hương và như một khách lạ. Không nghi ngờ gì nữa, cần phải có đức tin lớn mới làm được như vậy. Bí quyết của ông chính là giữ mình nhìn chăm vào thành đời đời. Điều đó nuôi dưỡng đức tin của ông bằng thực tại của nó; và đức tin trong chính thực tại của nó giữ cho ông khỏi xem bất kỳ điều gì trong thế gian này như là mục tiêu chính của mình.

Bí quyết của ông cũng có thể trở thành bí quyết của chúng ta. Chúng ta được định cho hưởng phước hạnh của những sự nghiệp trong hiện tại cũng như trong tương lai trên trần thế này do Chúa ban; nhưng chúng ta không để chúng hiện ra lù lù trong suy nghĩ của mình đến nỗi hầu như trở thành mục tiêu chính yếu của đời sống. Nếu để như vậy, có nguy cơ chúng ta sẽ định cư trong thế gian này dường như thể đấy chính là quê hương chúng ta, có nguy cơ chúng ta không còn sống như những khách hành hương và những người ngoại quốc nữa, và không chứng minh được đức tin đã tuyên xưng rằng mình đang tìm một thành đời đời. Những mục tiêu và nếp sống của chúng ta lúc bấy giờ chẳng khác gì những mục tiêu và nếp sống của người trong thế gian này.

3. Kết Quả Của Đức Tin (11:11-12)

Câu 11 đã gặp rắc rối về bản văn suốt nhiều thế kỷ. Có lẽ cách lý giải hay nhất sẽ là cách dịch: “Bởi đức tin, ông [tức là Ápraham], cùng với Sara, đã nhận được sức mạnh để sinh con khi đã qua khỏi tuổi sinh con rồi, vì ông kể Đấng đã hứa cùng mình là thành tín.”² Đương nhiên, sự kiên trì của Ápraham để sống như người ngoại quốc và người hành hương trên đất này không hề trở thành kiểu trốn chạy cuộc sống cách tiêu cực, cần cỗi và không kết quả. Hoàn toàn ngược lại. Có lẽ không một ai khác được ghi lại trong Kinh Thánh, đương nhiên ngoại trừ Chúa chúng ta, và có lẽ cả Phaolô nữa (nhà giải nghĩa vĩ đại về cuộc đời của Ápraham), đã có được ảnh hưởng lớn lao đến

như thế trên đồng loại của mình. Cuộc đời ông và cuộc đời của Sara đã kết quả một cách đáng kinh ngạc – và trên thực tế là kết quả thật diệu kỳ.

Chúng ta nghĩ đến dân tộc vĩ đại và đặc biệt này, có ảnh hưởng vượt trội quá lớn so với tầm cỡ của dân tộc đó, một dân tộc về mặt thuộc thể đã ra từ chính ông. Sự ra đời của dân tộc này là phép lạ có thể quy trực tiếp đến đức tin của ông và của Sara. Còn ấn tượng hơn nữa là hàng triệu triệu con cháu thuộc linh của ông ra từ mỗi dân tộc (xem Rôma 4:16-17). Vô số những người sẽ sống trong thành đời đời, phục dưới quyền của Đức Chúa Trời, sẽ mang ơn sự xưng nghĩa bởi đức tin và sự bền bỉ trong nếp sống đức tin của mình nơi sự hướng dẫn và sự khích lệ từ tấm gương của Ápraham.

Nếu muốn sống cách có kết quả và khỏi sống cuộc đời không kết quả (II Phiêrô 1:8) và tạo ảnh hưởng đến người khác cho Đức Chúa Trời, chúng ta phải khám phá bí quyết của ông. Bằng cách nào để đức tin của ông mạnh mẽ đến nỗi có thể đem đến sự sống từ sự chết thực sự? “Ông kẻ Đấng đã hứa cùng mình là thành tín.” Đức tin của ông là kết quả từ sự đánh giá đạo đức có suy nghĩ cẩn thận của ông về bản tánh của Đức Chúa Trời. Ápraham quyết định rằng Đức Chúa Trời là Đấng thành tín. Ngài không bao giờ có thể kém hơn thế. Do đó, nếu Ngài đã hứa, Ngài sẽ giữ lời. Vì vậy Ápraham đã tin vào lời hứa, và cứ tin lời hứa đó bất chấp mọi hoàn cảnh khó khăn có vẻ như rất thực, bất chấp sự chậm trễ lâu dài để chờ ngày ứng nghiệm. Ápraham không thể từ bỏ niềm tin vào lời hứa đó. Không tin nơi lời hứa đó tức là hàm ý Đức Chúa Trời không thành tín và có khiếm khuyết đạo đức.

Như vậy, đó chính là đức tin. Đó không phải là cảm xúc ngất ngây, một tâm trạng hay một tình cảm cao hứng do những kỹ thuật tâm lý hay tôn giáo khơi dậy. Đây là kết quả của sự đánh giá đạo đức bình tĩnh, thận trọng về đặc tánh của Đức

Chúa Trời. Sứ đồ Giăng nhận định nếu bạn không tin lời Đức Chúa Trời, bạn biến Ngài thành kẻ nói dối (IGiăng 5:10). Trong trường hợp như thế, đức tin thật không phải bỏ nhiều thì giờ để quyết định xem phải làm gì.

4. Sự Nhất Quán Và Sự Đền Bù Của Đức Tin (11:13-16)

Dấu hiệu của đức tin thật nơi các tổ phụ ấy là họ không những đã khởi đầu cuộc hành hương của mình bằng đức tin, mà còn kết thúc bằng đức tin nữa. Và trong suốt cuộc đời sống rất thọ của họ, hành vi họ nhất quán với lời tuyên xưng đức tin. Về phần lời chứng Ápraham đã nói ra, ông nói rõ quan điểm của mình không lầm lẫn vào đâu được. Ông giải thích cho người Hêtit – và cho rất nhiều người khác nữa – *“ta là một khách kiều ngụ giữa vòng các người”* (Sáng Thế Ký 23:4). Phierơ dùng chính những từ ngữ này trong thư của ông để nhắc chúng ta nhớ địa vị mình trong thế gian này (IPhierơ 1:1; 2:11-12). Chúng ta đang sống giữa vòng những người ngoại đạo. Hành vi chúng ta phải khiến chúng ta nổi bật lên như những người ở trọ, kẻ đi đường.

Đại ý về Ápraham và các tổ phụ ấy là: họ không những đã nói lên lời làm chứng rõ ràng: hành vi họ còn nhất quán với lời làm chứng nữa. Họ không bao giờ quay trở về Uơ xứ Canhê. Họ ắt đã có thể quay về nếu muốn. Trước đó họ không hề bị vứt bỏ ra khỏi xứ Uơ, hay bị đuổi ra vì bị bắt bớ. Ápraham tự nguyện rời khỏi nơi đó do chính ý ông khởi xướng. Nếu Ápraham ở lại, hay quay lại, ông hẳn đã có được địa vị rất đáng trọng trong thành phố này. Nhưng ông không hề có ý định làm như vậy. Khi nói với người Hêtit rằng mình là người lạ và khách kiều ngụ giữa vòng họ, ông không có ý nói quê hương của ông là Uơ xứ Canhê. Kể từ khi ông ra đi theo Chúa, Uơ cũng đã trở thành đất nước ngoại quốc xa lạ với ông giống như Canaan vậy. Ông muốn nói quê hương ông là Thiên đàng. Phaolô nói cùng điều này đối với chúng ta. Để phân biệt với những người

“chỉ tư tưởng về các việc thế gian mà thôi...” *chúng ta là công dân trên trời*” (Philíp 3: 19-20).

Như vậy, Ápraham và các tổ phụ là những khách hành hương trọn cả đời và nhất quán. Nhưng họ sẽ được ban thưởng thỏa đáng. Đức Chúa Trời không hổ thẹn để được gọi theo tên những người ấy: Đức Chúa Trời của Ápraham, Đức Chúa Trời của Ysác, Đức Chúa Trời của Giacóp. Ngài thừa nhận Ngài chính là Đức Chúa Trời đã khiến Ápraham bỏ nhà cha và quê hương ông mà ra đi (Sáng Thế Ký 20:13), và Ngài biết giá phải trả cùng sự hy sinh mà Ápraham sẽ phải trả. Nhưng Ngài tin quyết rằng thành phố do quyền năng mạnh mẽ và tình yêu vô hạn của Ngài chuẩn bị sẵn cho Ápraham sẽ đáp ứng được và vượt trội hơn mọi kỳ vọng của Ápraham. Sẽ không ai có thể nói: Sau khi đã khích lệ Ápraham sống cuộc đời khách hành hương, đến cuối cùng Đức Chúa Trời làm ông thất vọng vì cung cấp một thành không đền bù xứng đáng những hy sinh của ông, không xứng đáng với những hy vọng của ông. Ápraham sẽ không thất vọng nơi Đức Chúa Trời, và Đức Chúa Trời sẽ không hổ thẹn để xưng mình là Đức Chúa Trời của Ápraham, vì Đức Chúa Trời đã chuẩn bị cho ông, và cho mọi kẻ được chuộc, một thành.

Câu Hỏi

1. Đoạn 11 của thư Hêbơơ có sự thích ứng nào cho lập luận của bức thư?
2. (a) Đức tin là gì?
(b) Đức tin mà chúng ta nhờ đó được cứu có khác với đức tin mà chúng ta nhờ đó sống cuộc đời Cơ đốc nhân không?
(c) Có những mức độ của đức tin không? Xem Mác 9:24; Mathiơ 14:31; Luca 7:9.
(d) Có bao giờ đức tin là một việc làm của công đức không? Xem Rôma 4:4-5.

(e) Đức tin mang tính chủ động hay thụ động?

3. Khi xét ý nghĩa các giáo lý chúng ta tin, “đức tin” của chúng ta quan trọng đến mức nào? Bạn có thể làm một tín hữu thật nếu những giáo lý nền tảng của bạn sai không?
4. Trong ánh sáng của Hêbơơ 11:11 và IGiăng 5:10, hãy khảo sát định đề: Đức tin thật dựa trên sự đánh giá đặc tính của Đức Chúa Trời.
5. Trên phương diện nào, các tín hữu là “kẻ ở trọ và khách đi đường” trong thế gian này? Bạn sẽ áp dụng phép tỉ dụ này đến chừng mực nào? Bạn sẽ cân đối điều này với bổn phận của chúng ta phải hành động như muối và sự sáng của thế gian bằng cách nào? (xem Mathiơ 5:13-16.)

Chú Thích Chương 12

¹ Trong Kinh Thánh: Sáng Thế Ký 5:24. Bản Hybálai nói: “Hênóc đồng đi với Đức Chúa Trời.” Cách dịch trong bản Hylạp là một cách dịch năng động.

² Về vấn đề cách dịch câu này, xem phần thảo luận đầy đủ và rất bổ ích trong F. F. Bruce, *The Epistle to the Hebrews* (Marshall, Morgan and Scott, 1965).

THỬ NGHIỆM VÀ CHIẾN TRẬN CỦA ĐỨC TIN

Hêbơơ 11:17-12:2

Trong chương này, chúng ta tiếp tục nghiên cứu đức tin là gì, và đức tin cư xử như thế nào; nói ngắn gọn, làm một tín hữu có nghĩa gì.

Thử Nghiệm Và Tinh Luyện Đức Tin

a. Đức Tin Được Xưng Công Bình Bởi Việc Làm (11:17-19)

Đức tin thật phải và sẽ bị thử nghiệm. Nói rằng “Tôi tin” thì chưa đủ. Sớm muộn gì chúng ta cũng buộc phải chứng minh lời tuyên xưng đức tin của mình bằng việc làm. Ápraham được yêu cầu như thế; và chúng ta đã xét vấn đề đang lâm nguy đó là gì, và điều phải chứng minh là gì, phải chứng minh cho ai, khi Ápraham được yêu cầu dâng chính Ysác làm của lễ cho Đức Chúa Trời (xem trang 153-155*).

Điều chúng ta quan tâm ở đây là khám phá đức tin của ông đã tìm được sức mạnh bằng cách nào để vượt qua thử nghiệm cùng tội này cách khải hoàn như thế. Đức tin ấy tìm được sức mạnh trong phép lý luận. Tôi không nghĩ có lúc nào đó Ápraham chạy lên đỉnh núi hát và reo lên: “Halêlugia!” Không phải tinh thần sung sướng ngây ngất hay những đợt sóng cảm xúc sung sướng ngây ngất đã nâng đỡ ông trong công tác khủng khiếp ấy. Đó chính là phép lý luận. Ápraham đã lập luận cho sáng tỏ vấn đề. Đức Chúa Trời không những hứa ban cho ông có nhiều hậu tự. Chúa còn nói rõ những hậu tự đó sẽ ra từ chính Ysác. Ysác vẫn chưa có con, thậm chí còn chưa lập gia đình nữa kia. Nếu giờ đây Đức Chúa Trời yêu cầu giết Ysác, điều đó không

thể có nghĩa Chúa đang rút lại lời hứa được. Chỉ còn có một cách. Đức Chúa Trời sẽ khiến Ysác từ kẻ chết sống lại. Ngài có thể; và Ngài sẽ làm. Vì vậy, hiện tại bây giờ Ápraham bảo tôi tớ cứ đứng lại đó: ông và Ysác sẽ đi lên đỉnh núi để thờ phượng rồi cả hai sẽ trở lại (Sáng Thế Ký 22:5).

Phép lý luận này thật đơn giản nhưng rất hấp dẫn. Nó cũng rất lành mạnh; và Đức Chúa Trời đã sung sướng tôn trọng nó, và khiến việc trả Ysác trở về từ hầu như chỗ chết trở thành một nguyên mẫu về sự chết và sự phục sinh của Chúa chúng ta (11:19).

Phép lý luận của đức tin không lập luận rằng nếu Đức Chúa Trời yêu chúng ta Ngài phải cứu chúng ta khỏi những khó khăn, bệnh tật, hy sinh và chết chóc. Trái lại, phép lập luận ấy nói rằng: *“Tôi tin quyết rằng cả sự sống lẫn sự chết đều không thể tách chúng ta ra khỏi tình yêu của Đức Chúa Trời hay khỏi việc Ngài làm thành những lời Ngài đã hứa.”*

b. Định Hướng Lại Đức Tin (11:20)

Dường như chúng ta khá hào phóng để quy việc Ysác chúc phước các con trai cho đức tin; vì khi đọc câu chuyện thật trong Sáng Thế Ký 27, đức tin của ông dường như trên nhiều phương diện đã định hướng sai. Đương nhiên, Đức Chúa Trời rất hào phóng. Ngài sẽ khám phá ra đức tin thật tại nơi chúng ta thấy có vẻ như khó tìm thấy được đức tin thật. Mặt khác, tác giả không đang cường điệu hay tăng bốc Ysác khi nói Ysác đã chúc phước cho các con trai mình bởi đức tin. Việc Ysác chúc phước cho các con trai cho thấy rõ ràng ông thực sự tin các lời hứa vĩ đại dành cho tương lai được ban cho Ápraham và dòng dõi ông; và chính bởi đáp ứng thực sự của đức tin đối với những lời hứa mà ông chúc phước cho Giacốp và Êsau ngay cả về những việc sẽ đến.

Lầm lỗi của ông chính là nhầm lẫn phước hạnh của Đức Chúa Trời với những cảm xúc và những đa cảm mà đôi khi đi

kèm hoặc sinh ra từ phước hạnh đó. Ông đã (hoặc ít nhất vợ ông đã; và chắc chắn bà đã kể cho ông?) nghe lời Chúa phán rằng trong hai dân tộc sẽ ra từ các con trai ông, đứa lớn sẽ phục vụ đứa nhỏ (Sáng Thế Ký 25:23). Đương nhiên điều này trái ngược với cảm tình tự nhiên. Nhưng thay vì gạt cảm tình tự nhiên sang một bên để hành động dựa trên đức tin nơi lời của Đức Chúa Trời, Ysác quyết định đem phước hạnh chính thức của các tổ phụ chúc cho Êsau chứ không cho Giacóp. Có lẽ chỉ đơn giản là ông quên lời của Đức Chúa Trời (dầu Rêbeca thì không); hoặc có lẽ ông xem thường. Rêbeca, hầu như không có đức tin nơi Đức Chúa Trời nhiều hơn Ysác được, quyết định lừa Ysác chúc phước cho Giacóp chứ không cho Êsau. Chuyện này thực hiện thật dễ dàng.

Ysác sai Êsau đi săn, giết và dọn món thịt rừng cho ông ăn, để rồi nhờ cảm giác thỏa mãn và hưng phấn sau bữa ăn ngon, ông cảm thấy an tâm về phước hạnh của Đức Chúa Trời và chúc lại phước ấy cho Êsau. Nhưng đang khi Êsau ra ngoài đồng, Rêbeca lấy da dê mặc cho Giacóp, rồi sai Giacóp đến với Ysác đem theo món dê nướng mà bà đã làm giả để nếm giống như món thịt rừng. Giờ đây Ysác hầu như mù, nên không thấy người đến là ai; nhưng khi nghe Giacóp nói, ông lập tức nhận ra tiếng. Bất hạnh thay – hay may mắn thay, tùy vào cách bạn xem xét sự việc – ông không tin nơi tai mình nhưng lại để mình bị lừa vào chỗ nghĩ đó là tiếng của Êsau. Ông nếm món thịt và cảm thấy chắc chắn đây là thịt rừng. Nhưng kỳ thật thì không phải; vị giác đã lừa ông. Ông rời tay của Giacóp và cảm thấy chắc chắn đây là Êsau đây lông. Nhưng không phải: xúc giác lừa ông. Ông ngửi thấy mùi áo quần của Giacóp và lại tin là của Êsau, mang theo hương đồng nội mà Đức Giêhôva đã chúc phước (Sáng Thế Ký 27:27). Nhưng không phải: thính giác đã lừa ông.

Một quang cảnh đáng tiếc biết đường nào, trong đó Ysác phớt lờ lời của Đức Chúa Trời và tin vào những sở thích tự nhiên,

những cảm giác và những tình cảm của mình, với Rêbeca có tình lừa dối những cảm nhận của ông để qua mặt sự đánh giá về lý trí và đạo đức của ông đối với quyết định ông đang có, và tất cả nhằm đề cao phước hạnh của Đức Chúa Trời! Chúng ta có thể biết chắc rằng Đức Chúa Trời không chấp thuận người này mà cũng không chấp thuận người kia.

Đức Chúa Trời bác bỏ việc đó cách giàu lòng thương xót. Ngài công nhận rằng ẩn đằng sau mọi chuyện đó có cốt lõi của đức tin thật, và Ngài tôn trọng đức tin đó, dầu phải mất rất nhiều năm để sửa phạt đời sống Giacóp khỏi những hậu quả từ sự lừa dối ngày hôm ấy.

Chúng ta cũng cần bài học này. Sai lầm phổ thông ấy là nhằm những tình cảm, những cảm nhận và những cảm xúc mà đôi khi chúng đi kèm theo hoặc ra từ phước hạnh của Đức Chúa Trời với chính phước hạnh của Ngài. Một số tân tín hữu thường thức những cảm nhận được giải thoát nhẹ nhõm và sung sướng đi kèm với ơn tha thứ lúc đầu của họ, đến nỗi trước khi có thể nhận ra mình đang làm gì, thì họ đã đặt sự bảo đảm về sự cứu rỗi mình trên những cảm nhận ấy thay vì gắn chặt vào đức tin nơi Lời Đức Chúa Trời. Kết quả chính là: khi những cảm giác này lắng xuống, sự bảo đảm của họ biến mất.

Một số những lãnh tụ tôn giáo thay vì tạo ra niềm tin quyết và đức tin bằng cách rao giảng Lời Đức Chúa Trời rồi để cho tình cảm và cảm nhận đi theo sau, thì họ lại bắt đầu theo hướng ngược lại. Họ cố khơi dậy cảm xúc và cảm nhận dường như thể chính chúng là phước hạnh của Đức Chúa Trời vậy. Có người còn làm theo cách tệ hơn. Họ cố gắng tìm “những quyết định tiếp nhận Đấng Christ” bằng cách bỏ qua lý trí và những đánh giá về đạo đức của con người, và cảm động họ bằng cách đánh vào tình cảm và cảm xúc của họ.

Tôi cho rằng hết thảy chúng ta thỉnh thoảng cũng chạy theo “những đỉnh cao” thuộc linh thay vì học tập sống bởi đức

tin nơi Lời Chúa. Chúng ta đã nhầm lẫn việc cảm thấy dễ chịu với việc trở nên thánh.

Và Đức Chúa Trời cũng giàu lòng thương xót và kiên nhẫn với chúng ta nữa. Ngài công nhận có đức tin thật ẩn bên dưới và công nhận điều đó cho chúng ta. Nhưng cũng kiên nhẫn và kiên quyết y như vậy, Ngài sẽ định hướng lại cho đức tin ấy trở về đối tượng đúng đắn của nó.

c. Đức Tin Được Tinh Luyện (11:21)

Ysác thế nào, thì Giacóp cũng thế ấy. Hành động của đức tin được đề cập đến ở đây được trích từ cuối cuộc đời ông. Đương nhiên, ông tin nơi phước hạnh Chúa đã hứa ngay từ đầu sự nghiệp mình. Nhưng trong những năm đầu và biết bao năm sau đó, có biết bao nhiêu cạm bẫy pha lẫn với vàng ròng của đức tin ông. Ông có những ý tưởng rất tầm thường về phước hạnh Chúa định ban cho ông, và suy nghĩ rất non nớt về cách để có được phước hạnh đó. Ông nghĩ mình thật khôn khéo và có cách làm ăn tốt, để lợi dụng nhược điểm đạo đức của Êsau và đề nghị Êsau một giá thấp đến ghê tởm để đổi lấy quyền trưởng nam, và về sau cướp lấy phước hạnh của anh mình bằng cách nói dối và lừa gạt trắng trợn (Sáng Thế Ký 25:28-34). Ông phá hỏng mối quan hệ của mình với cha vợ và những người còn lại trong gia đình bằng cách lợi dụng thật ích kỷ vốn của Laban để thu vén cho bản thân mình giàu lên. Tệ hơn nữa, ông nghĩ kết quả này chính là phước hạnh của Đức Chúa Trời ban cho mình (Sáng Thế Ký 31).

Nhưng Đức Chúa Trời phải làm cho ông tỉnh ngộ những ý tưởng này. Ngài khiến ông dâng cho Êsau hai trăm hai mươi con dê, hai trăm hai mươi con chiên, ba mươi lạc đà cái cùng với con của chúng, bốn mươi bò cái, mười bò đực, hai mươi lừa cái và mười lừa đực (Sáng Thế Ký 32:13-15). Ít ra điều này cũng làm sáng tỏ phước hạnh Chúa ban cho Giacóp không tùy thuộc nơi việc lừa Êsau. Rachên, người vợ cứng của Giacóp, người đánh

cấp các tượng thần của cha nàng và cố tình lừa dối cha (Sáng Thế Ký 31:30-37), đã chết sớm (Sáng Thế Ký 35:16-20). Giô-sép, đứa con trai cưng của ông, là con trưởng nam của Rachên, đi mất tích, được xem như đã bị giết chết. Simêôn bị nhốt tù khi xuống Aicập. Trong cơn sầu muộn, Giacóp thề sẽ không bao giờ cho Bêngiamin – đứa con duy nhất còn lại của Rachên – đi khuất mắt mình. Nhưng cuối cùng ông buộc phải cho Bêngiamin ra đi. Một phần ba gia đình ông cộng với người vợ yêu quý giờ đây ra đi, và nạn đói kém đang hiện ra lù lù ngay trước mắt. Và đây chính kết quả từ toàn bộ những công chuyện đầy mưu đồ, lường gạt và làm ăn nhẩn tâm của ông đem lại!

Còn phước hạnh của Đức Chúa Trời giờ đây thì sao? Vẫn y nguyên những gì Đức Chúa Trời luôn luôn định đáng sẽ có. Và khi Giacóp đã học được rằng tất cả những mưu kế của ông chẳng góp phần được để nhận lấy những phước hạnh ấy, Chúa cho ông khám phá ra phước hạnh thật sự là gì. Ông thấy Giô-sép vẫn còn sống, và với tư cách thủ lãnh toàn bộ nền kinh tế của xứ Êđiptô, là người đứng thứ nhì trong xứ chỉ sau Pharaôn. Giô-sép, con trai ông đã trở thành vị cứu tinh nền kinh tế không những cho Êđiptô mà còn cho cả các quốc gia nhỏ hơn đang nương dựa vào Êđiptô. Lời hứa ban đầu của Đức Chúa Trời: “Các chi họ thế gian sẽ nhờ ngươi và dòng dõi ngươi mà được phước” (Sáng Thế Ký 28:14) đã được ứng nghiệm lần đầu tiên. Là cha Giô-sép, Giacóp đã chúc phước cho Pharaôn (Sáng Thế Ký 47:7).

Chính với đức tin được tinh luyện nhiều này, Giacóp khi sắp qua đời đã chúc phước cho hai con trai của Giô-sép. Ông bị sửa phạt nghiêm khắc bởi kỷ luật của Chúa để không còn tin cậy nơi những thủ đoạn ích kỷ của mình nữa; thế nhưng giờ đây ông chìm ngập trong ân điển Chúa, và phước hạnh Ngài đã tỏ ra vượt trội hơn những điều ông đã từng cầu xin hoặc suy tưởng; và ông đã dựa vào cây gậy, như một khách hành hương chân chính đã biết tin nơi Chúa, ông thờ phượng Đức Chúa Trời, ông đã có thể chúc phước cho cháu nội mình bằng

đức tin: tương lai của chúng đã được bảo đảm chắc chắn nơi lời hứa của Đức Chúa Trời.

d. Đức Tin Không Lu Mờ (11:22)

Có lẽ thử nghiệm đức tin lớn nhất không phải là sự hy sinh nhưng là sự thành công, sự thành công của trần gian này. Nếu vậy, đức tin của Giôsép đã đắc thắng khải hoàn tột cùng. Chúng ta có thể biết chắc suốt sự nghiệp lâu dài và cuối cùng rất chói lọi của ông, ông vẫn duy trì đức tin cá nhân mình nơi Chúa và trong những bài tập thuộc linh mỗi ngày. Nhưng sự tin kính cá nhân của ông chưa phải điều được Đức Thánh Linh chú ý đến. Rất nhiều tín hữu trong những địa vị nổi bật tương tự trong thế gian này đã duy trì được lòng tin kính cá nhân mạnh mẽ không kém chút nào ở hàng sau hậu trường. Và điều đó thật huy hoàng. Nhưng điều đáng kể về Giôsép chính là: trong địa vị ấy, ông vẫn giữ được niềm tin thuở ấu thời của mình rằng Đức Chúa Trời có chương trình tiên tri cho thế gian này và chương trình đó được tập trung trong, và sẽ được thực hiện bởi, Ysraên chứ không bởi Êđípô.

Vào lúc bấy giờ, đối với những nhà chính trị, những nhà kinh tế và những doanh nhân minh mẫn của thế gian này, một đức tin như thế khá là lập dị nếu không nói là kỳ quặc. Êđípô thời bấy giờ là một cường quốc đang thống trị thế giới. Ysraên là một bộ lạc bé xiu, hầu như chẳng hơn gì một gia tộc. Một thành viên của gia tộc đó di cư sang Aicập rồi rốt cuộc trở thành Phó Tổng Thống của đất nước đó vẫn chưa phải là toàn bộ những điều đáng lưu ý. Nhưng chuyện như thế thường xảy ra trong lịch sử những siêu cường quốc. Chúng vẫn xảy ra ở một số nơi khác. Nhưng để cho một Phó Tổng Thống như thế, đang khi vẫn tại chức, biết tin và công bố niềm hy vọng cho tương lai thế giới không nằm nơi những siêu cường quốc, nhưng nơi Ysraên bé xiu kia và nơi vai trò tiên tri Chúa đã ban cho Ysraên trong lịch sử – đó lại là một điều hoàn toàn khác.

Ngày nay phải có rất nhiều đức tin mới tin được như thế. Ất hẳn trong thời Giôxép phải cần có còn nhiều đức tin hơn nữa.

Thế nhưng đây chính là điều ông đã được học từ Ápraham, Ysác và Giacóp, và ông tiếp tục tin điều đó. Ông đã sống vào thời có sự tạm nghỉ trong chương trình của Chúa dành cho Ysoraên, và Ysoraên đã ra khỏi đất hứa sống giữa các dân ngoại bang. Trong khoảng thời gian nghỉ đó, Giôxép rất sung sướng giữ cương vị quản trị Êđiptô. Nhưng ông tin lời hứa được ban cho Ápraham (Sáng Thế Ký 15:13-16). Khoảng thời gian ngừng này sẽ có ngày chấm dứt, Ysoraên sẽ quay về xứ ấy. Chương trình tiên tri của Đức Chúa Trời sẽ tiếp diễn trở lại.

Khi điều đó xảy ra, Giôxép muốn được đồng nhất với chương trình đó. Xương cốt ông sẽ không bị để lại tại xứ Êđiptô chờ ngày đại phục sinh vào Ngày Sau Rốt. Ngay cả trong khi qua đời, ông vẫn muốn được nhớ đến, không phải với tư cách tể tướng nổi tiếng của Êđiptô, nhưng như một khoen xích trong dây chuyền dài của sự ứng nghiệm mục đích Đức Chúa Trời dành cho Ysoraên. Kinh Thánh nói trong việc này, ông đã hành động bởi đức tin. Có nghĩa: hành động của ông căn cứ trên lời tỏ tường của Chúa được ghi chép trong sách Sáng Thế Ký, được giải thích theo nghĩa đen, và được tin cách toàn tâm.

Đức Chúa Trời ban cho chúng ta đức tin của Giôxép để tin trước khi hành tinh này cáo chung, sẽ có một thời phước hạnh vô song cho thế giới chúng ta. Thời gian tạm ngừng hiện tại trong lịch sử của Ysoraên, nổi bật bởi lòng không tin nơi Đấng Mêsia và việc họ bị tản lạc giữa các nước ngoại bang, một ngày kia sẽ chấm dứt. Đấng Mêsia của họ sẽ trở lại. Ysoraên sẽ được giải hòa và được khôi phục. Đối với thế gian nói chung, đây sẽ là sự sống thật sự từ cõi chết (Rôma 11:12-15, 25-27).

Đức Tin Và Sự Cứu Chuộc Nhân Loại

Rốt cuộc cũng đã đến lúc những mục đích của Đức Chúa

Trời cứu chuộc Ysraên được tiến hành. Điều này đã đem lại cho những người tin Chúa trong Ysraên nhiều cơ hội ngoạn mục để chứng tỏ đức tin của họ đang sống động và có thực, bằng cách cộng tác với Chúa và dự phần vào công tác của Ngài. Môise là một ví dụ nổi bật.

a. Những Cao Vọng, Những Chọn Lựa Và Động Cơ Của Đức Tin (11:23-26).

Sự nghiệp của Môise với tư cách nhà truyền đạo cho dân tộc bắt đầu từ đức tin của cha mẹ ông. Đức tin của họ đã nhìn thấy nơi Môise lúc còn là hài nhi một cứu tinh mai sau cho dân tộc. Liều cả mạng sống, họ giấu cậu bé khỏi những tên lính đang vâng lệnh vua đi giết người, họ tin cậy Chúa để tìm ra cách giữ gìn ông khi không còn giấu ông được nữa. Bạn bảo, đó chỉ là lẽ tự nhiên khi cha mẹ muốn bảo ông để con cái mình và có những kỳ vọng lớn lao cho con. Có lẽ thế. Nhưng ngay cả ngày nay, sự nghiệp của một nhà truyền đạo hay một giáo sĩ vẫn là sự nghiệp vĩ đại nhất và cao quý nhất con người từng được biết đến. Không phải mọi hài nhi đều có thể lớn lên để trở thành một Môise; nhưng Đức Chúa Trời ban cho chúng ta thêm nhiều người nam và người nữ có đức tin để đặt cao vọng lớn lao của họ cho con cái chính là chúng lớn lên trở thành những bạn đồng công đầy kết quả với Chúa trong sự cứu rỗi những người nam nữ đồng loại của mình.

Là con trai nuôi của công chúa Pharaôn, Môise lớn lên giữa mọi cảnh xa hoa và đặc ân. Hầu như mọi chức vụ trong quốc gia, ngoại trừ làm chính Pharaôn mà thôi, điều chắc chắn đều là cơ hội rộng mở trước mặt. Nhưng ông từ bỏ tất cả, thậm chí bỏ cả quyền được gọi là con trai của công chúa Pharaôn. Điều gì khiến ông làm như vậy?

Theo trước giả, đây không phải là nhiệt tình đầy nông nổi. Đây là kết quả của sự đánh giá biết cân nhắc giá trị tham chiếu của các sự việc và của quyết định bình tĩnh có chủ tâm để đi

tìm điều quý giá nhất.

Một bên có trọn những cảnh vui sướng, những lạc thú đáng kể của đời tại cung điện với toàn bộ phẩm hạnh và danh dự của xã hội hoàng tộc. Bên kia là sự ngược đãi rõ ràng nếu ông đem số phận mình đặt về phía Ysraên bị áp bức. Ông đã chọn sự ngược đãi. Không phải vì bản thân sự ngược đãi là một điều tốt, hay cảnh vui sướng tự nó là điều xấu. Như những cảnh vui sướng của đời sống cung đình Êđiptô là tội lỗi và tạm bợ: có tốt lắm đi nữa cũng chỉ là một cuộc thỏa thuận rất tồi. Cảnh ngược đãi không hấp dẫn chút nào, nhưng đó chỉ là một hậu quả tạm thời của việc gắn bó với dân sự Đức Chúa Trời.

Đối với Môise, cụm từ “dân Đức Chúa Trời” không phải là một cách nói tôn giáo trống rỗng. Ông thật sự tin Ysraên đứng trong mối quan hệ đặc biệt với Đấng Christ hằng sống, giữ vai trò độc nhất vô nhị trong tiến trình tự bày tỏ của Đức Chúa Trời và trong những mục đích của Ngài để cứu chuộc thế gian. Trong quan niệm của Môise, Ysraên lập thành một xã hội cao quý nhất và hào hứng nhất để ông có thể gắn bó với. Sự kiện hầu hết những cá nhân Ysraên thời bấy giờ là những nô lệ cục mịch, không thạo đời, bị ngược đãi... đã không làm giảm phẩm hạnh của việc làm dân của Đức Chúa Trời. So với điều đó, cuộc sống tại cung đình Êđiptô thật kém phẩm chất và đáng bỏ qua.

Một lần nữa, một bên có những kho báu của giàu có, nghệ thuật, văn hóa và kỹ thuật tân tiến, thời bấy giờ không có một quốc gia nào khác có được kho báu vĩ đại như thế. Và đương nhiên, đó là những kho báu thật có giá trị thật. Bên kia là sự sỉ nhục, sự sỉ nhục về Đấng Christ. Và đây cũng là sự sỉ nhục thật. Phong trào của Đấng Mêsia hiếm khi nào được miễn chuộng hay được tôn trọng trong mắt của giới quyền uy. Niềm tin nơi sự hiện đến của Cứu Chúa thế gian ư? Tổ cáo trật tự đã vững lập hiện tại chính là trật tự chống sáng Đức Chúa Trời ư? Đòi

hỏi sự ăn năn triệt để ư? Cảnh báo về những dịch lệ sẽ giáng xuống nếu không đáp ứng những đòi hỏi này sao? Được khích lệ từ việc xuất hành của cả dân chúng ra khỏi một xã hội văn minh có trật tự để tiến vào đồng vắng sao? Môise đã thách thức toàn bộ những giá trị cơ bản của Pharaôn. Chẳng lấy gì làm lạ trước đáp ứng sững sờ, pha lẫn hoài nghi, bất mãn, ghê tởm, thù ghét và hung hăng cay độc của Pharaôn.

Nhưng về phần Môise, sự sỉ nhục này đã là vết thương ông chịu vì có sự nghiệp của Đấng Christ. Những vết thương như thế tự chúng còn đáng tôn trọng và quý giá hơn cả mọi kho báu của Êđiptô, chưa nói đến phần thưởng chúng sẽ đem lại trong ngày đắc thắng khả hoàn của Đấng Mêsia.

b. Chiến Trận Thuộc Linh Của Đức Tin (11:27-31)

Đương nhiên, Môise đã không cứu chuộc Ysraên. Đức Chúa Trời làm việc đó. Nhưng Đức Chúa Trời dùng Môise để rao giảng sự cứu chuộc cho dân sự, dạy họ cách để được cứu chuộc và dẫn dắt họ khi họ được cứu chuộc. Và điều đó đòi hỏi Môise phải hiểu rất rõ các nguyên tắc của sự cứu chuộc, và có đức tin đủ mạnh để áp dụng và biến chúng thành hành động.

Trước hết, đã có đầu óc hiện thực trong chiến thuật đối mặt kẻ thù. Kẻ thù không hề là con bù nhìn rơm. Ngay từ đầu, có lẽ hơi vội vã, Môise đã có giải quyết bất công bằng cách âm thầm giết một người Êđiptô đang ngược đãi một số người Ysraên. Tuy nhiên, chuyện lộ ra, Môise sợ rồi chạy trốn khỏi mặt Pharaôn đến xứ Mađian (Xuất Êđiptô Ký 2:11-15). Trước giả giải thích không phải vì sợ Pharaôn mà ông chạy trốn. Có thể xem như đây là vấn đề chiến thuật. Nếu Môise cứ ở tại Êđiptô vào lúc đó, ông ắt hẳn vẫn cứ có bổn phận tại đó và rồi dẫn đến cuộc đấu giữa ông với Pharaôn. Như vậy sẽ là chưa tới lúc. Người Ysraên vẫn còn chưa sẵn sàng cho chuyện đó; hãy chứng kiến việc họ khước từ Môise (Xuất Êđiptô Ký 2:14) và sự thất bại đầy bối rối và tuyệt vọng về sau của họ (Xuất Êđiptô Ký 5:19-21).

Vì vậy Môise đã rút lui đây chiến thuật. Nhưng ông vẫn kiên trì với quyết tâm giải cứu Ysraên. Sự chống đối rất mạnh mẽ và nhìn thấy rất rõ. Nhưng đức tin của Môise có thể nhìn thấy Đấng mà mắt không thấy được – và Đấng đó là Đấng Toàn Năng.

Lúc đó Môise đã có đức tin để tin rằng có thể được cứu khỏi cơn thịnh nộ của Đức Chúa Trời và khỏi thiên sứ hủy diệt. Ông tin mình biết cách. Ông không những khích lệ người Ysraên ẩn náu đằng sau huyết của chiên con Lễ Vượt Qua: ông còn thiết lập kỳ Lễ Vượt Qua hằng năm như một dấu nhắc nhở hằng năm cho người Ysraên nhớ nguyên tắc sự cứu chuộc.

Ông phải đúng, vì nếu ông không đúng, ắt sẽ có rất nhiều con trai đầu lòng chết trong Ysraên.

Có thể sẽ có người hỏi: “Thế thì có chuyện gì đáng kể đâu? Đức Chúa Trời truyền cho Môise chính xác và đầy đủ chi tiết về cách Ysraên được cứu khỏi cơn thịnh nộ Ngài. Ai cũng tin và hành động đúng theo lời đó thôi.”

Thật không? Đức Chúa Trời cũng đã truyền cho chúng ta cách để có thể được cứu khỏi cơn thịnh nộ của Ngài và có thể biết mình là ai (Rôma 5:9). Nhưng rất nhiều vị truyền đạo có vẻ như không tin như vậy. Ít ra, họ cũng hiếm khi rao giảng điều đó. Một mặt, họ dường như phân vân, làm gì có cơn thịnh nộ của Đức Chúa Trời. Họ chỉ nói đến những từ ngữ về tình yêu của Ngài. Mặt khác, nếu như có cơn thịnh nộ của Đức Chúa Trời, họ cảm thấy không ai có thể biết chắc chắn mình sẽ được cứu khỏi cơn thịnh nộ đó. Hiển nhiên, họ không có đức tin của Môise. Họ đã đánh mất can đảm để tin và giảng điều Kinh Thánh có dạy rõ ràng ở đâu đó trên đường đi mất rồi.

Và Môise có đức tin để tin nếu Ysraên bước đi qua lối đi bằng đất khô mới vừa tạo ra ngang qua Biển Đỏ, nước sẽ không chảy ngược lại cho đến khi họ đi an toàn qua đến bờ bên kia. Với lòng can đảm lớn lao, ông thuyết phục Ysraên tiến đi bước đó

và hết lòng vượt biển. Phaolô nói: “Họ đều đã chịu Môise làm phép báp têm trong đám mây và dưới biển” (ICôrinhtô 10:2).

Bạn bảo: “Nếu Đức Chúa Trời đã truyền dạy rồi, thì còn nói đến lòng can đảm của Môise làm gì? Không phải Môise thật dễ dàng vâng theo rồi truyền dân sự vâng theo sao?” Ô, Tân Ước truyền cho tín hữu ngày nay chịu báp têm và giải thích rõ ràng ý nghĩa của nó. Chuyện đó đã tỏ ra khó khăn đầy tai tiếng cho một số người tin và vâng theo, nhưng giảng và đòi hỏi như vậy thì vẫn còn khó khăn gấp bội nữa đấy.

Các lực lượng gian ác đã bị vây trong Giêricô. Giôsuê đã có đức tin để tin có thể phá vỡ những công sự phòng thủ của họ. Và chúng đã bị phá vỡ. Chiến thuật Chúa truyền cho ông dường như thật kỳ quặc. Có lẽ hành động đức tin vĩ đại nhất chính là tin rằng những chiến thuật đó sẽ có hiệu quả. Nhưng chúng đã hiệu quả. Chúng ta chiến đấu chống những đồn lũy loại khác (ICôrinhtô 10:3-6), không phải chống kẻ thù bằng thịt và huyết, nhưng chống lại các thế lực ma quỷ (Êphêsô 6:10-20). Nhưng đừng mất tinh thần hay đánh mất đức tin mình nơi Tin Lành. Dầu là sự dò dại đối với thế gian (ICôrinhtô 1:18), Tin Lành vẫn là quyền năng của Đức Chúa Trời để cứu rỗi. Các vách thành của kẻ thù vẫn có thể bị phá vỡ được (ICôrinhtô 10:4).

Khi Giêricô sụp đổ; Raháp được cứu. Nhưng hãy xem đức tin nơi Đức Chúa Trời chân thật và nơi Tin Lành đòi hỏi ở Raháp điều gì. Điều này có nghĩa đón tiếp những thám tử của Ysraên và chuyển đổi lòng trung thành của mình từ trung thành nơi dân bản xứ sang nơi dân Ysraên xâm lăng, là những người bà đã tin rằng họ là dân sự của Đức Chúa Trời. Dân Giêricô ắt xem bà là kẻ phản quốc. Nhưng lìa khỏi phía của thế gian để đứng với Đức Chúa Trời và dân sự Ngài thì không phải là phản bội. Phierơ đã nói với đồng bào Do Thái của mình trong ngày Lễ Ngũ Tuần: “Các ngươi khá cứu mình thoát khỏi giữa dòng dôi gian tà này” (Công vụ 2:40). Chúng ta phải có đức tin

để nhận lấy thách thức và lập lại thách thức đó trong công tác truyền giảng Tin Lành thời hiện đại của chúng ta.

c. Những Chiến Thắng Và Những Điều Có Vẻ Như Thất Bại Của Đức Tin (11:32-12:2)

Và bây giờ trong danh sách hết sức ấn tượng và rất cảm động. Trước giả tóm tắt những kỳ công của vô số người nam và nữ có đức tin. Một số hiển nhiên đã đắc thắng bởi đức tin ngay cả trong chính quăng đời của họ. Những người khác, cũng là những người nam và nữ có đức tin để tin như vậy, đã có vẻ như phải thất bại. Họ chết mà không được bình vực. Không phải đức tin luôn luôn được xem là chiến thắng trong cuộc đời này. Và cần phải có đức tin lớn hơn để chịu đựng những điều có vẻ như thảm họa, không được bình vực, và để vẫn cứ tiếp tục tin cậy.

Giờ đây trong danh sách những người chịu thảm họa bởi đức tin, hết thấy họ đều vô danh, ngoại trừ Một Người. Chúng ta đọc được về người này trong đoạn 12. Vì khi toàn bộ đạo binh đông đảo của các nhân chứng đã qua đi, cuối cùng còn lại một Đấng khiến chúng ta thôi chú ý mọi người khác để tập trung chú ý vào chính Ngài. Chúng ta nhìn vào Tác Giả và Đấng kiện toàn đức tin của mình. Và chúng ta quan sát thấy được gì? Sự thành công lớn lao trong đời này, với dân chúng đổ xô vây quanh ca ngợi Ngài rằng đường lối của Ngài đã hiệu quả, đã được bình vực và đã chứng minh là đúng sao? Không. Chúng ta bước theo Con Người có đức tin đến ngọn đồi Gôgôtha, nhìn thấy Ngài tin cậy nơi sự dẫn dắt và hướng dẫn của Đức Chúa Trời cho đến khi điều đó đưa Ngài lên cây thập tự. Chúng ta nhìn thấy những cây đinh đóng vào, và nói: “Chắc chắn Đức Chúa Trời sẽ bình vực đức tin của Đấng Christ ngay giờ này và làm phép lạ đem Ngài xuống khỏi thập tự.” Đám đông đi ngang qua và nói: “*Hỡi Đấng Christ, Vua dân Ysraên, bây giờ hãy xuống khỏi cây thập tự, để cho chúng ta thấy và tin! Hai đứa bị đóng đinh cùng Ngài cũng nhấc móc Ngài nữa*” (Mác 15:32).

Nhưng Ngài không làm như vậy. Nhiều giờ trôi qua, và Ngài chết. Thế gian nói: “Thấy chưa. Hắn là một kẻ mạo danh.”

Có điều gì để chứng minh ngược lại? Đấng tiến đến cây thập tự giá hiện nay đã sống lại, ngồi bên hữu ngài Đức Chúa Trời. Và Ngài, Đấng có vẻ đã từng là nạn nhân của những hoàn cảnh như thế, hiện đang ngồi bên hữu ngài Đức Chúa Trời để kiểm soát toàn cõi vũ trụ. Hãy can đảm lên! Nếu dám tin vào Đấng Christ này và dám bước đi theo Ngài, hãy tiến lên, bạn cũng sẽ ngồi trên ngài Ngài, cũng như Ngài đã đắc thắng và đã ngồi trên ngài Cha Ngài. Đây chính là lời hứa rõ ràng của Đấng Christ (Khải Huyền 3:21; IITimôthê 2:12). Nguyện chúng ta dám tin lời hứa ấy.

Nhưng để noi theo đức tin Ngài, chúng ta cần chia sẻ ý thức của Ngài về các giá trị. Ngài đã khinh thường sự sỉ nhục và chịu lấy thập tự giá vì có niềm vui đã đặt trước mặt Ngài – không những vui mừng về sự tôn cao và vinh hiển của chính Ngài, nhưng còn niềm vui vì có chúng ta ở đó để được chiêm ngưỡng và cùng Ngài vui hưởng đời đời (Giăng 17:24). Nguyện Đức Chúa Trời ban cho chúng ta ý thức đúng về các giá trị và giúp chúng ta chọn lấy điều tốt nhất.

Câu Hỏi

1. Bạn có phân biệt được đâu là thử nghiệm đức tin và đâu là tinh luyện đức tin không?
2. Nói đến phép lý luận của đức tin Ápraham thì có nghĩa gì (11:19)?
3. Những tình cảm và cảm xúc của chúng ta đáng tin đến mức độ nào trong tư cách dấu hiệu (a) cho biết chúng ta được cứu, và (b) cho biết chúng ta đang hưởng lấy các phước hạnh của Đức Chúa Trời?
4. Lời yêu cầu của Giôxép (11:22) thể hiện đức tin của ông bằng cách nào?

5. Nói rằng “Thái độ đối với công tác truyền giảng cho thấy chúng ta có phải là tín hữu thật hay không” thì nói có đúng không? Hãy xem Philíp 1:3-7.
6. Bằng cách nào và theo ý nghĩa nào, Môise – người đã sống nhiều thế kỷ trước khi Chúa Jesus ra đời, đã mang lấy sự sỉ nhục vì có Đấng Christ (11:26)?
7. Hãy phân tích ý thức của Môise về các giá trị (11:24-26). Nếu chúng ta chia sẻ các giá trị của ông, chúng sẽ tác động đến đời sống và sự nghiệp của chúng ta theo những phương cách thực tiễn nào?
8. Dựa vào 11:35-38, nói rằng đức tin và sự vâng lời luôn luôn dẫn đến thành công và thịnh vượng thì có đúng không?
9. Đồng cai trị với Đấng Christ sẽ có nghĩa gì (IITimôthê 2:12)?

CUỘC CHẠY ĐƯỜNG TRƯỜNG

Hêbơơ 12-13

Các lập luận, những cuộc tranh cãi đau đớn, những lời vu cáo, những mâu thuẫn, những lời nói cay đắng, những cảm giác bị tổn thương, tình bạn tan vỡ – hết thấy đều chán ngắt và làm cho mệt mỏi. Chẳng lấy gì làm lạ nếu độc giả của bức thư chúng ta ngã lòng, và đôi khi cảm thấy như muốn bỏ cuộc hoàn toàn. Kể từ khi họ trở về tin nhận Chúa Jesus, rõ ràng đã có biết bao nhiêu cuộc tranh cãi như thế, các bạn bè suốt bao năm tháng đã trở thành gần như kẻ thù, bà con họ hàng xa lánh. Các Rabi chống đối dữ dội, và trên hết còn có sự bất bớ mặt thuộc linh, tổn hại và mất mát. Chẳng lấy gì làm lạ nếu họ cảm thấy kiệt sức về mặt tâm linh và tinh thần.

Nhưng có sự giải thoát cho tâm trí và tấm lòng. Trước giả nói: *“Vậy, anh em hãy nghĩ đến Đấng đã chịu sự đối nghịch của kẻ tội lỗi dường ấy, hầu cho khỏi bị mỗi mệt sờn lòng”* (12:3). Tâm trí tìm được sự chữa lành và khích lệ trong lúc buồn thảm, đôi khi bằng cách tự quên đi và nghĩ đến sự buồn thảm lớn hơn của người khác. Và chưa hề có buồn thảm nào bằng được buồn thảm Chúa chúng ta đã chịu.

Từ ngữ Hy văn trước giả sử dụng để chỉ về “sự đối địch” hay “sự cãi lại” cũng chính là từ ngữ Giuđe dùng mô tả “sự cãi lại” (AV) “sự phản nghịch” (NIV – giống bản Việt ngữ) của Côrê (Giuđe 11). Chúa Jesus và các môn đồ Ngài không phải là người đầu tiên hay những người duy nhất bị chống đối cách cay đắng ngay từ bên trong Ysơraên. Chính Môise và Arôn đã bị đối đãi tương tự (Dân Số Ký 16). Côrê, là người Lêvi và đáng ra phải biết rõ hơn ai hết, lại cấu kết với những quan trưởng nổi bật

từ các chi phái khác và tranh cãi dữ dội để bác bỏ lời tuyên bố của Môise là sứ đồ của họ và lời tuyên bố của Arôn là thầy tế lễ thượng phẩm của họ. Đức Chúa Trời bày tỏ sự không hài lòng của Ngài ra: đất mở ra và nuốt chửng họ. Thậm chí đến độ như vậy rồi mà bấy giờ toàn hội chúng vẫn quay sang kết tội Môise và Arôn đã giết chết dân sự của Đức Giêhôva! (Dân Số Ký 16:41). Bởi đó vinh hiển của Đức Giêhôva hiện ra và một cơn dịch lệ lan ra. Hàng ngàn người chết. Và ắt sẽ hàng ngàn người chết thêm nữa nếu Môise không lấy lòng thương xót truyền Arôn lấy tư cách thầy tế lễ thượng phẩm can thiệp thay cho những cảnh rất khủng hoảng này của họ.

Như vậy, Ysoraên đang lập lại đúng theo thể loại này khi họ khước từ những lời tuyên bố của họ về Đấng Mêsia, chế giễu và đóng đinh Ngài. Nhưng Ngài đã chịu đựng mà không báo thù cũng không bỏ cuộc. *“Ngài bị rửa mà chẳng rửa lại, chịu nạn mà không hề ngấm dọ, nhưng cứ phó mình cho Đấng xử đoán công bình; Ngài gánh tội lỗi chúng ta trong thân thể Ngài trên cây gỗ, hầu cho chúng ta là kẻ đã chết về tội lỗi, được sống cho sự công bình”* (I Phierơ 2:23-24). Nếu Ngài khước từ không chịu đựng điều đó, mọi tội nhân ở khắp mọi nơi đều sẽ bị hư mất cùng với tội lỗi của họ.

Chúng ta sẽ không muốn chịu đựng tương tự như vậy sao? Chúng ta cũng dự vào cuộc chiến chống tội lỗi; trong đời sống chính chúng ta khi cố tấn tới trong sự thánh khiết; và trong đời sống của người khác khi chúng ta rao giảng Tin Lành, hãy dạy Lời Chúa và chăm sóc người trong những hoàn cảnh khó khăn. Cuộc chiến này là rất thực và trả giá rất cao. Chúng ta phải chờ đợi sự chống đối. Chúng ta phải chờ đợi bị tổn thương. Nhưng tác giả nói, hãy vui lên, anh em vẫn chưa đến nỗi chết! (12:4). Mọi chuyện vẫn không đến nỗi tệ như thế – vẫn chưa đâu. Anh em không chống cự đến độ phải đổ huyết trong cuộc chiến chống tội lỗi. Nhưng một ngày kia có lẽ chúng ta phải đổ huyết, ai biết được? Trận chiến nghiêm trọng đến như thế

kia mà. Bất cứ ai nghĩ cuộc chiến chống tội lỗi chỉ là thì giờ rảnh rỗi hay thú tiêu khiển thì chắc vẫn chưa tham dự vào cuộc chiến này.

Sự Sửa Phạt Của Cha

Rồi tác giả giải thích còn một nguyên nhân khác nữa để chịu đựng chống đối. Sự bất bớ có vẻ như không công bằng và tàn bạo đối với chúng ta, nhưng Đức Chúa Trời đang đứng sau toàn bộ chuyện đó. Ngài có thể chặn đứng bất bớ tức thời nếu Ngài muốn, và sẽ làm như vậy nếu vì ích lợi cho chúng ta. Nhưng Ngài không chọn chặn đứng bất bớ. Ngài muốn dùng bất bớ. Đương nhiên, từ một mục đích hoàn toàn khác hẳn với mục đích mà kẻ thù muốn: Ngài muốn dùng bất bớ để sửa phạt chúng ta và kiện toàn tính cách Cơ đốc của chúng ta. Thuyền trưởng nào có thể đưa tàu của mình vào bến cảng bất chấp cơn bão lớn thì đó mới chính là người chinh phục. Thuyền trưởng nào dùng những cơn gió của trận bão lớn để đưa con tàu mình về đến bến bất chấp cơn bão ấy thì còn trỗi hơn cả một người chinh phục nữa. Kẻ thù chống đối tín hữu để tiêu diệt đức tin của họ; Đức Chúa Trời sử dụng sự chống đối, và dùng sự chống đối để làm vững mạnh đức tin và làm lộ ra tính cách sự sống thiên thượng bên trong họ.

Do đó, có hai thái độ chúng ta nên tránh. *“Hỡi con, chớ để người [hay khinh thường] sự sửa phạt của Chúa, và khi Chúa trách, chớ ngã lòng.”* Có thể một mặt sẽ khinh thường sửa phạt để trở nên cứng lòng và hoài nghi, và để cho sự sửa phạt trôi qua mà chẳng nhận được ích lợi gì từ đó. Mặt khác, có thể bị ngất dưới sự sửa phạt và tự bỏ cuộc; thay vì đứng lên chịu đựng cách can đảm để vượt qua cho đến khi Chúa gia ơn chấm dứt áp lực để khỏi làm hỏng chúng ta; và nếu vậy, chúng ta đã vượt mất bài học đáng lẽ mình đã học được rồi.

Chúng ta hãy tránh hai thái độ quá khích trên, đừng khinh thường, cũng đừng ngã quy trước sự sửa phạt của Chúa. Vì Chúa

yêu ai thì Ngài sửa phạt người nấy. Và nếu con đường quá cam go, nếu nghĩ mình bị sửa phạt quá nhiều, thì chúng ta phải bắt đầu phát triển thói quen biết suy nghĩ rằng Chúa ắt hẳn phải yêu chúng ta rất nhiều. Chính việc Ngài không giảm bớt áp lực liền một lúc là bằng cứ chứng tỏ ý định bền bỉ của Ngài để làm ích lợi chúng ta. Ngài sẽ để cho bất bớ hay hoàn cảnh khó khăn, hay bất kỳ điều gì, đều đem đến cho chúng ta ích lợi cao nhất trước khi Ngài dẹp bỏ chúng. Vì “Chúa sửa phạt kẻ Ngài yêu, hễ ai mà Ngài nhận làm con, thì cho roi cho vọt [hoặc sửa phạt].” Điều này rất đúng, vì nếu không bị sửa phạt chi cả, chúng ta sẽ nghi ngờ nghiêm trọng thực tại lời xưng của mình. *“Nhưng nếu anh em được khỏi sự sửa phạt..., thì anh em là con ngoại tình, chớ không phải con thật”* (12:8).

Đương nhiên, chữ được dịch là “kỷ luật” (hoặc sửa phạt) có nghĩa là sự sửa sai; nhưng bao gồm tư tưởng bao quát hơn về sự giáo huấn thuộc linh tổng quát, toàn bộ những điều có liên quan đến việc nuôi dạy đứa con. Hàng ngàn người mãi mãi biết ơn cha mẹ của họ, là những người cẩn thận nuôi dưỡng và dạy dỗ họ. Chúng ta lại càng đáng biết ơn Chúa nhiều hơn biết dường nào vì Ngài chuẩn bị sử dụng mọi phương tiện, ngay cả những hoàn cảnh khó khăn do tội lỗi gây ra, để dạy dỗ chúng ta trong tư cách con cái của Ngài.

Những Mục Đích Của Đức Chúa Trời Trong Sự Sửa Phạt

Tác giả nói: *“Cha về phần xác sửa phạt, mà chúng ta còn kinh sợ thay, hướng chi Cha về phần hồn, chúng ta há chẳng càng nên vâng phục lắm để được sự sống sao?”* Không một người cha biết suy nghĩ đúng nào lại sửa phạt con mình để giết chết nó. Không một người cha biết suy nghĩ nào lại cho con trải qua các bài tập tại trường học, hoặc qua khóa huấn luyện trong công việc làm ăn, để khiến cuộc đời đứa con trở nên khó chịu. Một người cha khi dạy dỗ con mình thì đang nghĩ cách phát triển những năng lực của con để con sẽ có khả năng – không

những đương đầu với cuộc sống tốt hơn, mà còn được vui hưởng cuộc sống cách tốt hơn: để làm được nhiều việc hơn, nhiều việc đem lại vui sướng hơn và nhiều việc vĩ đại hơn. Và khi lớn lên, chúng ta học cách tôn trọng những người cha đã làm việc ấy cho mình. Tác giả hỏi: “Anh em nghĩ Đức Chúa Trời đang làm gì? Anh em nghĩ Ngài sắp hủy hoại anh em sao? Đương nhiên Ngài không làm vậy đâu. Ngài sẽ dẫn anh em vào cuộc sống đầy trọn hơn. Chúng ta há chẳng nên vâng phục cha về phần hồn của mình để được sống sao?”

Chúng ta hãy xem Đức Chúa Trời đang làm điều gì trong những thử thách của chúng ta. Cuộc đời trôi rất suôn sẻ cho chúng ta lúc đầu, và có lẽ chúng ta đang rất vui hưởng đời sống thuộc linh – rồi những ngày gian khó kéo đến. Chúng ta nhìn lại những ngày đầu với tiếng thở dài, ước gì mình vẫn còn ở đó. Lúc bấy giờ chúng ta được vui hưởng sự sống thuộc linh, nhưng giờ đây thì không; giờ đây mọi chuyện đều rất khó khăn. Vì sao chúng ta không thể quay trở lại? Lý luận như thế này tức là lý luận giống như em bé trong nhà giữ trẻ. Nó vẫn vui hưởng đời sống mãi cho đến lúc đó. Có rất nhiều quà từ bố mẹ, chơi đùa bất tận, và đứa trẻ sung sướng hưởng lấy. Nhưng giờ đây đến ngày cha mẹ đưa bé đến trường, và bé không quan tâm chuyện đó. Vì sao không thể quay trở lại chơi đùa như vốn đã quen thay vì phải đối mặt với những bài học tại trường vốn tẻ nhạt và chẳng thú vị chút nào? Nhưng hãy xem đứa bé đó trong khoảng thời gian mười năm tới, nó sẽ không muốn quay trở lại nhà trẻ nữa, giờ đây nó đã được huấn luyện để nhìn thấy nhiều khả năng lớn hơn trong đời sống.

Và đầu Đức Chúa Trời cho chúng ta những lúc thật vui hưởng tuyệt vời trong đời sống thuộc linh, nhưng chẳng sớm thì muộn, Ngài cũng cho sự việc trở nên khó khăn để có thể phát triển chúng ta và để chúng ta nhận được nhiều hơn từ đời sống thuộc linh. Và điều đó không những chỉ ở đời này; Đức

Chúa Trời không những nghĩ đến một vài năm chuẩn bị chúng ta trong đời này, mà còn nghĩ đến cả cõi đời đời. Chúng ta phải học chia sẻ sự thánh khiết của Ngài, để cư xử giống như cách Ngài cư xử. Chính cách cư xử của những người thuộc về Chúa mới khiến Thiên đàng trở nên Thiên đàng. Cuộc đời để chuẩn bị chúng ta cho cõi đời đời thật ngắn ngủi biết dường nào! Như vậy, chúng ta há không nên vâng phục Ngài sao? Chúng ta sẽ không tin cậy nơi sự khôn ngoan của Ngài sao? Chúng ta sẽ không đồng ý rằng Ngài thấy và thấy trước tốt hơn nhiều so với những gì chúng ta thấy sao? Và chúng ta không chịu hợp tác với Ngài để sống sao? Đương nhiên! Bởi ân điển Ngài chúng ta sẽ làm mọi điều đó.

Bây giờ đang lúc sửa phạt, dường như đau đớn chứ không hề vui vẻ gì cả. Tuy nhiên, sau đó sự sửa phạt đem lại mùa gặt của sự công bình và bình an cho những người đã được luyện tập bởi sự sửa phạt.

Sẽ có lúc về sau; sự thử thách sẽ chắc chắn đến thể nào, thì lúc về sau cũng sẽ chắc chắn thể ấy. Đương nhiên, bản thân thử thách không dễ chịu và vui sướng chút nào. Toàn bộ sự sửa phạt trong lúc này đều là đau đớn cả. Nếu chúng ta sung sướng đón nhận thử thách, nó sẽ không còn là thử thách nữa, phải không? Thông thường, khi thử thách bắt đầu gây tổn hại, chúng ta nhanh chóng chạy đến với Chúa, xin Ngài cất bỏ mọi đau đớn và mọi khó khăn. Nhưng nếu Ngài cất đi thì sẽ không còn là thử nghiệm nữa. Chúng ta phải chờ đợi để cảm nhận thử thách đó. Vì mọi sự sửa phạt lúc này đều là đau đớn; nhưng có một thời điểm về sau cùng các bông trái phong phú của nó.

Tôi giả sử thử thách huấn luyện chúng ta đến một mức độ nào đó; nhưng giống như người ta có thể phí tiền để dạy dỗ một số người nào đó thể nào, thì chúng ta cũng có thể coi thường và không hề quý sự sửa phạt của Chúa thể ấy; để rồi phần lớn sự chăm sóc của Ngài chẳng đem lại được kết quả gì. Chúng

ta cần phải để cho mình được huấn luyện bởi sự sửa phạt ấy. Hãy nhìn xem kết cuộc về sau và giờ cao đòi bàn tay đã buông thông, làm vũng lại những đầu gối đã tê dại, và đầu bạn cảm thấy đáng thả cho rơi xuống rồi, đầu gối đã chùn xuống giữa chừng rồi, đôi bàn tay đã buông xuống rồi, bạn hãy cố lên! Vì có lúc về sau.

Cha của chúng ta biết. Nhiều khi, lúc chúng ta nghĩ sự đời đang tốt đẹp, Cha chúng ta có thể nhìn thấy yếu đuối ẩn tàng bên trong chúng ta, và để cho thử thách đến phơi trần yếu đuối ấy theo cách thật khó chịu. Chúng ta cầu xin Chúa cất thử thách ấy đi để yếu đuối kia không bị phơi bày ra quá nhiều. Nhưng Đức Chúa Trời càng phơi bày nó thêm ra nữa. Một bác sĩ sẽ đến với một thân thể yếu đuối bệnh tật, đặt ngón tay vào đúng chỗ, và đương nhiên làm cho đau đớn thể nào – bạn muốn thà ông ta đặt ngón tay ở đâu đó khác thì hơn – thì Đức Chúa Trời cũng thế ấy, với tài khéo không chút sai lầm, Ngài thường để cho thử thách đến phơi bày chính yếu đuối ấy mà mãi đến giờ phút đó chúng ta vẫn đang che giấu và cố quên đi. Không phải Ngài soi mói bới lông tìm vết, thích chỉ trích và sỉ nhục chúng ta đâu. Ngài sửa phạt để chữa lành những yếu đuối của chúng ta. Chúng ta hãy hiểu điều này, và rồi trong giờ thử thách, chúng ta sẽ tìm thấy ân điển để cầu nguyện – không phải để thử thách chấm dứt, nhưng để yếu đuối kia được xử lý rồi chúng ta vượt qua và được tinh luyện.

Thế nhưng chúng ta biết gì về thử thách? Một lần nữa, khi nhớ lại những hoạn nạn của những người được tác giả viết bức thư này cho họ, chúng ta phải thừa nhận hầu như chưa biết gì đến thử thách cả. Đa số họ phải chịu cảnh gia đình tan nát, mất hết mọi thứ, những mối quan hệ gia đình bị cắt đứt. Đầu gối họ đã chùn xuống, bàn tay đang buông thông. Bất chấp điều đó, đa số họ với cặp mắt nhìn chăm chăm vào đích đã can đảm chạy cho đến cùng và chạy đến đích. Chúa giúp chúng ta trong

những hoàn cảnh dễ dàng hơn của mình để chạy cách bền đỗ, lột bỏ hết mọi điều đang vấp vướng và tội lỗi rất dễ vướng víu chúng ta, chạy với sự bền bỉ mãi cho đến khi chúng ta ngồi bên cạnh Chúa tại cột đích trên trời.

Những Phương Án Thay Thế Khắc Nghiệt

Nhưng không có gì làm cho những phương án thay thế đây khắc nghiệt mà mọi người đều phải đối diện được nổi bật cho bằng sự bất bớ vì cơ Đấng Christ. Như chính Chúa đã nói, một là chúng ta xưng Ngài trước mặt con người đồng loại của chúng ta thì Ngài sẽ xưng chúng ta trước mặt các thiên sứ của Đức Chúa Trời, hai là chúng ta chối Ngài rồi Ngài sẽ chối chúng ta (Luca 12:8-9). Đương nhiên, chúng ta có thể sa vào sự bất nhất thật nghiêm trọng tạm thời, một lần nữa hãy nhớ đến Phierơ. Nhưng không hề có con đường thứ ba lâu dài nào cho tình trạng không chối cũng không xưng Đấng Christ để chúng ta có thể quyết tâm đi theo đó mà vẫn được cứu.

Không nên thánh thì không ai được thấy Chúa (12:14). Sự cứu rỗi đem đến cho chúng ta sự thánh khiết đó, cả sự nên thánh lúc đầu lẫn sự nên thánh tiệm tiến. Mọi người đều có cơ hội nhận sự nên thánh khởi đầu như một tặng phẩm, và kèm theo đó quyền năng để từng bước một kiện toàn sự nên thánh trong sự kính sợ Chúa. Cũng dành sẵn cơ hội cho mọi người khước từ. Nhưng không có phương án chọn lựa thứ ba để cho phép nhận sự cứu rỗi mà không có bốn phạm tìm kiếm sự nên thánh. Ân điển của Đức Chúa Trời *“dạy chúng ta chừa bỏ sự không tin kính và tình dục thế gian, phải sống ở đời này theo tiết độ, công bình, nhân đức, đương chờ đợi sự trông cậy hạnh phúc của chúng ta, và sự hiện ra của sự vinh hiển Đức Chúa Trời lớn và Cứu Chúa chúng ta, là Đức Chúa Jêsus Christ”* (Tít 2:12-13). Bất cứ ai nghĩ sự cứu rỗi bởi ân điển đồng nghĩa cho phép sống cuộc đời không thánh khiết, thì vẫn chưa hiểu được ân điển của Chúa. Người ấy còn chưa tiến được đến gần

ân điển ấy nữa kia. Người ấy thiếu ân điển, hoàn toàn trật mất ân điển ấy (12:15).

Khi Môise đang giải nghĩa những điều khoản của giao ước cũ cho hội chúng đang nhóm lại, ông cảnh cáo khả năng giữa họ có tình trạng mà ông gọi là “rễ sanh ra vật độc và ngải cứu” (Bản NIV, “rễ sanh ra thứ thuốc độc cay đắng như thê”) (Phục Truyền Luật Lệ Ký 29:18-21). Ông muốn nói đến hạng người thậm chí đang khi lắng nghe những lời cảnh cáo nghiêm trọng của Chúa, vẫn cầu chúc phước hạnh cho mình và nghĩ: “Ta sẽ được an ổn dầu vẫn cứ miệt mài đi theo lối riêng của mình.” Họ nghe lời Chúa gọi đến đức tin, sự trung thành, công bình và thánh khiết, và những lời rửa sả nghiêm trọng trên những kẻ nào khước từ lời kêu gọi đó. Họ không hề có ý vâng theo sự kêu gọi đó. Trái lại: họ còn định đi theo các thần khác. Nhưng hạng người này tự thuyết phục rằng mọi chuyện đều như thế vẫn cứ sẽ ổn cả. Họ nghĩ những lời rửa sả của Đức Chúa Trời không thực sự nói đúng như những lời lẽ của chúng. Bằng cách nào đó, con đường thứ ba để khước từ Lời Chúa, thờ lạy hình tượng trắng trợn, bất tuân và tội lỗi vẫn tương thích hoàn toàn với sự cứu rỗi và phước hạnh.

Trước giả lập lại lời cảnh cáo (12:15), không phải vì cơ chính nhân vật đó – người này hiển nhiên chưa tin Chúa và sẽ hư mất – nhưng vì cơ hậu quả mà họ có thể để lại trên những tín hữu chân chính đang khi hòa lẫn giữa tín hữu chân chính dưới vẻ vờ như một tín hữu vậy. Họ có thể trở nên bị ô uế, bị khuyến khích tiến đến nếp sống buông thả và thỏa hiệp. Như Phierơ đã nói, bị đưa đi bởi sai lầm của những người trái luật pháp, họ có thể sa ngã, không phải là ngã khỏi sự cứu rỗi của mình, nhưng khỏi sự đứng vững của mình (II Phierơ 3:17).

Tác giả nói, vậy chớ để Êsau nào ở giữa anh em. Êsau là một con người đứng đắn đủ mức, như cách sống của con người, nhưng ông hoàn toàn phạm thượng (bản NIV, “không tin kính”).

Bởi ơn thần hựu đầy khoan dung của Chúa, ông là con trai cả của Ysác và vì vậy có quyền trưởng nam. Trong số những lời hứa của Chúa dành cho Ápraham và Ysác, thì quyền thừa kế của con trưởng nam là một điều cực kỳ quý giá. Nhưng đối với Êsau, chúng hầu như chẳng có nghĩa lý gì.

Một ngày kia, Giacóp đang nấu ăn thì Êsau từ ngoài đồng trở về, rất đói. Êsau nói với Giacóp: “Mau lên, cho anh món đậu đỏ đó đi! Anh đang chết đói đây.”

Giacóp nói: “Bán quyền trưởng nam của anh cho tôi đi, thì tôi sẽ đem canh cho anh.”

Êsau nói: “Này, anh sắp chết rồi, quyền trưởng nam với anh có ích gì đâu?” Thế là Êsau bán quyền trưởng nam cho Giacóp để lấy bát canh phạt đậu.

Giờ đây, một số chàng trai hay cường điệu rất kinh khiếp; vì vậy khi Êsau nói: “Ta sắp chết,” tôi cho rằng chúng ta có thể nghĩ rằng ông rất đói, có lẽ đói đến đau đớn. Nhưng đổi quyền trưởng nam Chúa ban cho để lấy một bát canh đậu xoa dịu cơn đói nhất thời – Đức Chúa Trời gọi đó là sự phạm thượng. Đức Chúa Trời phán: “Người *khinh lờn* quyền trưởng nam,” và mọi điều thiêng liêng đi kèm theo quyền đó. Lời hứa của Đức Chúa Trời cho Ápraham và cho dòng dõi của ông, dầu chúng thật kỳ diệu, nhưng tất yếu liên quan đến tương lai. Trên thực tế, Êsau đang nói: “Đối với mọi lời hứa cho tương lai, Giacóp ơi, em có thể có rất nhiều nếu muốn. Còn về phần anh, một bát canh đậu giờ đây còn quý hơn cả mọi lời hứa đó trong tương lai. Anh không chuẩn bị chịu đựng móng vuốt của cơn đói chỉ vì cơ một vài lời hứa, cho dù là những lời hứa của Đức Chúa Trời. Ta định ăn no bụng ở tại đây và ngay bây giờ. Nếu nhìn chăm vào những lời hứa đồng nghĩa với đói và đau đớn, thì em có thể lấy những lời hứa đó. Em cứ làm cho anh đỡ đau, làm cho anh thỏa mãn và sung sướng ngay bây giờ.”

Tính thích ứng của bài học này cho độc giả của bức thư thật

hiển nhiên. Đối với họ cũng như đối với chúng ta, chỉ có hai phương án chọn lựa. Một là bước theo Đấng Christ, có nghĩa vắc thập tự giá và chia sẻ sự khước từ Ngài đã chịu từ tay thế gian đã trao cho Ngài cây thập tự đó. Nó có thể dẫn đến – và đối với độc giả của chúng ta, nó đã thực sự dẫn đến theo đúng nghĩa đen – đến chính cảm xúc bị đói bụng. Mặt khác, họ có thể khước từ Đấng Christ và thập tự giá của Ngài rồi cùng nói với Êsau: “Tôi chẳng quan tâm gì đến những lời hứa của Đức Chúa Trời trong Đức Chúa Jesus Christ. Tôi chẳng quan tâm đến việc sống bởi đức tin. Cơn đói còn cào, bắt bớ, sự tẩy chay của xã hội vượt quá sức tôi có thể, hoặc sẽ, chịu đựng. Tôi muốn có thì giờ vui vẻ và no bụng ngay giờ này. Anh có thể sống với những lời hứa trống rỗng kia nếu thích. Tôi sẽ không chịu đựng sự khước từ của gia đình, tập thể xã hội và dân tộc, thậm chí vì cơ Đấng Christ cũng không.”

Như vậy có hai phương án, và chỉ có duy nhất hai mà thôi. Chúng ta sẽ tìm đâu sức mạnh để chọn lựa đúng?

Lời Cảnh Cáo Nghiêm Trọng

Sự chọn lựa tối hậu của cuộc sống không thể nào thiếu nghiêm trọng hơn thế được. Nó có nghĩa một là tiếp nhận Đức Chúa Trời và Lời Ngài, hai là khước từ Ngài (12:25). Để quyết định phải chọn điều nào, điều hết sức quan trọng ấy là chúng ta phải có sự kính sợ đúng và thực tế về Đức Chúa Trời.

Có một số nỗi sợ là xấu. Nỗi sợ do loạn thần kinh xuất phát từ một nhân cách bị tổn thương và rối loạn hiển nhiên là điều xấu và không lành mạnh. Nỗi lo sợ xuất phát từ khái niệm xem Đức Chúa Trời như một bạo chúa tàn bạo cũng xấu và không lành mạnh như thế. Hãy khám phá thực tại về tình yêu của Chúa, thì điều đó sẽ xua tan nỗi sợ hãi kia (IGiăng 4:17-18). Nhưng không phải tất cả mọi nỗi sợ hãi đều xấu. Cơ chế sợ bên trong giúp chúng ta theo bản năng lưỡng trước nguy hiểm thực sự để tránh; cũng đem thêm cho chúng ta sức mạnh

để trốn chạy thành công khi gặp thảm họa đe dọa. Những cơ chế này là lành mạnh. Chúng là phổ thông cho loài chim, súc vật và con người. Chúng là món quà của Đấng Tạo Hóa khôn ngoan và đầy yêu thương.

Và có những điều mà biết sợ chúng lại là lành mạnh: lấy ví dụ, làm tổn hại đến một đứa bé, hay làm tan vỡ lòng của người thân thương. Cao nhất trong những điều này chính là khả năng làm cho Đức Chúa Trời buồn lòng và khiến Ngài nổi giận.

Khi Chúa Jesus chuẩn bị cho các môn đồ đối diện với thù địch và bắt bớ, Ngài nói cho họ biết không những về tình yêu của Đức Chúa Trời mà còn về sự sợ Đức Chúa Trời. “Ta nói cùng các ngươi, là bạn hữu ta: Đừng sợ kẻ giết xác rồi sau không làm gì được nữa. Song ta chỉ cho các ngươi biết phải sợ ai: Phải sợ Đấng khi đã giết rồi, có quyền bỏ xuống địa ngục; phải, ta nói cùng các ngươi, ấy là Đấng các ngươi phải sợ!” (Luca 12:4-5). Nỗi sợ lớn hơn sẽ thắng nỗi sợ nhỏ hơn.

Trước giả giờ đây cũng sử dụng cùng một phương pháp tiếp cận ấy. Ông nói: “Hãy xem xét tình huống cách thực tiễn và rõ ràng. Anh em không phải đến núi Sinai cùng với sấm chớp của nó, đây sợ hãi như ngày xưa; anh em đã đến với một điều còn uy nghiêm hơn nhiều, còn đáng sợ hơn nhiều. Không phải đến với ngọn núi người ta có thể rời được, một điều nhìn thấy hiển nhiên. Anh em đã đến với vương quốc thuộc linh. Anh em đã đến với núi Siôn; đây là mục tiêu vinh diệu và đời đời của anh em.

“Tại đây anh em được liên hệ với Đức Chúa Trời, giờ đây không với tư cách Cha của mọi người, nhưng với tư cách Quan Án của mọi người. Đúng, Chúa Jesus có mặt tại đó với tư cách Đấng Trung Bảo của giao ước, và huyết của Ngài công bố sự tha thứ. Nhưng chúng ta giờ đây đang tiếp cận với những thực tại trang trọng của sự tôn nghiêm huy hoàng trên Thiên đàng. Những ai khước từ Đấng đã phán từ núi Sinai đều bị hư mất. Vậy những người khước từ Đấng đã phán từ Thiên đàng còn

đáng hư mất biết đường nào!”

Trong những đoạn trước, trước giả đã an ủi những tín hữu Do Thái này bằng ý tưởng cho rằng Đấng Christ trội hơn Arôn, trội hơn Môisê và Giôsuê, và của lễ hy sinh của Ngài là trội hơn những của tế lễ bằng con sinh của họ. Ông đã nói rõ hai điều ấy không thể đi chung với nhau. Họ không thể vừa có giao ước mới vừa có giao ước cũ. Họ không thể vừa có Đấng Christ vừa có những của tế lễ bằng con sinh đi chung với nhau. Họ phải chọn một là cái này, hai là cái kia. Họ không thể kết hợp cả hai lại. Nhưng giờ đây ông cảnh cáo rằng nếu chọn cứ ở như đã từng ở ngày trước, nếu cứ bám vào vật thấy được, nếu cứ bám vào Do Thái giáo của họ, họ phải coi chừng, vì không được đùa giỡn và coi thường Đức Chúa Trời. Đức Chúa Trời sẽ không cho con người một sự chọn lựa khác.

Đức Chúa Trời sẽ chinh phục chúng ta bằng tình yêu nếu Ngài có thể; nếu Ngài có thể, Ngài sẽ đưa ra điều tốt hơn và thuyết phục chúng ta đến với Ngài bằng mọi sự vinh hiển và những điều kỳ diệu bởi sự cứu rỗi mà Đấng Christ đã ban; và Đấng Christ tuyệt vời cùng tột. Ngài tuyệt vời đến nỗi đáng để chịu bắt bớ vì cơ Ngài. Chúng ta hãy cẩn chặt rằng để chịu bắt bớ. Nhưng nếu chúng ta không chịu đựng bắt bớ, nếu không đi theo Ngài, nếu không yêu mến Ngài, nếu không tin Ngài, thì sao? Ô, sẽ không có điều tốt nhất thứ nhì đâu, không còn một phương án nào khác để chấp nhận cách ôn hòa đâu. Không có Đấng Christ thì không có gì cả, ngoại trừ thảm họa tột cùng mà sự cứu rỗi của Ngài đã dự định để cứu chúng ta khỏi đó.

Đức Chúa Trời đã một lần làm rung động đất, nhưng Ngài đã hứa trong ngày sắp đến, Ngài sẽ không những làm rung động đất mà rung động cả trời nữa. Và khi Ngài phán Ngài sẽ làm rung động, Ngài muốn nói đến toàn bộ cõi tạo vật như chúng ta biết đây sẽ hoàn toàn biến mất; vì sẽ phải có trời mới và đất mới. Thật đau đớn biết đường nào khi những người nam

và nữ bầm rất chặt đến cõi vật chất và cõi nhìn thấy được này! Lúc đó nó sẽ chạy trốn và họ sẽ chẳng còn là lại gì cả. Tác giả đang nói với độc giả của mình, anh em không thể thấy sao, những bộ lễ phục và những cửa tế lễ bằng con sinh cùng đền thờ vinh quang cảnh ngoạn mục huy hoàng và chức tế lễ của Arôn – anh em không thể thấy toàn bộ những điều đó, dầu bây giờ chúng rất hấp dẫn đối với anh em, nhưng thấy đều được định để qua đi cả sao? Thật sự chúng chẳng là gì cả; chúng sẽ nhanh chóng qua đi và bị quên lãng. Nơi anh em bám vào đó, anh em sẽ thấy mình trong cõi đời đời không còn lại chi cả. Điều thực hữu duy nhất chính là Đấng Christ và sự cứu rỗi mà Đức Chúa Trời đã ban qua Đấng Christ.

Chúng ta nên ghi nhớ điều này khi chúng ta trình bày Tin Lành. Chúng ta hãy lo làm sao để mình đặt tình yêu của Đức Chúa Trời lên trên hết trong toàn bộ mức độ tuyệt vời của họ. Chúng ta hãy lo làm sao để mình nói rõ ràng về Cứu Chúa và về sự cứu rỗi Ngài, để lòng con người có thể được mở ra bởi sự ám áp từ tình yêu của Chúa. Nhưng chúng ta cũng phải bảo đảm để mình công bằng với họ, để nói cho họ rằng trải qua rất nhiều hoạn nạn, họ phải bước vào Nước trời, rằng nếu họ đến, được thu hút bởi tình yêu của Cứu Chúa này, thì đồng thời họ phải vác thập tự giá và chịu bắt bớ vì cơ Ngài. Nếu họ lưỡng lự, chúng ta đừng quên nói rõ chỉ có hai phương án chọn lựa: tin Đức Chúa Trời để được cứu, khước từ tiếng nói của Ngài tức là bị hư mất đời đời.

Và sự chọn lựa này phải thực hiện ngay lúc này. Khi Đức Chúa Trời đem người Ysraên ra khỏi Êđiptô, Ngài không chờ cho đến khi họ mấp mé bước vào Đất Hứa rồi mới đặt trước mặt họ đâu là mục tiêu thực sự của sự cứu chuộc. Chính Ngài đã đến để gặp họ trong đồng vắng. Ngài ngự ra trong trọn oai nghiêm Ngài trên núi Sinai, giải thích cho Ysraên biết Ngài đã đem họ trên cánh chim ưng và đưa họ *đến với chính Ngài*

(Xuất Êđíphtô Ký 19:4). Chính Ngài mới là mục tiêu. Tại đó và ngay bấy giờ, Ngài cho họ thấy vinh hiển đáng kính sợ của việc bước vào mối quan hệ giao ước với Ngài. Tại đó và lúc bấy giờ họ đã quyết định đáp ứng của họ. Đức Chúa Trời đang phán với họ. Họ phải đáp lời. Không thể trì hoãn quyết định được.

Với chúng ta cũng vậy. “Anh em *đã* tới gần núi Siôn... gần Đức Chúa Jesus, là Đấng Trung Bảo của giao ước mới.” Không phải “một ngày kia anh em *sẽ* đến gần núi Siôn, tới biên giới giữa cõi thời gian và cõi đời đời, rồi lúc bấy giờ Quan Án mới quyết định xem liệu anh em có được phép vào Thiên đàng của Ngài hay không.” Trong Chúa Jesus, cõi đời đời đã bước vào cõi thời gian rồi. Ngài là Đấng Tạo Hóa của chúng ta, Ngài là Đấng Cứu Chuộc. Ngài là mục tiêu thật sự của đời sống. Ngài là Quan Án (Giăng 5:22-27). Ngay trong đời này, Ngài đang đối mặt với chúng ta *ngay hiện giờ*. Ngài đang phán với chúng ta *ngay hiện giờ*. Đây không phải là một bài thi sơ khảo nào đó: đây là Chung Kết. Cõi đời đời chúng ta tùy thuộc vào đáp ứng của mình với Ngài; và chúng ta phải đáp ứng ngay giờ này. “*Hiện nay là ngày cứu rỗi*” (ICôrinhtô 6:2). “*Ngày nay, nếu các người nghe tiếng Ngài, thì chớ cứng lòng*” (3:7).

Nhưng một lần nữa, lòng tin quyết của tác giả nơi đức tin chân thật của độc giả lại nổi bật. Ông nói: “*Vì chúng ta có phần trong một nước không hay rúng động, nên hãy cảm ơn, hầu cho lấy lòng kính sợ hầu việc Đức Chúa Trời một cách đẹp lòng Ngài.*”

Những Lời Khuyên Cuối Cùng

Nghĩ đến những ý tưởng trang trọng này, chúng ta có thể kết thúc bằng cách đọc đoạn cuối. Điều đáng lưu ý là bức thư loại này, vốn đã đưa chúng ta lên cao đến chính Thiên đàng cùng với những điều vinh quang mà bức thư đã nói về Cứu Chúa, lại kết thúc với một đoạn đầy những lời khuyên và lời giáo huấn thực tiễn. Những điều vinh diệu này là thực tế; bắt

buộc chúng phải tác động đến những chi tiết bình thường mỗi ngày của cuộc sống.

Thực ra, chúng ta sẽ chứng tỏ mình thích nghiên cứu bức thư này đến mức nào thông qua cách bức thư hành động chi tiết trong đời sống của chúng ta. Cũng không phải quá đáng khi bảo sự thưởng thức của chúng ta là vô giá trị, nếu nó không bởi ân điển Chúa khiến chúng ta tìm cách làm trọn những điều này. Như vậy, chúng ta đừng nghĩ những lời khuyên thực tiễn này là ngẫu nhiên và ít có ý nghĩa. Chúng đến với ta bằng toàn bộ sức mạnh của mọi đoạn Kinh Thánh đi trước. Chúng không giải nghĩa nhiều. Khi nói đến lời khuyên thực tiễn, không phải chúng ta cần hiểu biết thêm, nhưng cần tấm lòng và ý định để thực hiện lời khuyên đó.

Đoạn 13:1-4

Chúng ta nhớ lại những độc giả này đang chịu sự bắt bớ nào. Nếu sự bắt bớ đến với đất nước chúng ta, chúng ta sẽ nhìn thấy thêm ý nghĩa trong lời khuyên này; và phần lớn những bất đồng ý kiến vụn vặt của chúng ta sẽ biến mất. Chúng ta sẽ học yêu thương và quý trọng những anh chị em mình trong Christ có lẽ có nhiều hơn mức độ hiện nay. Mãi đến nay, tại nhiều quốc gia vẫn còn rất nhiều tín hữu sống trong cảnh sợ bị cầm tù hoặc thực sự bị nhốt tù. Chúng ta sẽ cầu nguyện thế nào nếu mình đang ở trong tù ngục! Vậy chúng ta hãy nhớ đến những người đang ở tù giống như chúng ta đang ở tù cùng với họ vậy. Vì xét trên một phương diện thì chúng ta đang ở tù! Họ đang ở tù vì cơ binh vực Tin Lành và sự cứu rỗi của chúng ta đang tùy thuộc vào đó, bởi lòng trung thành với Cứu Chúa là Đấng mà chúng ta cũng không bao giờ được phép chối Ngài. Chúng ta không thể quên trận chiến họ đang tham gia. Chúng ta ở trong cùng một trận chiến!

Và hãy để cho tình yêu thương tinh sạch và cộng đồng Cơ đốc không bị sa vào gian dâm, ly dị dễ dàng và bại hoại đang

gây họa cho xã hội đương thời.

Đoạn 13:5-6

Những câu này là nền tâm lý học thật xuất sắc. Chúng nói cho chúng ta biết cách để có thể sống tin quyết với tư cách những Cơ đốc nhân thật trong một thế giới cạnh tranh gay gắt và vô nguyên tắc này. Chúng ta phải có tiền; chúng ta phải sống cuộc đời bình thường; chúng ta phải có nhà cửa; và hầu hết đều sẽ muốn lập gia đình và nuôi dưỡng một gia đình. Vậy làm sao tâm trí chúng ta có thể thoát khỏi *lòng tham tiền*?

Chúng ta bắt đầu với lời Đức Chúa Trời đã phán. Chính Ngài phán: *“Ta sẽ chẳng hề lừa người đâu; chẳng hề bỏ người đâu.”* Đây là lời hứa tổng hợp từ nhiều lời hứa đã ban cho Giacóp khi ông rời khỏi quê hương ra đi tìm cho mình một công việc và người vợ cũng như tìm đủ tiền để tạo dựng một quê hương cho riêng mình (Sáng Thế Ký 28:15); được lập lại cho Ysraên khi Môise sắp lừa khỏi họ (Phục Truyền Luật Lệ Ký 31:6,8); và được lập lại một lần nữa cho Giôsuê khi ông ở ngay khởi đầu sự nghiệp mạnh mẽ của mình (Giôsuê 1:5); và giờ đây được lập lại cho chúng ta.

Vì Đức Chúa Trời đã phán và chính Ngài cam kết, chúng ta có thể nói, và nói thật tin quyết: *“Đức Giêhôva là Đấng giúp đỡ tôi.”* Đây là một sự thật. Một sự thật được lập đi lập lại. Thật lớn tiếng! Và như vậy chúng ta có thể khẳng định cho riêng mình: *“Tôi sẽ không sợ chi hết.”* Chúng ta có thể khẳng định với lòng tin quyết và với quyết tâm nhìn vào mọi khả năng trước mắt và dám hỏi: *“Người đời làm chi tôi được?”* Điều tệ hại mà con người có thể làm chẳng qua chỉ là đem chúng ta rời khỏi thế giới này vào trong sự hiện diện của Chúa. Tiền lương, bánh mì và cơm áo của chúng ta rốt cuộc nằm trong tay Chúa. Chúng ta không cần phải sợ hãi; chỉ có điều chúng ta phải thỏa mãn với những điều Ngài ban cho.

Đoạn 13:7-8

“Hãy nhớ những người dắt dẫn mình, đã truyền đạo Đức Chúa Trời cho mình; hãy nghĩ xem sự cuối cùng đời họ là thế nào, và học đòi đức tin họ.” Hãy nhớ đến họ, nhưng không tôn họ thành thần tượng hoặc buồn bã héo hon theo họ. Không nghi ngờ gì nữa, một số là những vĩ nhân thuộc linh, nhưng họ sẽ tự do thừa nhận mình nhận lãnh mọi thứ ấy từ Đức Chúa Jesus Christ. Họ đã qua đời, nhưng Đức Chúa Jesus Christ hôm qua, ngày nay, và cho đến đời đời không hề thay đổi.

Trong thời Cựu Ước, Đức Chúa Trời là Đức Chúa Trời của Ápraham, và Đức Chúa Trời của Ysác, Đức Chúa Trời của Giacóp, tự tỏ Ngài ra cho mỗi thế hệ, đúng như cách mỗi thế hệ cần có. Điều này cũng đúng về Đức Chúa Jesus Christ của chúng ta. Ngài đã thế nào đối với Phaolô, Ngài đã thế nào đối với Luther, Ngài đã ra sao với Spurgeon, Ngài cũng có thể như thế đối với chúng ta. Chúng ta không cầu xin Đức Chúa Trời sai những nhân vật nổi bật của thời quá khứ đến trở lại. Chúng ta nhìn vào đời sống họ, chúng ta thấy kết cuộc đắc thắng của họ, và chúng ta cảm tạ Đức Chúa Trời rằng chúng ta vẫn có nguồn của mọi quyền năng ở với mình ngày nay, không hề thay đổi: Đức Chúa Jesus Christ hôm qua, ngày nay, và cho đến đời đời không hề thay đổi.

Đoạn 13:9-18

Nếu chúng ta bỏ Do Thái giáo lại đằng sau, chúng ta xếp thứ tự đường lối mình như thế nào? Ô, hãy coi chừng những giáo lý lạ! Đặc biệt cẩn trọng đối với những giáo lý về các thức ăn theo lễ nghi, là những thứ không có giá trị gì đối với người ăn chúng. Chính ân điển Đức Chúa Trời mới làm cho vững mạnh. Các giáo lý về các thức thịt và thức uống cùng các ngày thánh và những vật tương tự như thế đều vô ích. Tác giả bảo, hãy lấy chính Do Thái giáo làm tỉ dụ: đó là một tôn giáo đầy dẫy

những sự tuân thủ kiêng cử về thức ăn, thịt, thức uống, các lễ tẩy rửa, các lễ nghi và các ngày thánh, một tôn giáo do Đức Chúa Trời ban cho. Thế nhưng ngay tại trọng tâm có một nghi lễ bày tỏ ra sự trống rỗng của chính nó. Xác của các con thú dâng làm của tế lễ, (mà huyết của chúng được đem vào trong Nơi Thánh) bị đem đi đốt bên ngoài trại quân, để những thầy tế lễ nào thi hành chức vụ nơi bàn thờ sẽ không được nhận phần nào trong những của tế lễ ấy làm thức ăn. Họ đã dâng các của lễ, đem huyết của nó vào, nhưng thay vì được ăn của lễ đó như ăn các của tế lễ khác, họ phải đem thi thể đó ra ngoài và đốt bên ngoài trại quân (xem Lêvi Ký 4:13-21).

Tác giả bảo, hãy xem, tôi sẽ chỉ cho anh em sự ứng nghiệm của điều đó. Để làm dân sự nên thánh bởi huyết của Chúa Jesus, Ngài đã chịu khổ bên ngoài cổng thành và bên ngoài trại quân. Ngài đã không dâng của tế lễ hy sinh của Ngài như một lễ nghi bên trong Do Thái giáo. Ngài đã rời khỏi toàn bộ chuyện đó. Đúng, Do Thái giáo cùng các của lễ hy sinh của nó là một hình ảnh; nhưng đến khi dâng một của tế lễ để cất bỏ tội lỗi, Đấng Christ đã bị đưa ra bên ngoài cổng thành, bên ngoài trại quân, bên ngoài Do Thái giáo cùng mọi nghi lễ của nó. Những ai vẫn bám vào Do Thái giáo thì không nhận được ích lợi nào từ của lễ hy sinh của Ngài, chẳng khác gì các thầy tế lễ đang thi hành chức vụ nơi bàn thờ không thể ăn của tế lễ hy sinh mà chúng đã bị đốt ở bên ngoài cổng thành. Đức Chúa Trời đã có đủ những của tế lễ bằng con sinh, đủ những ngày thánh, những lễ phục, hương liệu, thức ăn, và những lễ tẩy rửa. Con Ngài đã chết bên ngoài trại quân. Chúng ta hãy đến với Ngài và cũng chịu sự sỉ nhục của Ngài.

Và rồi trước giả nói thêm một điều mà chắc chắn sẽ làm đau nhói lòng độc giả. “Vì dưới đời này, chúng ta không có thành còn luôn mãi, nhưng chúng ta tìm thành hầu đến.” Chuyện gì đây? Họ phải từ bỏ thành Giêrusalem cũng như đền thờ sao?

Đúng, họ phải từ bỏ. Thành thiêng liêng đó sắp bị lật đổ và bị dân ngoại giày đạp suốt nhiều thế kỷ. Và Đức Chúa Trời sẽ không đem một thành phố thiêng liêng nào khác thay vào chỗ của nó nữa. Những ngày của tình trạng thiêng liêng, trong đó tôn giáo và chính trị chỉ là hai mặt của cùng một vấn đề, đã chấm dứt đối với Chúa; và ắt hẳn sẽ là hạnh phúc cho Châu Âu và thế giới nếu Cơ đốc nhân đừng bao giờ cố gắng quay trở lại với trật tự cũ để đem Cơ đốc giáo kết hôn về chính trị, để thiết lập những thành trên đất, cho dù đó là đế quốc Lamã hay Byzantium hay Geneva để làm những trung tâm đầu não cho tôn giáo chính trị của mình. Hãy nghĩ đến sự khốn khổ và bất bớ các nhóm người thiểu số, sự bất hiệp lương tâm, và xây dựng đế quốc cùng tinh thần bất chước thế gian trong hội thánh mà đáng ra phải tránh rồi!

Mặt khác, nguyện Chúa giúp chúng ta đeo đuổi điều thật. Chúng ta đừng thỏa mãn ở chỗ chỉ sống tiêu cực. Chúng ta thờ phượng Chúa trong vẻ đẹp của sự thánh khiết. Chúng ta hãy khiến công tác giảng dạy về Đức Chúa Trời là Cứu Chúa của chúng ta trở nên công tác hấp dẫn bởi cách sống và thờ phượng. Sự thờ phượng thật là “bông trái của môi miệng” trong sự ca ngợi không ngừng, tuyên xưng và cảm tạ không ngừng dâng lên Danh của Con Đức Chúa Trời, Đấng đã *“lấy vinh hiển và nhân đức mà gọi chúng ta”* (IIPhiơ 1:3). Và sự thờ phượng thật cũng bao gồm làm việc lành cách thực tiễn, sống cách hy sinh, thuận phục cách tin kính và vui mừng đối với cấp lãnh đạo thuộc linh đang gánh trách nhiệm, và cầu nguyện cho những nhà truyền đạo và các giáo sư. Đời sống trong hội thánh, với tất cả sự vui mừng – và đau đớn của nó – là một công việc hết sức nghiêm túc. Những lãnh đạo thuộc linh của chúng ta đang canh giữ chúng ta như những người một ngày kia phải khai trình và chịu trách nhiệm về chúng ta trước mặt Chúa là Đầu của hội thánh. Người chăn chịu trách nhiệm về chiên đã giao phó cho họ. Đây là một công tác đòi hỏi rất khắc khe. Nhưng

đứng bên trên những người chẵn chiên nhỏ hơn này, chính là Đấng Chẵn Chiên Lớn.

Đoạn 13:20-21

Vì vậy, giờ đây tác giả nhắc chúng ta một lần nữa cam kết không thể phá vỡ của Đức Chúa Trời để khiến chúng ta nên thánh đã làm gì để thành đạt được. Nếu luôn luôn được khiến nên thánh, chúng ta phải cần Đấng Chẵn Chiên Tối Cao để dẫn bước chúng ta đi trong lối công bình. Để được như vậy, Đức Chúa Trời là Đấng đã lập giao ước khiến chúng ta nên thánh đã khiến Đức Chúa Jesus Chúa chúng ta – là Đấng Chẵn Chiên Lớn của bầy chiên – từ kẻ chết sống lại. Chúng ta có thể an tâm vì được bảo đảm rằng bởi Ngài, Đức Chúa Trời sẽ làm trọn mọi điều khoản trong giao ước Ngài đã cam kết làm bởi huyết của chính Con Ngài. Vinh hiển và sự ngợi khen sẽ đời đời thuộc về Ngài.

Đoạn 13:22-25

Bức thư đã kết thúc; nhưng khi tác giả nói thêm những lời chào thăm của riêng ông, qua đôi mắt ông chúng ta được nhìn thoáng qua cộng đồng nhận bức thư của ông.

“Hãy biết rằng anh em chúng ta là Timôthê đã được thả ra; nếu người sớm đến, tôi sẽ cùng người đi thăm anh em.”

Tâm trí chúng ta hướng đến chàng trai tài năng và nhạy cảm đến từ Líttrơ, người cùng đi với Phaolô trong những hành trình truyền giáo của ông. Trải bao năm tháng, ông giúp thành lập nhiều hội thánh tại nhiều thành phố và quốc gia khác nhau, đảm đương nhiệm vụ chẵn bầy nặng nề tại một hội thánh lớn, đa chủng tộc tại Êphêsô. Rõ ràng ông đã bị cầm tù và rồi mới được thả ra gần đây; và trước giả muốn độc giả biết tin. Đối với độc giả, cũng như đối với trước giả, Timôthê đã trở thành “anh em chúng ta là Timôthê.” Rõ ràng họ đang quan tâm công tác của ông, và cầu thay cho đang lúc Timôthê bị tù. Timôthê

ra tù sẽ là chiến thắng cho những lời cầu nguyện của họ và là khích lệ lớn cho đức tin họ. Chuyến đi thăm của ông cũng là dịp vui mừng lớn.

Chúng ta dừng lại suy nghĩ giây lát. Đức tin thật nơi Đấng Christ mở rộng chân trời hiểu biết của chúng ta biết dường nào! Nó nâng chúng ta vượt lên khỏi những quan tâm thiển cận của cá nhân và ích kỷ, hoặc thậm chí những mối quan tâm thiển cận của quốc gia, và khiến chúng ta biết quan tâm chung đến toàn thế giới, đến công tác và nhân sự của Đấng Christ trên khắp thế giới, khiến chúng ta cảm thấy mình trở thành một phần không thể tách rời khỏi sự nghiệp vĩ đại của Ngài.

“Hãy chào thăm *mọi* người dắt dẫn anh em và *hết thầy* các thánh đồ. Các thánh đồ ở Ýtali gửi lời thăm anh em. Nguyên xin ân điển ở với anh em hết thầy!”

Chúng ta suy nghĩ một lần nữa. Gia đình của Đức Chúa Trời mà đức tin nơi Đấng Christ đưa chúng ta vào là một thực tại tuyệt vời biết dường nào! Và, dầu có những cái vấp vụng trong gia đình, tình cảm do Thánh Linh Đức Chúa Trời đem lại để khiến chúng ta hiệp một trong Đấng Christ trên toàn thế giới và trải mọi thời đại sẽ thực tế biết dường nào.

Những con người tuyệt vời, tức những Cơ đốc nhân người Do Thái thời xưa này, tuyệt vời biết dường nào. Chúng ta đã đọc và suy nghĩ rất nhiều về họ. Chúng ta được thúc giục và cảm động bởi lòng can đảm của họ. Chúng ta nhận được ích lợi từ những sai lầm của họ. Chúng ta đã biết tình yêu của họ trong Chúa. Họ đã là những con người thật, và ngay cả lúc này, họ hiện đang sống với Đấng Christ. Một ngày kia chúng ta sẽ gặp họ và có thể nói cho họ biết mình thích thú biết dường nào khi đọc bức thư được gửi đầu tiên đến cho họ.

Câu Hỏi

1. “Nghĩ đến Đấng Christ” giúp chúng ta bằng cách nào để khỏi mệt mỏi và sồn lòng?
2. Cụm từ “Chống trả với tội ác” có nghĩa gì?
3. Tác giả nêu những nguyên nhân nào cho chúng ta phục dưới sự sửa phạt của Đức Chúa Trời? Có phải Đức Chúa Trời luôn luôn và chỉ sửa phạt khi chúng ta làm một điều gì đó sai quấy?
4. Để mua bát canh đậu đỏ của Giacóp với giá phải trả là quyền trưởng nam, Êsau nhận biệt danh là Êđôm (Sáng Thế Ký 25:30), và ông đã lưu truyền biệt danh đó lại cho dòng dõi của mình, là dân Êđôm. Nhà Hêrốt trong Tân Ước là nhà Idumê, tức là dân Êđôm. Bạn nhìn thấy trong hành vi của họ có điều gì giống với hành vi của Êsau?
5. Theo ý nghĩa nào, chúng ta đã đến núi Siôn rồi? Bạn có tin quyết rằng tên bạn đã được viết tại đó với tư cách một công dân của thành không (cũng xem Luca 10:20; Philip 3:20; 4:3)?
6. Đâu là thái độ Cơ đốc thật đối với vấn đề kiếm sống?
7. “Vậy nên chúng ta hãy ra ngoài trại quân... Vì dưới đời này, chúng ta không có thành còn luôn mãi.” Lời khuyên này có những hàm ý thực tiễn nào cho độc giả đầu tiên của bức thư chúng ta đây? Có những hàm ý thực tiễn nào cho chúng ta?